NGUYÊN PHONG
phóng tác

TRỞ VỀ TỪ XỨ TUYẾT

First News

NHÀ XUẤT BẢN TỔNG HỢP THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Duong Kobo's Book Club

Tủ sách Kỹ thuật số
dành cho
Kindle & Kobo

SCAN TO JOIN

TRỞ VỀ TỪ XỨ TUYẾT

Phóng tác: NGUYÊN PHONG

First News

Chịu trách nhiệm xuất bản:

Giám đốc - Tổng Biên tập

ĐINH THỊ THANH THỦY

Chịu trách nhiệm bản thảo:

HOÀNG THỊ HƯỜNG

Biên tập: Nguyễn Thị Hoài Thanh

Bìa: Nguyễn Hùng

Trình bày: Bích Trâm

Sửa bản in: Lê Thị Kim Hồng

NHÀ XUẤT BẢN TỔNG HỢP THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

62 Nguyễn Thị Minh Khai - Q.1 - TP.HCM

ĐT: 38225340 - 38296764 - 38247225 - Fax: 84.8.38222726

Email: tonghop@nxbhcm.com.vn

Sách online: www.nxbhcm.com.vn / Ebook: www.sachweb.vn

NHÀ SÁCH TỔNG HỢP 1

62 Nguyễn Thị Minh Khai, Q.1, TP.HCM - ĐT: 38 256 804

NHÀ SÁCH TỔNG HỢP 2

86 - 88 Nguyễn Tất Thành, Q.4, TP.HCM - ĐT: 39 433 868

Thực hiện liên kết

Công ty TNHH Văn hóa Sáng tạo Trí Việt (First News)

11H Nguyễn Thị Minh Khai, P. Bến Nghé, Q.1, TP. HCM

In lần thứ 1, số lượng 4.000 cuốn, khổ 14.5 x 20.5 cm tại Công ty TNHH In SX-TM-DV Liên Tường (240/59 -240/61-240/63 Nguyễn Văn Luông, P. 11, Q. 6, TP. HCM). Xác nhận đăng ký xuất bản số 2341-2016/CXBIPH/04-161/THTPHCM ngày 19/07/2016 - QĐXB số 1042/QĐ - THTPHCM-2016 ngày 15/08/2016. ISBN: 978-604-58-5500-3. In xong và nộp lưu chiểu quý III/2016.

LỜI GIỚI THIỆU

Mặc dù nhân loại đã đặt chân lên cung trăng, đã phóng phi thuyền lên những hành tinh cách xa trái đất hàng vạn dặm, nhưng mấy ai đã đến được những thung lũng hoang vu, đầy kỳ hoa dị thảo trên dãy Tuyết Sơn hay tiếp xúc và học hỏi được với các vị thánh nhân, hiền triết đang ẩn tu trên đó?

Đối với người Âu Mỹ, Tuyết Sơn chỉ là một rặng núi tương tự như trăm ngàn các rặng núi khác trên mặt địa cầu, nhưng người châu Á lại xem Tuyết Sơn như một nơi chốn linh thiêng, có ảnh hưởng rất lớn đối với số phận nhân loại. Trong khi người châu Á sùng kính những bậc hiền triết ẩn tu nơi đây và thường không quản khó khăn trèo đèo lội suối để tìm thầy học đạo thì người Âu Mỹ chỉ coi các tu sĩ sống trên núi tuyết như những kẻ vô học, đầy mê tín dị đoan mà thôi.

Đầu thế kỷ XX, một giám mục người Anh, ông C.W. Leadbeater đã tìm lên Tuyết Sơn để nghiên cứu truyền thống tâm linh nơi đây. Đối với người châu Á, việc tầm sư học đạo không phải là một điều lạ, nhưng việc một người phương Tây mạo hiểm tìm lên Tuyết Sơn để học hỏi các ẩn sĩ nơi đây quả là một sự kiện vô cùng hiếm có. Đặc biệt hơn nữa, người này lại là một vị giám mục nhiều uy tín, cai quản một giáo xứ rộng lớn tại Anh quốc. Ông đã gạt bỏ những thành kiến hẹp hòi và các dư luận thiển cận về truyền thống phương Đông lúc đó để tìm hiểu về những chân lý cổ xưa vẫn được gìn giữ cẩn thận trải qua hàng ngàn năm nay.

Sau nhiều năm nghiên cứu, ông trở về Anh quốc và chia sẻ những kinh nghiệm thu tập được qua nhiều bài thuyết giảng và những cuốn sách nói về những hiền triết trên Tuyết Sơn. Ông viết: "Tôi không đòi hỏi mọi người phải tin những điều tôi trình bày nhiều, chỉ muốn quý vị hãy bình tâm suy gẫm và nếu chưa thể chấp nhận được nó trong lúc này thì tôi hy vọng nó sẽ gây một hứng khởi tâm linh nào đó để trong tương lai, quý vị có thể tìm hiểu nó

một cách rõ ràng hơn". Theo ông, việc học hỏi với các hiền triết trên Tuyết Sơn đã củng cố niềm tin tôn giáo của ông một cách vững chắc hơn về những điều mà trước đó, tuy được học hỏi qua truyền thống phương Tây, nhưng ông không thực sự chứng nghiệm được.

Ông kết luận rằng trong vũ trụ vẫn có những định luật không bao giờ thay đổi hay những chân lý đã được những bậc giáo chủ khi xưa chứng nghiệm và giảng dạy cho học trò. Những lời dạy bảo này được đúc kết và truyền dạy qua các tôn giáo lớn nhưng theo thời gian, một số điều đã bị hiểu lầm hay giảng dạy sai lạc đi làm mất cái giá trị đích thực của nó khiến cho tôn giáo thay vì sống động đã trở nên khô khan, biến chất thành một hình thức giáo điều cứng nhắc. Vì thế, không những tôn giáo phải lùi bước trước trào lưu tiến bộ của nền khoa học mà còn bị lợi dụng để trở thành công cụ cho những chủ thuyết phi nhân. Ông quan niệm phải khôi phục lại nền tảng giá trị tâm linh bằng cách nghiên cứu các chân lý hằng có trong vũ trụ, phá vỡ các giáo điều thiển cận đang chia rẽ con người, và bổ túc cho sự bất toàn của khoa học để tránh cho nhân loại khỏi bước vào thảm trạng diệt vong của những trận chiến tranh, bạo động, thù hận đang bùng nổ khắp nơi trong thời buổi hiện nay.

- Nguyên Phong

CHƯƠNG 1

Nếu quan sát những sự kiện xảy ra trong thiên nhiên, chúng ta sẽ thấy sự sống vốn tiềm ẩn, chỉ có những triển khai và kiến hiệu của nó được phơi bày ra mà thôi. Nền khoa học nhờ quan sát sự triển khai này mà đặt ra được những lý thuyết để giải thích các hiện tượng trong thiên nhiên, như cây cối phát triển từ hạt giống, sinh vật có loài đẻ trứng, có loài phát triển từ bào thai… thì khoa học ngày nay vẫn chưa giải thích được cái mãnh lực thiêng liêng, vô hình đang âm thầm thúc đẩy mọi sinh hoạt của sự sống trên mặt địa cầu này vì nó tiềm ẩn, không thể quan sát bằng mắt thường hay các dụng cụ khoa học được. Do đó nền khoa học vẫn còn thiếu sót, cần được bổ sung thêm.

Nếu suy nghiệm kỹ lưỡng, chúng ta sẽ thấy mọi hiện tượng trong trời đất không hề xảy ra một cách tình cờ, ngẫu nhiên mà tuân theo những quy luật nhất định: Mọi sự đều thay đổi theo thời gian chứ không thể tồn tại mãi và mọi vật đều biến chuyển theo chu kỳ: sinh ra, trưởng thành, cằn cỗi rồi thoái hóa (Sinh, Trụ, Hoại, Diệt) tương tự như thời tiết có bốn mùa Xuân, Hạ, Thu, Đông.

Từ ngàn xưa, các đạo gia và hiền triết đã chứng nghiệm được những quy luật thiên nhiên này và gọi nó là chân lý vì tính cách bất biến, không thay đổi theo thời gian. Các hiền triết thời cổ cho rằng có một mãnh lực vô hình trong vũ trụ, điều hành tất cả mọi vật, vì thiếu một danh xưng chính xác nên họ đã tạm gọi nó là "tư tưởng của Thượng Đế". Họ dẫn chứng rằng tư tưởng có trước hành động, thí dụ như trước khi sáng tác một bức tranh, người họa sĩ phải có ý tưởng về bức tranh đó trong tâm trước khi vẽ lên khung vải. Trước khi soạn một bản nhạc, người nhạc sĩ phải có sẵn âm hưởng, tiết tấu trong đầu. Cũng như thế, Thượng Đế đã suy tưởng ra vạn vật trước khi chúng được hình thành và luồng tư tưởng này chính là cái động năng ẩn tàng đằng sau mọi sự kiện trong thiên nhiên, thúc đẩy mọi sinh hoạt của sự sống. Hiền triết Bruno* đã nói với học trò: "Hãy dệt cho Thượng Đế một chiếc áo,

nhờ đó các con sẽ thấy được ngài vì qua các vật hữu hình mà các con sẽ thấy được những vật vô hình".

(*) *Giordano Bruno: Là một tu sĩ dòng Đa Minh, triết gia, nhà toán học và nhà thiên văn học người Ý.*

Các bậc giáo chủ là những người đã chứng nghiệm và hợp nhất được với yếu tố này, rồi rút ra những quy tắc thích hợp với trình độ hiểu biết của con người trong lúc đó và mang ra giảng dạy. Chúng ta cần chú ý rằng chân lý đã được các bậc giáo chủ chứng nghiệm thì nhiều nhưng điều các ngài mang ra giảng dạy lại rất giới hạn. Đức Phật đã có nói với các đệ tử: "Điều ta biết thì nhiều như lá cây trong rừng nhưng điều ta dạy cho các con chỉ như nắm lá cây trong tay ta mà thôi". Đức Jesus cũng nói với các tông đồ: "Ta còn nhiều điều để nói với các con nữa nhưng bây giờ các con không thể đương nổi". (S. John 16:12). Một chi tiết khác rất quan trọng mà ít người để ý đến là các đấng giáo chủ không hề thành lập tôn giáo. Các ngài chỉ giảng dạy những điều đã chứng nghiệm được cho học trò mà thôi. Chính học trò các ngài đã đúc kết những lời giảng dạy đó lại thành một hệ thống tư tưởng với những quy luật nhất định. Theo thời gian, hệ thống tư tưởng này trở thành tôn giáo và những quy luật trở thành giáo điều. Nếu đi về cội nguồn thì mọi tôn giáo đều phát xuất từ những chứng nghiệm nội tâm của các bậc giáo chủ qua sự hiểu biết về chân lý hằng có trong vũ trụ. Do đó không một tôn giáo chân chính nào lại có thể đi ngược với các chân lý của vũ trụ được.

Chân lý là quy luật của vũ trụ nên không bao giờ thay đổi, nhưng tôn giáo là sự giải thích chân lý của con người nên chịu ảnh hưởng của phong tục, tập quán và thường bị thay đổi cho phù hợp với hoàn cảnh thời gian và không gian. Trong giai đoạn mới thành lập, các quy luật tôn giáo còn theo đúng những lời dạy bảo của các bậc giáo chủ, hoặc nói một cách khác, phù hợp với chân lý của vũ trụ thì tôn giáo đã đào tạo biết bao thánh nhân, hiền triết mà tài năng, đức độ của họ đã cảm hóa và đem lại hứng khởi tâm linh cho hàng triệu người sau đó. Theo thời gian, một số giáo sĩ vì thiếu nghiêm cẩn trong việc hành trì giới luật, thiếu kinh nghiệm tâm linh, đã giảng dạy chân lý sai lạc hoặc thêm thắt ít nhiều khiến cho tôn giáo, thay vì là kinh nghiệm tâm linh sống động, đã trở thành một hình thức giáo điều khô khan và dần dần thoái hóa. Điều này đã xảy ra nhiều lần trong quá khứ, qua những tôn giáo thời cổ mà ngày nay ít ai biết đến, và sẽ xảy ra trong tương lai nếu chúng ta không biết gìn giữ cái gia tài tâm linh cao quý mà chúng ta có diễm phúc được thừa hưởng.

Hãy xét lại lịch sử châu Âu thời Trung cổ khi tôn giáo chiếm địa vị độc tôn. Bất cứ điều gì đi ngược lại sự giải thích của các giáo sĩ lúc đó đều bị coi là tà thuyết và kẻ để xướng bị coi là phản đạo. Đây là giai đoạn mà tinh hoa Thiên Chúa giáo đã bị giảng dạy sai lạc rất nhiều khiến cho giáo lý đầy bác ái của Đấng Cứu Thế đã bị sửa đổi thành một thứ "Thần quyền" với những ngụy tạo trắng trợn, nhằm mục đích phục vụ cho thiểu số vua chúa đang nắm quyền.

Thời Trung cổ là một thời đại hết sức đen tối trong lịch sử châu Âu, người ta đã nhân danh Thượng Đế để đặt ra những luật pháp khắt khe và bất công để áp bức những kẻ không đồng ý kiến với họ và gây ra những cuộc tranh chấp đẫm máu. Sự phát triển của khoa học trong thời đại Phục Hưng đã đánh đổ những quan niệm hẹp hòi cũ kỹ này, đặt nền móng cho một xã hội dân chủ, khiến cho tôn giáo dần dần mất ảnh hưởng đối với quần chúng và phải lui bước trước trào lưu tiến bộ của khoa học. Tiếc thay, khoa học ngày nay lại đi đúng vào vết xe cũ, bước vào địa vị độc tôn, và bất cứ điều gì đi ngược lại sự giải thích của các khoa học gia đều bị coi là "phản khoa học" và không được chấp nhận. Để vượt ra khỏi những cực đoan này, con người cần khôi phục nền tảng đạo đức tâm linh qua việc tìm hiểu các chân lý hằng có trong vũ trụ, để phá vỡ các giáo điều thiển cận đang chia rẽ con người và bổ túc cho sự bất toàn của khoa học. Chỉ có sự hiểu biết chân chính và tình thương rộng lớn mới tránh cho nhân loại khỏi các thảm trạng diệt vong, những nghi kỵ chia rẽ và những bạo động thù hận đang bùng nổ khắp nơi trên thế giới.

Các nhà khoa học cần biết rằng nền tảng khoa học hiện nay vốn xây dựng trên việc quan sát các hiện tượng bên ngoài còn thiếu sót và cần được bổ túc bằng các yếu tố bên trong thì mới toàn vẹn. Hãy lấy ví dụ một nhà khoa học sử dụng kính hiển vi để quan sát một hiện tượng gì đó. Ông ghi nhận các diễn tiến rồi đặt ra lý thuyết để giải thích sự kiện trên. Ít lâu sau, với sự phát minh ra kính hiển vi điện tử, có thể gia tăng cường độ ống kính lên hàng ngàn lần, nhà khoa học lại quan sát hiện tượng trên và khám phá thêm nhiều sự kiện mới lạ mà trước đây ông không biết. Vì thế, cái lý thuyết ông đưa ra lúc trước không còn đúng nữa. Sự quan sát lúc đầu của ông thật ra không sai nhưng khiếm khuyết và cái lý thuyết đưa ra khi trước không hoàn hảo vì xây dựng trên căn bản bất toàn. Do đó, người ta không nên vội vã kết luận rằng khoa học có thể giải thích tất cả mọi sự.

Đối tượng của khoa học là các sự kiện bên ngoài cần phải được bổ túc thêm bằng các sự kiện bên trong qua sự nghiên cứu các yếu tố còn tiềm ẩn. Các nhà khoa học cần phải quay về nội tâm để tìm

hiểu cái động năng đã thúc đẩy họ nghiên cứu, phát minh và ý thức vai trò của khoa học đối với con người và xã hội. Nói một cách khác, ngoài việc phát triển kiến thức, các nhà khoa học còn phải ý thức về trách nhiệm của mình trong đại gia đình nhân loại nữa. Phát triển kiến thức để đem lại lợi ích cho con người là việc nên làm, còn nếu phát minh đó chỉ gây đau khổ cho người khác thì cần phải tránh. Khoa học mà thiếu lương tâm là một tai họa, kiến thức mà không có đạo đức sẽ là một mối đe dọa lớn. Một người hiểu biết không thể góp phần vào những việc có tính cách gây chia rẽ, mâu thuẫn hay hủy hoại con người được.

Cũng như thế, các tín đồ tôn giáo cần nhận thức rằng trải qua bao nhiêu thế kỷ, tôn giáo đã ít nhiều bị thay đổi, khác với tinh hoa lúc đầu. Danh từ "Religion" (tôn giáo) gốc ở chữ Latin "Lier" có nghĩa là liên kết. Tôn giáo liên kết con người với Thượng Đế và các đấng giáo chủ là người đã được giao phó sứ mạng dạy dỗ con người về sự liên hệ mật thiết giữa con người và Thượng Đế này. Đức Jesus đã nói: "Không phải tự Ta mà chính Cha Ta sai Ta đến". Ngài đã mang đến thế gian một thông điệp của Thượng Đế cho những kẻ biết lắng nghe và gieo những hạt giống yêu thương để chúng đơm hoa kết trái. Ngài đến với nhân loại không phải để thành lập một tổ chức hữu hình mà để phổ biến những chân lý trong vũ trụ để con người hiểu luật trời và theo đó mà sống. Tổ chức chỉ được dựng lên sau khi Ngài từ trần để học hỏi về những điều Ngài chỉ dẫn, nó vốn rất cao đẹp trong thời gian đầu nhưng sau đó nó dần dần thay đổi và biến chất. Đây không phải là điều ngạc nhiên vì trong vũ trụ không một cái gì có thể tồn tại mãi được, chỉ có chân lý hay khía cạnh ẩn mật đằng sau tôn giáo mới trường cửu muôn đời. Những lời dạy bảo nguyên thủy thường bị người đời sau thêm bớt, sửa đổi qua những cuộc bàn luận, tranh cãi về những điều mà Ngài đã giảng dạy cũng như ý nghĩa của các lời dạy bảo này. Hậu quả là tôn giáo bị phân chia thành các tông phái khác nhau, mỗi nhóm giải thích chân lý theo sự hiểu biết riêng của họ. Đây là tình trạng chung của những tôn giáo lớn hiện nay.

Là một giám mục, tôi thấy đã đến lúc cần phải lên tiếng về những sai lầm trong thời Trung cổ khi một số giáo sĩ đã "giản dị hóa" tinh hoa tôn giáo để bành trướng ảnh hưởng của họ. Những người này chủ trương "không có điều gì đáng được truyền bá ngoại trừ những điều mà bất cứ ai cũng có thể hiểu được". Việc hạ thấp tinh hoa tôn giáo xuống thành một hình thức tin tưởng mù quáng để phục vụ quyền lực của thiểu số đã tạo mầm mống cho sự chia rẽ tôn giáo hiện nay. Thật là một sai lầm tai hại khi có kẻ dám quả quyết giáo lý cao tột của Đấng Cứu Thế chẳng khác gì tư tưởng của một kẻ khôn ngoan hay đạo đức của một kẻ thấp hèn mà bất cứ ai

cũng có thể hiểu được. Điều đáng tiếc là suốt bao năm qua, nhiều người vẫn chấp nhận quan niệm này mà không chịu tìm hiểu thêm về những ý nghĩa sâu xa, ẩn dụ mà Đấng Cứu Thế đã giảng dạy cho học trò.

Có người cho rằng những điều cần thiết đều được ghi rõ trong Kinh Thánh rồi và chỉ cần tin theo đó chứ không cần phải hiểu. Họ cần biết rằng Kinh Thánh được viết bằng ngôn ngữ đặc biệt với những ẩn dụ sâu xa, nhiều ý nghĩa mà một tín đồ chân chính cần phải suy nghiệm kỹ lưỡng chứ không thể đọc dưới hình thức "chữ đâu, nghĩa đó". Cũng vì sự tin tưởng mù quáng này mà nhiều nhà khoa học đã lợi dụng cơ hội để chứng minh rằng các câu chuyện trong Kinh Thánh đều vô lý và phản khoa học, rồi phủ nhận giá trị của nó.

Nếu nghiên cứu lịch sử mọi tôn giáo, người ta sẽ thấy các đấng giáo chủ thường dạy riêng cho một số ít học trò những điều mà đa số quần chúng cũng không thể lĩnh hội. Hầu hết mọi tôn giáo đều có hai phần: công truyền và bí truyền. Phần công truyền được giảng dạy rộng rãi cho mọi người và được biết đến dưới hình thức quy luật, giáo điều. Phần bí truyền hay tinh hoa tôn giáo được gìn giữ cẩn thận, chỉ truyền cho những người đã được lựa chọn mà thôi. Theo thời gian, phần công truyền có thể bị sửa đổi để thích nghi với hoàn cảnh thời gian nhưng phần bí truyền, vốn là những tinh hoa phù hợp với sự chứng nghiệm tâm linh của các giáo chủ, thì không bao giờ thay đổi.

Qua các tài liệu lịch sử, người ta thấy khi xưa các giáo sĩ Ai Cập đã gìn giữ phần bí truyền của họ bằng mật ngữ (Hieroglyphic) mà chỉ một số ít đạo đồ được học hỏi. Cũng như thế, các hiền triết Hy Lạp lựa chọn một vài học trò để truyền riêng. Hiền triết Pythagoras tuyên bố: "Người ta không thể nuôi cừu bằng các tài liệu nghiên cứu về thảo mộc thay cho cỏ được, do đó chỉ những kẻ có thể tiêu hóa được các món ăn tinh thần mới xứng đáng bước chân vào trường học của ta". Đức Phật Thích Ca cũng nói: "Ta có Chánh Pháp nhãn tạng, Niết Bàn diệu tâm, Bất lập văn tự, Giáo ngoại biệt truyền chỉ truyền riêng cho tổ Ma Ha Ca Diếp". Kinh Thánh cũng ghi nhận: "Khi Đức Jesus ở một mình thì mười hai môn đồ đã đến hỏi Ngài về những thí dụ đó và Ngài trả lời: 'Thí dụ được đưa ra cho các con để biết được sự mầu nhiệm của Thiên quốc, nhưng chỉ riêng cho những ai biết đặt sự hiểu biết bên ngoài những lời nói bóng bẩy mà thôi, còn đối với đa số người ngoài thì mọi sự ấy chỉ là những thí dụ'". (Mark 4:10). Người ta có thể hiểu rằng sau khi đám đông quần chúng đã giải tán thì một số môn đồ thân tín đến học thêm với Ngài và Ngài giải thích rõ ràng mọi điều

cho họ.

Nhiều người không chấp nhận việc Đức Jesus đã dạy riêng cho ai và chủ trương rằng tất cả điều cần phải nói đã được Ngài nói ra cho quần chúng rồi. Họ dẫn chứng tài liệu của các tu sĩ thời Trung cổ ghi nhận: "Chỉ cần tin chứ không cần hiểu vì không có điều gì cần phải học ngoại trừ những điều đã được nói ra mà ai cũng biết". Đây là một giải thích hẹp hòi, làm giảm giá trị chân lý cao siêu mà Đấng Cứu Thế đã dạy; không những thế nó còn ngụ ý một sự kiêu căng, khinh thường sự hiểu biết của mọi người.

Tôi thấy mình có bổn phận phải phủ nhận những lời giải thích có tính cách ngông cuồng đó và nhắc nhở những tín đồ chân chính hãy suy gẫm về câu "Đừng bỏ vật thánh cho chó và đừng quăng châu ngọc cho heo" (Mark 7:6). Hiển nhiên Đức Jesus đã giảng dạy rất nhiều nhưng không phải ai cũng có thể hiểu được những điều Ngài chứng nghiệm. Đối với quần chúng, Ngài chỉ giảng dạy những gì thích hợp với khả năng và trình độ hiểu biết của họ mà thôi, nhưng điều này không có nghĩa rằng giáo lý của Ngài chỉ đơn giản như thế. Đôi khi một câu nói giản dị lại chứa đựng những ngụ ý cao cả, những xác quyết thâm sâu mà người khác không thể hiểu. Chỉ những môn đồ thân tín thường quy tụ quanh Ngài mới được chỉ dẫn. Bổn phận của chúng ta ngày nay là suy gẫm kỹ lưỡng những lời dạy của Ngài và thực hành giáo lý đầy thương yêu đó để phục hồi những tinh hoa mà Ngài đã chỉ dẫn cho chúng ta.

Như tôi đã trình bày ở trên, mục đích của mọi tôn giáo đều nhằm vào sự cải thiện và hướng dẫn con người sống thuận theo những chân lý hằng có trong vũ trụ; thúc đẩy sự tiến bộ của nhân loại từ chỗ man rợ, vô minh đến sự hoàn hảo hay Chân, Thiện, Mỹ; khuyến khích sự hợp nhất tinh thần con người với cái yếu tố thiêng liêng bao trùm khắp vũ trụ để cho "Thượng Đế là tất cả trong tất cả" (1 Cor. 15:28). Theo tôi, sự hiểu biết về chân lý là những nấc thang đưa nhân loại đến mục đích chung là sự hoàn hảo hay tận thiện, nhưng vì mỗi người đều có những quan niệm hay sự hiểu biết không giống nhau nên việc đưa ra một giáo lý chung cho tất cả sẽ không có lợi ích bao nhiêu. Điều mà người thông minh cho là hay thì kẻ dại khờ không thể hiểu; điều thích hợp với kẻ vô học sẽ không mang lại thích thú gì cho các học giả uyên bác. Do đó từ ngàn xưa, tùy theo phong tục tập quán và điều kiện xã hội mà các đấng giáo chủ đã xuất thế tại nhiều nơi khác nhau, giảng dạy chân lý dưới một hình thức thích hợp với thời gian và không gian lúc đó. Tôn giáo có thể ví như các nhánh của một thân cây lớn mà gốc của nó là chân lý, vì mọi tôn giáo đều

phát xuất từ những chứng nghiệm nội tâm của các bậc giáo chủ qua sự hiểu biết về chân lý hằng có trong vũ trụ. Do đó không một tôn giáo chân chính nào lại có thể đề xướng một điều gì khác biệt với chân lý bất biến của vũ trụ được.

Điều quan trọng mà con người cần đặt câu hỏi là hiện nay tôn giáo có cải thiện đời sống và đem lại hạnh phúc thật sự cho con người hay không? Hiện nay tôn giáo còn theo đúng với các tinh hoa khi xưa hay không? Hiện nay tôn giáo có theo đúng mục đích ban đầu của các giáo chủ sáng lập hay không? Đây không phải những câu hỏi để đem ra tranh luận vì nó chỉ gây chia rẽ và không giải quyết được gì, nhưng là những câu hỏi riêng tư để mọi người tự đặt ra cho chính mình. Về phần tôi, tuy là một giám mục được huấn luyện cẩn thận, cũng đã có nhiều lúc băn khoăn và tự đặt câu hỏi với chính mình như vậy. Sau nhiều năm suy nghĩ, tôi quyết định phải tìm thầy để học thêm. Việc "tầm sư học đạo" này đã đưa tôi đến nhiều nơi, học hỏi với nhiều vị thầy nổi tiếng và sau cùng tiếp xúc với các bậc hiền triết đang ẩn cư trên rặng Tuyết Sơn.

Theo tôi được biết, đây là những người có trình độ hiểu biết rất cao, có nhiệm vụ gìn giữ ngọn lửa tâm linh của nhân loại, không để tàn lụi theo thời gian. Các ngài không mấy khi xuất hiện trước quần chúng mà chỉ hoạt động âm thầm bằng cách phóng ra những luồng tư tưởng cao thượng, tốt lành để khuyến khích những người đang theo đuổi con đường tinh thần. Từ ngàn xưa, các đấng cao cả đã xuất hiện để hướng dẫn nhân loại, từ lúc con người còn ăn lông ở lỗ, sống trong hang đá, mặc áo da thú cho đến giai đoạn văn minh ngày nay. Hiện nay, các hiền triết hướng dẫn nhân loại đều phát xuất từ hàng ngũ những người như chúng ta. Các ngài đã vượt qua rất nhiều thử thách, khắc phục được những khó khăn để trở thành những bậc hiền triết. Các ngài đang tiếp tục công việc của những vị thầy cao cả đã đi trước, dạy dỗ nhân loại sống đúng theo các chân lý của vũ trụ, để trở nên hoàn hảo và tốt đẹp theo trào lưu tiến hóa. Điều chúng ta cần là sự thay đổi quan niệm hẹp hòi, đầy chia rẽ từ trước để phát triển một tình yêu thương rộng lớn. Thay vì chú trọng đến sự khác biệt giữa các tôn giáo, con người cần tìm hiểu về sự tương đồng của mọi tôn giáo để thấy rằng tất cả đều có một mục đích chung. Thay vì tìm kiếm một cái gì mới lạ, con người cần quay về nghiên cứu các giáo lý căn bản mà các giáo chủ đã đề xướng và thực hành những lời dạy bảo đó hầu xây dựng hạnh phúc cho nhân loại.

Những phần trình bày trong cuốn sách này là những điều mà tôi được truyền dạy, tất nhiên nó chỉ là những nét đại cương chứ chưa hoàn toàn vì sự hiểu biết của tôi có giới hạn. Tôi có thể nói

một cách chắc chắn rằng điều mà các ngài biết thì nhiều nhưng điều các ngài chỉ dạy cho tôi chỉ là một phần rất nhỏ. Thật ra đây không phải là những điều mới mẻ gì vì nó đã được giảng dạy từ xưa trong những đạo viện ở Trung Hoa, Ba Tư, Ấn Độ, Ai Cập, Hy Lạp cho một số người đã được lựa chọn cẩn thận. *Một vài điều có vẻ như huyền hoặc, khó tin, nhưng tôi không đòi hỏi độc giả phải tin mà chỉ mong quý vị hãy nhìn lại đời mình và những biến cố đã xảy ra để rút ra những bài học rồi so sánh với điều mà tôi trình bày. Chỉ khi nào quý vị hiểu rõ những điều này và thấy nó không hề mâu thuẫn với sự tin tưởng sẵn có của quý vị, thì quý vị có thể áp dụng nó làm phương châm xử thế cho đời sống hiện nay.* Nếu quý vị có được những hứng khởi tâm linh hay tiến bộ gì thì tôi ước mong quý vị mang ra hướng dẫn người khác để chúng ta cùng nhau góp sức xây dựng thế giới ngày một tốt đẹp hơn.

CHƯƠNG 2

Từ ngàn xưa đã có các bậc giáo chủ xuất hiện trong những thời điểm quan trọng để hướng dẫn nhân loại. Lịch sử đã ghi nhận những nền tôn giáo cổ với những giáo chủ mà ngày nay không mấy ai biết đến, vì những lời dạy bảo của họ chỉ còn sót lại trong các truyền thuyết mơ hồ. Hiện nay, người ta thường nói đến Đức Krishna của Ấn giáo, Đức Thích Ca của Phật giáo, Đức Jesus của Thiên Chúa giáo, vì các ngài gần với chúng ta hơn và những lời dạy bảo của các ngài vẫn còn được lưu truyền rộng rãi trong xã hội ngày nay. Tuy nhiên, ngoài những đấng cao cả đó còn biết bao các thánh nhân, hiền triết khác, hoặc trực tiếp học hỏi với các đấng giáo chủ đó, hoặc gián tiếp qua sách vở của các ngài để lại, đang theo gương các ngài để hướng dẫn nhân loại. Một số những người này hoạt động âm thầm, chỉ thu nhận một vài học trò để dạy đạo, chứ không xuất đầu lộ diện hay tuyên bố cho người đời biết họ là ai. Họ là những người đang gìn giữ kho tàng tâm linh của nhân loại và sự có mặt của họ trên thế gian là bằng chứng xác đáng về giá trị của những chân lý trong vũ trụ mà chúng ta vô tình không để ý đến.

Trong đời sống hiện nay, kẻ có lòng tin thì ít mà người ngờ vực thì nhiều, đề cập đến sự hiện diện của các hiền triết ẩn danh này chỉ gây bàn cãi sôi nổi, không ích lợi gì nên dù biết, chẳng mấy ai muốn nói ra. Tuy nhiên đã đến lúc tôi thấy cần phải lên tiếng về những người này và lời dạy bảo của các ngài với mục đích phục hồi giá trị đạo đức tâm linh trong thời buổi xã hội quá chú trọng về vật chất và coi nhẹ những truyền thống tâm linh hiện nay. Nhân danh khoa học, một số người đã đề xướng những lý thuyết viển vông, gây đau khổ cho con người. Để cổ xúy cho trào lưu tiến bộ một cách cực đoan, những người đó đã phủ nhận các truyền thống tâm linh cao quý và thay thế bằng các học thuyết vô thần.

Trong chuyến du hành lên Tuyết Sơn, tôi đã gặp một số hiền triết, những người có trình độ hiểu biết thâm sâu hơn chúng ta. Với

lòng thành kính, tôi đã hỏi bằng cách nào mà các ngài đã đạt đến trình độ như thế thì các ngài đều trả lời rằng cách đây không lâu, các ngài cũng ở mức độ tiến hóa như chúng ta hiện nay và với công phu tu tập chuyên cần thì một ngày kia, chúng ta sẽ tiến tới mức độ như các ngài. Câu trả lời giản dị này là bằng chứng hùng hồn về kết quả của công phu tu tập tâm linh. Từ trước đến nay, nhiều người đã quan niệm sai lầm rằng các đấng cao cả phải là những siêu nhân xuất phát từ một chốn nào đó, khác hẳn chúng ta, chứ ít ai tin rằng các ngài đều là người như chúng ta, và với công phu tu tập, một ngày kia chúng ta có thể tiến tới trình độ như các ngài vậy.

Tất cả các hiền triết mà tôi gặp đều không có gì lạ thường cả. Ngoài diện mạo ung dung và cử chỉ điềm đạm, họ không khác người thường bao nhiêu nhưng một khi đã gặp thì ai cũng biết rằng họ đang đứng trước những con người phi thường bởi những rung động thanh cao phát ra từ các ngài. Phần lớn các vị này đều ít nói, có lẽ các ngài chỉ lên tiếng khi có một mục đích nhất định nào đó. Tuy nhiên hầu hết đều có hảo ý và sở hữu một tinh thần hài hước dồi dào; phải nói thêm rằng sự hài hước ở đây không có tính cách mua vui nhưng là một tấm lòng đầy thiện cảm, không đụng chạm đến người khác, mà chỉ để làm nhẹ bớt những nỗi băn khoăn, lo lắng của họ mà thôi.

Vì các hiền triết này ẩn cư trên Tuyết Sơn nên nhiều người cho rằng các ngài phải là người Ấn Độ hay Tây Tạng; nhưng điều này đều không đúng vì tôi đã gặp nhiều vị xuất thân từ phương Tây, da trắng, mắt xanh và có mái tóc vàng sẫm. Các ngài đến từ khắp nơi trên thế giới và hoạt động trên một phạm vi rộng lớn, vượt xa tầm hiểu biết của người thường, do đó chúng ta không thể kết luận các ngài có xuất xứ từ một chủng tộc hay quốc gia đặc biệt nào. Có người hỏi tôi tại sao các ngài lại sống trên Tuyết Sơn mà không ở một nơi khác? Nhiều vị đã từng tu tập tại các sa mạc miền Trung Đông, có vị sống trong rừng rậm Nam Mỹ nhưng có lẽ vì Tuyết Sơn có một tiềm lực thần bí và chiếm một vị trí đặc biệt trong lịch sử nhân loại nên nhiều người đã tìm đến nơi đây ẩn tu. Điều này không có nghĩa là những nơi khác không có các nhân vật cao cả nhưng có lẽ vì truyền thống tầm sư học đạo và lòng sùng kính các bậc hiền giả của người châu Á mà các ngài đã đến ẩn tu tại đây nhiều hơn nơi khác.

Khi đến học hỏi với các hiền triết này, tôi nhận thấy các ngài đều sở hữu những khả năng đặc biệt, vượt xa tầm hiểu biết của người thường. Các ngài suy xét mọi vật với quan niệm khác hẳn chúng ta, vì đầu óc các ngài không còn dấu vết gì của sự tham lam, ích

kỷ, thường thấy ở đa số người đời. Để đạt đến trình độ này, các ngài đã phải công phu tu tập để loại trừ bản ngã thấp hèn, để có một đời sống cao thượng, không phải cho mình, mà cho tất cả. Các ngài đã đạt đến trình độ hoàn toàn làm chủ thân, khẩu, ý nên không còn sơ sót gì trong hành động, lời nói hay tư tưởng. Một đặc tính biểu hiện rõ nhất của các ngài là sự phát triển hoàn toàn về mọi phương diện. Hầu hết chúng ta đều bất toàn, không mấy ai đạt đến trình độ cao tột trong mọi lĩnh vực. Ngay cả những nhà bác học thông thái nhất cũng chỉ đạt đến một trình độ nào đó, tuy vượt xa người đương thời nhưng không thể gọi là hoàn hảo về mọi phương diện được. Tất cả chúng ta đều có sẵn mầm mống của một số đặc tính; nhưng mỗi người, tùy theo trình độ tiến hóa cá nhân mà các đặc tính này phát triển hay tiềm ẩn. Trái lại, các bậc hiền triết là những người đã phát triển hoàn toàn về mọi phương diện, và đặc biệt hơn nữa là trí tuệ của các ngài vượt xa người thường. Các ngài không sử dụng lý trí thông thường với những lý luận như chúng ta mà sử dụng một thứ trí tuệ siêu việt, có thể hiểu mọi việc một cách tổng quát, sáng suốt rõ ràng.

Phần lớn các vị tôi gặp đều có hình dáng bên ngoài rất đẹp. Có thể vì các ngài biết sinh hoạt theo đúng phép dưỡng sinh, không lo lắng, ưu phiền nhưng cũng có thể vì nội tâm các ngài phong phú nên cái sức mạnh nội tại này đã biểu lộ khiến cho hình thể bề ngoài trở nên tốt đẹp hơn. Về sau tôi còn được biết thêm rằng các nghiệp quả xấu của các ngài đã chấm dứt từ lâu nên thể xác của các ngài đã biểu lộ trọn vẹn nguồn sống thiêng liêng vô tận.

Trong các hiền triết tôi đã gặp, đáng kể nhất là ba vị thầy mà tôi mang ơn rất lớn. Đó là hiền triết Morya, hiền triết Kuthumi và hiền triết Djwal Kul. Cả ba vị này đều sống trong một thung lũng nhỏ nằm khuất dưới các đỉnh núi bao la phủ đầy tuyết trắng. Hiền triết Morya và Kuthumi sống trong hai căn nhà ở hai bên sườn núi đối diện nhau, xung quanh có rừng thông xanh rì rào bao phủ và dưới đáy thung lũng có một khe suối, nước trong vắt chảy ngang. Gần đó là một cây cầu xây bằng đá bắc ngang qua suối và một ngôi chùa nhỏ mà thỉnh thoảng dân làng gần đó thường đến đốt hương cầu nguyện. Dọc theo bờ suối là một con đường mòn dài uốn khúc, khi ẩn khi hiện quanh những bụi sơn lựu trổ hoa màu sắc đẹp lạ thường. Vì thung lũng được những rặng núi rất cao bao bọc nên ít ai biết, chỉ có những người Tây Tạng cư ngụ trong làng mạc gần đó thường qua lại lễ Phật tại ngôi chùa dưới đáy thung lũng hoặc một vài vị lạt ma chuyên về dược học, thảo mộc học, biết công dụng của những kỳ hoa dị thảo trong vùng nên tìm đến hái thuốc mà thôi.

Ngôi nhà của hiền triết Kuthumi chia làm hai phần, chính giữa có một hành lang. Bước qua cửa chính là một căn phòng khá lớn, ở giữa đặt một tấm thảm dày mà ngài thường dùng để ngồi thiền. Vì căn phòng có ba mặt là cửa sổ nên ngồi trong phòng, người ta có thể quan sát cảnh vật xung quanh một cách rõ ràng. Cuối phòng đặt một cây dương cầm rất cổ. Phía sau là những kệ sách đóng sát vào vách. Điều làm tôi ngạc nhiên là ngoài những cuốn sách rất cổ được ghi chép bằng tay, còn có một số sách vở cận đại của châu Âu nữa. Hiền triết Kuthumi là một nhà ngôn ngữ học uyên bác, không những nói và viết thông thạo các thứ tiếng như Anh, Pháp, Đức mà còn có thể nói được nhiều thứ tiếng địa phương. Trong nhà còn có một bà lão mà ngài gọi bằng chị và hai vợ chồng người lão bộc lo công việc cơm nước, vườn tược và dọn dẹp nhưng họ ít khi tham dự vào những buổi dạy đạo cho các đệ tử của ngài.

Hiền triết Kuthumi hiện thân là một người Bắc Ấn thuộc vùng Kashmir nên nước da trắng như người Âu, tóc dài xõa xuống hai vai, đôi mắt trong sáng đầy vẻ an lạc, râu tóc ngài màu nâu chiếu ánh vàng dưới ánh nắng mặt trời. Ngài có một cốt cách phi thường, khó diễn tả vì toàn thân ngài toát ra một luồng từ điện đầy bác ái khiến bất cứ ai đến gần cũng cảm thấy an lạc không sao kể xiết. Ngài thường ngồi yên lặng, đắm chìm trong trạng thái thiền định. Nếu không biết, người ta có thể nghĩ rằng ngài đang ngắm cảnh, nghe chim hót, hoặc lắng nghe tiếng nước suối róc rách chảy dưới khe; nhưng thật ra ngài đang hoạt động âm thầm bằng cách ban rải những luồng từ điện thanh cao đến muôn loài quanh đó. Người phương Đông hiểu và kính trọng sự thiền định nên mỗi khi thấy ngài ngồi yên như thế, không ai dám quấy rầy. Người phương Tây hiển nhiên không dễ gì chấp nhận việc một ông thầy suốt ngày chỉ ngồi yên lặng, không nói năng gì như vậy. Đối với họ, một vị thầy giỏi phải là người nói năng lưu loát, hùng hồn, giảng dạy các lý luận cao xa cho học trò bằng những danh từ cao siêu, huyền diệu. Họ không thể hiểu được rằng các vị thầy phương Đông rất ít khi dạy bằng lời mà thường bằng chính bản thân, nếp sống và cách hành xử của họ. Phải chăng vì lý do này mà các vị hiền triết thường thích sống ở phương Đông hơn phương Tây?

Hằng ngày, đệ tử của ngài, hoặc từ trong các làng mạc quanh vùng, hoặc từ miền xa kéo về, đến ngồi ở hàng hiên trước nhà để nghe dạy bảo. Có khi ngài bước ra dạy họ một vài điều, nhưng cũng có khi ngài tiếp tục thiền định nhưng không ai lấy thế làm phiền. Họ sẵn sàng nhận lãnh một nụ cười, một cái nhìn khuyến khích từ ngài và cung kính ngồi yên để thọ lãnh luồng từ điện an

lành toát ra từ vị thầy mà họ vô cùng kính mến. Một đôi khi ngài ăn cơm chung với họ, nhưng thường thì ngài dùng cơm một mình trong phòng. Tôi không rõ ngài có tuân theo quy luật của Phật giáo, chỉ dùng cơm trước giờ ngọ hay không, vì suốt trong thời gian sống tại đây, tôi không hề thấy ngài ăn cơm chiều bao giờ. Theo sự nhận xét của tôi, ngài không cần phải ăn mỗi ngày và nếu muốn thì ngài dặn người nhà làm một vài món giản đơn mà thôi. Có khi tôi thấy ngài nhịn ăn cả tháng, song cũng có lúc tôi thấy ngài ăn đều mỗi ngày. Bữa ăn của ngài rất thanh đạm, chỉ vài cái bánh nhỏ, một bát cháo hoặc một đĩa trái cây. Ngài ăn rất chậm, thong thả và luôn luôn thực hành những nghi thức nhất định, trước cũng như sau khi ăn.

Khi cần đi đâu, hiền triết Kuthumi thường cưỡi một con ngựa lông đỏ. Hình như cưỡi ngựa là môn thể dục chính của ngài. Ngài thường đến các làng mạc gần đó, thăm viếng vài ngôi chùa và đàm đạo với các vị sư trong vùng. Có khi hiền triết Morya cùng đi với ngài. Vị này thường cưỡi một con ngựa lông trắng rất đẹp. Mặc dù hai ngài là những vị thầy cao cả nhất mà tôi được gặp nhưng có lẽ dân làng quanh đó không biết gì nhiều về các ngài mà chỉ coi các ngài như những nhà quý tộc Tây Tạng rất khoan dung, hiền lành mà thôi.

Hiền triết Morya sống trong một căn nhà xây bằng gạch, có lối kiến trúc độc đáo với hàng hiên khá lớn trước cửa. Ngài có dáng dấp hiên ngang, một thân hình cân đối nảy nở, cặp mắt rất sáng, oai nghiêm, biểu lộ một uy quyền mà người nào nhìn thấy cũng phải kính nể. Tóc ngài đen sẫm xõa xuống tận vai với một bộ râu dài, chẽ ra làm hai phần. Ngài xuất thân là một vị tiểu vương xứ Rajputana thuộc Ấn Độ nên có nét oai nghi như một viên đại tướng. Ngài thường nói những câu ngắn gọn nhưng đầy uy lực khiến người xung quanh phải cung kính hết mực.

Hiền triết Djwal Kul thì sống trong một căn nhà đơn sơ, xây dựa vào một thân cổ thụ rất lớn. Ngài có thân hình nhỏ bé so với hiền triết Kuthumi hay Morya, tôi không rõ ngài là người Tây Tạng hay Ấn Độ. Ngài thường đi đây đó, hoằng pháp độ sinh khắp nơi nên ít khi có mặt trong thung lũng này.

Những vị hiền triết này đã đạt quả vị rất cao nên có thể kéo dài kiếp sống tại thế gian để trực tiếp hướng dẫn chúng sinh. Để thích ứng với mục đích phụng sự này, các ngài vốn là những linh hồn có tiến hóa rất cao, đã lựa chọn những thể xác lành mạnh, những gia đình với huyết thống đặc biệt và săn sóc thể xác rất cẩn thận từ khi nó còn là một mầm sống nằm trong bụng người mẹ. Cũng cần

phải nói thêm rằng sự cấu tạo một thể xác là một tiến trình rất phức tạp, trải qua nhiều giai đoạn đặc biệt và khi linh hồn chuyển kiếp đầu thai vào một thể xác thì xác thân này sẽ phải chịu ảnh hưởng các nghiệp quả của người đó. Tùy theo nghiệp quả mà thể xác dần dần thay đổi để trở nên thích hợp và phản ảnh phần bên trong, do đó một người biết xem tướng mạo có thể biết tiên đoán được phần nào số mạng của một người như lành dữ, hung cát, đoản mệnh hay thọ mệnh.

Hiển nhiên số mạng con người không bao giờ hoàn toàn nhất định mà thay đổi tùy thuộc vào những yếu tố xung quanh, do đó người châu Á, nhất là người Tây Tạng đã biết phép hoán cải số mệnh rất đặc biệt. Theo phong tục xứ này, thời gian bảy năm đầu sau khi sinh ra, linh hồn ảnh hưởng rất nhiều đến thể xác và tiếp tục nhồi nắn, thay đổi hình hài cho thích hợp với nghiệp quả của nó. Đây cũng là lúc đứa bé chịu ảnh hưởng rất nhiều của cha mẹ và môi trường xung quanh, do đó cha mẹ có thể giúp đỡ đứa con qua những việc làm có tính cách hướng thiện vào lúc này. Mặc dù không ai biết rõ số phận cá nhân sẽ ra sao nhưng theo truyền thống, trong vòng bảy năm đầu, các gia đình Tây Tạng thường cố gắng bố thí, phóng sinh, cầu nguyện để hồi hướng công đức cho đứa con, tạo ra các thiện duyên, giúp ích cho sự phát triển tâm linh của đứa nhỏ. Có lẽ thế, phần lớn gia đình Tây Tạng nào cũng có khuynh hướng thiên về tâm linh và một phần năm dân số xứ này trở thành tu sĩ.

Theo truyền thống phương Đông, đứa trẻ sinh vào một gia đình là do những liên hệ từ trước chứ không phải ngẫu nhiên nên việc nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục cho đứa trẻ nên người là bổn phận hết sức cao quý của bậc làm cha mẹ. Trái lại, truyền thống phương Tây coi việc nuôi dạy con cái như một trách nhiệm mà họ phải làm trong thời gian nào đó. Do đó đa số đều chú trọng đến các điều kiện vật chất mà xao nhãng phần tinh thần. Họ sẵn sàng bỏ ra những số tiền lớn để mua quần áo, đồ chơi cho con cái nhưng ít ai dành thì giờ tìm hiểu xem chúng có khuynh hướng hay khả năng gì. Đa số đều cho rằng phần tinh thần là trách nhiệm của các giáo sĩ và giáo dục là trách nhiệm của các giáo sư. Cha mẹ chỉ có trách nhiệm về phương diện vật chất như nuôi nấng, ăn mặc mà thôi.

Đây là một thiếu sót lớn, một sự thoái hóa trên phương diện tinh thần vì nó đã hạ thấp thiên chức cha mẹ xuống thành một thứ trách nhiệm trước pháp luật. Vì không chú trọng về luân lý đạo đức nên xã hội phương Tây càng ngày càng nảy sinh ra những con người hung dữ, nóng nảy, lúc nào cũng đòi hỏi đủ thứ. Một xã hội

gồm những cá nhân ích kỷ, tham lam như thế sẽ không thể tiến bộ lâu dài được và nếu không có giải pháp cấp thời, trước sau nó cũng sẽ bị đào thải theo luật Tiến hóa chung. Điều này đã xảy ra nhiều lần trong quá khứ, qua các nền văn minh cổ đã suy tàn mà ngày nay ít ai biết đến.

Đối với các vị hiền triết thì thể xác các ngài chỉ là sự biểu lộ của nguồn sống tiềm ẩn bên trong. Nhờ biết săn sóc nên các ngài có thể duy trì thể xác tráng kiện và sống lâu hơn người thường rất nhiều. Tôi đã gặp nhiều vị trông bề ngoài chỉ trạc tuổi trung niên nhưng sự thật thì đã sống trên một trăm tuổi và có vị đã sống đến hơn hai trăm năm. Một thể xác được cấu tạo để phản ảnh những phần thanh cao như thế rất nhạy cảm và phải được săn sóc cẩn thận, tránh các rung động nặng nề, xấu xa. Có lẽ vì thế các vị thánh nhân, hiền triết thường sống đời ẩn dật, ít khi đặt chân vào những nơi phồn hoa, đô hội. Hiển nhiên việc kéo dài đời sống này có mục đích cao cả chứ không phải sự tham sống, sợ chết như thường thấy ở đa số con người.

Theo sự hiểu biết của tôi, các vị hiền triết đã đạt đạo quả vị rất cao thì nhiều nhưng số người quyết định kéo dài đời sống, ở lại cõi trần một thời gian thì không bao nhiêu. Các ngài nhận lãnh sứ mạng đặc biệt là duy trì kho tàng tâm linh của nhân loại và truyền dạy sự hiểu biết của mình cho một số đệ tử đã được lựa chọn cẩn thận. Tùy căn cơ và trình độ mà các đệ tử này có thể lĩnh hội được nhiều hay ít. Lần đó một đệ tử cho biết cuộc đời của anh đã thay đổi hoàn toàn từ khi được học hỏi các điều cao thượng này thì hiền triết Kuthumi đã nói: *"Ta chỉ mới hé mở cho con một phần nhỏ của kho tàng tâm linh thiêng liêng này mà thôi. Tùy theo sự cố gắng và tiến bộ của con mà ta sẽ chỉ dạy cho con thêm nhiều nữa. Những kẻ nào quyết tâm tiến đến gần chân lý thì đường đạo nhiệm mầu sẽ mở ra cho họ".*

Có người hỏi tôi làm cách nào để gặp được các vị thầy cao cả như thế: giữa thầy và trò phải có những nhân duyên với nhau từ trước và tùy theo hạnh nguyện của mỗi cá nhân. Người châu Á có câu: "Thầy nào trò nấy. Một vị thầy chân chính không có đệ tử bất lương, và kẻ tà muội không tìm đến các bậc hiền triết". Muốn tìm một thầy chân chính thì trước hết chính người đó phải có con tim chân chính và lòng thiết tha cầu đạo chân thành. Người ta chỉ có thể đến với các bậc hiền triết bằng cách trở nên trong sạch, vị tha như các ngài. Họ phải biết thanh lọc bản ngã, quên mình để hiến dâng trọn vẹn cho việc chung như các bậc hiền triết đang làm thì sẽ gặp được các ngài. Điều này có thể giải thích bằng nguyên lý "đồng thanh tương ứng, đồng khí tương cầu". Những người cùng

nguyện vọng, sở thích sẽ tìm gặp nhau.

Cũng như thế, những kẻ tham lam mong cầu quyền năng thần thông hay những điều huyền hoặc thì chắc chắn sẽ gặp các pháp sư, phù thủy chuyên tu luyện bùa chú, phép thần thông, các trò nhiễu hoặc nhân tâm. Những kẻ lười biếng, ỷ lại, chỉ muốn đạt kết quả mà không cần cố gắng nhiều chắc chắn sẽ gặp các vị thầy tà, bạn ác chuyên lừa bịp, hứa hẹn rất nhiều để trục lợi mà kết quả chẳng đi đến đâu.

Trên thế gian, kẻ ích kỷ tham lam và hiếu kỳ thì nhiều chứ người thành tâm khẩn thiết muốn phụng sự nhân loại lại chẳng có bao nhiêu, nên khi một người thành tâm phát các hạnh nguyện cao thượng thì chắc chắn sẽ cảm ứng đến các vị chân sư, hiền triết ngay. Các vị này sẽ tìm cách hướng dẫn và tạo cơ hội để họ có thể đến được với các ngài. Các hiền triết không quản ngại khó khăn để giúp đỡ một người nào nếu các ngài thấy nơi họ có những triển vọng hữu ích ở tương lai. Các ngài không thiên vị một ai mà chỉ nghĩ đến ích lợi chung và thẩm xét giá trị của từng người đối với công việc hữu ích mà họ muốn làm.

Phụng sự nhân loại là việc lớn, đòi hỏi sự quên mình và rèn luyện nhân cách nghiêm cẩn nên bất cứ ai khi phát nguyện cũng đều gặp thử thách bất ngờ để trắc nghiệm lòng chân thành và ý chí cương quyết của họ. Chỉ khi nào vượt qua những thử thách này thì họ mới được giao phó những việc làm hữu ích. Trên đường đạo, thử thách là một diễn trình rất quan trọng để lọc lựa những người thành tâm và kiên trì. Ước nguyện càng lớn, sự thử thách càng cao và chỉ những người vượt qua được những thử thách này mới xứng đáng được giao phó trách nhiệm cao cả. Do đó, một người hiểu biết không bao giờ dám lập hạnh nguyện quá lớn ngoài sức mình mà phải tự nhận biết khả năng của mình. Sự tự biết mình là căn bản chính trên con đường tinh thần vì những kẻ kiêu căng, tự phụ chỉ thích làm những việc to tát như vá biển lấp trời sẽ không bao giờ đi xa được mà thất bại ngay ở thử thách đầu tiên. Phụng sự nhân loại bắt đầu bằng việc quên mình để lo cho công cuộc chung. Chỉ khi nào có thể tự thanh lọc bản ngã, loại bỏ lòng ích kỷ thì mới có thể góp phần vào việc lớn được. Đây là những việc hết sức vĩ đại vì các đấng cao cả ảnh hưởng đến thế gian bằng những luồng thần lực rất lớn và nếu ta may mắn được dự phần vào việc đó thì hãy tưởng tượng tính cách vĩ đại của nguồn thần lực đó liên hệ đến công việc của ta như thế nào.

Có người hỏi tôi: "Như vậy tôi phải làm gì?". Theo tôi, chúng ta hãy làm bất cứ việc gì có thể làm trong lúc này để giúp cho sự tiến bộ

của nhân loại nói chung, nhưng phải làm với một tình thương rộng lớn, không phân biệt. Dù đó chỉ là một việc tầm thường, nhỏ mọn, nhưng nếu được làm với lòng chân thành để vun trồng các mầm thiện trong tâm thì nó cũng đem lại những lợi ích rất lớn. Một khi chúng ta đã có đầy đủ những đức tính cần thiết thì công việc quan trọng sẽ tự nhiên tìm đến. Tôi còn nhớ đã có lần đặt câu hỏi tương tự với hiền triết Kuthumi thì ngài trả lời: *"Con phải tự tìm lấy những việc hữu ích để phụng sự nhân loại, giúp cho mọi người phát triển tình thương rộng lớn, loại bỏ lòng ích kỷ để khỏi rơi vào hố thẳm sa đọa của quá khứ. Nếu ta sai con làm một việc gì đó, ta chắc chắn con sẽ làm ngay, nhưng nếu thế, kết quả việc làm sẽ về tay ta, vì chính ta đã bảo con làm việc đó. Con chỉ được cái nhân tốt của sự biết tuân lời mà thôi. Ta khuyên con hãy tự mình hành động, thấy việc tốt thì làm, thấy việc xấu phải xa lánh. Con hãy hành động một cách tự nhiên, như ăn và ngủ, chứ đừng đắn đo suy nghĩ trước khi làm hầu đạt được kết quả gì đó".*

Tôi thiết nghĩ mọi người trong chúng ta đều có thể áp dụng câu trả lời đó cho chính mình. Chúng ta không nên chờ đợi một ai đó yêu cầu ta làm một việc gì, mà hãy tự tay mình bắt tay vào việc. Hiện nay trên thế giới không thiếu gì những công việc cần phải làm nhưng có lẽ nhiều người chỉ muốn làm những việc to tát lớn lao, đại khái như thành lập một tổ chức từ thiện, đọc diễn văn trước một cử tọa đông đảo, vận động để trở thành người lãnh đạo tổ chức chứ mấy ai chịu làm những việc nhỏ mọn, tầm thường như giúp đỡ người tàn tật, quét dọn lau chùi các nơi thờ phụng thiêng liêng. Thái độ của người đi trên đường đạo không thể như thế được vì họ cần ý thức rõ về hai yếu tố căn bản là "Phát triển nhân cách qua việc thanh lọc bản ngã và mở rộng lòng thương đến tất cả muôn loài một cách tự nhiên, không phân biệt". Hiền triết Kuthumi nói: "Kẻ nào muốn làm việc với chúng ta phải biết từ bỏ cái thế giới riêng của họ để bước vào thế giới của chúng ta". Nhiều người đã hiểu lầm và cho rằng họ phải từ bỏ các sinh hoạt hàng ngày để ẩn thân nơi chốn rừng sâu núi thẳm tu hành. Đây là một ngộ nhận rất lớn, vì theo tôi hiểu, phụng sự nhân loại không phải từ bỏ xã hội để lui về ẩn náu một nơi chốn nào, mà là từ bỏ cái thái độ của người thế gian, để áp dụng thái độ của một hiền triết đối với cuộc đời. Đa số mọi người nhìn sự việc xảy ra hàng ngày với quan niệm rằng những việc này sẽ ảnh hưởng như thế nào đến bản thân và quyền lợi cá nhân của họ. Trong khi đó, một bậc hiền triết nhìn những sự việc đó với quan niệm rằng nó sẽ ảnh hưởng như thế nào cho công cuộc tiến bộ chung của nhân loại. Bất cứ việc gì có tính cách giúp đỡ phát triển cho nhân loại đều đáng khuyến khích, và những gì làm ngăn trở việc này thì cần

phải loại bỏ. Hiển nhiên, đây là một tiêu chuẩn khác xa với những tiêu chuẩn hiện nay của thế gian là chỉ làm những gì có lợi cho cá nhân mình, cho gia đình mình, giúp mình thành công, đem lại cho mình danh vọng, địa vị, tài sản.

Một người đi trên đường đạo phải ý thức rõ điều này và rèn luyện nhân cách để loại bỏ lòng ích kỷ cá nhân và phát triển tình thương rộng lớn, không phân biệt. Chỉ khi nào chúng ta trở nên trong sạch, chân thành thì việc làm của chúng ta mới có thể gọi là chân thành, trong sạch được. Chỉ khi nào chúng ta không còn nghĩ đến mình mà chỉ nghĩ đến quyền lợi chung thì việc làm của chúng ta mới có ý nghĩa thực sự và chỉ khi đó, tâm hồn chúng ta mới có thể hòa hợp, cảm thông với sự rung động cao thượng của các bậc hiền triết. Nếu chúng ta hành động, suy nghĩ cùng đường lối với các bậc hiền triết, chúng ta sẽ hiểu các ngài hơn; và càng hiểu rõ các ngài, tư tưởng của chúng ta càng trở nên giống tư tưởng các ngài. Đến lúc đó, chúng ta mới có thể tiến đến gần các ngài qua lời nói, tư tưởng, hành động và tạo những nhân duyên tốt để chúng ta có thể tiếp xúc, học hỏi trực tiếp với các ngài.

Cách đây không lâu, một người đã nói với tôi: "*Tôi đã theo đúng lời ông khuyên, chân thành sửa đổi tính tình và làm được nhiều việc cao thượng nhưng sao vẫn chưa thấy dấu hiệu gì là các hiền triết sẽ đến gặp tôi. Tôi muốn trực tiếp học hỏi với các ngài nhưng sao chưa thấy gì cả!*". Tôi không biết gì về ông này hay việc làm của ông ta, nên chỉ khuyên ông cần khiêm tốn, và kiên nhẫn hơn vì đó là bước đầu của người đi trên đường đạo. Tuy nhiên, theo như tôi được biết, chúng ta làm việc tốt vì đó là việc cần phải làm chứ không phải để đạt một cái gì, dù đó là việc được một hiền triết hướng dẫn. Sự mong cầu được ban thưởng đã khiến cho công việc tốt đẹp đó mất đi giá trị đích thực lúc ban đầu và hạ thấp nó xuống thành một hình thức đổi chác. Các hiền triết chắc chắn không làm công việc trao đổi hay buôn bán với chúng ta như thế.

Trong thời buổi hiện nay, tôi thấy nhiều người còn kiêu căng, thích gán cho mình những thành tích lớn. Mỗi khi làm gì là họ quan trọng hóa nó lên để những người xung quanh phải thán phục. Tôi đã gặp nhiều người đến với tôn giáo như một hình thức giải trí, một nơi để cho họ khoe khoang sự thành công hay địa vị trong xã hội và đòi phải được đối xử đặc biệt hơn người. Khi không được thỏa mãn, họ quay ra nói xấu giáo hội, chê bai những người trong đó. Một người đi trên đường đạo phải biết khiêm tốn, chân thành và quán xét nội tâm để biết mình. Biết mình chính là điều căn bản quan trọng nhất trên tiến trình hướng về Chân Lý.

Trong đời sống ngày nay, nhiều người còn tỏ ra thiếu kiên nhẫn, muốn mọi việc phải xảy ra theo ý mình và ngay lập tức. Đây là hậu quả của những căng thẳng thần kinh do áp lực cuộc sống vội vã gây nên. Một người đi trên đường đạo cần biết thực hành những phương pháp làm thư giãn tâm cũng như thân qua việc nghỉ ngơi, tĩnh dưỡng. Người phương Đông biết rõ hiệu năng của sự nghỉ ngơi nên đã sáng tạo ra những phương pháp thư giãn rất hiệu quả. Tiếc thay, người phương Tây lại xem "thì giờ là tiền bạc" và đặt nặng tầm quan trọng của sự làm việc tối đa. Bản chất của người phương Tây là hiếu động, họ làm việc không ngừng, hết việc này đến việc khác, đầu óc luôn luôn toan tính kế hoạch này nọ. Ngay cả lúc ngủ họ cũng không hề thực sự nghỉ ngơi mà vẫn suy nghĩ đủ thứ. Có lẽ vì thế xã hội phương Tây đã sản sinh ra đủ các bệnh thần kinh kỳ dị và càng ngày số người mắc bệnh này càng gia tăng. Nếp sống càng vội vã bao nhiêu thì xã hội càng bệnh hoạn, sa đọa bấy nhiêu. Một người mà thần kinh lúc nào cũng căng thẳng như thế sẽ không thể giao tiếp với những rung động thanh cao được. Điều này có thể giải thích qua nguyên lý "đồng thanh tương ứng". Những kẻ nóng nảy, vội vã không thể cảm thông được với người điềm đạm, ung dung.

Ngày nay nhiều người còn mắc một thói xấu khác là tính hay giận hờn. Điều này thường xảy ra tại những nơi chốn có tính cách xã hội hay tôn giáo. Tôi thấy nhiều người sẵn sàng bỏ công sức, tiền tài cho những việc tinh thần nhưng chỉ làm việc này theo ý kiến riêng của họ mà thôi. Họ đòi hỏi người khác phải tuân theo ý mình nhưng chính họ lại không chịu hòa mình với kẻ khác. Nếu suy xét cẩn thận, người ta thấy ngay đó chỉ là hình thức tế nhị của lòng thèm khát danh vọng. Đa số cho rằng chỉ riêng họ mới có thể đưa ra những ý kiến lớn lao hay đảm nhiệm các trách nhiệm cao cả này. Rất ít ai ý thức rằng động năng thúc đẩy họ làm việc đó không phải vì lòng thương yêu kẻ khác mà chỉ là sự thúc đẩy của lòng háo danh, thèm muốn chức tước. Có thể họ là những kẻ đã thất bại trên trường đời nên tìm đến các nơi chốn tinh thần để mưu cầu một chút danh vọng hão huyền chi đó. Thay vì lo tu tâm sửa tính thì họ lại lợi dụng các cơ sở tôn giáo như một nơi để họ phô trương bản ngã, để cho mọi người biết họ là ai. Dĩ nhiên họ sẽ gặp thử thách để học bài học về sự khiêm tốn nhưng phần lớn không mấy ai học hỏi được gì. Khi không được như ý, họ liền hờn giận, đổ lỗi cho những người xung quanh. Có kẻ bất mãn còn từ bỏ tôn giáo, đi tìm một tôn giáo khác để thỏa mãn những tham vọng riêng. Sự giận hờn này là một chướng ngại lớn trên đường tu tập tâm linh và cản trở việc gặp gỡ học hỏi với các vị thầy cao cả sau này.

Muốn tiếp xúc với các bậc hiền triết, người tu cần phải có một tinh thần cầu đạo vững chắc và sẵn sàng đương đầu với mọi nghịch cảnh. Ngoài việc học hỏi, tu sửa nội tâm, người ấy còn phải chiến đấu để chống lại áp lực của dư luận bên ngoài. Danh từ Thiên Chúa giáo gọi là "sự cám dỗ", nghĩa là những áp lực phát xuất từ thành kiến và điều kiện xã hội xung quanh. Trong thời văn minh hiện nay, hàng triệu con người chỉ nghĩ đến việc thụ hưởng các tiện nghi mà đời sống vật chất đem lại. Luồng tư tưởng ích kỷ này rất mạnh, có sức lôi cuốn hay chi phối những người có tâm hồn yếu đuối. Do đó người đi trên đường đạo cần phải có nghị lực vững vàng, phải can đảm, kiên tâm để vượt qua những cám dỗ vật chất này. Dù thất bại nhưng nếu giữ vững niềm tin, biết rút tỉa kinh nghiệm để học hỏi thì chắc chắn trước sau gì người ấy cũng sẽ vượt qua được những thử thách này.

Một thói xấu khác cũng thường thấy là thái độ lưng chừng, kinh tế nhất quyết. Kinh Thánh có nói đến trường hợp của Ananias và Saphira, cả hai đều muốn đi theo Đấng Cứu Thế, nhưng lại nghĩ rằng cần phải giữ lại một ít tiền của để phòng thân. Họ bàn với nhau nếu chẳng may có chuyện gì trục trặc thì lấy ai lo cho mình đây! Điều này cho thấy họ đã không hoàn toàn tin tưởng vào Đấng Cứu Thế và tệ hơn nữa, khi bị gạn hỏi thì họ chối quanh chứ không chịu thú nhận đã giữ lại ít tiền phòng thân mà quả quyết rằng họ đã từ bỏ tất cả. Hiện nay, nhiều người đi trên đường tinh thần cũng có thái độ tương tự, nghĩa là chân trong chân ngoài, không nhất quyết. Đa số không hoàn toàn xả bỏ tất cả cho lý tưởng thanh cao mà vẫn giữ lại một chút ít gì đó. Có người cất giấu tiền bạc, có người xả bỏ tài sản vật chất nhưng lại giữ những tư tưởng ích kỷ thầm kín mà vẫn cho rằng mình đã thực sự trong sạch. Họ nghĩ rằng không ai có thể biết những điều đó nhưng họ đã lầm vì các bậc cao cả không thể nào bị lường gạt được. Các ngài đã sáng suốt và sở hữu quyền năng có thể thấy được mọi việc hay tư tưởng người khác như mở một cuốn sách. Trên đường đạo không thể nào có việc trò lừa gạt thầy hay một sự mặc cả với các điều kiện như: *"Tôi sẽ phụng sự nhân loại nếu tôi không phải giúp đỡ ông A hay bà B vì không thích họ". "Tôi sẽ theo chân Đấng Cứu Thế nếu ngài đừng bắt tôi phải làm việc chung với cô C hay cậu X".* Đó là một thái độ không thể chấp nhận được vì nó hàm ý một điều kiện, một sự trao đổi, mua bán và các đấng cao cả không bao giờ làm việc bán buôn như vậy. Chỉ có hạng thầy pháp, thầy phù thủy không chân chính mới đưa điều kiện mua bán đổi chác như: *"Nếu ngươi theo ta thì ta sẽ ban cho ngươi danh vọng tài sản"* hay *"Nếu ngươi cầu xin ta thì ta sẽ cứu cho ngươi khỏi tai họa"*. Tiếc thay, cái hình thức hứa hẹn quàng xiên, buôn thần bán thánh này càng

ngày càng thịnh hành trong xã hội điên đảo ngày nay. Đa số con người chỉ thích kiếm những gì làm thỏa mãn tham vọng của mình chứ mấy ai chịu từ bỏ tất cả để giúp đỡ người khác. Có lẽ vì thế mà các hiền triết thường ẩn mình trong rừng sâu núi thẳm và người cầu đạo phải khổ công tìm kiếm các ngài. Trong khi đó những kẻ lừa bịp thì quảng cáo rầm rộ khắp nơi rằng họ có quyền phép thần thông, có thể ban phước giáng họa và sẵn sàng thâu nhận học trò dưới một hình thức mua bán, đổi chác nào đó.

Một người đi trên đường đạo phải biết từ bỏ tất cả để dâng hiến cho lý tưởng thanh cao. Họ sẵn sàng đi bất cứ nơi nào, làm bất cứ việc gì để mang lại hạnh phúc cho nhân loại, vì đó là việc nên làm chứ không phải vì để đạt được một điều gì. Trong một buổi nói chuyện, hiền triết Kuthumi đã khuyên: "Các con hãy hoàn toàn hiến dâng cho đời cả xác thân lẫn tâm hồn của các con, dâng hiến cho đời cái gì mà người ta không thể cho lại thì mới thực sự gọi là hiến dâng". Sự quên mình và hiến dâng này rất khó vì đa số chúng ta thường có thói quen làm việc để được một cái gì như lời khen tụng hoặc quyền lợi nào đó. Rất ít ai dành hết tâm hồn cho việc giúp đời hơn là nghĩ đến bản thân mình. Dù cố gắng thanh lọc thân tâm, nhiều người vẫn còn lưu lại một chút tham lam nào đó trong tâm. Vì thế họ sẽ gặp thử thách để thanh lọc các phần tử tế vi này và học thêm bài học cần thiết. Sở dĩ người đi trên đường tinh thần thường gặp nhiều thử thách vì đây là con đường gian nan mà chỉ những người kiên tâm bền chí mới khắc phục được nó để xứng đáng trở thành những bậc hiền triết.

Trong một buổi dạy đạo, hiền triết Kuthumi đã nói với một đệ tử trẻ tuổi vừa được thâu nhận như sau: *"Con hãy nhận nơi đây lời chúc mừng của ta vì con là đệ tử mới nhất trong các đệ tử của ta. Ta biết việc quên mình để phụng sự nhân loại một cách tuyệt đối không dễ dàng gì. Con hãy sống như thế nào để trở thành một nguồn ân huệ cho kẻ khác. Khởi sự làm những việc tốt lành là điều rất hay nhưng trên đường tinh thần còn nhiều việc khác nữa. Con cần tu sửa nội tâm, kiểm soát tư tưởng không để cho nó dấy lên những gì tiêu cực, giận hờn. Con hãy sẵn sàng đón nhận những lời khuyên bảo cũng như chỉ trích của những người xung quanh và học lấy những bài học đó một cách hoan hỉ mà không cảm thấy cay đắng. Con cần trau dồi đức tính khiêm tốn và nhẫn nại. Khi có đầy đủ những đức tính này thì con sẽ trở thành một luồng vận hà ban rải những tư tưởng thanh cao tốt đẹp cho nhân loại, một chiến sĩ trong đạo binh ban rải tình thương của Đấng Cứu Thế. Để giúp con thực hiện điều này, ta nhận con làm đệ tử chính thức".*

Ngoài các đức tính trên, muốn được các hiền triết thâu nhận còn

tùy thuộc vào những nguyên nhân từ trước. Trong số các bạn tôi có một người học lực uyên thâm, nguyện hiến dâng cuộc đời cho việc phụng sự nhân loại. Tôi thấy ông này có đầy đủ các đức tính để trở thành đệ tử của các hiền triết nhưng không thấy các ngài nhắc gì đến ông ta cả. Sợ rằng người bạn này bị bỏ quên nên một hôm tôi mạo muội nhắc đến tên ông ta với hiền triết Kuthumi thì ngài mỉm cười nói: *"Này con, không một ai đi trên đường tinh thần mà bị bỏ rơi hết. Tuy nhiên người bạn của con vẫn còn một số nghiệp quả mà ông ta phải trả cho xong nên ta không thể chấp nhận lời đề nghị của con lúc này được, sở dĩ bạn con học lực uyên thâm vì ông ta đã từng được giáo dục cẩn thận trong tiền kiếp nhưng khi đó ông quá tự hào về khả năng hiểu biết của mình và khinh thường mọi người. Ông ta tuyên bố rằng ông sẽ vào nước Chúa trước các huynh đệ đồng môn. Vì lời tuyên bố ngông cuồng đó nên kiếp này ông phải gánh chịu hậu quả. Người bạn của con cần phải học bài học khiêm tốn một cách thấm thía rằng không ai có thể bước chân vào nước của Đấng Cứu Thế khi trong lòng còn tự hào về mình".*

Với kinh nghiệm này, tôi có thể xác định rằng chúng ta cần cố gắng sửa mình một cách thành khẩn, phát các hạnh nguyện vô ngã, lợi tha để chuẩn bị cho công cuộc chung và khi có đầy đủ nhân duyên thì việc được các đấng cao cả hướng dẫn chỉ là một điều tất nhiên mà thôi.

Trước khi được thâu nhận làm đệ tử chính thức, các vị thầy phương Đông thường thử thách học trò xem người đó có xứng đáng với công phu dạy dỗ của họ hay không. Do đó phần lớn học trò được đặt vào giai đoạn dự bị (probation) với những thử thách bất ngờ mà họ phải khắc phục. Người phương Tây khó có thể chấp nhận những thử thách như thế vì họ quan niệm trình độ học trò phải được khảo nghiệm qua những kỳ thi tuyển dựa trên những tiêu chuẩn nhất định. Họ không phân biệt được rằng con đường tinh thần và khả năng thu tập kiến thức vốn khác nhau rất xa. Các vị thầy phương Đông không dạy kiến thức từ chương mà dạy kinh nghiệm sống qua chính bản thân họ. Chỉ khi sống gần các ngài, tôi mới ý thức rõ việc này. Tuy bên ngoài các ngài thường ngồi im lặng, bất động nhưng bên trong, các ngài hoạt động không ngừng để theo dõi hành vi, tư tưởng của học trò bằng cây cầu tâm thức giữa thầy và trò. Nhờ mối liên hệ mật thiết này mà các vị thầy có thể thấy rõ tư tưởng của học trò biến chuyển như thế nào để giúp đỡ cho họ. Các ngài hiểu rõ tâm trạng học trò lúc hoang mang, chán nản ra sao hoặc có tư tưởng sợ hãi, hoảng hốt như thế nào. Tôi cũng phải nói thêm rằng, một đệ tử đang còn ở trong giai đoạn dự bị không có gì tài giỏi hơn người mà chỉ có những tiềm năng xét ra hữu ích cho công cuộc chung và cần được thời gian thử

thách. Tôi biết nhiều người rất nhiệt thành trong lý tưởng phụng sự, có khả năng tốt đẹp nhưng sau một thời gian hoạt động, họ lại mệt mỏi, chán chường rồi bỏ cuộc sớm. Do đó chỉ những người kiên gan, bền chí, vượt qua mọi thử thách và cương quyết đi đến cùng mới được các ngài chọn lựa làm đệ tử chính thức.

Nhiều người nghĩ rằng khi được thâu nhận làm đệ tử chính thức, họ phải từ bỏ mọi việc thế gian để bước vào đời sống của một ẩn sĩ. Đây là điều không đúng vì các hiền triết tôi gặp không hề đòi hỏi việc này. Các ngài chỉ khuyến khích học trò theo đuổi những sinh hoạt bình thường của đời sống hàng ngày nhưng phải làm nó với một tâm trạng khác hẳn trước như chuyển hóa tư tưởng ích kỷ thành vị tha, chuyển hóa lòng oán hận thành tình thương rộng lớn; làm sao giúp đỡ mọi người mà không cầu mong một ân huệ gì cho mình. Người đi trên đường đạo không nhất thiết phải vào ẩn tu nơi rừng hoang núi thẳm hay tránh né đời sống xã hội mà phải ý thức rằng mình là một thành phần của xã hội. Thay vì chối bỏ hay tránh né nó thì họ phải tìm cách thay đổi chính mình. Đời sống đầy phức tạp của thế gian là một trường học với vô số thử thách, cám dỗ mà người đi trên đường đạo cần phải vượt qua. Vì các vị thầy thường xuyên theo dõi phản ứng và thái độ của học trò trước những thăng trầm của đời sống nên một học trò biết sửa đổi tính tình, giữ tâm bình thản trước mọi khía cạnh phức tạp của cuộc sống và không bao giờ mất niềm tin thì chắc chắn sẽ được các vị thầy giúp đỡ, hướng dẫn rất nhiều.

CHƯƠNG 3

Từ khi biết suy tư, con người đã đặt câu hỏi về ý nghĩa của cuộc đời. Tôi cũng đặt câu hỏi này với hiền triết Kuthumi thì ngài cho biết: *"Đời sống là một môi trường để con người học hỏi, mỗi kiếp sống đều có mục đích là để kinh nghiệm những điều cần thiết và thay đổi để tiến hóa và trở nên hoàn hảo hơn".*

Có người hỏi: *"Chúng ta cần phải học những gì?"*. Theo tôi được biết thì vũ trụ có những định luật quan trọng mà con người cần phải hiểu thật rõ ràng để sống thuận theo đó. Trong giai đoạn hiện tại, có ba định luật quan trọng chúng ta cần phải học đó là Luân hồi, Nhân quả và Tiến hóa. Trên nguyên tắc, người ta chia ra thành ba định luật cho dễ hiểu nhưng thật ra những định luật này liên quan với nhau hết sức chặt chẽ. Người ta không thể giải thích một định luật này mà không đề cập đến những định luật kia. Cũng như thế, người ta sẽ không thể chấp nhận một định luật này mà phủ nhận những định luật kia vì nếu thế, người ta sẽ không thể hiểu trọn vẹn được sự mầu nhiệm, hoàn hảo của các chân lý hằng có trong vũ trụ.

Nhân quả (Karma) là định luật đã được giảng dạy trong hầu hết giáo lý của các tôn giáo lớn. Nhân là hạt giống, là nguyên nhân; quả là trái, là kết quả. Luật Nhân quả dạy rằng nhân luôn luôn sinh quả và nhân nào sẽ tạo quả đó. Nhiều người cho rằng Nhân quả là lý thuyết của đạo Phật, nhưng thật ra đây là chân lý của vũ trụ mà tôn giáo nào cũng nói đến. Đức Phật nói: *"Gieo nhân nào gặt quả đó"*. Đức Krishna của Ấn giáo cũng nói: *"Trồng đậu được ăn đậu và trồng khoai được ăn khoai; muốn ăn đậu chớ có trồng khoai"*. Đấng Cứu Thế cũng nói: *"Kẻ nào sử dụng gươm giáo sẽ chết vì gươm giáo".* Ngày nay khoa học đã chứng minh rằng: *"Mỗi động lực gây ra đều tạo một phản lực tương đồng và ngược chiều, động lực và phản lực không bao giờ tách rời nhau".* Danh từ Karma theo tiếng Ấn có nghĩa là hành động nhưng cũng bao hàm ý nghĩa phản động vì hành động và phản động không bao giờ tách rời nhau. Mỗi khi có

hành động là có phản động, do đó mọi sự, mọi vật đều liên hệ với nhau hết sức chặt chẽ.

Nhân quả là luật vũ trụ nên có tính cách bất di bất dịch chứ không như pháp luật của con người, thường thay đổi theo thời gian và không gian. Luật Nhân quả công bình tuyệt đối, nó không phân biệt giàu nghèo, sang hèn, vua chúa hay thứ dân trong khi với pháp luật của loài người, người hiền có thể bị xử oan ức, kẻ ác có thể thoát vòng pháp luật. Quy tắc của luật Nhân quả chặt chẽ đến nỗi không một việc gì xảy ra mà không bị chi phối bởi nó vì bất cứ một lời nói, hành động hay tư tưởng nào tạo ra cũng đều có những phản lực tác động lại.

Kinh Pháp Cú có đề cập đến một đệ tử của Phật tên là Cakkhupala, tu hành siêng năng có đức hạnh rất cao nhưng lại mù mắt. Các đệ tử khác bèn hỏi Phật tại sao một người hiền lành, siêng năng tu hành như vậy lại chịu cảnh mù lòa thì Đức Phật giải thích rằng ở một tiền kiếp, ông này là y sĩ có tài, đã chữa lành bệnh cho nhiều người. Một bệnh nhân đến xin chữa đã hứa rằng nếu hết bệnh anh sẽ đến làm công trong nhà y sĩ một thời gian nhưng khi hết bệnh, anh này lại thất hứa. Y sĩ giận quá, sửa đổi liều thuốc chữa khiến cho bệnh nhân thất hứa kia bị mù. Vì làm người khác mù mắt nên kiếp này Cakkhupala phải trả quả, vừa sinh ra đã bị đui mù.

Nhiều người không chấp nhận luật Nhân quả vì thấy có người hiền lành mà vẫn gặp đau khổ trong khi kẻ hung ác lại được hưởng sung sướng. Những người ấy chưa nắm vững quy tắc hiện hành của luật Nhân quả vì tiến trình từ hành động đến phản động hay từ nhân sang quả không hẳn phải xảy ra ngay tức khắc. Một nhân đã gieo trong quá khứ có thể sinh quả ở hiện tại hay tương lai, tùy theo sự sắp đặt mầu nhiệm của các yếu tố khác là:

1/ Hiện Báo: Gây nhân gì phải chịu hậu quả ngay trong kiếp hiện tại.

2/ Sinh Báo: Tuy gây nhân nhưng quả chưa chín mà sẽ xảy ra trong kiếp sau.

3/ Hậu Báo: Quả xảy ra vì nguyên nhân đã gây ra từ trước.

Do đó kẻ xấu xa đôi khi được hưởng tốt lành trong lúc này vì những nguyên nhân tốt đã, tạo từ trước (Hậu Báo) chứ không phải vì việc làm xấu xa hiện nay. Cũng như thế, người hiền lành lại bị tai ách vì nguyên nhân xấu đã gây ra từ quá khứ chứ không phải vì làm điều lành hiện nay mới gặp đau khổ. Vì thiếu khả năng nhìn rõ mọi vật một cách toàn diện nên nhiều người đã xét đoán

vội vã rồi kết luận rằng chẳng có trật tự, công bình gì hết mà chỉ có sự tranh giành, mạnh được yếu thua mà thôi. Vì không biết về luật Nhân quả nên nhiều người đã sống bừa bãi, tham lam ích kỷ, gây đau khổ cho người khác và chắc chắn sẽ phải gặt hái hậu quả về những việc họ đã làm.

Khi sinh ra đời, ai cũng mang theo mình một khối nhân đã tạo ra từ trước, tốt cũng như xấu, lành cũng như dữ, và trong đời sống hiện tại, con người tiếp tục gieo thêm nhiều nhân nữa. Có nhân ắt có quả, do đó khối quả mà họ phải trả sẽ tiếp tục gia tăng theo thời gian. Vì không ai có thể trả hết những quả này trong một kiếp nên khối nhân đã tạo đó trở thành động lực lôi kéo, dẫn dắt con người từ kiếp này qua kiếp khác, đó là sự Luân hồi (Reincarnation). Người ta thường gọi khối nhân này là "định mệnh" hay "nghiệp", có nghĩa là "động lực thúc đẩy, tạo tác" nhưng Nghiệp không có tính cách cố định như nhiều người lầm tưởng. Con người có tự do ý chí nên có thể thay đổi, hoán cải được định mệnh.

Hôm đó sau khi giảng dạy về luật Nhân quả, hiền triết Kuthumi đã chỉ xuống dòng suối và nói với học trò: *"Này các con, định mệnh như dòng suối đang chảy xiết và con người như loài cá đang bơi lội trong đó. Đành rằng dòng nước chảy nhanh lôi cuốn những con cá đi nhưng vẫn có những con cá, nhờ cương quyết, có thể lội ngược dòng. Con người cũng thế, họ có thể thay đổi số mạng bằng những hành động thiện lành. Mặc dù cái nhân đã tạo khi xưa không bao giờ mất đi vì gây nhân nào gặt quả đó nhưng thời gian để quả xảy đến có thể thay đổi. Đáng lẽ nó xảy ra trong lúc này thì ta có thể hoãn lại để quả trổ vào một lúc khác".*

Người Tây Tạng có câu chuyện sau: Một thanh niên trên đường đi Lhassa dự thi, tìm đến một đạo sĩ huyền thuật để hỏi về tương lai. Đạo sĩ quan sát tướng mạo, xem chỉ tay và lấy số chiêm tinh rồi cho biết anh này sẽ chết trước khi đến Lhassa vì số phận đã định như thế. Bán tín bán nghi về lời tiên đoán ghê gớm đó nhưng thanh niên nọ vẫn tiếp tục lên đường. Hôm đó trời đổ tuyết rất nhiều, đang đi men theo khe núi chợt anh nghe tiếng cầu cứu trong một hang đá. Thì ra một đoàn thương buôn tránh tuyết đã chui vào hang nọ nhưng bị tuyết rơi lấp kín cửa hang. Thanh niên bèn đào tuyết, cứu được họ ra rồi tiếp tục lên đường đi Lhassa. Anh thi đậu kỳ thi Lạt Ma một cách vẻ vang. Trên đường về, anh ghé qua gặp vị đạo sĩ huyền thuật và chê trách ông này bất tài, đã tiên đoán sai. Đạo sĩ quả quyết đã nghiên cứu rất kỹ lá số tử vi của thanh niên nọ và cho biết nếu anh không chết thì ắt phải có một hành động phúc đức lớn lao nào mới thay đổi được số mạng của anh như thế. Thanh niên sực nhớ ra việc đã cứu thoát đoàn

thương buôn bị chôn trong hang núi tuyết và công nhận vị đạo sĩ có lý. Đó chính là nguyên tắc hoán cải số mạng qua các hành động phúc đức, cứu giúp người khác. Nên nhớ luật Nhân quả không bao giờ thay đổi, đã gây nhân ắt phải gặt quả nhưng người ta vẫn có thể thay đổi thời gian mà hậu quả xảy ra qua những việc làm thiện lành.

Một phong tục khác của Tây Tạng cũng dựa trên nguyên tắc hoán cải số mạng này là mỗi khi trong nhà có người bị bệnh nặng, gia đình thân quyến thường hay làm phúc, phóng sinh chim cá, bố thí cho người nghèo và tránh mọi sự giết chóc với hy vọng hành động thiện lành đó sẽ làm giảm bớt tình trạng bệnh tật của người thân. Người phương Tây không thể chấp nhận điều này và coi đó là mê tín dị đoan. Họ quan niệm bệnh tật thuộc thẩm quyền của y giới và nếu y sĩ đã bó tay thì không ai có thể làm gì khác được.

Khi trở về Anh quốc, tôi có đề cập đến phong tục này trong một buổi thuyết giảng. Ít lâu sau, một người chủ công ty đánh cá đến gặp tôi và kể câu chuyện như sau: Ông này mắc bệnh ung thư, mọi việc chạy chữa đều vô hiệu. Bác sĩ cho biết ông chẳng còn sống được bao lâu nên ông làm chúc thư để lại gia sản cho người con trai duy nhất rồi cùng vợ đi dưỡng bệnh, chờ việc phải đến sẽ đến. Cậu con trai của ông này có đi dự khóa giảng Thánh Kinh của tôi nên đã nghe kể về phong tục Tây Tạng kia. Cậu có một quyết định táo bạo là tạm thời đình chỉ công việc đánh cá hay sát sinh để mong cho người cha khỏi bệnh. Điều bất ngờ là sau khi việc đánh cá được hoãn lại, bệnh tình ông chủ hãng bỗng thuyên giảm và vài tháng sau, trước sự ngạc nhiên của các y sĩ, vết ung thư tự dưng biến mất. Thấy vậy, cậu con trai quyết định bỏ nghề đánh cá, cho sửa đổi đoàn tàu đánh cá hơn ba chục chiếc thành những con tàu chuyên chở hàng hóa. Không những thế, cả gia đình đều phát nguyện ăn chay trường, không dùng thịt cá nữa. Tám năm sau, khi tôi viết cuốn sách này thì ông chủ hãng đánh cá kia vẫn còn sống, cả hai ông bà và cậu con trai vẫn thường tham dự các buổi thuyết giảng của tôi.

Nếu chúng ta tin rằng mọi động lực đều gây ra phản động lực; động lực là nhân mà phản lực là quả, thì chúng ta sẽ thấy trong vũ trụ, các động lực xảy ra từng giây, từng phút và các phản lực cũng xảy ra từng giây từng phút và toàn thể vũ trụ luôn luôn linh động, biến đổi một cách kỳ diệu. Do đó, không thể có sự hỗn độn, may rủi như nhiều người đã nghĩ mà tất cả đều được tạo lập trong một trật tự nhất định. Các bậc giáo chủ đều dạy rằng những điều trái với lẽ công bình là nguyên nhân của mọi khổ đau. Đức Phật đã dạy: *"Nếu một người nói và hành động với tư tưởng xấu thì sự đau*

khổ sẽ đến với y như bánh xe lăn theo bước chân con bò đang kéo. Nếu một người nói và làm với tư tưởng tốt thì hạnh phúc sẽ theo y như bóng với hình". Nếu đã biết gây nhân nào gặt quả đó thì ta có thể suy nghiệm thêm rằng trải qua vô số kiếp sống, con người đã gây biết bao nhiêu nhân và sẽ phải trả hết từng đó quả. Tuy nhiên, vì không hiểu biết nên khi trả quả, họ lại tiếp tục gây thêm nhân nữa nên cứ luẩn quẩn không sao thoát khỏi sự ràng buộc nhân quả và luân hồi này. Mục đích của đời người là học hỏi để hiểu biết và thay đổi tâm tính cho đến khi biết sống làm sao để không gây thêm nhân nhưng sẵn sàng trả hết quả, cho đến khi không còn quả để trả nữa thì sẽ giải thoát khỏi luân hồi sinh tử. Đây chính là giáo lý căn bản của đạo Phật, sống trong tỉnh thức, biết rõ từng tư tưởng, từng hành động để không tạo nghiệp và để phá tung màng lưới sinh tử.

Theo tôi, nếu luật Nhân quả được giảng dạy như căn bản của nền giáo dục thì thế giới ngày nay chắc chắn sẽ đổi khác. Sở dĩ con người có những hành động xấu xa, gian tham, trộm cắp, vơ vét, chém giết lẫn nhau vì họ nghĩ rằng các hành động đó sẽ gia tăng hạnh phúc cho họ. Họ đã lầm lẫn rất lớn vì những hành động như thế chỉ mang lại khổ đau, vì có vay ắt có trả, gieo gió ắt gặt bão, mỗi tác nhân đều phải gánh chịu những hậu quả mà họ gây ra. Nhiều người nghĩ rằng họ khôn ngoan, có thể trốn tránh được pháp luật nhưng mấy ai có thể tránh được luật trời?

Điều đáng tiếc là con người chỉ chú trọng đến việc trốn tránh luật pháp của con người mà không biết rằng còn có một định luật của vũ trụ, bất di bất dịch và không thể tránh. Nếu hiểu như thế thì mấy ai dám làm những việc sai trái như vậy!

Theo tôi, nếu tất cả mọi người đều được giáo dục cẩn thận luật Nhân quả thì các hoạt động gian tham, ích kỷ, hung ác đang đục khoét nền móng của mọi quốc gia và gây thảm cảnh bi thương cho nhân loại sẽ phải chấm dứt. Chúng sẽ được thay thế bằng các hành động vị tha, thương yêu vì ai chẳng muốn làm lành khi biết hành động đó sẽ đem lại cho họ niềm hạnh phúc và thúc đẩy sự tiến hóa của họ đến mục đích cao cả hơn.

Thế giới ngày nay đang trải qua một giai đoạn khó khăn với những vấn đề phức tạp, không thể giải quyết, vì căn bản điều hành xã hội hoàn toàn dựa trên lý luận của tri thức. Tri thức là sản phẩm của đầu óc con người, phát xuất từ căn bản vật chất vốn có giới hạn. Điều con người cần hiện nay là Trí Tuệ hay sự hiểu biết toàn vẹn phát xuất từ tâm linh. Tri thức và trí tuệ khác nhau rất xa nhưng ít ai phân biệt rõ. Tri thức có tính cách thu vào, kết

nạp, phân biệt và chịu ảnh hưởng của thời gian và không gian. Trí tuệ là giải thoát, cho ra, không phân biệt và vĩnh cửu nên không chịu ảnh hưởng của thời gian hay không gian.

Các phát minh khoa học kỹ thuật, mọi lý thuyết về kinh tế chính trị đều phát xuất từ căn bản tri thức - vật chất nên khó mà mang lại hạnh phúc thật sự cho nhân loại. Những sự kiện xây dựng trên địa hạt vật chất chỉ đem lại khoái cảm nhất thời những giá trị tương đối và thường bị chi phối bởi dục vọng. Dục vọng thôi thúc con người thu nạp vơ vét và tìm kiếm không ngừng, được cái này lại đòi thêm cái khác. Dục vọng dạy con người rằng càng nhiều càng tốt, càng sở hữu nhiều càng hạnh phúc thêm. Trong đời sống văn minh, nhu cầu của con người càng lúc càng nhiều hơn xưa, vì được kích thích bởi những phương pháp quảng cáo khéo léo để tạo sự tiêu thụ. Sự kích thích dục vọng này đã thúc đẩy con người trở thành ích kỷ, tham lam chỉ biết nghĩ đến mình thay vì người khác. Vì bản chất của dục vọng là hưởng thụ nên thế giới càng văn minh bao nhiêu, con người càng ích kỷ bấy nhiêu. Nền giáo dục đáng lẽ ra phải giúp con người biết mình, biết quay về với bản tính của mình, đã trở thành một nền giáo dục chú trọng đến việc đáp ứng nhu cầu hưởng thụ của con người. Hiển nhiên, trong sự hưởng thụ sẽ làm nảy sinh cảm giác tham lam, chia rẽ và đó chính là nguyên nhân của thảm trạng xã hội hiện nay. Người ta sẵn sàng làm đủ mọi việc, kể cả việc tranh giành, chém giết lẫn nhau chỉ vì nhu cầu hưởng thụ vật chất này.

Muốn thay đổi xã hội, người ta cần phải cải thiện toàn bộ căn bản của nền giáo dục hiện đại. Đã đến lúc con người cần phải được giáo dục về các giá trị tinh thần, các căn bản đạo đức, các quy luật trong vũ trụ mà các đấng giáo chủ đã chỉ dạy. Nhân quả là một định luật cần được giảng dạy rộng rãi để giúp con người ý thức rõ về những nguyên nhân cũng như hậu quả của những biến chuyển xã hội đã và đang xảy ra cho nhân loại. Sở dĩ các hiền triết trên Tuyết Sơn bằng lòng hướng dẫn cho tôi cũng không ngoài mục đích cảnh tỉnh nhân loại về các nguy cơ sắp xảy ra trong tương lai.

Nếu chúng ta tin rằng mục đích cuộc đời là để học hỏi, thay đổi để trở nên hoàn hảo hơn thì chúng ta sẽ thấy kiếp người ngắn ngủi, vỏn vẹn vài chục năm, không thể đủ để học những điều cần thiết. Do đó, con người phải đầu thai từ kiếp này qua kiếp khác, để tiếp tục học hỏi cho đến khi trở nên toàn hảo và đó chính là sự Luân hồi (Reincarnation). Nhiều người cho rằng Luân hồi là lý thuyết của Phật giáo và Ấn giáo nhưng thật ra sự tin tưởng rằng có một linh hồn trường tồn tái sinh qua nhiều kiếp sống đã có từ lâu và được giảng dạy trong các tôn giáo thời cổ ở khắp nơi trên thế giới.

Sách vở tài liệu của người Hy Lạp, Ba Tư đều đề cập đến sự hiện hữu của những kiếp sống khác nhau. Ngay trong Kinh Thánh cũng có rất nhiều ẩn dụ về những kiếp sống luân hồi.

Một số người không chấp nhận luân hồi mà chủ trương đời người chỉ có một kiếp duy nhất vì chết là hết nên con người cần hưởng thụ tất cả mọi thứ mà cuộc đời có thể đem lại. Nếu đời người chỉ giới hạn trong một kiếp và mục đích của nó là để hưởng thụ thì tại sao chỉ có một số rất ít có điều kiện để thụ hưởng mà thôi? Tại sao lại có sự khác biệt giữa người giàu và người nghèo? Tại sao có người khỏe mạnh tha hồ hưởng thụ vật chất khi người khác ốm đau bệnh tật chẳng hưởng được gì? Tại sao lại có sự bất công như vậy? Không ai có thể giải thích những điều trên một cách hữu lý nếu họ phủ nhận định luật Luân hồi.

Nhà khoa học Charles Darwin, người lập ra thuyết Tiến hóa thực nghiệm, đã lý luận như sau: *"Sự tiến hóa hoàn toàn đặt căn bản trên sự sinh tồn của các loài vật mạnh nhất qua sự truyền giống".* Theo ông, thiên nhiên là một môi trường tranh đấu không ngừng và mạnh sống, yếu chết. Chỉ những con vật mạnh nhất mới sống sót, sinh con đẻ cái để truyền giống; loài người cũng thế, cha mẹ khỏe mạnh sẽ sinh sản ra những đứa con mạnh khỏe.

Hãy quan sát thiên nhiên, những con vật khỏe nhất, hung dữ nhất như loài cọp beo đâu giết hết được những sinh vật yếu đuối hơn như hươu nai. Luật vũ trụ định rằng loài nào phát triển theo trật tự riêng của loài đó, cọp beo hung dữ nhưng sinh sản chậm trong khi hươu nai yếu đuối nhưng sinh sản nhiều. Cũng thế, nếu quan sát kỹ các hiện tượng thiên nhiên, chúng ta sẽ thấy rõ một sự sắp đặt trật tự và mầu nhiệm vì mỗi loài, mỗi vật, từ sâu bọ bé nhỏ đến loài to lớn như cá voi đều tuân theo một trật tự tuyệt đối, không loài nào lấn át được loài nào.

Nhìn vào xã hội loài người, thuyết Tiến hóa thực nghiệm của Darwin còn lập luận chưa thuyết phục rằng vì sao cha mẹ khỏe mạnh có thể sinh con tật nguyền hay cha mẹ bình thường lại sinh con thông minh tuyệt thế. Điển hình là các thiên tài về âm nhạc như Mozart biết soạn nhạc khi vừa lên 4 tuổi, mặc dù không ai dạy mà ông vẫn sử dụng được rất nhiều nhạc khí khác nhau. Ông còn soạn những hòa tấu khúc phức tạp vượt xa những bậc thầy về âm nhạc lúc đó. Cha mẹ của ông chẳng phải nhạc sĩ tài ba và sau này các con của ông cũng không có ai trở thành nhạc sĩ. Nếu thuyết Tiến hóa của Darwin đúng thì những nhạc sĩ giỏi phải tiếp tục sản sinh ra nhạc sĩ tài ba nhưng sự thật thì con cháu của các thiên tài âm nhạc như Mozart, Beethoven, Bach, Chopin đâu có ai

trở thành thiên tài âm nhạc. Nếu không tin luân hồi thì chúng ta phải giải thích như thế nào về hiện tượng thần đồng như Mozart, Beethoven, hay Bach?

Nếu suy xét cẩn thận, chúng ta sẽ thấy quan niệm rằng đời sống là sự tranh đấu, mạnh được yếu thua, và chỉ có đấu tranh mới đưa nhân loại đến chỗ tiến bộ chỉ là lý thuyết đề xướng bởi những kẻ theo Chủ nghĩa Thực dân. Theo lý thuyết này kẻ mạnh sẽ thắng, làm bá chủ thiên hạ và lãnh đạo thế giới. Một quốc gia tiến bộ là quốc gia có sức mạnh quân sự để cai trị và bóc lột các quốc gia khác. Hiển nhiên, đứng vào địa vị của kẻ mạnh đàn áp người yếu thì lý luận này dễ nói nhưng không ai có thể chấp nhận lý thuyết này nếu đứng vào vị thế của nạn nhân bị bóc lột, của người bị lợi dụng, của quốc gia bị xâm lăng, đô hộ. Điều đáng tiếc là một lý thuyết phi nhân và phi lý như thế mà vẫn còn được giảng dạy trong học đường trong khi những định luật như Luân hồi, Nhân quả thì không được ai nói đến. Không những thế, hiện nay nhiều người vẫn còn tin tưởng ở thuyết Tiến hóa thực nghiệm này và tiếp tục cổ xướng cho nó nhưng trước sau họ sẽ phải học bài học mà họ cần phải học.

Nếu kiếp này họ là người thông thái, tự hào về sự thông minh của mình thì kiếp sau họ sẽ sinh ra là kẻ đần độn, ngu xuẩn, bị chế giễu, khinh thường để kinh nghiệm về những nỗi thất vọng ê chề của người kém may mắn. Nếu họ thích giết hại loài vật thì họ sẽ sinh ra trong kiếp thú, bị bắt giết, mổ thịt để học bài học về sự đau đớn, sợ hãi. Nếu kiếp này họ sử dụng quyền lực để đàn áp người khác thì kiếp sau họ sẽ trở thành nạn nhân của sự ngược đãi để nếm mùi đau khổ. Chỉ trong kinh nghiệm mà con người học hỏi và thay đổi tâm thức để sống theo những định luật vũ trụ. Con người có thể quyết định số phận của mình qua những cố gắng cá nhân, họ có thể tiến hay lùi, thay đổi hay không thay đổi, nhưng bánh xe tiến hóa vẫn quay đều và kẻ đi ngược luật vũ trụ sẽ phải học những bài học cần thiết. Thí dụ, một kẻ hung dữ chuyên cướp bóc, giết người không gớm tay, khi chết sẽ bước vào cõi giới bên kia cửa tử để ôn lại hành động của mình. Y sẽ gặp những người bị y giết và ý thức rằng chỉ có cái xác bị chết thôi nhưng người bị giết vẫn sống, và chắc chắn họ sẽ không đối xử tử tế gì với y. Từ đó y khởi tâm suy nghĩ về việc làm của mình. Hiển nhiên không mấy ai học được bài học này một cách dễ dàng nhưng trải qua nhiều kiếp sống, khi giết người, khi bị người khác giết, ân oán triền miên cho đến khi y học được bài học thực sự rằng: có vay ắt có trả, làm ác sẽ gặp ác, giết người sẽ bị người giết lại, giết người là sai lầm. Đến khi đó, trước sự chém giết, y sẽ chùn tay không dám làm nữa. Cái mà người ta gọi là lương tâm chính là cái ý thức về kinh

nghiệm sẵn có từ trước. Một người biết sống với lương tâm, tức là người ta đã học được bài học cần phải học.

Các hiền triết trên Tuyết Sơn dạy rằng mỗi kiếp sống đều đem lại cho con người một số kinh nghiệm làm gia tăng sự hiểu biết của họ. Sau khi chết, con người bước vào trạng thái an nghỉ để rút tỉa kinh nghiệm vừa qua. Họ sẽ thấy rõ những lỗi lầm đã phạm, những điều tốt đã làm và tự duyệt xét về bài học mà họ cần phải học. Sau đó, qua sự sắp xếp nhiệm mầu của luật Nhân quả, Luân hồi, họ đầu thai vào một hoàn cảnh khác để học hỏi, kinh nghiệm thêm. Các định luật vũ trụ này giúp con người đúc kết kinh nghiệm thành cá tính riêng biệt hay trình độ tiến hóa cá nhân vì mỗi kiếp sống đều là một bài học cần thiết. Tính tình con người chẳng qua chỉ là tư tưởng của người đó được xây dựng trên những kinh nghiệm học hỏi từ trước. Do đó, con người chính là chủ nhân số phận của mình và sự tiến bộ nhanh hay chậm, hoàn toàn do chính họ quyết định. Có người lười biếng hay kiêu căng, không chịu thay đổi nhưng càng kéo dài con đường sinh tử, họ càng chịu trăm cay ngàn đắng để học hỏi. Trong khi đó một người hiểu biết, nhờ biết thay đổi để sống theo luật vũ trụ, đã nhẹ bước thang mây, ung dung tự tại để bước vào những cảnh giới phúc lạc, cao thượng.

Một số người không chấp nhận rằng con người có ý chí riêng mà cho rằng tất cả đều do thiên ý và giải thích thiên ý như một "Thượng Đế" nắm quyền định đoạt số phận và con người không thể thay đổi. Đây chỉ là quan niệm của đạo Do Thái thời thượng cổ. Các giáo sĩ Do Thái đã đưa ra hình ảnh Thượng Đế như một kẻ "độc tài", luôn luôn nổi giận khi có kẻ nào làm trái ý, để dọa nạt tín đồ bắt họ phải tùng phục. Có thể khi đó loài người còn man rợ, hung hăng nên việc đưa ra một hình ảnh "Thượng Đế hung ác" để gieo rắc sợ hãi có thể làm họ bớt hung ác chăng? Tuy nhiên quan niệm này đã lỗi thời từ lâu, qua sự chỉ dạy của Đấng Cứu Thế, chúng ta thấy một "Thượng Đế" tùy cảm hứng mà ban cho người này điều kiện tốt đẹp và đày đọa người khác trong hoàn cảnh xấu xa, là điều không thể chấp nhận được. Đức Jesus đã dạy: "Thượng Đế là một người cha nhân từ, rất thương yêu chúng ta". Nếu đã tin Ngài thì làm sao chúng ta có thể chấp nhận quan niệm rằng con người chỉ là những nạn nhân hèn yếu, không có ý chí, hoàn toàn lệ thuộc vào sự trừng phạt của một "hung thần" như thế được!

Con người sinh ra như thế nào hay trong hoàn cảnh nào hoàn toàn do những nguyên nhân từ trước, được quy định bởi những định luật Nhân quả, gây nhân nào gặt quả đó, chứ không phải do sự quyết định của một quyền năng nào. Người cao thượng là một

linh hồn đã tiến bộ, đã học hỏi và thay đổi, trải qua hàng ngàn kiếp sống. Người xấu xa là một linh hồn còn non nớt, chưa học hỏi được nhiều nên còn phải trải qua nhiều đắng cay, đau khổ để học bài học cần thiết. Sự khác biệt giữa con người với nhau chẳng qua chỉ là sự trưởng thành trong trình độ tiến hóa và hiểu biết mà thôi. Hãy tự hỏi nếu cuộc đời chỉ ngắn ngủi trong một kiếp thì việc hy sinh, giúp đỡ người khác có ích lợi gì? Một anh hùng hy sinh mạng sống cho đất nước sẽ có lợi gì, nếu không nói quốc gia đó sẽ thiệt hại mất một nhân tài? Những vị thánh tuẫn tiết vì đạo cũng thế, nếu chết là hết thì phải chăng nhân loại rất thiệt thòi vì mất đi những người cao thượng? Theo luật Nhân quả và Luân hồi, việc làm đầy hy sinh của những người đó không hề vô nghĩa, vì nó sẽ trở thành bài học cho người khác, giúp người khác noi theo gương hy sinh của họ. Riêng về cá nhân họ, nhờ biết quên mình để phụng sự cho một lý tưởng sẽ giúp cho họ trở nên hoàn hảo tốt đẹp hơn vì trong tương lai họ sẽ trở lại để hướng dẫn nhân loại.

Cách đây ít lâu, một nhà tâm lý học đã lập thuyết về ảnh hưởng môi trường xung quanh đối với tính tình con người. Ông này cho rằng tâm hồn mọi người khi mới sinh ra đều giống nhau, ngây thơ như tờ giấy trắng mà người ta có thể hướng dẫn, giáo dục theo một chiều hướng nào đó. Các chuyên viên tâm lý đã phát minh ra những phương pháp giáo dục để uốn nắn trẻ thơ vào những khuôn mẫu nhất định. Tuy nhiên, những ai đã từng làm cha mẹ đều thấy rằng mỗi đứa bé đều có tính tình, tài năng đặc biệt, và không đứa nào giống đứa nào. Sự giáo dục chỉ có thể uốn nắn, sửa đổi phần nào nhưng không thể thắng bản tính tự nhiên sẵn có. Nếu quan sát, chúng ta sẽ thấy có những đứa bé ngay từ khi còn nhỏ đã hung hăng mà trường học không thể giáo huấn và có những đứa trẻ dù sống trong hoàn cảnh xấu xa nhất vẫn trở thành những bậc thánh hiền. Chỉ có sự hiểu biết về định luật vũ trụ mới có thể giải thích rằng tùy theo sự tiến hóa cá nhân, trải qua muôn vạn kiếp sống luân hồi mà tính tình con người khác biệt nhau. Bất cứ một áp lực nào để nhồi nắn con người theo đường hướng riêng biệt đều không thể đem lại kết quả khả quan.

Có người đã hỏi: *"Nếu có luân hồi, con người tiếp tục tái sinh trở lại trần gian thì tại sao dân số trên thế giới không cố định mà lại gia tăng?".* Theo các hiền triết trên Tuyết Sơn thì trong vô số linh hồn đang sống ở cõi giới bên kia cửa tử, chỉ một số nào đó, tùy hoàn cảnh và nghiệp quả, sẽ tái sinh xuống trần gian vào một thời điểm nhất định nào đó. Điều này cũng giống như dân số của thành phố thì cố định nhưng số người đi dạo chơi ngoài đường phố có khi tăng khi giảm tùy theo hoàn cảnh thời gian. Gặp ngày lễ, ngày hội, người ta kéo nhau ra đường đông hơn ngày thường.

Hoàn cảnh nhân loại trên thế giới cũng như thế, có những thời điểm đặc biệt mà một số linh hồn đến đầu thai vào một nơi nào với mục đích là để phá hoại hay giúp ích cho sự tiến bộ của xứ đó. Nói một cách khác, một quốc gia tiến bộ hay suy thoái là tùy theo người dân trong nước có trình độ hiểu biết và tiến hóa cao hay thấp. Những linh hồn kém tiến hóa, còn nhiều hung tính, dã man thường đầu thai vào những nơi chốn mà trình độ dân trí thấp kém, xã hội kém mở mang. Ngược lại, một quốc gia trở nên hưng thịnh là nhờ những linh hồn có trình độ hiểu biết thâm sâu đến đầu thai vào để giúp đỡ và đem lại những điều tốt đẹp.

Trong một buổi giảng dạy, hiền triết Kuthumi đã nói: *"Các con nên để ý đến trình độ chung của mọi người và làm thế nào để giúp cho nhân loại khai tâm, mở trí hầu trở nên sáng suốt và biết rõ ràng về các định luật vũ trụ. Nếu một quốc gia đang ở trong tình trạng suy kém, mê muội thì các con cần tạo ra những hoàn cảnh thuận đó. Các con cần chú trọng đến sự giáo dục con người, cải thiện đời sống xã hội theo căn bản đạo đức, sắp đặt luật pháp quốc gia cho công minh vì khi dân trí đã phát triển thì các bậc cao cả sẽ đến đầu thai vào để giúp cho xứ sở đó tiến bộ thêm".*

Có người hỏi tôi: *"Nếu có luân hồi, tại sao người ta lại không nhớ được các việc xảy ra trong kiếp trước?".* Hiển nhiên có biết bao sự việc trong đời sống hiện tại mà người ta còn không nhớ được huống chi những kiếp đã qua. Trong mỗi kiếp sống, chúng ta khoác lấy một thân xác vật chất để học hỏi và bộ óc được cấu tạo trong thân xác mới mẻ này chỉ ghi nhận được những gì xảy ra trong kiếp đó thôi chứ không thể biết được những gì thuộc về kiếp trước. Tuy nhiên, tất cả kinh nghiệm đều được lưu trữ trong tàng thức, vốn là một phần của Chân ngã chứ không có gì mất đi cả. Trong lúc được thôi miên, vài người đã nhớ được những ký ức xa xôi trong tiền kiếp. Một hành giả nhập định, quán chiếu nội tâm cũng có thể hồi tưởng được tiền kiếp.

Trong một buổi dạy đạo, hiền triết Kuthumi cho biết: *"Hầu hết mọi nỗ lực của con người thường hướng ra bên ngoài vì nó liên quan đến quyền lợi, dục vọng, ham muốn của con người nhưng khi họ biết quay vào bên trong, sử dụng mọi năng lực để đào sâu vào tâm thức cho đến khi không còn một ý nghĩ vẩn vơ về bên ngoài nào thì tâm thức của họ sẽ bắt liên lạc được với các thể tinh thần và họ có thể thấy rõ các sự kiện xảy ra từ tiền kiếp phơi diễn ra trước mặt họ như một cuốn phim".*

Tuy nhiên, việc nhớ lại tiền kiếp là một con dao hai lưỡi và tùy trình độ hiểu biết mà con người nên hay không nên khơi lại dĩ

vãng này. Chúng ta không thể thay đổi những việc đã qua nhưng có thể thay đổi được việc đang và sẽ xảy ra trong tương lai. Dĩ vãng của ai cũng có những lầm lỡ, những điều đáng hổ thẹn và trải qua bao kiếp sống, con người đã gây biết bao lỗi lầm và việc hồi tưởng tiền kiếp sẽ không có lợi ích gì nếu nó làm cho đời sống hiện tại mất đi ý nghĩa. Hơn nữa, việc này còn dẫn đến liên hệ dĩ vãng của ta và những người khác. Chúng ta phải đối xử ra sao nếu người thân yêu của chúng ta trong kiếp này lại là kẻ thù của ta ngày trước? Luật vũ trụ định rằng đời sống là môi trường để học hỏi và sau đó con người bước vào cõi giới bên kia cửa tử để ôn lại những bài học cần thiết này. Tùy theo kinh nghiệm và những liên hệ với nhau chi phối bởi luật Nhân quả và Luân hồi mà con người tái sinh vào một kiếp sống khác để học hỏi thêm. Do đó đã có một bức màn mầu nhiệm tạm thời che khuất dĩ vãng để tránh cho con người những bi phẫn và đau khổ vì đời sống là môi trường để học hỏi chứ không phải một nơi để trừng phạt. Những duyên nợ, ân oán và liên hệ sẽ được thu xếp và sắp đặt ở cõi giới bên kia cửa tử chứ không phải trong đời sống hiện tại.

Nhiều người không tin luân hồi mà cho rằng sau khi chết linh hồn con người sẽ lập tức lên thiên đàng hay xuống địa ngục. Đây là một quan niệm không đúng vì nó hàm ý một sự thay đổi trọn vẹn sau khi từ trần: Hoặc là người đó bỏ hết thói hư tật xấu, trở thành một vị thánh rồi lên thiên đàng; hoặc người đó phải vất bỏ mọi tính tốt, khoác lên người mọi tội lỗi, trở thành một loài yêu ma quỷ quái để bị đày đọa xuống địa ngục. Thượng Đế nhân từ và bác ái không thể chơi trò "may rủi" như thế, vì sự thay đổi nào cũng phải diễn ra từ từ chứ không thể đột ngột như thế được. Sự thật là, lúc sống người ta ra sao thì khi chết bản tính họ cũng thế thôi, không hề đổi thay chi hết. Nếu khi còn sống họ ham ăn ham uống thì sau khi chết họ vẫn ham uống ham ăn. Nếu khi còn sống họ mến Chúa, thương người thì sau khi chết vẫn một lòng như thế. Chết chỉ là sự cởi bỏ chiếc áo vật chất chứ linh hồn nào thay đổi gì! Cõi trần hay cõi giới bên kia cửa tử cũng đều là những cõi giới trong vũ trụ và phải chịu sự chi phối của các định luật vũ trụ chứ không thể khác được.

Sự hiểu biết về luật Luân hồi rất hữu ích, nó giúp con người có thái độ bình tĩnh trước nghịch cảnh vì biết rằng mọi sự đều có nguyên nhân từ trước chứ không phải may rủi. Người hiểu Nhân quả, Luân hồi sẽ không ganh ghét những người có địa vị cao sang hơn mình, không khinh thường những người thua kém mình mà có một nhân sinh quan rộng lớn, quảng đại, khoan dung trước những biến chuyển thời cuộc.

Sau định luật Luân hồi và Nhân quả là luật Tiến hóa. Đây là một định luật quan trọng vì nó giải thích được nhiều sự việc và bổ túc cho sự bất toàn của nền khoa học ngày nay. Nếu quan sát xã hội, chúng ta sẽ thấy có rất nhiều người, ở một trình độ nào đó, đã vượt xa chúng ta; trong khi lại có người thua kém chúng ta rất nhiều. Có khi nào chúng ta tự hỏi vì sao lại có những người thông minh xuất chúng, chỉ cần đọc lướt qua một cuốn sách đã nắm vững nội dung, trong khi chúng ta dù cố gắng nghiền ngẫm từ ngày này qua tháng nọ mà vẫn chẳng hiểu gì cả! Nếu sự thông minh chỉ là những phản ứng hóa học, điện học trong bộ óc như khoa học thực nghiệm đã giải thích thì tại sao con người lại khác nhau nhiều thế? Nếu con người chỉ là một bộ máy hữu cơ, hoàn toàn chịu ảnh hưởng của yếu tố di truyền như khoa Sinh vật học đề xướng thì tại sao anh em cùng cha mẹ mà tính tình lại khác nhau? Tại sao có người phát triển năng khiếu khoa học khi người khác lại thiên về lĩnh vực nghệ thuật? Nếu môi trường sinh sống quyết định tâm tính con người như khoa Tâm lý học đề xướng thì tại sao được nuôi dưỡng cùng hoàn cảnh gia đình lại có người thông minh xuất chúng và người khác ngây thơ, dại khờ? Tại sao trong hàng tỷ người sống trên địa cầu mà không ai giống ai? Chỉ có luật Tiến hóa mới giải thích được điều này: Mỗi người đều có một mức độ hiểu biết và tiến hóa khác nhau, do đó xã hội mới có những sự khác biệt như vậy.

Chúng ta thường coi những người có trình độ tiến hóa cao như các nhà bác học, các bậc anh hùng và hơn nữa là những vị hiền triết hay thánh nhân. Lịch sử mọi quốc gia đều chứa đựng công trình của những người này và nếu chịu khó nhìn lại các bài học lịch sử, chúng ta sẽ thấy quốc gia nào cũng có những vị anh hùng hy sinh cho đất nước; những bậc hào kiệt tranh đấu để bảo vệ giống nòi; những nhà bác học phát minh khám phá, nâng cao đời sống mọi người và những bậc hiền triết giảng dạy chân lý cao thượng hướng dẫn con người biết sống thuận thảo, thương yêu. Một sử gia đã kết luận rằng lịch sử của một quốc gia có thể tóm tắt bằng công trình của một số người xuất sắc, đã khắc phục những khó khăn, trở ngại để thực hiện những công trình lớn lao đem lại lợi ích cho tất cả. Họ hoạt động trong mọi lĩnh vực từ nghệ thuật, âm nhạc, văn chương, khoa học, xã hội đến triết học, tôn giáo và cải thiện xã hội, đưa quốc gia đến thịnh vượng, phú cường. Hiển nhiên so với đa số mọi người thì những người này đã vượt xa trình độ của người đương thời về sự hiểu biết trong một lĩnh vực chuyên môn nào đó. Con đường tiến bộ của nhân loại có thể coi như một cái thang dài mà mỗi nấc thang là một mức độ tiến hóa, và ở mức nào cũng đã có người đạt đến đó rồi. Nếu chúng ta thẩm

định giá trị những người phi thường này, xem họ đã vượt xa những người khác như thế nào thì chúng ta sẽ thấy đó là một con đường dài vô tận vượt xa tầm hiểu biết của chúng ta và cái lý trí giới hạn của con người hiện nay khó có thể suy nghĩ cho được.

Trong lịch sử loài người, đã có những cá nhân phát triển hoàn hảo trên mọi phương diện và trở thành những con người siêu việt mà chúng ta gọi là các bậc giáo chủ, các thánh nhân, hiền triết. Sự hiện diện của những người này là bằng chứng rằng có một con đường tiến hóa tâm linh rõ rệt mà nếu tuân theo thì chúng ta cũng sẽ đạt đến mức độ huy hoàng, tốt đẹp đó. Đây chính là căn bản của luật Tiến hóa vì mọi vật, vô hình hay hữu hình, thấp hay cao, sang hay hèn, đều đang phát triển để hướng về một mục tiêu cao thượng. Tiến hóa chính là sự biểu lộ của sức sống tiềm ẩn trong tất cả mọi vật trong không gian và thời gian. Hình hài tuy thay đổi nhưng tinh thần bên trong vẫn thường hằng vì nó chính là sự sống thiêng liêng, xuất phát từ nguồn sống cao cả, vô biên được biểu lộ qua muôn vàn hình thể trong vũ trụ. Con người thật sự là một trí thức trường tồn, nó chỉ khoác lấy thể xác vật chất để học hỏi mà thôi. Thể xác giống như chiếc áo được cấu tạo bằng nguyên tử vật chất, không thể tồn tại mà chỉ được sử dụng trong thời gian nào thôi. Trên tiến trình học hỏi, con người sẽ thay đổi tâm thức, từ thô thiển đến thanh cao cũng giống như học sinh đi học phải bắt đầu từ Tiểu học, Trung học trước khi tiến vào Đại học. Khi học xong bài học cần thiết thì họ đầu thai qua kiếp khác để học hỏi thêm và tiếp tục từ trình độ thấp đến cao, từ thô sơ đến tế vi, từ vô minh đến hiểu biết và chuyển đổi tâm tính, trả hết nghiệp quả, không tạo thêm nhân, rồi trở nên hoàn hảo để bước vào giai đoạn hợp nhất hay giải thoát.

CHƯƠNG 4

Hầu hết các nhà khoa học đều coi thuyết Tiến hóa (Evolution) của Charles Darwin như một khám phá quan trọng, đặt nền tảng cho môn Sinh vật học hiện nay nhưng theo sự học hỏi của tôi với các hiền triết trên Tuyết Sơn thì khoa học ngày nay chỉ mới hiểu được một phần rất nhỏ về định luật Tiến hóa của vũ trụ mà thôi.

Hiền triết Kuthumi cho biết sự thay đổi của các hình thể vật chất bên ngoài chỉ là kết quả tự nhiên của sự tiến hóa và biểu lộ của phần tinh thần hay sự sống tiềm ẩn trong tất cả mọi loài. Các hình thể bên ngoài luôn luôn thay đổi theo thời gian nhưng phần tinh thần bên trong thì trường tồn và tiến hóa qua các kiếp sống. Do đó nó tự biểu lộ qua những hình thể thích hợp với sự phát triển tâm linh của nó. Nói một cách khác, thuyết Tiến hóa của Darwin cho rằng các sinh vật tiến hóa để thích nghi với môi trường sống xung quanh rất giới hạn. Nó không giải thích được những đổi thay lớn lao trong thiên nhiên, vì Darwin không lý giải được những động năng tiềm ẩn trong mọi sinh vật. Khoa học cũng không giải thích về sự sống mầu nhiệm đang tuôn chảy khắp vũ trụ vì các nhà khoa học không thể lặp lại những điều kiện này trong phòng thí nghiệm. Tuy nhiên những người có trực giác bén nhạy đều cảm nhận được sự hiện diện của các mãnh lực kỳ diệu đang thấm nhuần khắp vạn vật này. Chúng ta có thể thấy sự sống biểu lộ trong hương sắc của những bông hoa muôn hồng ngàn tía, trong sức mạnh của những cổ thụ thâm trầm, trong sự linh động uyển chuyển của loài cầm thú, cũng như trong tâm hồn thanh cao của con người. Chính sự sống này đã thúc đẩy cơ tiến hóa của vũ trụ mà Thái Dương Hệ của chúng ta chỉ là một phần nhỏ với các hành tinh xoay vần, với các sinh vật linh động biến chuyển.

Nếu quan sát vũ trụ, chúng ta sẽ thấy có hai yếu tố dường như đối nghịch nhau, đó là "Tinh Thần" và "Vật Chất", cái "Thật" và cái "Không Thật", nhưng cả hai đều liên hệ với nhau rất chặt chẽ do

đó mới nảy sinh ra yếu tố thứ ba là sự liên giao giữa tinh thần và vật chất hay giữa cái "Thật" và "Không Thật". Ba yếu tố này được gọi là Ba Ngôi hay Tam Vị Nhất Thể (Trinity). Từ ngàn xưa, các đạo gia và hiền triết đã biết rõ về sự liên kết giữa con người và vũ trụ nên các đạo gia Ai Cập đã đề cập đến yếu tố Ba Ngôi này qua hình ảnh Osiris, Isis và Horus*; người Ba Tư gọi là Ahura Mazda, Asha và Vohumano**; và người Trung Hoa gọi đó là Thái Cực, Lưỡng Nghi và Tứ Tượng. Yếu tố ba ngôi này cũng được đề cập trong các tôn giáo lớn: Thiên Chúa giáo gọi là Đức Chúa Cha, Đức Chúa Con và Đức Chúa Thánh Thần; Phật giáo tượng trưng bằng Đức Phật A Di Đà, Bồ Tát Quán Âm và Bồ Tát Thế Chí hay Đức Phật Thích Ca, Bồ Tát Phổ Hiền và Bồ Tát Văn Thù. Ấn Độ giáo gọi là Brahma, Vishnu và Shiva. Cũng như thế, con người được cấu tạo bởi ba phần chính là tinh thần, linh hồn và thể xác. Theo các hiền triết trên Tuyết Sơn, Tinh thần (Spirit) chính là hơi thở của Thượng Đế vì danh từ Spirit, gốc Latin Spiro, có nghĩa là hơi thở, hay điểm linh quang của Thượng Đế. Nó chính là "con người thật" (Chân ngã) của con người chứ không phải cái xác thân bằng xương bằng thịt như đa số đã hiểu lầm. Chương trình tiến hóa của nó là phải giáng xuống cõi vật chất để học hỏi kinh nghiệm. Vì tinh thần hay cái điểm linh quang này được cấu tạo bằng những nguyên tử rất thanh nhẹ, có tỷ lệ rung động rất cao khác hẳn với sự rung động nặng nề, ô trược của các nguyên tử thuộc cõi vật chất nên nó không thể giao tiếp với các rung động của cõi này mà cần phải có một yếu tố trung gian. Phần Tinh thần (Spirit) này tự phân tách ra mội phần nhỏ khác gọi là Linh hồn (Soul) làm trung gian tiếp xúc với xác thân. Điểm quan trọng cần nhấn mạnh ở đây là Linh hồn chỉ là một phần nhỏ của phần Tinh thần được tạo ra để tiếp xúc với các rung động vật chất mà thôi. Trong sự tiếp xúc này, nó tự khoác lấy một ấn tượng, một hình ảnh có "tính cách cá nhân" mà ta gọi là Phàm ngã (Ego). Cái mà mọi người cho là mình hay Phàm ngã chỉ là một ảo ảnh không thật vì nó chỉ đóng vai trò trung gian rất thô thiển của "con người thật" (Chân ngã) mà thôi. Tuy nhiên trong sự tiếp xúc với các yếu tố vật chất để học hỏi và thu tập kinh nghiệm, cái "ảo ảnh" này đã khoác lấy một xác thân vật chất rồi tự gán cho mình một địa vị quan trọng như một "thực thể" có đời sống riêng biệt và chỉ hoạt động cho mục đích riêng của mình.

(*) *Osiris là thần của thế giới bên kia. Ông được coi là con trai của thần Trái đất Geb và nữ thần bầu trời Nut. Isis là em gái và cũng là vợ Osiris. Horus là con trai của họ, được Isis sinh ra sau khi Osiris chết.*

(**) *Ahura Mazda là vị thần tối cao của Hỏa giáo, tượng trưng cho sự sống, ánh sáng. Asha là vị thần tượng trưng cho trí tuệ. Vohumano là*

vị thần tượng trưng cho hạnh phúc.

Sự đồng hóa một cái gì "không có thật" thành một cái gì "hiện hữu" này chính là sự hiểu lầm tai hại mà kinh điển Ấn giáo gọi là sự "Hiểu lầm nguyên thủy"; danh từ Thiên Chúa giáo gọi là sự "Sa ngã đầu tiên" và Phật giáo gọi là sự "Vô minh, lầm lạc". Các hiền triết trên Tuyết Sơn cho biết: *"Mục đích của kiếp người là học hỏi để biết rõ mình là ai, từ đâu đến, và sẽ đi về đâu. Khi con người ý thức mình không phải là Phàm ngã và nguồn gốc của mình vốn cao thượng chứ không thấp kém thì họ đã tiến được một bước rất xa rồi. Sự biết mình và ý thức sự tương quan giữa mình và vũ trụ chính là căn bản chính yếu của mọi tôn giáo".* Truyền thống phương Tây thường đề cập đến cái chén và chất rượu trong đó.

Cái chén tượng trưng cho sự hoàn hảo của vật chất nhưng nó không có một giá trị gì cho đến khi được rót chất rượu hay sự sống thiêng liêng vào. Cũng như thế, thể xác con người được tạo ra cho linh hồn tạm thời trú ngụ để học hỏi, thu tập kinh nghiệm và nó chỉ hoàn toàn phát triển khi được đặt dưới sự kiểm soát của phần tinh thần. Vì không biết mình chính là phần tinh thần bất diệt mà hiểu lầm rằng mình chỉ là phần xác thân tạm bợ nên con người đã để cho xác thân điều khiển. Vì chạy theo cảm xúc, như con ngựa bất kham không để ai điều khiển, con người mất tự chủ, buông thả theo sự lôi cuốn của dục vọng và hậu quả là họ gây đau khổ cho nhau. Sự đau khổ có giá trị của nó vì trong đau khổ mà con người học hỏi, rút kinh nghiệm và thay đổi. Trong cơ tiến hóa, phần tinh thần phải làm chủ thể xác, như viên kỵ mã kiểm soát con ngựa của mình một cách thuần thục. Sự tiến hóa của con người là sự khai mở mối liên hệ giữa con người thật hay Chân ngã và Phàm ngã để cho Chân ngã được biểu lộ mỗi ngày một rõ ràng hơn. Khi Chân ngã hoàn toàn làm chủ được Phàm ngã; thì con người hoàn tất sự nhập thế học hỏi và chuẩn bị bước vào trình độ tiến hóa của các bậc thánh nhân.

Luật Tiến hóa ấn định rằng mọi loài phải đi từ thấp lên cao, từ các loài vô tình như đất đá, cây cỏ rồi đến loài hữu tình như cầm thú rồi đến loài người trước khi bước vào giai đoạn tiến hóa của các vị thánh. Thật ra tiến hóa chỉ là những giai đoạn chuẩn bị để đưa con người trở về nguồn gốc cao quý lúc ban đầu. Danh từ Phật giáo gọi là sự hòa hợp với Chân Như và Thiên Chúa giáo gọi là sự hợp nhất với Thượng Đế.

Khi giải thoát, không còn chịu ảnh hưởng của luân hồi sinh tử, các bậc toàn thiện thường bỏ lại thể xác vật chất, vì các ngài đã sở hữu những quyền năng có thể khoác lấy bất cứ một hình hài, thể

xác nào, để sử dụng theo ý muốn. Các ngài thường xuyên sống ở một cảnh giới cao cả nhưng đôi khi, vì một lý do gì hay cần giúp đỡ người nào, các ngài có thể hóa thân trở lại thế gian, khoác một thể xác tạm thời nào đó để giúp đỡ, an ủi, cứu giúp những người thế gian. Dĩ nhiên, những người tiếp xúc với các ngài không hề hay biết các ngài là ai và các ngài cũng chỉ làm việc này trong những trường hợp cần thiết mà thôi. Việc làm của các đấng cao cả thiêng liêng vô cùng, không ai có thể biết được. Có nhiều vị nghe tiếng kêu cầu của nhân loại đau khổ mà hóa thân xuống cứu giúp; có nhiều vị phóng ra những tư tưởng thương yêu tốt lành để cảnh tỉnh nhân loại; có nhiều vị gieo rắc hạt giống yêu thương và sự hiểu biết cho người có tinh thần hướng thượng, giúp họ hoàn tất những công việc phụng sự, giúp đời. Phần lớn việc làm của các đấng cao cả đều âm thầm, ít ai có thể hiểu nhưng tác động của nó thì to lớn vô cùng. Vì tình thương nhân loại mà các ngài thường xuyên giúp đỡ thế gian dưới muôn vạn hình thức khác nhau và tùy theo sự tin tưởng của tôn giáo, phong tục hay tập quán xã hội mà người thế gian gọi các ngài bằng những danh từ khác nhau như: Thiên Thần, Bồ Tát, Hóa Thân, Chân Sư Thánh Nhân, v.v...

Nhiều người không tin rằng các hành tinh vô tri mà cũng tiến hóa nhưng nếu quan sát qua kính viễn vọng, chúng ta sẽ thấy vũ trụ, với hàng triệu hành tinh, không hề bất động mà biến chuyển không ngừng với những hành tinh đang tàn lụi và các hành tinh khác được sinh ra. Thật ra điều này không có gì lạ vì mọi sự, mọi vật trong vũ trụ đều thay đổi theo một chu kỳ nhất định: Sinh ra, trưởng thành, suy hoại và tiêu vong (Thành, Trụ, Hoại, Diệt). Quả đất mà chúng ta đang sống cũng thế, nó được thành lập từ triệu năm về trước, đang phát triển nhưng rồi sẽ suy tàn và tiêu vong, có thể trong hàng triệu năm nữa.

Nếu nhìn một cách tổng quát hơn, chúng ta sẽ thấy quả đất chỉ là một hành tinh nhỏ trong Thái Dương Hệ và toàn thể Thái Dương Hệ cũng chỉ là một phần nhỏ của dải Ngân Hà (Galaxy). Và dải Ngân Hà cũng chỉ là một phần nhỏ của khối Tinh Vân (Nebular) đang xoay vần trong vũ trụ.

Sự hiểu biết của con người về vũ trụ tạm thời giới hạn ở đây nhưng một ngày nào đó, người ta sẽ khám phá rằng các khối Tinh Vân cũng chỉ là một phần nhỏ của một đại thể khác rộng lớn hơn nữa và cứ thế vô cùng tận. Tuy nhiên, vũ trụ không phải là cái gì hỗn độn, tình cờ và vô trật tự mà là một hệ thống tiến hóa với những quy luật hết sức rõ rệt. Luật vũ trụ điều khiển tất cả vạn vật, trong đó luật Tiến hóa xác định rằng mọi loài, mọi vật trên mọi hành tinh đều tiến hóa theo những chu trình đã được ấn

định. Trong Thái Dương Hệ của chúng ta, sự tiến hóa khởi đầu với loài đất đá, kim thạch rồi qua loài thảo mộc, loài cầm thú sẽ tiếp diễn sau loài thảo mộc, và loài người tiếp sau loài cầm thú. Loài người có một chu trình tiến hóa nhất định, một giới hạn mà khi vượt qua, họ sẽ bước vào trình độ tiến hóa của các bậc hiền triết, thánh nhân rồi tiếp tục tiến hóa thành các bậc tiên thánh...

Nhiều người không tin những loài vô tri như đất đá, cây cỏ lại có thể tiến hóa được nhưng luật vũ trụ không hề có sự phân biệt. Trên diễn trình tiến hóa, loài đất đá vì được cấu tạo bằng các nguyên tử rung động nặng nề, thô thiển nên chưa phát triển được các thể tình cảm do đó nó có vẻ ù lì, không tri giác. Loài cây cỏ nhờ tiến hóa hơn nên đã có thể đón nhận vài rung động rất giới hạn. Sự phát triển của loài cầm thú đi song song với sự phát triển các thể tình cảm và đặc biệt là sự phát triển về phần hồn. Mỗi con thú đều có một linh hồn riêng biệt nên có cảm xúc, mặc dù tình cảm của chúng còn giới hạn. Tuy nhiên linh hồn con thú không tái sinh vào một thể xác độc lập như con người mà trở về khối hồn chung gọi là Hồn Nhóm (Soul Group). Điều này có thể ví như một hồ nước mà mỗi linh hồn con thú khi sinh ra như một bình nước được múc từ hồ lên và khi chết thì tựa bình nước được đổ trở lại vào cái hồ đó. Hiển nhiên, mỗi loài vật lại có các hồn nhóm khác nhau nên điều này giải thích tại sao những con vật đồng loại có tính tình, thể xác và hành động như nhau. Một con voi sẽ hành động như một con voi và một con chó sẽ hành động như một con chó chứ không thể khác được. Ngày nay, khoa học chứng minh rằng đó là yếu tố di truyền, nhưng yếu tố này chỉ là sự biểu lộ của sự sống tiềm ẩn trong hồn nhóm mà thôi.

Trong kiếp sống, con thú thu tập được các kinh nghiệm và học được những bài học nhất định. Khi chết, linh hồn của nó trở về hồn nhóm ví như một bình nước đã nhuộm màu được đổ trở lại cái hồ khiến cho màu sắc của nước trong hồ thay đổi. Nhờ đó một con thú sinh sau từ hồn nhóm đó sẽ tiến hóa hơn con thú đã sinh ra trước vì được chia sẻ sự học hỏi của con thú kia và đó chính là diễn trình tiến hóa của các loài cầm thú. Sự tiến hóa cứ thế tiếp diễn trong các sinh vật cho đến khi một con thú phát triển trọn vẹn những điều cần thiết thì hồn của nó không trở về hồn nhóm hay hồ nước kia nữa mà chuyển qua một nhóm khác của loài thú có trình độ tiến hóa cao hơn. Một con vật hung dữ có thể tiến hóa thành con vật thuần lương. Một con chó sói có thể đầu thai thành loài chó giữ nhà rồi được dạy bảo để trở thành loài chó được huấn luyện để hiểu được mệnh lệnh của loài người. Một con heo ù lì chỉ biết ăn với ngủ có thể sẽ tiến hóa thành loài trâu bò kéo cày và sau có thể chuyển kiếp qua loài khỉ vượn, tinh khôn lanh lợi hơn. Khi

con thú phát triển trọn vẹn để có thể bước vào con đường tiến hóa của loài người thì lúc bỏ xác, hồn của nó sẽ trở thành một thực thể độc lập với một cá tính riêng biệt chứ không trở lại hồn nhóm nữa.

Khi thoát kiếp thú thành người, nó vẫn còn nhiều thú tính như ích kỷ, hung ác, say mê dục lạc nên gây nhiều đau khổ cho người khác. Đây là lúc nó tạo nhiều nhân xấu và sẽ gánh chịu hậu quả, nhưng theo thời gian, trải qua nhiều kiếp sống và vô số bài học khổ đau, con người bắt đầu học hỏi và kiềm chế các thú tính này. Con người tiến hóa của nhân loại kéo dài rất lâu, đưa con người từ hoàn cảnh này đến môi trường khác, từ quốc gia này đến quốc gia kia để học hỏi và kinh nghiệm. Có lúc họ sinh làm thân người nam, có khi sinh vào thân người nữ và con người dần dần thay đổi, từ thấp lên cao, từ xấu đến tốt, từ hung dữ trở nên thuần lương, từ ngu si trở nên sáng suốt. Khi đã học được những bài học cần thiết và phát triển được lòng bác ái, con người biết làm điều lành, tránh điều ác, giảm bớt ích kỷ, biết hy sinh cho kẻ khác và càng ngày càng trở nên tốt đẹp hơn. Trong chu trình tiến hóa, họ sẽ học hỏi kinh nghiệm về các định luật vũ trụ như Luân hồi, Nhân quả, Tiến hóa và biết rằng ngoài các yếu tố vật chất vô thường, nay còn mai mất, vẫn có một cái gì thiêng liêng, trường tồn tiềm ẩn bên trong. Họ sẽ ý thức được rằng đời sống không phải là môi trường để chém giết, tranh đua, mà để trở về sự thương yêu. Qua các kinh nghiệm này, họ biết chuyển hướng để góp phần phát triển một xã hội thực sự tiến bộ vì hạnh phúc không phải là vun vén, thu vào cho mình mà là sự phân phát, ban rải những gì mình có để giúp người, giúp đời. Khi con người ý thức được vai trò của mình với đồng loại cũng như sự tương quan giữa con người và môi trường sống xung quanh thì họ đã bước chân vào giai đoạn tiến hóa rất cao trước khi chuyển sang giai đoạn tiến hóa của các bậc hiền triết, thánh nhân.

Vì tiến hóa là luật vũ trụ nên sự tiến hóa xảy ra ở khắp nơi chứ không nhất thiết phải trong thế giới của chúng ta hay giới hạn trên quả địa cầu này. Con đường tiến hóa bao la vô tận, đi từ hoàn cảnh này đến hoàn cảnh khác, từ quốc gia này đến quốc gia khác, từ thế giới này đến thế giới khác, từ hành tinh này qua hành tinh khác và từ thái dương hệ này qua thái dương hệ khác. Mọi sinh vật đều tiến hóa theo những chu trình nhất định của hệ thống tiến hóa hay thiên cơ vĩ đại.

Theo sự học hỏi của tôi với các hiền triết trên Tuyết Sơn thì Thái Dương Hệ là một hệ thống mà trong đó mọi hành tinh đều có mức tiến hóa khác nhau và những sinh vật sống trên đó cũng tuần tự

trải qua những chu trình tiến hóa nhất định. Thái Dương Hệ gồm có bảy cõi giới là: Tối Đại Niết Bàn (Mahaparanirvana), Đại Niết Bàn (Paranirvana), Niết Bàn (Nirvana), Bồ Đề (Boudhe), Thượng giới (Celestial), Trung giới (Astral) và Hạ giới (Physical). Mỗi cõi giới được cấu tạo bởi những nguyên tử có sự rung động khác nhau. Những người khai triển được quyền năng như Thần Nhãn, Thiên Nhãn, Huệ Nhãn, Phật Nhãn thì có thể thấy được những cõi giới kia. Đây là những khả năng tiềm ẩn bên trong mọi chúng ta và tùy trình độ tiến hóa mà nó tự nhiên khai mở chứ không phải một cái gì mà người ta có thể tìm kiếm được. Mục đích của con đường đạo chân chính là phát triển được các đức tính để trở nên tốt đẹp hơn, để sống đúng theo các chân lý cao thượng chứ không phải để phát triển quyền năng.

Con người được cấu tạo bởi nguyên tử của bảy cõi giới kia và những nguyên tử này kết hợp thành bảy thể (Bodies) tương ứng với bảy cõi giới ấy. Đó là: thể Xác, thể Vía, thể Phách, thể Hạ Trí, thể Thượng Trí, thể Bồ Đề và thể Thiêng Liêng. Ba thể Thiêng Liêng, Bồ Đề và Thượng Trí thì trường tồn, không thay đổi nhưng các thể như Hạ Trí, thể Phách, thể Vía và thể Xác thì luôn luôn thay đổi theo kiếp sống tùy theo sự chi phối của các luật vũ trụ như Nhân quả, Luân hồi.

Con đường tiến hóa trải qua rất nhiều giai đoạn nhưng đến khi làm người thì đây là một giai đoạn đặc biệt vì con người đã phát triển về thể Trí nên có thể quyết định số phận của họ. Họ có thể tiến hay lùi, đi nhanh hay đi chậm, và sống thuận theo đà tiến hóa chung hay đi ngược dòng tiến hóa của nhân loại. Vì đã phát triển về lý trí nên cơ hội học hỏi để tiến hóa của họ trở nên phức tạp hơn các loài cầm thú vốn sống bằng bản năng. Nếu tiếp tục tiến hóa, họ sẽ bước vào con đường của bậc hiền triết, thánh nhân và nếu tiến xa hơn nữa thì họ có thể trở thành một vị Chân Tiên cai quản một cõi trời, một vị Bồ Tát có thể đi khắp các cõi giới, và khi giác ngộ hoàn toàn sẽ trở thành một vị Phật.

Thể xác con người là một bộ máy hết sức tinh xảo với những giác quan đặc biệt nhưng ít ai biết rõ vì khoa học ngày nay chỉ chú trọng đến một phần rất nhỏ của nó hay các giác quan thể xác mà thôi. Căn bản của khoa học là sự lặp đi lặp lại một số điều kiện trong phòng thí nghiệm rồi đặt ra lý thuyết để giải thích các hiện tượng này chứ không để ý đến những điều mà họ không thể giải thích.

Khi sống trên Tuyết Sơn, tôi đã gặp nhiều đạo sĩ có thể làm những việc kỳ lạ như làm tim ngưng đập trong nhiều giờ, phi hành trên

những sườn núi cao chênh vênh, tọa thiền trên băng tuyết lạnh giá mà vẫn không hề hấn gì. Các khoa học gia tuy biết thế nhưng vì không thể giải thích nên đã phủ nhận nó. Họ sợ những gì có thể làm đảo lộn giá trị của lý luận khoa học hiện nay. Thí dụ, khoa học cho rằng vì sống bằng thực phẩm, người ta chỉ có thể nhịn đói vài ngày hay nửa tháng nhưng không thể kéo dài quá lâu vì sẽ chết đói. Tôi đã gặp nhiều đạo sĩ ngồi thiền suốt mấy tháng trong động đá, chẳng ăn uống gì mà vẫn khỏe mạnh như thường. Khi tôi kể chuyện này cho các nhà khoa học, họ cho biết đã có những phái đoàn khoa học gia đi tìm hiểu về hiện tượng lạ lùng này nhưng vì không thể giải thích nên họ giữ thái độ im lặng.

Trong thời buổi khoa học là quyền uy tối thượng, không ai dại gì đưa ra những hiện tượng mà họ không thể giải thích vì nó sẽ gây hoang mang, khiến mọi người không còn tin tưởng tuyệt đối ở khoa học nữa. Bất cứ điều gì đi ngược lại sự giải thích của các khoa học gia đương thời đều bị coi là "phản khoa học" và người đề xướng sẽ bị chỉ trích nặng nề. Do đó, thay vì tìm hiểu thêm những khả năng đặc biệt này, khoa học lại chủ trương "những gì không thể chứng minh được thì không nên công bố". Chủ trương "đơn giản hóa" tinh hoa tôn giáo để bành trướng thế lực là nguyên nhân của nhiều tranh chấp phe nhóm và đưa châu Âu vào hoàn cảnh đen tối của thời Trung cổ. Cũng như thế, các nhà khoa học ngày nay đã bỏ qua những cơ hội nghiên cứu về những hiện tượng không thể giải thích, những giác quan tiềm ẩn trong con người khiến cho khoa học bị giới hạn trong phạm vi các phòng thí nghiệm, không tiến xa hơn nữa.

Vì con người được cấu tạo bởi nguyên tử tương ứng với bảy cõi giới khác nhau nên tùy sự rung động của những nguyên tử này phù hợp với sự rung động của cõi nào mà con người khai triển những giác quan tương ứng với cõi đó. Nguyên tử cấu tạo thể xác của con người hiện nay có sự rung động tương ứng với cõi Hạ giới nên họ chỉ sử dụng được các giác quan tương ứng với cõi này hay giác quan thuộc về thể xác. Nhờ phát triển về lý trí, con người cố gắng làm chủ xác thân và đặt nó dưới sự kiểm soát của lý trí. Khi tâm kiểm soát được thân thì các giác quan thể xác sẽ không còn ảnh hưởng nhiều nữa, bằng chứng là những người có đời sống tinh thần rất cao ít khi chú ý đến nhu cầu thân xác. Nếu họ biết hướng tư tưởng vào những điều cao thượng, tâm thức của họ sẽ rung động đồng nhịp với sự rung động của các cõi giới cao hơn và giúp họ khai mở các giác quan của cõi này như thần nhãn, thiên nhĩ v.v...

Tôi muốn nhấn mạnh rằng quyền năng chỉ là những giác quan sẽ

tự nhiên hoạt động khi tâm thức con người đạt đến một mức độ tiến hóa nào đó chứ không bao giờ là mục đích của con đường đạo. Khi các giác quan này khai mở, con người có thể nhìn được mọi sự, mọi vật một cách rõ ràng sáng suốt hơn. Thế giới của họ sẽ mở rộng và họ sẽ có một kiến thức thâm sâu hơn một người bình thường. Điều này có thể ví như một người suốt ngày chỉ ngồi trong nhà thì không thể hiểu biết bằng một người đã du lịch nhiều, giao thiệp rộng. Sự khai mở giác quan này chỉ là một tiến trình tự nhiên để giúp con người học hỏi, thu thập kinh nghiệm và giúp họ tiến hóa theo những chu trình đã được ấn định bởi những quy luật nhiệm màu của vũ trụ. Tất cả mọi chúng sinh đều có cùng một nguồn gốc nhưng ít ai ý thức được điều này cho đến khi tâm thức của họ mở rộng và đạt đến tâm thức Bồ Đề. Điều này có thể ví như một người đang sống ở đáy giếng, họ có thể ngẩng mặt để nhìn ánh sáng mặt trời nhưng đây là một ánh sáng bị giới hạn. Chỉ khi nào thoát ra khỏi cái giếng sâu đó thì họ mới thấy bầu trời rộng lớn bao la, và ánh sáng của Đấng Duy Nhất chiếu soi tất cả.

Trên đường tu học, việc nuôi dưỡng thể xác bằng các thức ăn tinh khiết thích hợp với các rung động thanh cao rất quan trọng. Các thức ăn như thịt cá mang vào thân thể chúng ta những nguyên tử thấp thỏi của loài cầm thú, làm khơi dậy những chủng tử nặng nề của giai đoạn tiến hóa trước và làm cản trở sự tiến bộ tâm linh. Mỗi loài thú đều có những đặc tính riêng nên khi ăn thịt chúng, con người sẽ thu hút vào mình đặc tính của con thú đó. Những con vật được nuôi để mổ thịt như gà vịt, trâu bò khi bị giết rất sợ hãi, đau đớn, có tư tưởng oán thù. Khi hấp thụ những nguyên tử này vào mình, người ăn vô tình đã mang vào trong thân thể họ mầm mống của sự lo sợ, giận hờn, nỗi đau đớn, quằn quại khi bị giết và hậu quả sẽ đưa đến những căn bệnh như ung thư, lở loét bao tử, cao huyết áp và đặc biệt là bệnh thần kinh.

Nhiều người không tin việc ăn thịt cá lại gây ra bệnh tật. Khoa học hoàn toàn phủ nhận lý luận này và chứng minh rằng bệnh tật là do vi trùng gây ra. Người ta đã trút tất cả tội lỗi cho vi trùng và tìm đủ mọi cách để giết những vi trùng gây bệnh. Thế nhưng, hễ trừ được bệnh này thì lại nảy sinh những loại bệnh tật khác ghê gớm hơn. Vào thời Trung cổ, bệnh dịch hạch là một đe dọa hết sức ghê gớm, giết hại gần một nửa dân số châu Âu. Khi khoa học phát minh ra những phương pháp trừ bệnh dịch hạch thì xã hội lại nảy sinh các bệnh khác như: ho lao, sưng màng óc và khi người ta trừ được các bệnh này thì lại nảy sinh bệnh ung thư, huyết áp cao v.v...

Nguyên nhân sâu xa của những căn bệnh này là do những yếu tố tiềm ẩn mà vi trùng chỉ là những tác nhân gây bệnh mà thôi. Ngày nay, nếu người ta quan sát những quốc gia có mức sống cao, thực phẩm dư thừa, dân chúng ăn nhiều thịt cá thì họ sẽ thấy tỷ lệ người mắc bệnh ung thư hay cao huyết áp gia tăng rất nhiều so với các quốc gia chậm tiến hơn. Khi khoa học không thể đổ lỗi cho vi trùng được nữa thì họ phải đặt ra một lý thuyết khác để giải thích và quan niệm dinh dưỡng qua việc phân loại thực phẩm được đề xướng. Dân chúng được khuyến khích tiêu thụ các loại thức ăn theo một tiêu chuẩn giới hạn để tránh bệnh tật nhưng khoa học chưa dám công bố rằng thịt cá hay thực phẩm do sự giết chóc là nguyên nhân chính. Các khoa học gia chưa nắm vững nguyên lý về sự liên quan giữa tinh thần và xác thân nên không thể giải thích tại sao xã hội càng văn minh, số người mắc bệnh thần kinh càng nhiều, nơi nào càng ăn nhiều thịt cá, số người gây tội ác như bạo động, sát nhân càng gia tăng.

Một người đi trên đường đạo và mở rộng lòng thương không thể tiếp tục ăn thịt cá vì nó ngăn trở việc phát triển tâm linh. Có người không đồng ý với tôi và lý luận rằng các loài ăn cỏ như trâu bò đâu phát triển tâm linh hay có tiến bộ gì! Điều tôi muốn trình bày là việc ăn rau cỏ chỉ là những yếu tố trợ giúp cho sự phát triển cá nhân, tránh mang vào thân thể những nguyên tử ô trược, nặng nề mà thôi. Ngoài ra, người ta còn phải thực hành các quy tắc cần thiết để kiểm soát thân cũng như tâm và học hỏi để phát triển những quang năng giúp họ tiến hóa. Các loài ăn cỏ như trâu bò chưa phát triển về lý trí mà sống bằng bản năng nên không phát triển tâm linh như loài người được, nhưng vì chỉ ăn rau cỏ nên bản tính của chúng thường hiền hòa không quá hung dữ như loài cọp beo.

Các hiền triết trên Tuyết Sơn còn cho biết thực phẩm có ảnh hưởng rất lớn đến văn hóa, phong tục và sự phát triển của các quốc gia. Nếu để ý quan sát, người ta sẽ thấy dân trí của những quốc gia tiêu thụ thực phẩm như rau trái, ngũ cốc thường hiền hòa, thuần hậu so với các quốc gia tiêu thụ nhiều thịt cá. Mỗi quốc gia đều có mức độ tiến hóa khác nhau tùy theo trình độ hiểu biết của các cá nhân sống trong đó. Một quốc gia phát triển huy hoàng là nhờ những linh hồn đã tiến hóa rất cao đầu thai vào đó để xây dựng, giúp cho xã hội trở nên phồn thịnh. Một quốc gia suy kém là do những linh hồn kém cỏi đầu thai vào để phá hoại khiến nó chóng suy tàn. Thời gian hưng thịnh hay suy tàn của một nước hoàn toàn do tập thể sống trong đó biết cách gìn giữ, bảo vệ và xây dựng hay chỉ biết hưởng thụ, tiêu pha những gì họ có thể sử dụng được. Ngày nay, đa số mọi người đều thẩm định trình độ phát

triển quốc gia qua những tiêu chuẩn vật chất và cho rằng sự văn minh và tiến bộ của một quốc gia phải được xây dựng trên những lực lượng quân đội hùng mạnh hay đời sống xã hội với nhiều tiện nghi vật chất. Không mấy người hiểu rằng giai đoạn phát triển của một quốc gia hoàn toàn dựa trên những tiêu chuẩn thuộc phạm vi tinh thần và khi quốc gia đó bước vào địa hạt của những giá trị vật chất thì nó đang ở trong tiến trình suy thoái rồi. Hãy nhìn lại lịch sử, chúng ta đã học được gì ở những nền văn minh thời cổ như Ai Cập, Ba Tư, Hy Lạp, La Mã hay những nền văn minh cổ xưa hơn nữa như Atlantis, Toltec và Lemuria. Tất cả những nền văn minh này sau giai đoạn phát triển cực thịnh đã suy tàn nhanh chóng vì người dân không biết gìn giữ gia sản tâm linh quý báu mà chỉ lo thụ hưởng những tiện nghi vật chất.

Có người hỏi tôi: Nếu như thế thì người ta phải làm gì để góp phần xây dựng cho sự tiến bộ chung của nhân loại? Theo tôi, người ta cần tu tâm sửa tính, loại bỏ các lầm lạc do sự thiếu hiểu biết về mình để cho con người thật hay Chân ngã hiển lộ. Trong đời sống này, người ta cần hướng tầm mắt lên những điều cao thượng, vượt các sự việc nhỏ nhen để tránh hao tốn thời giờ hay năng lực vào những việc vô ích. Điều này không có nghĩa là chúng ta phải ngoảnh mặt trước các công việc bé nhỏ. Đôi khi một việc nhỏ lại có ý nghĩa lớn lao trong khi một việc dường như to tát lại hóa ra tầm thường nếu chúng ta không biết phân biệt rõ ràng. Giá trị mọi việc hoàn toàn tùy thuộc vào tinh thần làm việc hay động năng thúc đẩy người làm việc đó. Nếu người ta hành động với một tâm hồn trong sạch thì các khiếm khuyết về kỹ thuật không quan trọng lắm. Khi đã hiến mình cho lý tưởng cao thượng, con người cần đặt trọn vẹn tâm hồn vào mục tiêu cao cả đó và khi nào họ đã quên mình trọn vẹn, thì việc làm đó mới thực sự tốt đẹp vẹn toàn.

Tôi đã gặp nhiều người thích làm việc từ thiện, xã hội nhưng lại xem việc này như cơ hội để họ tự đề cao cá nhân. Đó không phải việc làm chân chính mặc dù họ đạt được kết quả khả quan. Một việc tốt nhưng làm bởi mục đích ích kỷ cũng khiến cho nó mất giá trị rất nhiều. Tôi đã gặp nhiều người có khả năng hoạt động rất cao nhưng vì thiếu ý thức nên họ chỉ hoạt động hữu hiệu khi được mọi người xung quanh tán thưởng hay để ý đến. Tuy thành công nhưng động năng thúc đẩy họ làm việc đó lại hoàn toàn vì quyền lợi riêng chứ không phải lợi ích chung. Thánh Francis thành Assisi*** đã hỏi: "Có ai đã phụng sự Thượng Đế mà không đòi hỏi gì không?". Ngài giải thích rằng chỉ có sự làm việc chân thành, không mong cầu, không ao ước, không xin ban thưởng gì khi còn sống cũng như không mong được vào Thiên Đàng khi chết, mới là phụng sự chân chính và trong sạch nhất. Ngài nhấn mạnh: "Chỉ

những ai làm được điều đó mới xứng đáng thành người ban rải tình thương của Thượng Đế". Thử hỏi trong xã hội văn minh tiến bộ hiện nay, đã mấy ai có thể phụng sự chân thành như thế?

(***) *Thánh Francis thành Assisi còn gọi là Thánh Francis Khó Khăn, là một tu sĩ Công giáo đã sáng lập ra Dòng Anh Em Hèn Mọn. Giáo hội xem ông là Thánh bổn mạng của loài vật, chim trời, môi trường và nước Ý. Ngày lễ kính Thánh Francis là 4 tháng 10.*

CHƯƠNG 5

Việc học hỏi với các hiền triết trên Tuyết Sơn không diễn ra trong lớp học như nhiều người thường nghĩ mà trong sự gặp gỡ, sinh hoạt hoặc qua sự liên lạc bằng tư tưởng. Hàng ngày, các đệ tử thường kéo đến tụ họp trước nhà các ngài để nghe dạy bảo. Phần lớn những người này sống ở các làng mạc xung quanh vùng, nhưng thỉnh thoảng cũng có một số người ở xa tìm đến. Mặc dù thầy và trò có thể liên lạc bằng tư tưởng qua cây cầu tâm thức nên việc gặp gỡ thường xuyên để học hỏi không hẳn là cần thiết nhưng nhiều người vẫn thích tìm đến để được khuyên dạy trực tiếp.

Hôm đó sau khi vắn tắt vài lời với các học trò, hiền triết Kuthumi đã quay qua một đệ tử đến từ miền nam xứ Ấn và ân cần khuyên: *"Này Ajuta, cho đến nay, con đã thi hành rất đúng đắn những công việc ta giao phó cho con. Ta đã đưa đến cho con nhiều cơ hội để phụng sự nhân loại và lần nào con cũng làm một cách trọn vẹn. Từ nay, ta sẽ trao cho con nhiều cơ hội quan trọng hơn nữa, và sự tiến bộ của con sẽ tùy nơi con hành xử những việc đó. Con cần biết rằng sự hoàn hảo trong những công việc nhỏ sẽ dẫn dắt đến những việc lớn hơn. Con có một khả năng thương yêu rộng rãi, đã gieo rắc những điều tốt lành khắp nơi nhưng con chớ nên tự mãn. Ta thấy trong bông hoa tâm linh của con vẫn còn ẩn nấp những con sâu nhỏ của sự kiêu hãnh mà nếu con không cẩn thận, một con sâu nhỏ có thể làm hư hại cả một đóa hoa tươi đẹp. Này Ajuta, con cần phải khiêm tốn hơn nữa nếu muốn đạt đến sự minh triết cao cả và ngay khi đạt được sự minh triết ấy rồi thì con lại càng phải khiêm tốn hơn nữa. Con cần trau dồi đức tính này cho đến khi nào nó hoàn toàn thấm nhuần khắp làn da, thớ thịt trong thân con, chi phối mọi tư tưởng của con, cho đến khi con không còn thấy có việc để làm, có người để giúp đỡ thì con mới đạt đến sự hợp nhất thực sự".*

Ngài quay sang một đệ tử khác, ôn tồn nói: *"Này Deependra, ta biết tâm nguyện của con là phụng sự nhân loại nhưng con đường này đòi*

hỏi một sự cảnh giác không ngừng. Lý tưởng quên mình để lo cho người khác là tấm khiên chắc chắn giúp con chống lại những tư tưởng nhỏ mọn vẫn còn lởn vởn quanh tâm thức con. Chỉ một giây xao nhãng, nó sẽ gây trở ngại cho con. Ta biết sự an lạc chưa đến với con trong lúc này. Ta cũng biết những người đang chung sống với con không hiểu con, không giúp đỡ gì cho con, nhưng việc chính của con là tiếp tục con đường mà con đã chọn. Con chớ tự mãn với thành tích đạt được mà phải tiếp tục đi nữa. Một kẻ phụng sự không bao giờ được ngơi nghỉ khi thế gian còn cần đến họ. Kẻ đi trên đường phụng sự phải biết chịu đựng những đắng cay, chua chát mà người thế gian, vì không hiểu biết, đã tạo ra cho họ. Mọi sự bất mãn, khó chịu hay những lời nói, dù chỉ để biện minh việc làm của mình, cũng cần phải tránh. Hãy giữ thái độ yên lặng, khiêm tốn và đừng bao giờ làm gì mà không suy nghĩ trước rằng điều mình nói ra có dễ nghe và hữu lý hay không. Ta biết con đã cố gắng rất nhiều nhưng con cần phải cố gắng hơn nữa để dẹp bỏ những tư tưởng vô ích đang lẩn quẩn trong đầu óc của con. Ngay những lý luận để giải thích về việc làm của mình cũng là điều không cần thiết. Kẻ đi trên đường phụng sự nhân loại phải biết lấy sự thiệt thòi của mình làm hành trang, lấy tình thương làm phương châm xử thế với mọi người vì không có tình thương thì mọi việc làm chỉ là những điều vô ích, như nước tưới lên sa mạc mà thôi. Này Deependra, con đã lựa chọn con đường hy sinh và biết trước rằng đây là con đường đầy chông gai, hiểm trở rất khó đi. Con cần ý thức thêm rằng kẻ đi trên đường này không làm những gì họ thích mà chỉ làm những gì để giúp đỡ người khác thôi. Giây phút nào mà con không sử dụng để giúp đỡ người khác thì đó là giây phút lãng phí. Tuy nhiên con không đi trên con đường này một mình vì hiện nay có nhiều người khác cũng đang phụng sự nhân loại như con và họ cũng đang trải qua những điều mà con đang kinh nghiệm. Con đừng bỏ lỡ cơ hội để phụng sự thế gian, mặc dù ta vẫn thường xuyên dõi theo con nhưng ta không thể làm việc này thay cho con được. Sự cố gắng phải do chính con tạo ra. Con hãy làm một cách chu đáo và trung thành với lý tưởng cao quý mà con đã chọn. Ta ban ân huệ cho con".

Ngài mỉm cười và nói với một đệ tử khác đến từ Mumbai: *"Hỡi Deshanda, ta rất vui khi biết con đã làm được nhiều điều tốt trong việc hướng dẫn, giúp đỡ những người thấp kém hơn con. Không việc gì tốt đẹp hơn việc giúp người và nhờ vậy con đã gặp lại một người bạn cũ. Ta biết hai con đã từng làm việc với nhau trong nhiều kiếp nên lần này công việc chung sẽ có nhiều hiệu quả tốt đẹp hơn. Hai người chắc chắn phải hơn một người rồi! Con đã khởi sự đúng đắn, vậy con hãy tiếp tục công việc đã được giao phó với lòng tin sắt đá rằng con đã đi đúng con đường mà con đã chọn từ nhiều kiếp trước đây".*

Một người không có kiến thức về sự liên hệ giữa thầy và trò của

người phương Đông chắc hẳn sẽ ngạc nhiên và tự hỏi làm sao một người sống ẩn dật trên rặng Tuyết Sơn hoang vu lại có thể biết rõ tư tưởng và hành động của những người sống trong thành phố cách đó hàng ngàn dặm? Rõ ràng, đây là bằng chứng rất rõ về cây cầu tâm thức và sự hướng dẫn học trò của các vị thầy phương Đông. Các ngài thường xuyên theo dõi và liên lạc với học trò bằng phương pháp "thần giao cách cảm" mà khoa học ngày nay chưa thể giải thích.

Có người nói với tôi rằng các bậc hiền triết ắt hẳn phải có những lời dạy bảo cao siêu chứ những lời nói trên quá giản dị, làm sao có thể hướng dẫn giúp ai trong đời sống phức tạp, quay cuồng! Họ không biết rằng các hiền triết vốn rất ít nói và khi nói, các ngài đều sử dụng những lời khuyên chân thành, giản dị để đi thẳng vào lòng người. Người đi trên đường đạo là người biết từ bỏ cái thế giới của họ để bước vào thế giới của các hiền triết, nghĩa là biết gạt bỏ những hình thức hào nhoáng của ngôn ngữ để bước vào thế giới của tư tưởng, mà trong đó mọi sinh hoạt đều giản dị với những nguyên tắc rõ ràng, minh bạch. Họ phải biết sống chân thật, hồn nhiên vì đây là chìa khóa để mở cánh cửa tâm linh mầu nhiệm vẫn khép kín từ trước đến nay. Đức Jesus đã dạy: "Các ngươi không bao giờ có thể bước chân vào Thiên Đàng trừ khi các ngươi thức tỉnh và trở lại ngây thơ như con trẻ". Phải chăng điều này có nghĩa rằng người ta không thể nào bước vào thế giới tâm linh khi trong lòng còn ham thích những hình thức bên ngoài, những hào nhoáng của ngôn ngữ và quan niệm tham lam ích kỷ của thế gian?

Truyền thống giáo dục phương Đông không tổ chức thành lớp học hay phân chia trình độ học trò như phương Tây. Các hiền triết tuyển chọn học trò, quy tụ thành nhóm để dạy đạo nhưng các ngài không giảng dạy nhiều nên học trò học được gì đều do sự quan sát cách hành xử của thầy. Phương pháp giáo dục này được gọi là "Thân giáo", không dạy bằng lời nhưng bằng hành động, và theo tôi, đây là đường lối giáo dục chân chính nhất. Người phương Tây lại thích những vị thầy có tài hùng biện nhưng phần lớn những người này chỉ có khả năng sử dụng ngôn ngữ tài tình chứ thật ra bên trong chưa chắc đã có gì. Vì các hiền triết đã đạt đến trình độ tiến hóa cao nên quanh các ngài đều có những rung động tốt lành và học trò gần cận sẽ tiếp nhận được ảnh hưởng thanh cao đó. Nếu họ phát triển các đức tính cao thượng và có những rung động tương tự thì sự cảm thông giữa thầy và trò trở nên vô cùng mật thiết. Khi đó họ không cần phải sử dụng ngôn ngữ nữa, mà có thể thông cảm nhau qua tư tưởng vì họ có thể đọc rõ tư tưởng của nhau một cách dễ dàng. Một vị thầy như thế sẽ hiểu rõ

học trò hơn ai hết và có thể giúp học trò phá vỡ những thành kiến sai lầm, để quán triệt chân lý một cách hiệu quả. Vì trình độ học trò không giống nhau nên các vị thầy phải áp dụng những phương pháp khác nhau để hướng dẫn. Do đó đường lối giáo dục của người phương Đông không chú trọng đến số lượng mà đề cao đến phẩm hạnh. Sự quy tụ họ thành một nhóm cùng nhau tu học cũng tạo ra những luồng tư tưởng hỗ tương, giúp cho sự phát triển các đức tính cao đẹp nói chung.

Sau thời gian dự bị (Probation), những người vượt qua các thử thách sẽ được tuyển chọn thành đệ tử chính thức. Đây là một thay đổi lớn trong đời người đệ tử và cũng là lúc cây cầu tâm thức giữa thầy và trò được nối liền vĩnh viễn. Tôi muốn nhấn mạnh rằng được thu nhận làm đệ tử chỉ là bước đầu của con đường đạo. Người đệ tử càng phải học hỏi, phát triển các khả năng phụng sự hơn nữa để tiến hóa thành người hướng dẫn, để trở thành những bậc thầy, những bậc hiền triết.

Tôi xin thuật lại một cuộc lễ nhập môn chính thức như sau:

Hôm đó, đám học trò chúng tôi đến nhà hiền triết Kuthumi. Chúng tôi thấy ngài và hiền triết Morya đang đàm đạo với nhau nên rụt rè đứng chờ ngoài hành lang. Vừa thấy chúng tôi, hai ngài đã ra dấu cho chúng tôi bước vào. Sau khi chờ cho chúng tôi an tọa thì hiền triết Kuthumi quay sang Miranda, một đệ tử dự bị đã theo học với ngài từ nhiều năm và nói: "Này Miranda, con có sẵn sàng làm việc dưới sự hướng dẫn của ta và cương quyết hiến mình để phụng sự nhân loại không?"

Tôi biết rõ Miranda rất tôn kính đức Kuthumi và đã hoàn tất rất nhiều việc mà ngài giao phó nên không ngạc nhiên khi thấy anh này cung kính trả lời rằng đã sẵn sàng. Hiền triết Kuthumi mỉm cười nói: "*Ta rất hài lòng về những cố gắng của con và hy vọng rằng con sẽ tiếp tục như thế. Việc làm và lòng dũng cảm để vượt qua những khó khăn, thử thách của con thật đáng khen; do đó ta quyết định thâu ngắn thời kỳ dự bị của con. Ta rất mừng khi thấy con đã lựa chọn con đường ngắn nhất nhưng khó nhất là hy sinh tất cả để hướng dẫn người khác cùng đi trên con đường phụng sự này. Lòng thương yêu chân thành của con là một sức mạnh rất lớn và ít ai có thể giữ vững nó một cách hoàn toàn tinh khiết, không ô nhiễm. Con đã làm được điều này và sự tiến bộ của con hoàn toàn do chính con đã giữ được ngọn lửa bác ái trong tâm hồn luôn luôn chói sáng dù trong bất kỳ hoàn cảnh nào. Con đã phát triển tinh thần độc lập và ý chí bất khuất trước mọi nghịch cảnh, nhưng ta mong con sẽ phát triển thêm về sự phân biệt và khả năng quyết định mau chóng hơn nữa. Nếu*

thấy sự gì cần làm thì con hãy làm ngay chứ đừng đắn đo suy nghĩ nữa. Dù sao con đã cư xử đúng đắn trên nhiều lĩnh vực và ta rất hài lòng về sự tiến bộ của con".

Ngài ngưng nói, chăm chú nhìn Miranda rồi đưa tay đặt lên đầu anh này với một cử chỉ âu yếm: *"Ta thâu nhận con làm đệ tử chính thức theo đúng các nghi thức cổ truyền".*

Khi ngài vừa dứt lời thì căn phòng chợt bừng sáng lên bởi một luồng ánh sáng thiêng liêng. Hầu như mọi người hiện diện đều được thấm nhuần luồng từ điện phát ra nơi ngài và cảm thấy bình an vô tả. Đức Morya cũng lên tiếng: *"Con còn trẻ mà đạt đến trình độ này quả thật là hiếm có. Ta có lời khen ngợi. Kể từ nay con hãy cố gắng sống làm sao cho xứng đáng với trình độ mà con đạt được".*

Buổi lễ nhập môn diễn ra giản dị như thế thôi nhưng về sau tôi được biết, nếu người ta quan sát nó qua khả năng Thần Nhãn (The Third Eye) thì họ sẽ thấy những luồng ánh sáng rực rỡ phát ra quanh vị thầy bao trùm lên học trò. Khi vị thầy đặt tay lên đầu học trò thì luồng hào quang của thầy đã bao phủ và hòa hợp với luồng hào quang của học trò. Lúc đó tâm thức học trò sẽ rung động đồng nhịp với tâm thức của thầy. Cây cầu tâm thức giữa thầy và trò được hoàn tất và từ đó dù xa cách muôn trùng, tâm thức của học trò sẽ vĩnh viễn rung động đồng nhịp với tâm thức của vị thầy. Nhờ những rung động thanh cao này mà các giác quan cao thượng của học trò sẽ được khích động và khai mở. Nếu học trò tiếp tục học hỏi, biết cư xử đứng đắn thì họ sẽ trở thành một con đường vận hà của những luồng thần lực rất lớn và từ đó việc gì họ cũng có kết quả vô cùng tốt đẹp.

Không một người nào được thâu nhận làm đệ tử nếu họ không biết cách hướng dẫn luồng thần lực vĩ đại đó từ trong tâm hướng ra ngoài để giúp đỡ người khác. Thông thường người ta chỉ muốn thu hút chứ mấy ai muốn cho ra và nếu có cho ra chút gì thì họ lại muốn thu vào nhiều hơn thế nữa. Vì thói ích kỷ này mà con người chỉ thu hút được những tư tưởng lộn xộn, tiêu cực khiến tâm hồn họ trở nên lạnh lùng, chai đá. Một người đã được chọn làm đệ tử phải biết cách hướng dẫn luồng thần lực mà y nhận được từ vị thầy để ban phát cho muôn loài chúng sinh. Tâm thức của người đệ tử có thể ví như một cái phễu đón nhận luồng thần lực từ cõi cao tuôn tràn xuống để phân phát cho người xung quanh. Vì là người ban rải tình thương nên tâm hồn của họ trở nên phong phú khiến họ biến thành một khí cụ hoàn hảo hơn trên con đường đạo.

Một đệ tử phát nguyện làm kẻ ban rải tình thương sẽ thường xuyên cảm thấy một sức mạnh nồng nhiệt của luồng thần lực dồi dào, của khối tình thương từ cõi trên chuyển xuống đi xuyên qua thân thể họ như một khối lửa. Nếu biết tập trung tư tưởng theo dõi luồng thần lực đó đi về đâu thì họ có thể biết được các đấng cao cả đang ban phát ân huệ, gieo rắc các rung động tốt lành như thế nào. Tuy nhiên người đệ tử cần ý thức rõ ràng rằng họ chỉ là con đường vận hà của luồng thần lực phát xuất từ vị thầy và vị thầy cũng chỉ là con đường vận hà của những luồng thần lực phát xuất từ các đấng cao cả hơn mà thôi. Một hiểu lầm tai hại của những người vừa sở hữu khả năng này là sự đồng hóa mình với luồng thần lực vĩ đại kia. Vừa kinh nghiệm được chút ít quyền năng, họ lầm lạc nghĩ rằng mình đã đắc thần thông, sở hữu quyền năng, chứng đắc quả vị này nọ và có quyền ban phúc, giáng họa cho mọi người. Thay vì khiêm tốn thực hành những điều cao đẹp đã được dạy bảo, họ lại để cho Bản ngã phát triển và nghĩ rằng mình đã trở thành một "đấng" nào đó có phép thần thông biến hóa. Một số tự xưng là thầy, là tổ sư, hay tệ hơn nữa, tự nhận mình là giáo chủ có quyền phép để thành lập môn phái, thu nhận đệ tử, bành trướng thế lực, để thỏa mãn các ước vọng thầm kín. Họ quên rằng khi vừa được nhận làm đệ tử, họ chỉ là kẻ mới nhập môn, vừa đặt chân vào con đường tiến hóa chứ chưa đi được bước nào đáng kể. Dù đã vượt qua vài thử thách nhưng đường đạo còn dài, đầy chông gai thử thách mà chỉ một số ít đi trọn vẹn để trở thành các bậc hiền triết. Do đó tôi không ngạc nhiên khi thấy một vài đệ tử sau một thời gian làm việc bỗng đổi tính, làm những việc kỳ lạ, như tự xưng có địa vị rất lớn, thu nhận học trò bừa bãi rồi đi lạc vào con đường tà muội, khác hẳn với mục đích cao đẹp ban đầu.

Tất nhiên vị thầy theo dõi tâm thức học trò và biết rõ việc này hơn ai hết; nhưng vì hiểu rõ luật Nhân quả nên họ không can thiệp mà để cho luật vũ trụ hành động. Họ chỉ cắt đứt cây cầu tâm thức giữa thầy và trò, và rút đi luồng ân huệ mà họ đã chuyển qua cho học trò. Thật là bất ngờ khi học trò bị ngăn cách với vị thầy như thế. Tôi đã thấy một vài người chới với, hụt hẫng. Họ mất hết quyền năng, trở lại là một người bình thường như trăm ngàn người khác. Lúc đó họ chỉ có hai giải pháp để chọn lựa: Một là ăn năn sám hối vì biết mình chưa kiềm chế được Bản ngã, xin trở về tu học với vị thầy cũ để rèn luyện tâm tính, xem việc vừa xảy ra như một thử thách mà họ đã thất bại. Hai là tiếp tục con đường tà muội dưới các hình thức quảng cáo, khoe khoang sự hiểu biết của họ trong quá khứ và sử dụng mánh khóe tiểu xảo để bịp đời. Phần lớn đều chọn giải pháp thứ hai vì ít ai có thể kiềm chế được Bản ngã. Họ trở thành những thầy pháp, thầy phù thủy, hay giáo chủ

của tôn giáo mà họ đã tạo ra để lôi cuốn những kẻ hiếu kỳ, nhẹ dạ. Họ sử dụng các hình thức quảng cáo, hứa hẹn quàng xiên và hưởng thụ những phẩm vật dâng cúng của tín đồ. Và họ sẽ phải gặt hái hậu quả vì gieo nhân nào gặt quả đó vì luật vũ trụ không bao giờ sai trật.

Con đường tinh thần là một lối đi mà trong đó con người hoàn toàn tự do quyết định số phận của mình. Họ có thể tiến hoặc lùi, đi nhanh hoặc đi chậm và hoàn toàn lãnh chịu mọi hậu quả hành động của mình theo các định luật vũ trụ như Luân hồi, Nhân quả. Bước vào cửa đạo là một bước tiến rất lớn nhưng càng lên cao, thử thách càng lớn; càng đắc quả lớn, thử thách càng khó khăn hơn. Do đó các hiền triết luôn luôn khuyên học trò phải biết khiêm tốn, quay vào bên, thẩm xét chính mình để kiểm soát Bản ngã nên làm những việc phù hợp với trình độ và khả năng của mình mà thôi.

Tôi đã gặp nhiều người có tinh thần phụng sự rất cao, làm được nhiều việc đáng kể nhưng họ quá mải miết với việc giúp người mà lãng quên công phu tu tập của chính mình. Họ quá say mê việc cứu nhân độ thế mà lại chểnh mảng việc quán xét nội tâm để kiểm soát Bản ngã. Sau một thời gian, họ để Bản ngã chi phối lúc nào không biết. Họ trở nên kiêu ngạo, thích dạy bảo người khác, muốn được người đời xưng tụng. Họ ra những chương trình lớn lao mà quên rằng khả năng của họ còn giới hạn nên ít khi thành công.

Trên đường tinh thần, việc giữ quân bình trong tư tưởng và hành động đòi hỏi một công phu tu tập với kỷ luật tự giác rất cao. Từ ngàn xưa, các đấng giáo chủ đã đặt ra những giới luật nghiêm cẩn để giúp các tín đồ tránh các cám dỗ lầm lạc này. Tiếc thay ngày nay nhiều người không hiểu rõ lợi ích của các giới luật đó mà cho rằng nó chỉ là những điều đã lỗi thời, làm cho mất tự do nên không mấy ai tuân hành cẩn thận. Có lẽ vì thế mà ngày nay không mấy người đi xa trên đường tinh thần so với thời xưa.

Dù đã được các hiền triết thu nhận hay mới chỉ trong giai đoạn dự bị, người đệ tử cần ý thức rằng đây là một con đường hết sức chông gai, đầy thử thách chứ không bằng phẳng dễ đi. Do đó, người đi phải tập tính kiên nhẫn cương quyết đi cho đến cùng, mặc dù thất bại nhiều lần. Bất kể vấp ngã bao lần, họ vẫn phải đứng dậy dũng mãnh tiến bước. Dù đó là thử thách lần đầu hay lần thứ mấy trăm ngàn họ vẫn phải bền chí vì mỗi thất bại là một bài học mà họ cần phải học, mỗi vấp ngã là một kinh nghiệm mà họ cần phải trải qua. Chỉ như thế họ mới khắc phục được những khó khăn sau này vì sự tiến hóa của con người không giới hạn trên

địa hạt vật chất mà còn cả lĩnh vực tinh thần.

Theo các hiền triết trên Tuyết Sơn, sự rèn luyện ý chí, trau dồi phẩm hạnh và kiểm soát tư tưởng có ảnh hưởng rất lớn đối với những giác quan tế nhị và tinh vi của phần tinh thần. Bình thường, có nhiều việc mà con người không thể làm được vì giới hạn vật chất nhưng nếu biết áp dụng những giác quan thuộc phần tinh thần, con người có thể làm được nhiều việc phi thường. Thí dụ, một người bình thường không thể nhấc tảng đá nặng một tấn lên được, dù đó là một lực sĩ khỏe mạnh đã tập luyện cẩn thận vì bắp thịt con người có giới hạn. Tuy nhiên với sự luyện tập ý chí và sử dụng giác quan của thể tinh thần, người ta có thể nhấc tảng đá hàng tấn lên một cách dễ dàng. Điều này xét ra có vẻ khó tin và phản khoa học, nhưng khoa học xây dựng trên căn bản giới hạn của vật chất không thể giải thích được những hiện tượng siêu nhiên vượt ngoài áp lực vật chất được. Trong thời gian sống trên Tuyết Sơn, tôi đã chứng kiến nhiều điều mà một người bình thường cho là "phép lạ". Tôi đã thấy có những đạo sĩ có thân thể gầy gò, mình hạc sương mai nhưng có thể nhấc bổng những tảng đá khổng lồ, nặng cả tấn lên để lấp cửa hang vì không muốn ai quấy nhiễu sự tĩnh tu của họ. Một số người khác mặc áo mỏng ngồi thiền trên tuyết lạnh ngày đêm mà không hề hấn gì. Hiển nhiên, họ không sử dụng bắp thịt mà áp dụng một sức mạnh nội tạng, một sức mạnh siêu nhiên mà khoa học chưa thể giải thích. Họ không làm thế để biểu diễn mà làm nó một cách tự nhiên như hàng trăm việc tương tự vẫn xảy ra trên rặng núi quanh năm phủ đầy tuyết trắng này.

Hiền triết Kuthumi cho biết: *"Con người sử dụng giác quan thể xác vì đó là những hành động tự nhiên như đi đứng, nằm ngồi nhưng thật ra thể xác chỉ hoạt động dưới sự kiểm soát của tư tưởng. Nếu không có tư tưởng, thể xác kinh tế không thể hoạt động"*. Tư tưởng có trước hành động, tư tưởng ra lệnh cho giác quan hành động. Tuy nhiên vì thói quen, đa số đã hành động một cách tự nhiên chứ không quan tâm tới việc này. Do đó, tư tưởng của họ trở nên máy móc vì họ không ý thức đến nó nữa. Một tư tưởng máy móc sẽ đưa đến những hành động có tính cách máy móc. Thiếu sự ý thức của tư tưởng, mọi hành động của con người sẽ trở nên vô ý thức. Trong cuộc sống vội vã hiện nay, con người đã ít nhiều bị điều kiện hóa bởi các yếu tố xung quanh nên đầu óc của họ càng ngày càng lệch lạc, toan tính, không thể kiểm soát tư tưởng được nữa. Do đó, họ sống và hành động theo thói quen của tập quán, xã hội và tiêm nhiễm mọi thói hư tật xấu. Trong tiến trình tu tập, việc kiểm soát tư tưởng hết sức quan trọng vì có kiểm soát được tư tưởng hoàn toàn thì họ mới có thể sai khiến được mọi giác quan, kể cả những

giác quan thuộc về tinh thần và làm được nhiều điều phi thường.

Khi sống trên Tuyết Sơn, tôi gặp một đạo sĩ chỉ khoác tấm áo mỏng ngồi thiền trên băng tuyết. Khi hỏi về cách luyện tập thì ông cho biết nếu con người nghĩ rằng thân thể của họ không thể chịu nổi thời tiết giá lạnh thì không bao giờ họ có thể làm được việc này. Khi đã có những tư tưởng tiêu cực thì không bao giờ người ta có thể làm những việc tích cực được. Vì khoa học đã nói rằng thân thể con người không thể chịu đựng được thời tiết lạnh gắt gao và mọi người tin như thế nên đa số không thể làm được việc này. Mặc dù đạo sĩ cho biết rằng ông đã được thực hành một phương pháp khí công, thở hít và dẫn hơi thở đi khắp thân thể theo các kinh mạch đặc biệt, nhưng theo ông, đó chỉ là việc phụ và tư tưởng vẫn là yếu tố chính. Ông kết luận: *"Bất cứ ai cũng có thể học phương pháp khí công nhưng rất ít ai có thể mình trần ngồi trên tuyết lạnh trong nhiều ngày mà không hề hấn gì, trừ khi họ có một tinh thần vững mạnh và công phu kiểm soát tư tưởng rất cao".*

Một số người thắc mắc về cây cầu tâm thức giữa thầy, trò và tỏ ra nghi ngờ về hiện tượng này, nay tôi xin kể một việc đã xảy ra với chính tôi như sau: Lần đó hiền triết Kuthumi nhờ tôi chuyển giao thông điệp cho một nhân viên cấp cao trong Chính phủ Anh mà tôi không hề quen biết. Lúc đó, tôi đã trở về Luân Đôn trông coi giáo khu Bramshott thì nhận được thông điệp bằng tư tưởng này. Tôi lúng túng không biết phải làm gì nhưng khi sư phụ đã yêu cầu thì tôi phải hoàn tất. Sau một lúc đắn đo, tôi liên lạc với văn phòng Thủ tướng để gặp nhân viên nọ. Khi bước vào phòng làm việc của ông, tôi lễ phép nói: *"Thưa ông, sư phụ tôi có nhờ tôi chuyển cho ông một bức thư riêng. Tôi không có bằng chứng gì để chứng minh với ông rằng đây là bức thư của thầy tôi nên xin tùy ông muốn nghĩ thế nào cũng được".* Nói xong, tôi đưa bức thư mà chính tay tôi đã viết ra giấy sau khi đọc được thông điệp bằng tư tưởng, dĩ nhiên tôi biết rõ nội dung bức thư, trên hình thức nó không có gì quan trọng, chỉ vài lời thăm hỏi thân hữu nhưng bề ngoài giản dị đó lại hàm chứa những ẩn nghĩa sâu xa mà người ngoài cuộc không thể hiểu được.

Vừa đọc xong bức thư, ông ta đã nồng nhiệt nói ngay: *"Xin đức Giám mục đừng ngại vì tôi nhận ra ngay luôn lối hành văn của đức Kuthumi. Không ai có thể mạo nhận lời văn như thế được. Có lẽ Giám mục không hiểu được tầm quan trọng của bức thư này đâu nhưng tôi xin cám ơn ngài đã mang đến đây cho tôi bức thư này để giúp tôi giải quyết được một vấn đề nan giải khiến tôi bận tâm suy nghĩ bao lâu nay".* Sau này tôi được biết bức thư đó rất quan trọng và có tầm ảnh hưởng rất lớn đối với hoàn cảnh châu Âu lúc đó, nhưng thú

thật tôi vẫn không hiểu nội dung bức thư nói gì mặc dù chính tôi là kẻ đã viết nó ra giấy.

Nhờ cây cầu tâm thức liên kết giữa thầy và trò mà đôi khi người đệ tử có thể thẩm định tư tưởng của mình theo đường lối suy nghĩ của vị thầy. Họ có thể nhận định, hòa nhập tư tưởng của mình với tư tưởng của thầy để kiểm điểm xem việc làm của mình như thế nào trước khi quyết định. Điều này cũng như việc sử dụng một cái thước để đo lường một vật gì chứ không phải việc thụ động nhờ thầy quyết định giùm vì các hiền triết không bao giờ bị học trò lạm dụng điều đó. Đây là phương pháp so sánh tư tưởng trước một việc khó khăn để kiểm điểm sự thẩm định của người đệ tử đó có đi đúng con đường đã định hay phù hợp với những tiêu chuẩn một cách đúng đắn mà thôi.

Trên tiến trình tu học, việc kiểm soát tư tưởng, hành động, lời nói qua các phương pháp tu tập rất quan trọng. Thật ra việc này không quá khó khăn như nhiều người vẫn nghĩ nhưng vì đa số đã quen phóng túng, hành động bừa bãi, không ý thức về việc làm của mình nên ít ai chịu tuân theo kỷ luật một cách đúng đắn. Xã hội càng văn minh, đời sống càng trở nên phức tạp với những mong cầu, ham muốn và những thứ này đã trở thành một mãnh lực lôi cuốn tất cả vào một vòng quay không thể cưỡng lại được. Người đi trên đường đạo phải biết tu tập giữ cho thân, khẩu và ý được trong sạch, bỏ bớt cái ham muốn, mong cầu sống một cuộc đời giản dị để cho đời sống trở nên có ý nghĩa hơn. Càng giản dị bao nhiêu càng tránh được các phiền toái bấy nhiêu. Sống giản dị không có nghĩa là phải từ bỏ mọi tiện nghi của xã hội nhưng là một "thái độ sống" cho có ý thức, khác hẳn với những người sống vật vờ, vô ý thức, để cho hoàn cảnh xung quanh lôi cuốn. Con người cần biết sống làm sao để cho thân tuy sinh hoạt trong xã hội quay cuồng mà tâm không bị nó chi phối. Hằng ngày họ làm việc như mọi người nhưng với một tâm hồn an lạc, thảnh thơi. Muốn như vậy con người cần phải có một công phu tự chủ cho việc thực hành những phương pháp tĩnh tâm và thư giãn. Ngoài ra, họ cần ý thức thật rõ về hậu quả của những áp lực ghê gớm mà cuộc sống máy móc đã gây ra.

Hầu như ít ai ý thức về hậu quả của các tiếng động ồn ào náo nhiệt trong các thành phố lớn hiện nay. Những tiếng động này tạo ra những rung động bất thường, phá hoại hệ thần kinh con người mà đa số có lẽ vì đã quen nên không lấy thế làm khó chịu. Khi xưa sống tại Luân Đôn, tôi không biết gì về việc này cho đến khi từ Tuyết Sơn trở về, tôi mới ý thức được những tàn phá ghê gớm do tiếng động gây nên. Khoa học chỉ nói đến cường độ âm thanh làm

hỏng thính giác, nhưng chưa biết gì về hậu quả của những tiếng động liên tục đã âm thầm phá hoại bộ thần kinh con người như thế nào. Hầu hết mọi người sau một ngày làm việc trong các hãng xưởng đông đúc, khi về nhà thường cảm thấy mệt mỏi, khó chịu, tinh thần dã dượi. Đó là triệu chứng đầu tiên về ảnh hưởng của các rung động hỗn tạp lên hệ thần kinh. Các tiếng động với cường độ to nhỏ khác nhau này đã tạo ra một áp lực rất tế vi lên các thể tinh thần của con người. Vì các thể này chi phối tình cảm nên khi bị xáo trộn, nó tạo ra các rung động có tính cách đàn hồi khiến người ta dễ bực bội bởi những nguyên cớ lặt vặt không đâu. Đôi khi chỉ một việc rất nhỏ cũng có thể làm cho người ta nổi nóng, khó chịu. Với tinh thần căng thẳng xáo trộn như thế thì khó có thể tránh được các bệnh về thần kinh, và bằng chứng cho thấy xã hội càng văn minh, số người mắc bệnh thần kinh càng gia tăng.

Theo tôi, nếu không có giải pháp thích hợp thì số người khủng hoảng, thác loạn tinh thần sẽ gia tăng gấp bội và trở thành một căn bệnh thời đại. Hiển nhiên ai cũng biết nghỉ ngơi để lấy lại quân bình trong cơ thể là điều cần thiết, nhưng ít người ý thức sự nghỉ ngơi thực sự phải như thế nào. Đa số đều tìm sự nghỉ ngơi qua nhu cầu giải trí nên trong thời đại văn minh, người ta đã nghỉ ngơi bằng phát thanh hay máy quay dĩa*. Thay vì tinh thần được nghỉ ngơi hoàn toàn, nó lại phải chịu đựng thêm những tiếng động kích thích, ồn ào khác nữa nên hậu quả là con người dễ mất tự chủ hơn xưa. Vì tiếng động tạo ảnh hưởng rất tai hại trong hệ thần kinh nên sự nghỉ ngơi, tĩnh dưỡng trong yên lặng hoàn toàn là điều vô cùng cần thiết. Một người hiểu biết cần phải dành hẳn một thời gian nhất định trong ngày, ít nhất vài giờ, để nghỉ ngơi trong yên lặng, tránh những nhịp điệu không tự nhiên do cuộc sống máy móc gây ra. Khi đi làm về nhà, người ta cần nghỉ ngơi ít nhất nửa giờ trước khi khởi sự làm những việc khác. Có người cho rằng họ còn phải làm những việc trong nhà như dọn dẹp, nấu ăn vì việc sở đã chiếm hầu hết thời giờ trong ngày. Họ đã vô tình để cho cái đồng hồ sai khiến mà không biết rằng chỉ cần nghỉ ngơi khoảng nửa giờ rồi làm việc nhà thì họ vẫn có thể hoàn tất mọi việc một cách thoải mái và hiệu quả hơn. Nếu không biết phân chia thời giờ một cách hữu hiệu, dành thời gian tĩnh dưỡng tinh thần thì không bao giờ họ có thể tự chủ được. Thiếu tự chủ, họ sẽ trở thành nạn nhân của các áp lực vật chất và hậu quả là các căn bệnh hết sức tai hại mà họ phải trả một giá rất đắt sau này.

(*) *Thời đó khoảng năm 1924 chưa có ti-vi như ngày nay.*

Một áp lực khác của cuộc sống văn minh là sự lo âu, phiền muộn mà ít ai biết hậu quả của nó ảnh hưởng lên thân thể con người

như thế nào. Hiển nhiên ai cũng có lúc lo âu nhưng nếu ta cứ để cho nỗi lo này ám ảnh tâm trí mãi thì nó sẽ sinh bệnh. Sự lo lắng tạo ra các rung động bất thường lên các thể tinh thần, giống như một vết loét trong trí óc phá hoại hệ thần kinh và sau đó ảnh hưởng đến xác thân. Tâm và thân liên hệ với nhau mật thiết nên một khi tâm đã không an thì làm sao thân không sinh bệnh! Ngày nay khoa học chứng minh rằng sự lo âu có thể gây nên chứng loét bao tử nên người ta đã chế nhiều loại thuốc chống lại bệnh này. Tuy nhiên theo tôi, các loại thuốc này chỉ có tính cách xoa dịu cơn đau và ngăn chặn bao tử bớt tiết ra chất chua mà thôi. Thay vì trị tận gốc, người ta chỉ lo chữa các biến chứng nên bệnh sẽ không bao giờ tuyệt căn vì hết bệnh này sẽ sinh ra bệnh khác.

Sự lo lắng bắt nguồn từ một nguyên nhân sai lầm rằng con người có thể thay đổi mọi sự theo ý muốn. Rất ít ai ý thức rằng con người chỉ có thể kiểm soát được hành động chứ không thể kiểm soát được kết quả. Kết quả và hành động không phải là một tiến trình tất yếu, vì không phải hành động nào cũng đem lại kết quả như ý. Nếu con người biết rằng còn có những nguyên nhân khác chi phối kết quả thì có lẽ họ sẽ bớt lo lắng đi chăng? Một người đi trên đường đạo phải là người chỉ chú trọng đến việc làm của mình chứ không mong cầu hay lo lắng chờ đợi xem kết quả ra sao. Nhờ không để ý đến kết quả nên họ dứt được các nỗi ưu phiền vô ích và trở nên ung dung, tự tại. Khi không ưu phiền thì tâm hồn sẽ thảnh thơi, và khi tâm đã an thì thân cũng sẽ hết bệnh. Quy tắc chữa bệnh không phải việc điều trị các biến chứng mà phải trị tận gốc và đây là điều mà nền y khoa hiện tại đã thất bại. Một y sĩ đã thú nhận với tôi rằng làm dịu bớt đau đớn thì dễ nhưng trị tuyệt căn thì rất khó vì nó đòi hỏi rất nhiều công phu và thì giờ. Trong đời sống mà thời gian là tiền bạc, một y sĩ không thể bỏ quá nhiều thời giờ săn sóc cho một bệnh nhân mà phải lo cho các bệnh nhân khác. Thay vì chú trọng đến chất lượng, người ta lại nhấn mạnh đến số lượng; thay vì điều trị nguyên nhân, người ta chỉ lo xoa dịu các vết thương, nên bệnh tật vẫn là mối đe dọa rất lớn trong xã hội văn minh này.

Đời sống náo nhiệt ngày nay còn tạo ra một thói xấu khác là sự thích bàn luận, tranh cãi. Đây là hậu quả của nền giáo dục quá chú trọng đến sự tranh đua để thành công. Ngay từ khi còn nhỏ, học sinh đã được khuyến khích về sự cạnh tranh để đạt kết quả và điểm hạng cao trong các kỳ thi. Học trò được giáo dục rất kỹ rằng sự hơn kém trong lớp có ảnh hưởng rất lớn đến sự thành công của họ ngoài xã hội. Điều này tạo ra sự tranh đua giữa cá nhân và hậu quả là sự tranh chấp trong xã hội. Nhiều người trở nên hung hăng, có tâm hồn sôi nổi, thích cãi cọ tranh luận về bất kỳ đề tài gì. Họ

thích tranh cãi đến nỗi không còn biết mình đứng về khía cạnh nào của vấn đề nữa. Hãy nhìn các đại biểu ở Thượng viện nhiều quốc gia, họ là những người tiêu biểu cho tình trạng xã hội ngày nay, nghĩa là tranh cãi đến cùng để bảo vệ quyền lợi của mình, của phe nhóm mình. Sự tranh chấp làm nảy sinh hận thù, ghen ghét, bạo động và hậu quả của sự bất đồng ý kiến này là chiến tranh. Hiển nhiên với tinh thần tranh đua, háo thắng đó, người ta khó có thể đi trên đường tinh thần, vì một người đầu óc lúc nào cũng sôi nổi, sẵn sàng tranh luận, cãi vã về bất cứ đề tài gì và chỉ cần một khiêu khích nhẹ cũng bùng nổ thì khó có thể giúp đỡ ai được.

Ngoài sự nông nổi, hung hăng, con người ngày nay còn mắc một tính xấu khác là tính ích kỷ và những hình thức tế nhị của nó. Dĩ nhiên, không ai chịu nhận là mình ích kỷ, nhưng người ta cần nhìn vào những hình thức khác của nó như sự lười biếng, tham lam. Tôi biết có người rất ham đọc sách đến nỗi không thể rời cuốn sách trên tay để làm việc gì và luôn luôn đổ lỗi cho người khác đã làm mất đi hứng thú cao đẹp của anh ta. Chúng ta không sống một mình và không thể để cho người xung quanh phải mang gánh nặng vì tật xấu của chúng ta, dù nó được ngụy trang dưới bất cứ hình thức nào.

Một người khác có tật viết chữ rất xấu, không cần biết rằng điều này làm những người khác phải mất công dò dẫm từng nét chữ để đọc. Sự cẩu thả này khiến cho họ trở nên kém nhạy cảm với người khác; và chính sự không quan tâm đến người khác sẽ cản trở sự tiến hóa của họ và họ sẽ phải học bài học này một cách thấm thía.

Trên phương diện vật chất, những người làm việc tinh thần dường như có phần thiệt thòi vì họ không tranh đua hơn thiệt, không cãi cọ, lý luận mà âm thầm làm việc cho người khác. Họ làm thế vì đã hiểu rằng sự tiến bộ chỉ xảy ra khi con người biết nghĩ đến người khác chứ không phải cho chính mình. Họ thực hành điều mà Đức Jesus đã nói: "Bất cứ điều gì mà các con làm để giúp đỡ những kẻ hèn mọn nhất, thì điều đó các con đã làm cho ta vậy". Một tín đồ chân chính cần phải tự hỏi chúng ta đang làm việc gì và cho ai? Chúng ta làm cho bản thân chúng ta hay cho Đấng mà chúng ta thương mến nhất?

Cách đây không lâu, có người đã lý luận rằng nếu giúp người như thế thì họ sẽ bị thiệt thòi. Người này nói: *"Hiển nhiên tất cả mọi người đều giúp đỡ lẫn nhau, phần mà tôi cho ra sẽ có người khác bù lại thì cũng huề, nhưng thực tế không giản đơn như vậy. Nếu tôi giúp người khác mà không ai giúp tôi thì tôi sẽ bị thiệt hại nhiều quá". Quả đúng như lời Đức Jesus đã dạy: "Kẻ giàu có muốn vào nước Trời thì*

khó như con lạc đà chui qua lỗ kim". Ngay trong những việc có tính cách tinh thần mà chúng ta vẫn còn tính toán lời lỗ, hơn thiệt! Phải chăng chúng ta chỉ muốn cho ra thật ít nhưng lại muốn thu vào thật nhiều? Nếu thế, đó chỉ là lòng ích kỷ, chỉ nghĩ đến mình và quyền lợi của mình, chứ đâu phải lòng thương xót người khác! Phải chăng chúng ta chỉ nói đến tình thương trên đầu môi chót lưỡi, như một hình thức để che đậy cho lòng tham lam của mình? Phải chăng chúng ta đã quên lời khuyên của Đức Jesus: "Các con đừng nghĩ đến quyền lợi riêng mà hãy chú trọng đến bổn phận của các con đối với cha của các con trên trời".

Ngoài tính ích kỷ, nhiều người còn có tật xấu khác là thích khoe khoang. Cho được chút gì họ đòi phải được mọi người biết đến qua những lời tán tụng, khen tặng hay một hình thức quảng cáo cho họ. Đây là sự háo danh, thèm khát được người đời biết đến, hậu quả của một nền giáo dục đề cao sự thành công cá nhân hơn là tập thể. Tôi đã gặp nhiều người sốt sắng và chân thành nhưng vẫn để những giá trị phù phiếm này chi phối. Họ thích khoe khoang thành tích của mình, các chức tước, địa vị mà họ đạt được khiến cho việc làm của họ, dù chân thành, cũng mất hiệu quả rất nhiều. Khi xưa trong xã hội nông nghiệp, không ai chú trọng đến cá nhân mà chỉ đề cao giá trị tập thể. Mọi người đều làm việc chung, đôi khi phải hy sinh quyền lợi cá nhân cho ích lợi chung. Ngày nay, sự khoe khoang đã trở thành một hình thức quảng cáo rất tinh vi để thỏa mãn lòng háo danh này. Tôi thấy nhiều người, kể cả những giáo sĩ, đã in danh thiếp với những chức tước, địa vị rất lớn cũng như các bằng cấp mà họ đã đạt được. Họ khoe khoang các công tác xã hội, các việc làm lớn lao của mình mà quên lời dạy khi xưa của Đấng Cứu Thế: "Mỗi lời nói khoe khoang vô ích mà các con thốt ra, các con sẽ phải trả lời vào Ngày Phán Xét Cuối Cùng". Phải chăng Ngài muốn nói rằng tư tưởng và hành động của chúng ta hết sức quan trọng và có thể gây nên những hậu quả mà chúng ta sẽ phải trả một giá rất đắt về sau?

Mỗi khi có việc gì xảy đến cho chúng ta trong đời sống cá nhân, chúng ta sử dụng toàn lực để giải quyết. Hiện nay nhân loại đang lâm vào tình trạng khủng hoảng trầm trọng nhưng đã mấy ai trong chúng ta phản ứng lại với tất cả mọi năng lực? Nhiều người cho rằng nếu nó không ảnh hưởng trực tiếp đến họ, đến quyền lợi của họ thì họ không cần phải quan tâm. Hậu quả của sự dửng dưng không biết thương xót này đã gây ra sự kỳ thị chủng tộc, xung đột quốc gia, tranh chấp tôn giáo khiến cho số đông nhân loại phải sống trong cảnh lầm than.

Mặc dù nền tảng của xã hội ngày nay xây dựng trên lòng ích kỷ

dưới muôn vàn hình thức nhưng cũng có một số người muốn đưa ra giải pháp để giải quyết tình trạng hiện tại. Tuy nhiên ít ai ý thức rằng việc đưa ra một lý thuyết mới, một quan niệm mới để thay đổi ngoại cảnh không đem lại kết quả bao nhiêu. Đôi khi, kết quả còn ngược lại vì những đổi thay bên ngoài này thường có tính cách áp chế và chỉ đem lại khổ đau nhiều hơn mà thôi. Sự thay đổi thật sự chỉ có thể xảy ra khi con người biết cải thiện bản chất của chính mình. Nếu con người nhận thức rằng lòng ích kỷ cá nhân là nguyên nhân chính của sự chia rẽ, và sự chia rẽ là động năng gây đau khổ thì họ cần phải thay đổi lòng ích kỷ này bằng một tình thương rộng lớn. Con người cần ý thức rằng họ đều là những mảnh nhỏ của một thực thể đại đồng và khi biết hòa hợp với thực thể đó, biết rung động cùng một tiết điệu với Đấng Duy Nhất đó thì chúng ta mới đạt được hạnh phúc chân thật.

Một hiền triết trên Tuyết Sơn đã nói: *"Trái đất rung động theo những dông tố trong lòng người vì ngoại cảnh và nội tâm có sự liên hệ rất mật thiết. Khi nội tâm dao động thì ngoại cảnh chuyển động và khi hận thù nung nấu đến mức nào đó nó sẽ ảnh hưởng lên trái đất và hậu quả là những thiên tai như động đất, núi lửa phun hay những cơn bão lụt tàn phá tất cả. Muốn thay đổi ngoại cảnh, con người cần phải biết cải tiến nội tâm".* Do đó chỉ có con đường tinh thần, tu sửa tâm tính để biết mình là ai, từ đâu đến và sẽ đi về đâu; cũng như sự liên hệ giữa con người và vũ trụ mới là con đường chân chính và là lối thoát duy nhất cho hoàn cảnh hiện tại.

Hiền triết Kuthumi cho biết muốn bước vào con đường tinh thần, người đệ tử cần tu tập những đức tính quan trọng như sau:

1. Phát triển Trí Tuệ** (Ấn Độ: Viveka; Pali: Manodvaravaj Jana) để phân biệt mọi sự vật một cách chính xác, trung thực, vượt khỏi các phán đoán thông thường. Thiếu điều kiện này, người ta khó đi xa được và sẽ rơi vào các lầm lạc hết sức vi tế.

(**) *Trí tuệ và lý trí hay lý luận khác nhau rất xa.*

2. Dứt bỏ lòng ham muốn hay đạt trạng thái Vô Dục (Ấn Độ: Vairagya; Pali: Parikama) để hành động một cách tự nhiên không mong cầu kết quả. Họ làm điều thiện vì yêu mến cái thiện chứ không phải để được một điều gì. Họ không phân biệt làm cho ai, ta hay tha nhân, không còn thấy có mình, có người hay đối tượng mà hoàn toàn ung dung, tự tại trong mọi hoàn cảnh.

3. Thiết lập các hạnh nguyện (Ấn Độ: Shalsampatti; Pali: Upachara) hay đặt ra các tiêu chuẩn để hướng dẫn con đường của

mình, thí dụ như:

a. Hạnh Thanh Tịnh (Samo): giữ tư tưởng yên tĩnh, thanh khiết.

b. Hạnh Tự Chủ (Damo): kiểm soát tư tưởng trong bất kỳ hoàn cảnh nào. Không để ngoại cảnh ảnh hưởng.

c. Khoan Dung (Uparati): Diệt trừ mọi thành kiến, dị đoan mê tín hay các hình thức phân biệt. Không thù hận hay bất bình.

d. Kiên Nhẫn (Titikha): Chấp nhận, chịu đựng mọi sự một cách thoải mái vì hiểu rõ luật Nhân quả.

e. Bền Chí (Samadhana): Tập trung mọi nỗ lực vào mục đích chính, không để cho sa ngã hay bất cứ việc gì cám dỗ, lôi kéo.

f. Tin Tưởng (Saddha): Hiểu biết và ý thức rõ con đường của mình, tin tưởng vào vị thầy hướng dẫn cũng như ý thức về mục đích tối hậu của con đường lựa chọn.

4. Giải thoát (An: Mumukhsatva; Pali: Anuloma): Sự tha thiết rời khỏi luân hồi sinh tử. Chấp nhận và chịu đựng những hậu quả đã gây và cố gắng không gây thêm nhân nữa. Đây là điều kiện rất quan trọng cho những đệ tử muốn được Điểm đạo (Initiation) để thực sự bước chân vào con đường các bậc hiền triết.

CHƯƠNG 6

Trên con đường tinh thần, người đệ tử còn phải trải qua những cuộc Điểm đạo (Initiation). Đa số mọi người đều cho rằng đây là một kỳ thi, một cấp bậc hay kinh nghiệm có thể đạt đến và người được Điểm đạo có trình độ tiến hóa cao hơn người thường. Theo sự hiểu biết của tôi, sự quan trọng của các Điểm đạo không phải để đề cao một cá nhân đã đi được một bước quan trọng trên mức thang tiến hóa mà là ở chỗ người đó đã đạt đến trình độ để có thể tham gia vào công việc của một nhóm người, gồm các thánh nhân, hiền triết đã hoàn toàn dâng hiến cuộc đời cho việc phụng sự nhân loại.

Hiền triết Kuthumi đã nói với một đệ tử như sau: *"Này đệ tử, ta mừng cho con đã đạt được mục đích đầu tiên của những hoài bão cao thượng. Kể từ nay, con phải chú ý đến những điều kiện khe khắt hơn để chuẩn bị cho giai đoạn kế tiếp mà danh từ Phật giáo gọi là sự Nhập Lưu (Enter the Stream) và danh từ Thiên Chúa giáo gọi là sự Cứu Chuộc. Từ dĩ vãng xa xăm, trải qua vô số kiếp sống, con đã đi rất xa trên tiến trình học hỏi và có những cố gắng rất đáng kể. Để bước vào giai đoạn sắp tới, con cần phải cố gắng hơn nữa, vì từ đây con có thể gia nhập hàng ngũ của những người phát nguyện phụng sự nhân loại. Đây là một cơ hội rất hiếm trong muôn ngàn kiếp sống, nên ta khuyên con hãy dành mọi năng lực để chuẩn bị cho công việc phụng sự vĩ đại này".*

Khi trở thành một phần tử của nhóm người phụng sự cao cả này, người đệ tử sẽ được hợp nhất với một nguồn thần lực vĩ đại, một biển tâm thức quang minh mà danh từ Phật giáo gọi là Bồ Đề Hải. Nếu khi xưa họ chỉ có một vị thầy hướng dẫn, thì từ nay họ sẽ có hàng trăm vị thầy hướng dẫn. Nếu khi trước họ hòa nhập mình vào tâm thức của vị thầy hướng dẫn, thì từ nay họ có thể hòa nhập tâm thức của mình vào cái biển tâm thức bao la của muôn ngàn chư thánh, hiền triết. Từ đó, tâm thức của họ sẽ rung động theo sự rung động cao cả của cái biển tâm thức vĩ đại kia. Tâm hồn

của họ sẽ mở rộng đến nỗi có thể thâu chứa mọi tư tưởng thương yêu cao cả nhất trên thế gian. Sự mở rộng tâm thức này là một kinh nghiệm đặc biệt, một sự hợp nhất thiêng liêng không bút mực nào có thể diễn tả. Danh từ Phật giáo gọi là đạt đến tâm thức Bồ Đề, danh từ Thiên Chúa giáo gọi là tâm thức Phục Sinh, sự bước vào một đời sống cao quý hay trở lại tâm trạng hồn nhiên thuần phác như trẻ thơ. Vì không còn sự phân biệt giữa chủ thể và đối tượng (Nhị Nguyên) mà hoàn toàn hợp nhất với nguồn thần lực cao cả đó, nên họ có thể sử dụng nguồn thần lực này để ban rải cho người khác một cách tự nhiên. Từ đó, họ sẽ đi khắp thế gian như một thiên thần hay một vị sơ địa Bồ Tát để gieo rắc ánh sáng chân lý và ban rải tình thương cho muôn loài. Các hiền triết trên Tuyết Sơn cho biết tâm thức này là một kinh nghiệm quý giá về trạng thái tâm vô phân biệt hay kinh nghiệm rằng tất cả đều là một (vạn vật đồng nhất thể). Vì không còn sự phân biệt mà họ phát triển được tình thương rộng lớn đến muôn loài chúng sinh.

Trong đời sống đầy tranh đua hiện nay, thật khó có thể diễn tả quan niệm "Tất cả đều là một" hay "Mọi người đều là huynh đệ một nhà" vì sự chia rẽ và phân hóa đã ăn sâu vào tiềm thức mọi người. Một hiền triết trên Tuyết Sơn đã nói: *"Thế giới của con người ngày nay là một sa mạc vật chất hư ảo với những ích kỷ, tàn bạo, hung ác, tham lam, nhưng ngay cả những bãi sa mạc khô cằn cũng có những ốc đảo xanh tươi, do đó, người đi trên đường tinh thần phải làm sao để chính mình trở thành những ốc đảo đó, làm sao để chính mình trở thành một niềm hy vọng cho người khác, một nơi mà ai đến cũng được hưởng sự bình an, tươi mát. Họ phải học hỏi để hiểu biết những định luật vũ trụ và thay đổi tâm thức, giải thoát khỏi mọi thành kiến, oán thù hay ác ý để trở thành một dòng nước tươi mát cho những lữ khách đang lầm đường lạc lối kia. Hiểu biết các định luật vũ trụ chỉ là bước đầu, người đi trên đường tinh thần phải biết sống theo những định luật đó một cách chân thành để trở thành một phần của sự sống tràn đầy thương yêu vì sống và thương yêu chỉ là một".*

Vị hiền triết này cảnh báo: *"Vì sống chính là thương yêu nên biết thương yêu chính là biết sống. Những ai không biết thương yêu, không biết đối xử với người khác như anh em một nhà, mà xem họ như kẻ thù thì chắc chắn sẽ gặp tai họa vì gây nhân nào sẽ gặt quả đó. Những ai nhắm mắt làm ngơ hay đồng lõa với kẻ sát nhân cũng chính là kẻ cho phép người khác hủy hoại thân thể của chính mình. Những ai tìm cách hãm hại người khác cũng chính là kẻ đang tự làm hại mình. Những phe nhóm nào âm mưu phá hoại một phe nhóm khác tức là đang đi trên con đường phân hóa và tự hủy diệt vì luật vũ trụ không bao giờ dung túng bất cứ hành động nào, dù lớn hay nhỏ, nếu*

nó đi ngược lại với luật thiên nhiên".

Theo sự học hỏi của tôi với các hiền triết trên Tuyết Sơn, mặc dù đã có nhiều người được Điểm đạo với những mức độ khác nhau nhưng không phải ai cũng phát nguyện ở lại thế gian để phụng sự nhân loại. Khi sống trên Tuyết Sơn, tôi đã được chứng kiến một buổi lễ Điểm đạo như sau:

Buổi lễ Điểm đạo diễn ra trong khu vườn phía sau nhà của hiền triết Morya trong một bầu không khí hết sức trang nghiêm. Vị chủ tọa buổi lễ ngồi trên một chiếc ghế đá đặt bên cạnh một gốc cổ thụ lớn, cành lá sum sê. Các vị hiền triết ngồi theo thứ tự quanh đó. Không gian văng vẳng một âm thanh êm dịu huyền bí mà về sau tôi được biết là phát xuất từ tâm thức của người được Điểm đạo, hòa nhập với sự rung động của chư vị thiên thần đến chứng kiến quanh đó gây ra.

Người thí sinh được hiền triết Kuthumi giới thiệu:

- Đây là thí sinh mà tôi xin được giới thiệu vào hàng ngũ chúng ta.

Vị chủ tọa buổi lễ lên tiếng hỏi:

- Đạo huynh có sẵn sàng bảo đảm rằng người này xứng đáng được nhận hay không?

- Tôi xin bảo đảm.

Vị chủ lễ hỏi tiếp:

- Đạo huynh có sẵn sàng dìu dắt y tiếp tục trên con đường đạo hay không?

- Tôi xin sẵn sàng.

Vị chủ lễ lên tiếng:

- Theo nghi thức cổ truyền, phải có hai hiền triết bảo đảm cho mỗi thí sinh được Điểm đạo. Vậy có đạo huynh nào sẵn sàng ủng hộ sự thỉnh cầu của thí sinh này không?

Hiền triết Morya lên tiếng:

- Tôi xin sẵn sàng ủng hộ và bảo đảm người này.

- Như vậy chư đạo huynh có bảo đảm rằng nếu được gia nhập hàng ngũ của những người phụng sự nhân loại như chúng ta, thí

sinh này sẽ sử dụng những quyền năng thiêng liêng để phụng sự thiên cơ hay không?

Hiền triết Kuthumi lên tiếng:

- Trong nhiều kiếp sống, người này đã làm được rất nhiều việc quan trọng đáng kể. Người này đã dành mọi hoạt động để giúp đỡ nhân loại, đã quên mình và hoàn toàn dâng hiến đời mình trong việc phổ biến các tư tưởng thương yêu, tốt lành để cải thiện xã hội. Trong kiếp sống gần đây, người này đã kiên nhẫn chịu đựng nhiều thử thách, đã bền chí sửa đổi những tệ đoan xã hội, nêu cao lý tưởng phụng sự Thượng Đế và gieo rắc tình thương cao thượng đến nhiều người. Trong một kiếp làm tu sĩ, người này đã có công truyền bá giáo lý của Đấng Cứu Thế, đề cao sự trong sạch, thanh bần, bác ái, vị tha và mang lại niềm tin cho rất nhiều người. Vì những lý do này, tôi sẵn sàng ủng hộ cho y gia nhập hàng ngũ chúng ta.

Vị chủ lễ gật đầu:

- Thí sinh này là một trong những linh hồn trẻ nhất được trình diện để gia nhập hàng ngũ những người phụng sự nhân loại. Nếu thế, còn ai sẵn sàng giúp đỡ, hướng dẫn người này nữa không?

Một vị hiền triết khác có khuôn mặt rất trẻ bước ra, nói:

- Thưa đạo huynh, tùy khả năng mà tôi sẵn sàng hướng dẫn, giúp đỡ người này.

- Lành thay! Nếu thế đạo huynh có sẵn sàng dành cho người này một tình huynh đệ chân thành và sẵn sàng dìu dắt, hướng dẫn cho y không?

- Tôi xin sẵn sàng.

Vị chủ lễ quay qua thí sinh, nói:

- Chủ trương của nhóm huynh đệ chúng ta là thực hiện thiên cơ, góp phần vào công cuộc tiến hóa chung của nhân loại. Con có cam kết rằng từ nay trở đi, con sẽ dâng hiến trọn vẹn cuộc đời và tất cả sức lực của con cho công cuộc phụng sự chung không? Liệu con có tuyệt đối quên mình và hy sinh cho hạnh phúc chung của mọi sinh vật trên thế gian, hoàn toàn sống một cuộc đời trong sạch, vị tha như lòng bác ái của Thượng Đế hằng ban rải cho muôn loài hay không?

- Con xin hứa sẽ làm như thế với tất cả mọi khả năng của con.

Buổi lễ tiếp tục diễn ra với những lời khuyên bảo của các vị hiền triết, những câu hỏi về kiến thức hoặc những trường hợp mà thí sinh cho biết họ sẽ phải làm gì khi bị đặt vào hoàn cảnh đó. Trên đường phụng sự nhân loại, các hiền triết thường làm việc chung với nhau bằng cách ban phát các luồng thần lực từ cõi trên đến muôn loài sinh vật và hướng dẫn những người đang đi trên đường đạo. Họ làm việc này một cách tự nhiên vì họ đã đạt đến trạng thái tâm vô phân biệt, không còn thấy chủ thể hay đối tượng, không thấy mình và muôn loài chúng sinh có sự sai khác. Con đường tiến hóa của họ là con đường tiến hóa chung của nhân loại. Hạnh phúc của họ là hạnh phúc chung của nhân loại. Sau cùng, vị chủ lễ nói với người thí sinh:

- Ta rất vui mừng khi thấy một người trẻ như con mà đã biết đảm nhận trách nhiệm nặng nề này. Sự trẻ trung và lòng nhiệt thành của con chỉ là kết quả của công phu tu học trải qua hàng trăm kiếp trước đây. Con hãy cố gắng tiến bước thêm nữa để xứng đáng là người phụng sự và đừng để phụ lòng mong mỏi của các vị thầy đã hướng dẫn cho con từ bao năm qua. Con cần ghi nhớ sự hợp nhất tuyệt đối giữa tất cả chúng ta, những người phát nguyện phụng sự thế gian, để không bao giờ làm thương tổn đến tình huynh đệ đại đồng này. Nhờ những cố gắng cao cả khi trước mà con đạt đến trình độ hiện nay. Con đường trước mặt tuy còn nhiều trở ngại nhưng ta tin rằng con có đủ sức mạnh để vượt qua. Nhờ lòng thương yêu rộng lớn mà con sẽ góp phần không nhỏ trong cuộc phụng sự thế gian sau này. Ta thấy con đã hội đủ điều kiện gia nhập vào nhóm huynh đệ chúng ta và sẵn sàng chấp nhận lời thỉnh cầu của con.

Vị chủ lễ quay sang những hiền triết ngồi quanh đó và dõng dạc lên tiếng:

- Kính thưa các đạo huynh, quý vị có bằng lòng chấp nhận người này gia nhập hàng ngũ của chúng ta không?

Các vị hiền triết ngồi quanh đó đều lên tiếng:

- Chúng tôi đồng ý.

Vị chủ lễ đứng dậy quay mặt về hướng Shamballa và hô lớn:

- Nhân danh Thượng Đế, chúng con xin được phép nhận người này vào hàng ngũ của những người phụng sự nhân loại.

Như để đáp lời vị chủ lễ, một luồng ánh sáng lạ lùng bỗng chói sáng khắp nơi. Tất cả mọi người đều cúi rạp đầu xuống đảnh lễ. Luồng ánh sáng lóe lên như một tia chớp từ trên cao chiếu xuống đỉnh đầu vị chủ lễ rồi chuyển hướng chiếu thẳng vào trái tim của người được Điểm đạo. Một luồng ánh sáng màu bạc phát xuất từ tâm thức của thí sinh cũng phát ra bao quanh thân thể người này và hòa nhập với luồng ánh sáng kia. Vị chủ lễ thong thả bước tới đặt hai tay lên đầu người thí sinh:

- Nhân danh Thượng Đế, ta thâu nhận con vào hàng ngũ những người phụng sự nhân loại. Từ nay, con là một trong những người đã nhập lưu và xuôi dòng. Ta ban ân huệ cho con và con hãy ban rải ân huệ này cho những kẻ khác.

Buổi lễ kết thúc trong một bầu không khí trang nghiêm khi người thí sinh bước ra nghiêng mình trước các hiền triết ngồi quanh đó. Từ nay, người được Điểm đạo này sẽ có một mối liên lạc chặt chẽ với tất cả những người phụng sự nhân loại khác. Bổn phận của họ là gieo rắc tình thương khắp nơi, khuyến khích sự phát triển lòng bác ái của nhân loại đến những chúng sinh khác. Sau khi được Điểm đạo lần thứ nhất, người được Điểm đạo chính thức bước vào một giai đoạn tiến hóa đặc biệt của những người phụng sự. Tùy theo sự cố gắng và khả năng để thực hiện các hạnh nguyện cao cả mà họ sẽ trải qua các cuộc Điểm đạo kế tiếp để tiếp tục tiến hóa lên những quả vị cao cả hơn.

Thời gian buổi lễ Điểm đạo có thể thay đổi ít nhiều tùy theo trường hợp, có khi kéo dài suốt mấy ngày đêm. Tôi được biết vào thời cổ xưa, có những buổi Điểm đạo kéo dài cả tuần lễ vì thí sinh phải thụ huấn thêm một số kiến thức như kinh nghiệm về sự chết, về các cõi giới vô hình vì nếu không, họ sẽ không thể hiểu được những giáo huấn đặc biệt thuộc về các cõi giới trong vũ trụ.

Khi tôi kể cuộc lễ Điểm đạo trên Tuyết Sơn, một số người đã đặt câu hỏi về những âm thanh trang nghiêm của buổi lễ mà tôi được biết là phát xuất từ tâm thức của người được Điểm đạo hòa cùng âm thanh của các thiên thần đến chứng kiến. Có người hỏi tôi rằng phải chăng âm thanh đó có thật hay chỉ là một sự tưởng tượng. Đây là điều rất khó giải thích vì hầu hết mọi người đều muốn có một bằng chứng đích thực và muốn tôi diễn tả những âm thanh tuyệt diệu đó. Tôi không phải là nhạc sĩ nên không thể diễn tả nó một cách trung thực nhưng trong khi sống trên Tuyết Sơn, tôi đã được học hỏi với một hiền triết xuất thân là một nghệ sĩ và được vị này nói về nguồn gốc âm nhạc như sau:

Từ buổi hồng hoang, những người tiền sử mông muội chưa hoàn toàn phát triển về cảm xúc như người ngày nay, thường bị những nỗi lo lắng ám ảnh mà họ không biết chúng đến từ đâu hay ở nơi nào. Họ cần một phương tiện nào đó để giải bày những cảm xúc này nhưng khi đó ngôn ngữ còn giới hạn, không thể diễn tả nên họ đành diễn đạt nó qua lời ca tiếng hát. Linh tính của họ cho thấy khi cất tiếng hát, các nỗi đau khổ, lo lắng sẽ được xoa dịu và họ tìm được sự bình an, thoải mái. Sau đó một số người bắt đầu sử dụng lời ca, tiếng hát như một sự cầu xin các niềm an vui, lạc phúc và từ đó nảy sinh ra ý niệm về những thần linh có thể đáp lại lời thỉnh cầu của họ. Ngày nay nhiều người không đồng ý rằng âm nhạc gợi cho ta ý niệm về sự sùng kính nhưng hàng ngàn năm trước, âm nhạc chính là sự cầu nguyện của những dân tộc còn mông muội. Sự ca hát trầm bổng bằng lời này đã nảy sinh ra ý niệm về nhịp điệu rồi đưa đến sự phát minh các nhạc khí như trống, kèn, tù và.

Từ khi phát sinh ý niệm về một đấng thiêng liêng có thể giúp đỡ con người thì quan niệm về đời sống của những người tiền sử cũng bắt đầu thay đổi. Lòng sùng kính của họ gia tăng mãnh liệt và họ cho khắc hình ảnh các đấng ấy lên cây, trên đá, trên vách hang động vì họ cần phải có một hình ảnh cụ thể để tôn thờ chứ không thể suy niệm về một Đấng Tối Cao vô hình được. Lúc đầu, hình ảnh này có thể là một cây cổ thụ, một hòn đá, một con thú nhưng về sau nó được thay thế bằng hình ảnh con người và quan niệm Thượng Đế đã được nhân cách hóa từ những hình vẽ thô sơ này. Khi hình tượng được hoàn tất thì người tù trưởng bộ lạc đã cử riêng ra một người phụ trách việc chăm sóc, tôn thờ Thượng Đế và vai trò giáo sĩ phát sinh từ đó. Những giáo sĩ hay thầy phù thủy bộ lạc đã thay đổi, cải tiến lời ca, giọng hát đơn sơ thành những âm thanh với tiết tấu rõ ràng hơn để lưu truyền từ đời này qua đời khác và từ đó âm nhạc được phát hiện. Sự hòa hợp tiếng hát, tiếng vỗ tay và các nhạc khí đơn sơ đã tạo ra hiện tượng lễ nhạc. Vì lễ nhạc bắt nguồn từ tính cách tôn giáo nên các giáo sĩ đã giữ một địa vị rất quan trọng trong việc phát triển và truyền bá âm nhạc.

Vào buổi sơ khai, lòng sùng kính của con người rất sâu đậm. Những giáo sĩ, thầy phù thủy đều ít nhiều có những giao cảm đặc biệt và họ tin rằng âm nhạc là lời cầu nguyện của con người và bình an là câu trả lời của Thượng Đế. Từ đó những lời cầu nguyện đều được phổ nhạc và biến thành những câu thần chú để đọc lên trong các buổi lễ tế. Ngày nay, nhiều người không hiểu được sức mạnh của các câu thần chú và coi đó là những điều mê tín dị đoan. Thật ra, sự phối hợp âm thanh với lòng sùng kính qua những câu thần chú đã phát triển rất mạnh trong thời kỳ phôi

thai của nhân loại và trở thành những nghi thức quan trọng của các tôn giáo thời cổ. Ngày nay, các nhà khảo cổ đã tìm được tài liệu của các giáo sĩ Ai Cập ghi chép trên vách các ngôi đền như sau: *"Sự cầu nguyện phối hợp với âm thanh là trung tâm của tôn giáo, là sinh lực của sự sùng kính, là mối dây liên lạc giữa con người và Thượng Đế. Không có âm thanh, lòng tin chỉ là một lý thuyết và các nghi thức chỉ là những hình thức rời rạc, vô hồn".* Hiển nhiên người xưa đã biết rõ âm nhạc có tác động rất đặc biệt và có sức cảm hóa sâu xa mà ngày nay ít ai để ý đến. Một điệu nhạc trang nghiêm có thể cảm hóa được những người không tin tưởng mà những lý luận vững chắc cũng không thể thuyết phục họ được. Cũng như thế, một điệu nhạc có tính cách hủy hoại, phát xuất từ tâm thức bệnh hoạn cá nhân có thể ảnh hưởng đến cả một xã hội hay trình độ văn minh nhân loại. Do đó theo luật Nhân quả, người nhạc sĩ phải chịu trách nhiệm về công trình sáng tạo của mình. Âm thanh có thể là mãnh lực sáng tạo, luồng sinh khí để khích động sự sùng tín hay liên kết con người với các đấng thiêng liêng. Tuy nhiên, nó cũng có thể bị lạm dụng để thỏa mãn những cảm xúc thấp hèn, để kích thích dục vọng và đưa đến sự hủy hoại, tàn phá tâm thức con người. Khi xưa, các giáo sĩ của châu Atlantis đã sử dụng âm thanh để kêu gọi sự trợ lực của các động năng ma quái trong thiên nhiên vào những việc có tính cách ích kỷ, hại nhân đưa đến sự sụp đổ của một nền văn minh rất cao trên mặt địa cầu. Khi châu Atlantis chìm xuống biển, một thời kỳ đen tối của khoa học về âm thanh cũng biến mất.

Vai trò của các nhạc sĩ hay những người có sự rung cảm với thiên nhiên rất quan trọng vì họ có thể góp phần xây dựng sự phát triển tâm linh của nhân loại. Các đấng cao cả thường chuyển tư tưởng của các ngài cho những ai có thể đón nhận và những nhạc sĩ thường là những người rất nhạy cảm nên dễ dàng đón nhận những tư tưởng này. Và nếu họ có một đời sống trong sạch, biết hướng tư tưởng của mình lên những lý tưởng cao thượng thì họ có thể rung động với những tư tưởng thanh cao này một cách dễ dàng. Vị hiền triết nghệ sĩ trên Tuyết Sơn cho biết ông thường phóng ra những luồng tư tưởng để tạo hứng khởi tâm linh cho một số nhạc sĩ, dĩ nhiên những người này không biết nguồn cảm hứng đó đến từ đâu và cũng không biết gì về sứ mạng cao cả mà họ đang được góp phần. Theo ông, âm nhạc cần thiết hiện nay là các loại nhạc có thể giúp con người cảm thông được với vạn vật và tạo sự thân ái giữa con người với thiên nhiên. Hiện nay, đa số mọi người đều sống một cách vội vã trong xã hội máy móc, giả tạo nên đã mất đi mối liên hệ với thiên nhiên; do đó vào cuối thế kỷ này, một thể điệu âm nhạc mới sẽ được phát sinh để giúp những người

có tâm hồn khô khan, chai đá "rung cảm" trước khi họ có thể "thấy và hiểu" sự liên hệ của mọi sinh vật với thiên nhiên và thể loại âm nhạc này sẽ đóng góp không nhỏ cho sự phát triển tâm linh của nhân loại.

Theo vị hiền triết này, muốn hiểu biết về loại âm nhạc tương lai, con người cần biết rõ về các tiết tấu hay nhịp điệu của vũ trụ. Để tạo lập vũ trụ, Thượng Đế đã phải giới hạn sự hiện diện của Ngài vào những nguyên tử vật chất hay phá vỡ cái "Nhất thể" để thay thế vào đó bằng sự "Vạn thù", do đó Ngài hiện diện khắp nơi, từ cỏ cây, cầm thú đến nhân loại. Sự thay đổi từ "Nhất thể" đến "Vạn thù" khởi sự bằng âm thanh (Huyền Âm) và sau đó là những tiết tấu hay nhịp điệu của vũ trụ được biểu hiện qua âm nhạc. Vì mọi vật đều phát xuất từ Thượng Đế (Nhất thể) nên tất cả đều có tính chất thiêng liêng, nhưng khi phân tán ra thành vạn vật (Vạn thù), các sinh vật đã quên mất nguồn gốc của mình. Cũng như thế, con người không hề ý thức bản chất nơi mình mà chỉ lo chú trọng đến ngoại cảnh và ngập sâu vào vật chất. Trải qua các kiếp sống luân hồi, trải qua nhiều bài học mà họ kinh nghiệm được thực chất của mình. Khi con người hiểu biết, quay về hòa hợp với nguồn gốc ban đầu thì họ đã đi đúng với cơ tiến hóa và hoàn tất việc học hỏi.

Theo hiền triết, cơ tiến hóa gồm có hai phần: Từ Nhất thể tán ra Vạn thù và từ Vạn thù quay về hợp nhất với Nhất thể và đó chính là nhịp điệu của vũ trụ hay căn bản của luật Nhân quả, tác động và phản động. Chính nhờ tiết điệu này, con người ý thức được quyền năng của Thượng Đế qua hơi thở: Sự thở ra là sự sáng tạo vũ trụ, sự hít vào là sự phản bổn, hoàn nguyên quay về với trạng thái an lạc, yên tĩnh lúc ban đầu. Tiết điệu này chan hòa khắp nơi biểu hiện qua luật Tiến hóa, bắt đầu từ sự sáng tạo ra vũ trụ rồi phân tán thành hàng triệu các dãy hành tinh rồi sau vũ trụ sẽ tan vỡ, trở về để hòa nhập trong bản thể đồng nhất của Thượng Đế. Tiết điệu này cũng xảy ra trên quả đất, biểu hiện qua hiện tượng ngày và đêm. Vào buổi bình minh, toàn thế giới thức tỉnh, biến đổi từ sự đồng nhất của đêm đến sự vạn thù của muôn loài hoạt động vào lúc ban ngày. Khi mặt trời mọc, sự sống trỗi dậy sau một đêm an nghỉ; đến trưa, mọi hoạt động phát triển cực độ; vào buổi chiều, các hoạt động bớt dần và trở nên an tĩnh lúc màn đêm xuống. Cũng như thế, tiết điệu thiên nhiên thay đổi qua hiện tượng thời tiết bốn mùa: Vào mùa Xuân, cây cỏ thức dậy đâm chồi nảy lộc sau mùa Đông vắng lặng. Nó trổ lá, đơm hoa, phát triển cực thịnh vào mùa Hè. Mùa Thu, cây cỏ úa tàn, bắt đầu thoái hóa, quay về với sự đồng nhất rồi nghỉ ngơi, bình an trong sự duy nhất của vạn vật vào mùa Đông. Tiết điệu này cũng chi phối đời sống con người, khi mới sinh ra còn trẻ gần gụi với nguồn gốc thiêng

liêng nên còn duy trì sự hồn nhiên thuần phác. Khi đời sống cá nhân phát triển, linh hồn con người tách khỏi nguồn sống đồng nhất để lao vào đời sống như một cá thể, họ thay đổi phát triển cho đến giai đoạn ngập sâu vào vật chất của Vạn thù. Khi bước vào tuổi già, họ ý thức rõ hơn về tiết điệu của đời sống nên bớt tham vọng và chuyển hướng để các thôi thúc vật chất không ảnh hưởng được họ nữa. Sau cùng họ có khuynh hướng chấp nhận để quay về hợp nhất với sự bình an lúc ban đầu.

Nhờ biết thế, người phương Đông đã chia kiếp người một trăm năm ra làm bốn thời kỳ, thời kỳ đầu 25 năm để học hỏi, thời kỳ 25 năm sau để kinh nghiệm, áp dụng việc học hỏi vào đời sống, thời kỳ 25 năm sau đó để dừng lại, xả bỏ vật chất và lo trau dồi tâm linh và 25 năm sau cùng để chuẩn bị cho sự trở về và cho đời sống mới. Kiếp sống con người chỉ là một ngày của đời sống thực sự vì trong đời sống này, tiết điệu sáng tạo của Thượng Đế hiện ra rõ ràng hơn hết. Linh hồn con người khi rời xa Thượng Đế thì bắt đầu quên đi những gì cao quý, chỉ biết đắm mình vào vật chất. Xuyên qua những kiếp sống luân hồi, với những bài học đau khổ mà con người rút kinh nghiệm và học hỏi, sau đó nhờ hiểu biết mà họ biết quay về với nguồn gốc cao quý để hòa hợp với Đấng Sáng Tạo. Khi biết dừng lại để quay về là lúc con người bước chân vào cửa đạo, đi trên con đường tinh thần mà trước sau gì ai cũng phải đi.

Vị hiền triết trên Tuyết Sơn cho biết âm nhạc của kỷ nguyên sắp tới sẽ phản ảnh những tiết điệu hiền hòa của sự sống này. Đó là tiếng hát của các thiên thần ca tụng sự sáng tạo thiêng liêng, đó là bài thơ ca tụng nhịp điệu điều hòa của vũ trụ vì mọi sinh vật, từ bé đến lớn, đều là những nốt nhạc của một bản hòa tấu vĩ đại. Đó cũng là tiếng hát của Chúa Thánh Thần vang lên khắp nơi mà những ai biết lắng nghe đều rung cảm được vì có "cảm" sẽ có "thấy". Trong kỷ nguyên hiện tại, sự phát triển của con người đang đi đến chỗ cực đoan, ngập sâu trong vật chất nên âm nhạc của con người thời đại này phản ảnh những rung động có tính cách cá nhân. Đối tượng của âm nhạc hiện nay đều ít nhiều phát xuất từ tình cảm cá nhân và tùy tâm thức của nhạc sĩ mà nó dẫn dắt người nghe rung động theo cảm xúc của người đó. Một nhạc sĩ tham lam, nghiện ngập sẽ ảnh hưởng người nghe bước vào con đường nghiện ngập, tham lam; một nhạc sĩ ghen tuông, giận dữ sẽ thúc đẩy người nghe giận dữ, ghen tuông. Âm nhạc vào cuối thế kỷ này sẽ tràn đầy những cảm xúc có tính cách hủy hoại, giận dữ, phản ảnh tâm trạng xã hội hoang mang, bất ổn và đưa đến chỗ hủy hoại con người vì nó là giai đoạn cuối của chu trình từ Nhất nguyên đến Vạn thù.

Âm nhạc của kỷ nguyên sắp đến sẽ phản ảnh chu trình từ Vạn thù quay về Nhất nguyên. Nó sẽ giúp con người trở về rung cảm với nhịp điệu của thiên nhiên, để ý thức tất cả đều là một. Âm nhạc này sẽ diễn đạt sự tuần hoàn của vũ trụ hay hơi thở của Thượng Đế, do đó nó sẽ là những âm thanh có sức rung động sâu xa, giúp người nghe rung cảm với vạn vật. Đối tượng của nó sẽ không còn tính cách cá nhân mà chuyển qua những rung động của thiên nhiên và vũ trụ. Một khi người ta nghe được những âm thanh này rồi thì không còn gì là tốt, xấu, hay, dở nữa, vì loại nhạc này chỉ có những tiết điệu cao thượng, kêu gọi sự rung động sâu xa của tâm thức con người. Âm nhạc tương lai sẽ có nhiệm vụ nối lại mối dây liên kết giữa con người và Thượng Đế qua nhịp điệu của trật tự thiên nhiên. Nó không phải là loại nhạc có tính cách tôn giáo, ca tụng các đấng thiêng liêng bằng cảm xúc cá nhân như trong quá khứ mà là một loại âm thanh có sức cảm hóa hết sức mạnh mẽ.

Vị hiền triết cho biết trong thể nhạc mới này không còn sự phân biệt hay dở, tốt xấu vì cái mà người ta cho rằng không hay chỉ là những nghịch âm mà người ta chưa quen thưởng thức nhưng nó có vai trò quan trọng trong thể loại âm nhạc mới mẻ này. Ông cho biết, con người phải nghe được những âm thanh này trong lòng mình trước rồi sau đó mới nghe được nó ở môi trường xung quanh. Nó là loại nhạc từ bên trong phát ra chứ không phải là loại nhạc từ bên ngoài ảnh hưởng vào. Nó là tiếng kêu gọi thầm kín của nội tâm, hòa hợp với những nhịp điệu cao cả trong vũ trụ. Con người sẽ tận hưởng được sự kỳ diệu của những âm thanh này và nhận thức rằng ngay cả những nghịch âm trong thể loại nhạc này cũng đều tan biến trong một âm thanh thiêng liêng và duy nhất. Âm thanh của tương lai sẽ là sự phối hợp mật thiết giữa tất cả các âm thanh trong vũ trụ và để quay về tan biến trong huyền âm cao cả của Thượng Đế. Đó chính là tiết điệu của sự sống diệu kỳ trong vạn vật, phát xuất từ Thượng Đế đã quay trở lại với Ngài. Vòng tròn của chu kỳ sáng tạo đã khép lại và đó chính là cơ tiến hóa của chu kỳ vĩ đại mà Chúa Thánh Thần đã biểu hiện như một hơi thở vô tận để sinh hóa muôn loài.

CHƯƠNG 7

Một câu hỏi mà nhiều người thường thắc mắc về những người đã được Điểm đạo là các quyền năng thần thông của họ như Thần nhãn, Thiên nhĩ. Vì đa số mọi người thường hiểu lầm về các quyền năng này nên tôi thấy cần phải giải thích rõ ràng để những người đi trên đường đạo có một quan niệm đứng đắn, tránh những phiền phức và nguy hiểm về sau. Theo sự học hỏi của tôi với các hiền triết trên Tuyết Sơn thì danh từ "Quyền năng" (Power) chỉ là những "Khả năng" (Ability) hay "Giác quan" (Senses) mà hiện nay ít người có được chứ không phải một cái gì ghê gớm như người đời đã thêu dệt. Tất cả mọi người đều có các khả năng này nhưng chúng còn tiềm ẩn, chưa phát triển một cách tự nhiên.

Như tôi đã nói, con người là một linh hồn tự biểu lộ ở nhiều cõi giới khác nhau qua những thể (Bodies) thích nghi với các cõi ấy. Nếu muốn tiếp xúc với các hiện tượng ở cõi trần, con người cần một thể xác cấu tạo bằng vật chất của cõi trần và thể xác này có những giác quan (senses) giúp họ tiếp xúc với cõi ấy. Điều mọi người cho là "thần thông" chỉ là việc sử dụng những giác quan của các thể để tiếp xúc với các hiện tượng xảy ra trong cõi giới đó. Nếu chúng ta sử dụng giác quan của thể xác như Tai, Mắt, Mũi, Lưỡi, Chân, Tay thì chúng ta có thể nghe, nhìn, nếm, sờ mó mọi thứ trong cõi trần (Hạ giới). Cũng như thế, muốn tiếp xúc với những sự kiện xảy ra bên cõi Trung giới (cõi giới bên kia cửa Tử) thì con người cần sử dụng các giác quan của thể Vía, cấu tạo bằng các nguyên tử của cõi Trung giới vì ở cõi này, các giác quan của thể xác trở nên vô dụng vì nó có sự rung động khác với các rung động của cõi này. Muốn tiếp xúc với các cõi cao hơn, chúng ta phải sử dụng các giác quan của những thể thanh cao hơn, thí dụ như nếu chúng ta sử dụng giác quan của thể Trí thì chúng ta có thể nhìn, nghe những sự việc trên cõi Thượng giới... Tóm lại, trong vũ trụ không hề có hiện tượng "quyền năng thần thông" ghê gớm như con người tưởng tượng ra mà chỉ có việc sử dụng những giác

quan còn tiềm ẩn để đón nhận các rung động của những cõi giới khác nhau mà thôi.

Nhiều người không tin có những cõi giới khác với cõi trần và đòi hỏi một sự giải thích hợp lý hơn. Khoa học Vật lý (Physics) đã chứng minh rằng có nhiều hiện tượng trong thiên nhiên mà giác quan của chúng ta không thể nhận được. Thí dụ, mắt người chỉ có thể nhìn thấy một số màu sắc giới hạn và có những màu mà mắt thường không thể nhìn thấy nhưng qua các dụng cụ khoa học, người ta biết rằng còn có màu hồng ngoại hay tử ngoại... Cũng như thế, tai người chỉ có thể nghe được một số âm thanh giới hạn trong băng tần nào đó nhưng qua các dụng cụ khoa học, người ta đã chứng minh rằng còn có những âm thanh khác như siêu âm (Ultra Sound) hiện hữu. Nên nhớ các giác quan của con người rất giới hạn và có những sự kiện xảy ra trong cõi trần mà chúng ta còn chưa nhận biết được huống chi các hiện tượng xảy ra tại cõi khác. Khoa học hoàn toàn đặt căn bản nghiên cứu qua các giác quan và lý luận của bộ óc vật chất nên đã phủ nhận tất cả những gì mà giác quan con người không thể nhận biết. Do đó nền khoa học còn thiếu sót và cần được bổ túc.

Ngày nay khoa học đã chứng minh rằng mọi sự kiện xảy ra chỉ là những dao động (Vibration) của vật chất và có rất nhiều dao động ở ngoài vòng cảm xúc của giác quan. Tùy theo sự dao động của âm thanh lọt vào tai mà chúng ta phân biệt được âm thanh trầm bổng nhưng có nhiều dao động mà thính giác không biết được vì nó nằm ngoài giới hạn của cảm xúc nên không để lại một ấn tượng nào trong tâm thức chúng ta. Tuy nhiên, không nhìn thấy, không nghe được, không chạm được không có nghĩa là các dao động đó không xảy ra. Do đó một người biết cách luyện tập để có thể cộng hưởng với những dao động tế nhị, nằm ngoài giới hạn cảm xúc thông thường thì họ có thể nghe được nhiều hơn, nhìn thấy nhiều hơn.

Trên nguyên tắc, mục đích của cuộc đời là học hỏi để sống thuận theo những định luật vũ trụ nên việc sử dụng những giác quan còn tiềm ẩn rất hữu ích vì con người sẽ nhìn thấy nhiều hơn, nghe được nhiều hơn, hiểu biết và học được nhiều hơn vì đối tượng học hỏi của họ sẽ mở rộng chứ không thu hẹp trong cõi trần nữa. Tuy nhiên, sự khai mở những giác quan này phải hoàn toàn dựa trên sự phát triển cá nhân một cách tự nhiên vì tùy theo mức tiến hóa và hiểu biết mà con người sử dụng những giác quan cần thiết này để học hỏi. Nếu chưa đạt đến mức tiến hóa đó thì sự khai mở các giác quan sẽ có hại nhiều hơn là có lợi. Thí dụ, một học sinh bậc tiểu học khó có thể hiểu biết tường tận các điều giảng dạy dành

cho đại học. Nếu có nghe thấy cũng khó lòng diễn tả nó một cách chính xác được. Do đó, vì lý do bất ngờ nào mà họ khai mở các giác quan còn tiềm ẩn này thì quả là một tai họa lớn lao, vì mức tiến hóa và hiểu biết của họ chưa đủ để họ có thể phân biệt mọi sự một cách tường tận. Họ chỉ cảm nhận nó qua sự hiểu biết còn giới hạn của họ vào trình độ tiến hóa lúc đó mà thôi. Sự thiếu hiểu biết này là nguồn gốc của mọi nguy hiểm, vì họ không có một tiêu chuẩn gì để xét đoán về những điều mà họ nhìn thấy, do đó, họ có thể diễn tả hay sử dụng nó một cách sai lầm, không đúng với sự thật. Hãy tự hỏi vài trăm năm trước, nếu ai nhìn thấy tia tử ngoại hay hồng ngoại thì họ phải giải thích như thế nào? Làm sao họ có thể diễn tả những điều mà hầu hết mọi người đều không nhìn thấy? Họ sẽ giải thích ra sao về hiện tượng một âm thanh có thể truyền xa hàng ngàn dặm mà tai người thường không thể nghe thấy như trường hợp của máy vô tuyến truyền thanh hiện nay? Hiển nhiên dù cố gắng giải thích đến đâu họ vẫn bị người đời cho là điên khùng.

Thể xác con người là kết quả của những động lực mầu nhiệm trong thiên nhiên, chi phối bởi các định luật như Luân hồi, Nhân quả và Tiến hóa. Nếu một người vừa sinh ra đã có các năng khiếu đặc biệt thì có thể trong tiền kiếp họ đã từng được học hỏi về những điều đó. Một người giỏi âm nhạc vì đã được học hỏi về âm nhạc trong tiền kiếp như trường hợp các thần đồng âm nhạc. Cũng như thế, một người có khả năng Thần nhãn có thể đã từng tu tập trong các đạo viện thời cổ. Nên nhớ khả năng Thần nhãn có rất nhiều hạng, cao thấp khác nhau, từ các tu sĩ đạo hạnh trong các đền thờ chân chính đến các thầy phù thủy chữa bệnh trong các bộ lạc còn mông muội. Việc gì sẽ xảy ra cho họ và đời sống của họ sẽ ra sao còn tùy thuộc vào những người mà họ tiếp xúc do hoàn cảnh và nghiệp quả. Nếu khi trước họ đã phát hạnh nguyện cao thượng thì cơ duyên sẽ dẫn dắt họ tiếp xúc với những thầy hiền, bạn tốt để họ tiếp tục tu học và sử dụng khả năng này vào các việc tốt lành và trở thành người hữu dụng. Nếu họ không ý thức về các nguyên lý căn bản của quyền năng, rồi được người đời xưng tụng như một bậc thầy, một vị thần linh nào đó thì họ dễ đi vào con đường tà muội, trở thành những thầy phù thủy hạ cấp, các thầy bói xem quá khứ, vị lai hay những người lên đồng nhập cốt ăn nói quàng xiên.

Các hiền triết trên Tuyết Sơn cho biết việc phát triển các giác quan trước khi được Điểm đạo hay kiểm soát được Bản ngã không ích lợi gì vì đó chỉ là những sức mạnh thấp thỏi của Bản ngã, một chướng ngại trên đường đạo. Hầu hết những người đi trên đường tinh thần đều dễ sa ngã vì các quyền năng này. Nguy hiểm đầu

tiên của người phát triển quyền năng là sự kiêu căng, ngạo mạn và sự phát triển Bản ngã. Mặc dù các giác quan này sẽ khai triển khi nhân loại đạt đến một trình độ tiến hóa cao trong tương lai, nhưng hiện nay số người khai mở được giác quan này còn rất ít nên nhiều người đã lầm tưởng rằng họ đã được các đấng thiêng liêng chọn lựa để trở thành một "thần linh" hay "giáo chủ" nào đó. Vì chưa kiểm soát được Bản ngã nên khi được người đời ca tụng, Bản ngã của họ được thổi phồng lên, vô tình để cho những tham vọng cá nhân chi phối rồi đi lạc vào con đường tà muội.

Kinh điển Ấn giáo ghi nhận lời khuyên của Krishna với học trò là Arjuna như sau: *"Con chớ ham muốn những thần thông bậc thấp trước khi giải thoát ra khỏi các ảo ảnh của bản ngã. Những kẻ có quyền năng hay dễ bị các sinh vật vô hình, các loài ma quái, các vong linh bất hảo cám dỗ khiến họ trở nên kiêu căng, ngạo mạn, dễ lầm đường lạc lối. Khi đó, thay vì lo phát triển tâm linh, sống thuận với lẽ phải, họ lại bị sự kiêu ngạo lôi cuốn, xưng thần xưng thánh rồi dẫn dắt người khác đi vào ma đạo, chống lại luật trời. Sự lạm dụng quyền năng sẽ tạo nghiệp quả rất nặng, do đó, quyền năng là một chướng ngại rất lớn nếu con chưa khắc phục được Bản ngã".*

Quy tắc chân chính và an toàn nhất đối với người đi trên đường đạo là không tu tập thần thông, không ham muốn những quyền năng thấp đó. Dù đã phát triển khả năng này thì hãy coi đó như một giác quan thông thường, đừng coi trọng nó và cũng đừng lạm dụng nó vào bất cứ việc gì. Quyền năng duy nhất mà người đi trên đường tinh thần nên ao ước là làm sao sống một cách khiêm tốn, trong sạch và hết lòng phụng sự nhân loại bằng một tâm hồn tràn đầy thương yêu. Khi hoàn toàn kiểm soát được Bản ngã và khi Bản ngã hợp nhất với Chân ngã thì những giác quan bậc cao sẽ phát triển và khi đó không còn sự lầm lạc vô minh và đây mới là con đường chân chính nhất. Lịch sử đã cho thấy châu Atlantis đã bị nhận chìm xuống biển cũng chỉ vì sự lạm dụng quyền năng của một nhóm đạo sĩ lợi kỷ hại nhân, chỉ lo cho quyền lợi phe phái riêng và cản trở sự tiến hóa tâm linh của những sinh vật khác.

Một người hiểu biết về các định luật vũ trụ như Nhân quả, Luân hồi, Tiến hóa không thể lạm dụng quyền năng vì biết rằng gây nhân nào sẽ gặt quả đó. Một người hiểu biết về các cõi giới vô hình cũng như giác quan còn tiềm ẩn trong con người phải thấy rằng tất cả chỉ là một tiến trình tự nhiên của luật Tiến hóa chứ không phải sự tập luyện một cách "phản thiên nhiên" để đạt mục đích ích kỷ nào đó. Những kẻ cố gắng luyện thần thông để thỏa mãn tham vọng riêng là những người đang đi trên con đường nguy hiểm và đáng sợ nhất. Vì không có sự chỉ dẫn đúng đắn của một vị

hiền triết, vì thiếu hiểu biết nên họ dễ lầm lạc về những điều họ thấy và trở thành nạn nhân của những động lực ma quái trong thiên nhiên.

Trong cõi giới bên kia cửa tử, có nhiều vong linh bất hảo và các loại ma quỷ vô hình thường tìm cách ảnh hưởng những kẻ dại dột này. Vì thiếu sáng suốt phân minh nên một vài hình ảnh mơ hồ, một vài câu nói vu vơ bỗng trở thành những chân lý cao siêu, những lời mách bảo của thần linh khiến cho người đó có thể trịnh trọng tuyên bố những điều sai lạc, láo khoét và dẫn dụ những kẻ nhẹ dạ, hiếu kỳ đi vào con đường tà muội. Hầu hết những kẻ luyện thần thông đều mong muốn những gì mà cuộc đời không đem lại cho họ như địa vị, danh vọng, tiền bạc, các thú vui nhục dục. Vì không có đời sống tinh khiết cao thượng mà chỉ thèm muốn các thú vui vật chất nên họ đã vô tình thu hút các ảnh hưởng xấu xa nhất trong cõi vô hình vì quy tắc "đồng thanh tương ứng, đồng khí tương cầu". Khi những ảnh hưởng ma quái này nhập vào họ, khiến họ sở hữu một vài quyền năng hạng thấp như có thể đọc được tư tưởng, sai khiến và thôi miên kẻ khác thì họ vô tình đã để cho các động lực này sử dụng thể xác. Lúc đó, họ không còn tự chủ nữa mà chỉ là cái xác không hồn, một thứ quỷ sống đội lốt người, một loài quỷ nhập tràng, một loài yêu ma của nhục dục. Nhờ những quyền năng hạ cấp này, họ tự xưng là thần thánh hay giáo chủ để lung lạc nhân tâm, lôi kéo những kẻ hiếu kỳ muốn tìm đường tắt để thỏa mãn các tham vọng cá nhân. Nên nhớ khi bắt đầu luyện thần thông, đầu óc của họ đã bị chi phối bởi các tham vọng nên khi được các động lực ma quái hỗ trợ, họ sẽ tìm cách thỏa mãn các ao ước ban đầu. Hầu hết các loại đạo sĩ hay giáo chủ này đều kêu gọi những kẻ tin theo họ phải giúp họ thỏa mãn các tham vọng này qua việc dâng hiến tài sản vật chất, xưng tụng họ hoặc thỏa mãn các đòi hỏi nhục dục của họ. Đây là một sự kiện thông thường, đã xảy ra nhiều lần trong lịch sử của các nền văn minh cổ. Khi một người mất niềm tin vào các đấng thiêng liêng, để cho các thú vui vật chất cám dỗ thì các loại phù thủy này sẽ xuất hiện để lung lạc và sai khiến những kẻ hiếu kỳ, nhẹ dạ. Hiển nhiên những điều này đều đi ngược lại cơ chế tiến hóa của Thượng Đế đã sắp đặt cho nhân loại và những kẻ vi phạm luật vũ trụ sẽ phải trả một giá rất đắt cho sự dại dột này.

Chúng ta đang sống trong một thời đại mà mọi việc đều được hành động một cách nhanh chóng, vội vàng và xu hướng chung là chỉ làm một cách lướt qua trên bề mặt chứ không chịu đào sâu vào sự việc. Do đó phần đông đều nhìn mọi việc một cách dửng dưng, không chịu tìm hiểu sâu xa nên không có căn bản vững chắc. Họ dễ tin, dễ bị lôi cuốn bởi các luận cứ mơ hồ, dễ bị cám dỗ bởi các

hiện tượng sôi nổi đang được quảng cáo rầm rộ. Do đó các hiện tượng "phá sản tâm linh" bằng sự xuất hiện của các phù thủy, đạo sư xuất phát từ cõi âm cùng chủ nghĩa vô thần là những đe dọa lớn cho nhân loại hiện nay. Hạnh phúc của nhân loại là sự hiểu biết và sống theo các định luật vũ trụ mà Thượng Đế đã đặt ra, nếu không tin tưởng ở Ngài, nhân loại sẽ suy vong.

Một số người than rằng các đấng giáo chủ đã xa cách chúng ta hàng ngàn năm, điều các ngài chỉ dạy đã ít nhiều bị giải thích sai lạc và tệ hơn nữa, những giáo sĩ lãnh nhiệm vụ dìu dắt đã không làm tròn sứ mạng một cách đúng đắn. Hiển nhiên tôn giáo nào cũng có những kẻ lợi dụng đức tin để làm việc ích kỷ nhưng người ta không thể trách cứ một tôn giáo qua việc làm của một vài giáo sĩ không chân chính. Sự thật là, những tôn giáo lớn, hiện diện cả ngàn năm nay, xây dựng trên những giá trị thiêng liêng với công trình đóng góp của hàng ngàn giáo sĩ đã mang lại lợi ích cho biết bao người trên thế giới. Sự chỉ trích tôn giáo, bất cứ tôn giáo nào, đều là việc làm không đúng đắn, thiếu hiểu biết, và đôi khi chỉ là cái cớ để bào chữa cho sự lười biếng, thiếu đức tin của mình. Có kẻ nói rằng các giáo chủ đã qua đời từ lâu thì làm sao hướng dẫn được ai nữa! Đây là một nhận xét rất ấu trĩ, vì những điều các ngài truyền dạy có giá trị vượt thời gian, không thể xét đoán một cách hẹp hòi như thế được. Sự chê bai tôn giáo chỉ là ngụy thuyết của những kẻ thiếu đức tin, đã lạc lối còn cố tình lôi kéo những người khác đi theo. Họ là những kẻ tự bịt mắt rồi than không tìm thấy gì, tự cột chân rồi than không thể đi được.

Một số khoa học gia còn lý luận rằng hầu hết những điều ghi nhận trong kinh sách tôn giáo đều vô lý, mơ hồ và phản khoa học. Sở dĩ họ lập luận như thế là vì không thể hoàn thành những điều đó trong phòng thí nghiệm, nhưng kinh sách không phải là những tài liệu khoa học với các giả thuyết, mà là những xác quyết thâm sâu, người đọc phải suy gẫm để tìm những ẩn nghĩa cao thâm trong đó. Tôn giáo phát sinh từ lòng sùng kính chứ không phải từ lý luận, bàn cãi của một vài cá nhân có thẩm quyền nhờ bằng cấp tốt nghiệp từ một đại học nào đó. Sự khiêm tốn không phải là bước đầu của những người đến với tôn giáo mà còn phải là bước đầu của những người nghiên cứu khoa học nữa. Khi một người tự hào có thể biết được tất cả thì họ đã vô tình dựng một bức tường ngăn cách giữa họ và mục đích của họ rồi. Một nhà khoa học đầy tự hào sẽ khó lòng đi xa vì bộ óc giới hạn của ông sẽ không còn chỗ để ghi nhận thêm điều gì mới lạ nữa.

Tôn giáo là mối liên lạc giữa cá nhân và Thượng Đế nhưng trải qua nhiều thế kỷ, quan niệm về "Thượng Đế" vẫn là một đề tài được

nói đến rất nhiều nhưng không ai chịu chấp nhận quan niệm của ai. Ngày nay, người ta vẫn tiếp tục tranh cãi về Thượng Đế theo quan niệm riêng của họ. Nếu để ý quan sát, chúng ta sẽ thấy mọi dân tộc, mọi quốc gia, mọi nền văn minh, mọi tôn giáo đều có một Thượng Đế riêng. Đối với bộ lạc dã man, Thượng Đế là một hình ảnh được khắc lên vỏ cây, trên vách đá với khuôn mặt kỳ dị. Khuôn mặt này chỉ là cách diễn tả quan niệm của họ về một quyền năng tối thượng, siêu phàm, vì ý niệm về đấng tối cao của họ là thế. Đối với một vài tôn giáo, Thượng Đế là một chân linh, không danh tánh, không hình tướng hiện diện khắp nơi nhưng không tôn giáo nào chịu chấp nhận Thượng Đế của tôn giáo khác. Danh từ Thượng Đế đối với một cá nhân cũng thay đổi tùy sự hiểu biết và phát triển. Có thể lúc đầu đó là một vị thần linh hữu hình, có khuôn mặt giống như người hay giống một vị thần mà người ta có thể cầu nguyện, nhưng theo thời gian, quan niệm này sẽ nhường chỗ cho một quan niệm khác về một Thượng Đế vô hình, một quyền lực thấm nhuần toàn thể vũ trụ. Gần đây các nhóm vô thần cho rằng "Thượng Đế chỉ là một sản phẩm của trí tưởng tượng" và các nhà khoa học duy vật cũng kết luận "Không thể có một Thượng Đế mà chỉ có định luật khoa học mà thôi".

Tất cả những quan niệm về Thượng Đế kể trên chỉ có tính cách tương đối và bất toàn. Theo sự học hỏi của tôi với các hiền triết trên Tuyết Sơn thì chỉ có một Thượng Đế mà thôi, nếu chúng ta quan niệm Ngài là Đấng Sáng Tạo, thành lập vũ trụ. Hiển nhiên, ngoài ra còn có rất nhiều thánh thần nhưng các vị này không phải là Thượng Đế. Thật ra, mỗi hình ảnh bên ngoài chỉ có tính cách tượng trưng vì người ta chỉ có thể tìm thấy Thượng Đế ở bên trong chứ không phải ở ngoại cảnh. Chỉ khi nào người tìm và kẻ được tìm chan hòa trong sự duy nhất, vĩnh cửu thì sự hiểu biết mới hoàn bị được. Sự phân biệt về Thượng Đế này hay Thượng Đế khác chỉ là những tình cảm rối loạn của những kẻ cuồng tín thiếu hiểu biết. Với những kẻ đó, Thượng Đế đã bị đóng khung trong cửa kín, then gài và những ai không đồng ý với họ đều là kẻ thù. Thượng Đế không thể bị giới hạn như thế, người ta không thể tìm thấy Ngài qua một hình thức riêng biệt nào mà dưới mọi hình thức, không phải ở một chỗ riêng biệt nào mà ở khắp mọi nơi; không ở riêng cho một tôn giáo, nghi thức, lòng tin nào mà ở vô biên. Người đi trên đường đạo phải biết nhận thức rằng con đường duy nhất dẫn dắt đến Thượng Đế không phải ở bên ngoài mà nằm sâu trong tâm hồn mọi người. Người ta chỉ có thể tìm thấy Ngài khi họ biết khiêm tốn quay vào bên trong.

Ngày nay các nhà khoa học đã chứng minh rằng vũ trụ rất rộng lớn với hàng triệu hành tinh, hàng triệu dải Ngân Hà (Galaxies),

hàng triệu khối Tinh Vân (Nebulas) và cứ thế vô cùng tận. Hiển nhiên vũ trụ vô biên phải có một Đấng Sáng Tạo vô biên. Do đó Đấng Sáng Tạo này không thể thu hẹp trong một sắc tướng hay một nhân vật được mà phải là một quyền lực, một định luật tối cao điều hành tất cả. Điều đáng tiếc là khoa học có thể tin được những gì vô biên nhưng không thể chấp nhận một Thượng Đế vô biên mà cố gắng giải thích nó bằng những ý niệm khác vì không muốn chịu sự chi phối của tôn giáo. Phải chăng trong vũ trụ được sáng tạo này không còn chỗ nào dành cho Đấng Sáng Tạo nữa? Trước đây ít lâu nhà Thiên văn học Lagrande* đã tuyên bố: "Tôi đã quan sát khắp bầu trời bằng kính viễn vọng tối tân nhất nhưng nào có thấy Thượng Đế hay Thiên Đàng! Đó chỉ là một quan niệm ngu xuẩn của những thầy tu dốt nát". Theo tôi, nhà thông thái này chỉ cần bỏ ống kính viễn vọng đó xuống và lắng lòng an tĩnh để khiêm tốn một chút thì chắc chắn ông sẽ thấy được Ngài. Hiện nay, khoa học không thể đi xa hơn vì các nhà khoa học đã từ chối những gì mà họ không thể chứng minh. Họ không cố gắng tìm hiểu những sự kiện đang xảy ra mà khoa học chưa thể chứng minh trong lúc này, do đó họ không thể đi xa hơn được. Theo tôi, sự dốt nát có thể tha thứ nhưng sự cố gắng trầm mình trong sự dốt nát thì đáng trách vô cùng.

(*) Joeph-Louis Lagrande (1736-1813) là một nhà toán học và nhà thiên văn học người Ý - Pháp.

BỔ SUNG CỦA DỊCH GIẢ**

(**) Đây là phần của dịch giả đã sưu tầm để bổ túc cho các bài giảng của Giám mục Leadbeater về khoa học và tôn giáo.

Nhà vật lý Albert Einstein đã chứng minh nguồn gốc mọi vật là một năng lượng duy nhất (Energy). Năng lượng này tiềm tàng trong tất cả và có thể chuyển đổi (Transformation) trong mọi vật chất. Điều này không khác quan niệm Thượng Đế là một và hiện diện trong tất cả muôn loài. Nhưng năng lượng uyên nguyên này căn bản từ đâu mà có? Theo Einstein, năng lượng căn bản nhất chính là ánh sáng. Vật chất chẳng qua chỉ là sự đông đặc của các năng lượng nghĩa là của ánh sáng. Qua các cuộc thí nghiệm của Einstein tại Đại học Princeton, người ta có thể biến ánh sáng thành vật chất và chuyển vật chất thành ánh sáng. Cái vũ trụ kỳ diệu gồm những vật chất cứng nhắc thu hút lẫn nhau của nhà bác học Newton, cha đẻ của ngành khoa học đã bị Einstein phá tung vì bản chất thật sự của vũ trụ đã "bốc thành hơi" vì được cấu tạo bởi những yếu tố vi tế nhất: Ánh sáng.

Các nhà khoa học đều cho rằng đây là một khám phá hy hữu chưa từng có nhưng thực ra họ đang kiểm chứng một chân lý cổ xưa nhất thế giới đã được truyền dạy bằng lời, được khắc ghi trên vỏ cây, da cừu hay vách đá của các nền văn minh cổ: Thượng Đế chính là ánh sáng. Kinh Thánh đã ghi: "Điều được Thượng Đế sáng tạo đầu tiên là ánh sáng rồi mới đến các vật khác". Tuy nhiên lúc đó trước khi có vạn vật thì làm sao Ngài tạo ra ánh sáng? Chỉ có một giải thích giản dị: Ngài tạo ra ánh sáng từ chính nơi Ngài như một con nhện dệt tơ từ chính thân thể của nó. Ngài tạo ra ánh sáng từ nơi Ngài thì ánh sáng chính là Ngài và ánh sáng chính là Thượng Đế. Kinh Upcinishad của Ấn giáo cũng ghi nhận: "Brahma hay Đấng Sáng Tạo đã tạo ra ánh sáng và từ ánh sáng này phát sinh muôn vật". Các cuốn cổ thư Ai Cập cũng ghi nhận: "Thái Dương (Ra) là chủ thể của vũ trụ và từ ánh sáng của Ra mà sự tạo thiên lập địa mới xảy ra", do đó trong tôn giáo Ai Cập, ngôi Thái Dương (Ra) là biểu tượng của sự sống và sự sáng tạo.

Ngành Vật lý Nguyên tử còn đi xa hơn nữa và chứng minh rằng vạn vật đều có một căn bản chung là nguyên tử. Điều này không khác quan niệm nhất nguyên về vũ trụ. Trước thế kỷ XX, đó chỉ là niềm tin trừu tượng của tôn giáo nhưng ngày nay, nó là một luận cứ khoa học vững chắc. Phải chăng nguyên tử là "danh từ mới" của khoa học ngày nay để diễn tả những sự kiện mà người xưa đã biết từ lâu? Nguyên tử được coi như viên đá căn bản kiến tạo vũ trụ với những dương điện và âm điện chuyển động trong một tiết điệu đặc biệt, hợp rồi tan, tan rồi hợp như một hơi thở. Điều này có khác gì quan niệm về hơi thở thiêng liêng của Thượng Đế?

Nhà Vật lý học Karl Darroxv của Bell Lab nhờ quan sát các diễn tiến của vật chất phát sinh và tan biến thành năng lượng đã viết: "Ngoài sự tương phản giữa sự sống và sự chết, người ta không thể tìm thấy một sự kiện nào đặc biệt tương đồng như sự chuyển đổi từ vật chất ra ánh sáng. Các Quang tử (Photon: đơn vị nhỏ nhất của ánh sáng) và Điện tử (Electron: đơn vị nhỏ nhất của vật chất) tuy khác nhau nhưng có thể tan biến đi để thay thế cho nhau. Khi bắt một Quang tử đi vào một đơn vị vật chất, người ta thấy một điện tử âm và dương nhảy vọt ra và động năng của cặp điện tử này là một tổng số toán học có thể định trước. Do đó, người ta có thể kết luận một quang tử tan ra để tạo thành một cặp điện tử hay ánh sáng đã tạo ra vật chất. Cũng như thế, nếu phá tan cặp điện tử này thì người ta sẽ thành một quang tử hay ánh sáng". Quan niệm một (Quang tử) sinh ra tất cả (cặp điện tử hay căn bản vật chất) và tất cả (cặp điện tử) có thể biến thành một (hạt quang tử) này không khác gì quan niệm "vạn vật đồng nhất thể" hay "nhất bản tán vạn thù" của người xưa. Phải chăng sự duy nhất của vạn vật không phải là một tin tưởng suông mà có căn cứ vững chắc?

Tóm lại, ánh sáng và vật chất không bất biến nhưng cái năng lượng chuyển đổi từ vật chất thành ánh sáng và từ ánh sáng thành vật chất hay cái động năng thiêng liêng tiềm tàng kia mới là vĩnh cửu. Thật ra từ ngàn xưa các đạo gia thời cổ đã biết rõ điều này qua hiện tượng cọ xát một miếng da vào mảnh hổ phách để sinh tĩnh điện. Sự cọ xát và thu hút của vật chất đã được các thầy phù thủy biểu diễn cả ngàn năm nay nhưng đến ngày nay khoa học mới bắt đầu chứng minh được qua các lý thuyết về năng lượng.

Nếu Thượng Đế là ánh sáng (năng lượng) và tất cả mọi vật đều chỉ là sự đông đặc của năng lượng hay ánh sáng thì hiển nhiên tất cả đều bắt nguồn từ một đấng duy nhất, vô sở bất tại. Như thế con người không thể lìa xa Thượng Đế được. Tất cả vũ trụ này đều được xây dựng từ Thượng Đế, tất cả mọi vật đều thấm nhuần sự sống ban rải từ Thượng Đế và bất cứ lúc nào, chúng ta cũng ở bên Thượng Đế vì Ngài là Vô Biên. Những kẻ vô thần không tin có Thượng Đế hãy tự hỏi con người từ đâu đến và sẽ đi về đâu?

Các hiền triết trên Tuyết Sơn cho biết trong khi nhập định họ có thể chứng kiến linh ảnh của Thượng Đế dưới hình thức ánh sáng và không kinh nghiệm nào cao quý hơn thế. Các sách vở cổ xưa cũng ghi nhận các đạo gia thường ngồi bất động để trầm mình trong một biển ánh sáng quang minh rực rỡ, một tâm trạng an lạc, sáng suốt không bút mực nào có thể tả được. Thánh Kinh cũng ghi nhận việc nhà tiên tri Moise nhìn thấy một bụi cây bốc cháy rực rỡ và nhận được mặc khải của Thượng Đế.

Nếu chúng ta nhận thức rằng Thượng Đế hiện diện trong tất cả và những danh từ, hình ảnh, quan niệm về một đấng Thượng Đế hữu hình nào đó chỉ có tính cách tương đối, tạm bợ, chúng ta có thể bỏ được quan niệm về sự phân biệt và tránh đi vào những cực đoan hay cuồng tín. Thay vì thờ cúng hay xin xỏ Ngài, chúng ta hãy cố gắng thay đổi chính mình để hòa hợp với Ngài. Khi bỏ được bức màn vô minh, đầy phân biệt của cái lý trí xuất phát từ Bản ngã và thay thế bằng sự khiêm tốn, trong sạch của Chân ngã thì chúng ta sẽ hợp nhất với Ngài. Nếu mọi người đều tìm được Thượng Đế vì Ngài hiện diện ở bên trong chứ không phải ngoại cảnh thì họ sẽ hiểu rõ mọi sự kiện trong trời đất, vô hình cũng như hữu hình, lớn cũng như bé và ý thức rằng có một định luật tối cao điều hành tất cả. Sau khi tôn thờ đủ thứ thần linh, con người sẽ hiểu biết rằng chỉ có một Thượng Đế duy nhất trong vạn vật. Sau khi tin tưởng vào một Thượng Đế có tính cách cá nhân, riêng rẽ, con người sẽ hiểu rằng Thượng Đế là vô biên, vô ngã và đại đồng.

CHƯƠNG 8

Trong đời sống vội vã hiện nay, một số người đi trên đường tinh thần đã chủ trương phải xa lánh chốn phồn hoa đô hội, tìm đến những nơi hẻo lánh để trau dồi thân tâm. Theo tôi, người ta không nhất thiết phải tìm vào chốn rừng sâu núi thẳm mới tu hành được mà vẫn có thể tìm được sự an tĩnh nội tâm qua việc thực hành các phương pháp tĩnh tâm hay Thiền định.

Thiền định (tiếng Phạn Dhyana) có nghĩa là sự hòa hợp giữa người suy ngẫm và đối tượng của sự suy ngẫm, hay sự hòa hợp giữa chủ thể và đối tượng. Người Âu dịch Thiền định là "Meditation" hay sự tập trung để suy nghĩ về một đối tượng nào đó, nghĩa là có sự phân biệt giữa chủ thể và đối tượng. Sự hiểu lầm căn bản này bắt nguồn từ những dịch giả người Âu, không có kinh nghiệm tâm linh, không hiểu rõ quan niệm Nhất Nguyên (không phân biệt) của người phương Đông nên đã vô tình sử dụng quan niệm Nhị Nguyên (phân biệt) vào đó. Vì cho rằng có chủ thể và đối tượng nên nhiều người Âu đã sử dụng danh từ "Thiền" một cách bừa bãi như một phương pháp thực hành để đạt được một "cái gì" hay đến một "cảnh giới" nào đó. Đây là một ngộ nhận đã gây nhiều khó khăn cho những người muốn tìm hiểu về Thiền.

Theo tôi được biết, bất cứ ai trong một giây phút nào đó, đều có kinh nghiệm được một tâm trạng hoàn toàn an tĩnh hay tâm trạng "Thiền". Tâm trạng này chỉ đến khi người đó không nghĩ đến nó, không ao ước nó vì đó chính là lúc linh năng thiêng liêng bên trong phát lộ khi tâm hồn con người không bị lôi cuốn bởi dục vọng hay chi phối bởi ngoại cảnh. Chỉ trong kinh nghiệm này, con người mới ý thức được rằng niềm an tĩnh vô biên vốn phát sinh từ những yếu tố tiềm ẩn bên trong chứ không phải một trạng thái nào đó đến từ bên ngoài. Các hiền triết trên Tuyết Sơn đã dạy: *"Khi Bản ngã ngưng hoạt động thì Chân ngã sẽ biểu hiện, khi ao ước của vật chất chấm dứt thì niềm phúc lạc của tinh thần sẽ đến một cách tự nhiên".* Do đó, quy tắc chính yếu của Thiền là phải tránh mọi sự

mong cầu, ước muốn vì cái ý tưởng mong muốn một thứ gì, dù đó là niềm an vui, lạc phúc, đã khiến cho chúng ta rời xa cái đó rồi. Điều con người cần không nằm ở bên ngoài, không phải là cái có thể tìm kiếm hay sở hữu được vì linh năng vốn sẵn có ở bên trong, do đó không cần phải tìm kiếm hay ước muốn gì nữa.

Bước đầu thực hành để cho tâm hồn an tĩnh là phải làm cho xác thân thoải mái hay phải biết điều thân trước khi điều tâm. Người châu Á có nhiều phương pháp điều thân rất hữu hiệu qua các tư thế như Yoga nhưng lúc khởi đầu người tập không nên cố gắng thái quá. Tư thế cần phải tự nhiên vì chỉ khi nào xác thân được thoải mái thì sự tập trung ý thức mới xảy ra được.

Trở ngại đầu tiên cho người mới tập thiền, phần lớn là người Âu, là cố gắng ngồi theo những tư thế của người Á Đông trong khi thể xác của họ chưa quen với các tư thế này và sự đau đớn của xác thân đã khiến cho nhiều người phải bỏ cuộc. Theo tôi, đối với những người chưa quen ngồi xếp bằng dưới đất thì có thể bắt đầu bằng việc ngồi trên ghế, giữ cho lưng thẳng, hai bàn tay để trên đầu gối, hai chân để sát vào nhau nhưng đừng bắt chéo chân. Tư thế ngồi cần phải dễ dàng, thoải mái, không quá gò bó. Mắt nhắm lại, miệng ngậm và giữ lưng cho thẳng để luồng chân khí lưu thông dễ dàng trong xương sống.

Trở ngại thứ hai trong phương pháp thiền là sự cố gắng thở cho thật dài, thật sâu rồi dồn khí xuống bụng (đan điền). Theo kinh nghiệm của tôi, khi nào thể xác thoải mái, tư tưởng điều hòa thì tự nhiên hơi thở sẽ trở nên sâu, nhẹ và nhịp nhàng. Tôi biết có nhiều phương pháp bắt người tập phải cố gắng hít vào thật sâu như các ca sĩ luyện giọng nhưng theo tôi điều này không cần thiết vì nó làm cho người tập quá chú trọng đến hơi thở mà trở nên mất tự nhiên. Điều quan trọng trong việc tĩnh tâm là giữ cho tâm trí thoải mái, nếu cố gắng thái quá vào các tư thế hay sự thở hít, sẽ làm trở ngại việc định trí. Ngoài ra khi khởi sự tập thiền phải hạn chế việc ăn uống quá độ. Nếu có thể bỏ được thịt cá hay rượu thì rất tốt vì những thức ăn phức tạp này thường cản trở luồng sinh khí lưu chuyển trong kinh mạch.

Trở ngại thứ ba trong khi thực hành thiền định là việc giữ đúng giờ giấc tham thiền. Một khi đã chọn giờ giấc nào đó thì người tập cần tuân giữ thật đúng để nó trở thành thói quen. Khi bắt đầu luyện tập, ai cũng có tính lười biếng, khi tập khi bỏ và như thế họ sẽ không thể tiến xa được. Việc giữ đúng giờ giấc sẽ khép người tập vào một kỷ luật nhất định. Theo các hiền triết trên Tuyết Sơn, có ba thời điểm thuận tiện nhất để tham thiền: Lúc mặt trời mọc,

chính giữa trưa và lúc mặt trời lặn. Hiển nhiên trong đời sống vội vã ngày nay, người ta có thể lựa chọn một giờ giấc nào đó cho thích hợp nhưng nên tránh thực tập sau ăn vì dạ dày phải làm việc nhiều, khó đưa máu lưu chuyển khắp người hoặc vào lúc đêm khuya khi thân thể mệt mỏi, đầu óc cần phải nghỉ ngơi.

Theo tôi, trong công phu thiền định, người ta không thể áp dụng một phương pháp chung được vì mỗi người tùy thể chất sẽ lựa chọn một phương pháp phù hợp với mình. Nhiều người nghĩ rằng nếu mình đã đạt kết quả qua phương pháp đó rồi thì người khác cũng sẽ đạt được như thế. Trên phương diện thiền, điều này không đúng hẳn. Công phu của thiền định là làm sao giữ cho đầu óc được thoải mái yên tịnh, không vọng động. Vì đây là một việc hết sức khó khăn. Chẳng mấy ai có thể giữ đầu óc không suy nghĩ trong một phút vì chỉ trong thoáng giây là hàng trăm ý tưởng lộn xộn đã nảy sinh rồi.

Kinh Bhagavad Gita của Ấn giáo có ghi lại mẩu chuyện sau: Arjuna đến nói với thầy là Krishna: *"Thưa thầy, tâm trí con xao động lộn xộn, khắc phục nó còn khó hơn khắc phục gió nữa. Xin thầy dạy cho phương pháp chủ trị cái tâm". Krishna nói: "Cái tâm rất khó trị, càng cố gắng kiềm chế nó bao nhiêu thì nó càng chống đối mạnh mẽ bấy nhiêu. Con hãy bình thản ngồi yên, không chống đối, không kiềm chế, không thiết tha hay bám víu lấy nó mà chỉ theo dõi nó một cách thản nhiên. Nếu nó đến thì nó sẽ đi, nếu nó xuất hiện thì nó sẽ biến mất và đó chính là công phu duy nhất để chế ngự tư tưởng".*

Theo các hiền triết trên Tuyết Sơn, nguyên nhân làm cho đầu óc chúng ta náo động là do thói quen từ trước. Trải qua vô số kiếp sống, trí óc con người đã quen náo động, mỗi khi có kích thích nào đến là nó phản ứng tức thì và dần dần trở thành phản ứng tự nhiên. Đã quen suy nghĩ mông lung như thế mà phải bình thản quan sát và không phản ứng thì quả là một thay đổi vô cùng khó khăn. Tuy nhiên, nếu tập luyện đều đặn, người ta sẽ khắc phục được nó và mở mang khả năng định trí. Nên nhớ đầu óc con người luôn luôn thay đổi với các tư tưởng nảy sinh, từ việc này đến việc khác như một ngã tư đường với đủ loại xe cộ chạy lung tung. Công phu của thiền là làm sao không để tâm trí vọng động này chi phối, do đó người tập cần biết kiểm soát tư tưởng. Điều quan trọng cần để ý là sự an lạc bắt nguồn từ những yếu tố thiêng liêng tiềm ẩn bên trong chứ không phải qua sự cố gắng để đến trạng thái này. Khi tâm đã định (Samadhi), người thực hành sẽ kinh nghiệm được một sự an lạc, sáng suốt lạ thường. Danh từ Thiên Chúa giáo gọi là sự "Trở về nhà" và danh từ Phật giáo gọi là "Kiến tánh", hiểu rõ con người thật của mình (Chân ngã).

Khi trở về Anh quốc, tôi đề nghị cho tổ chức các khóa giảng dạy về thiền, nhiều người đã phản đối và nói rằng họ không có thời giờ để "ngồi yên không làm gì hết" như vậy. Họ không biết rằng những người bận rộn nhất lại là những người cần thực hành phương pháp này hơn ai hết. Một hiền triết trên Tuyết Sơn cho biết: *"Vào cuối thế kỷ này sẽ có những căn bệnh kỳ lạ, những biến chứng thần kinh mà y học phải bó tay vì nguyên nhân của nó phát xuất từ sự xáo trộn nội tâm, hậu quả của đời sống xã hội quá phức tạp. Đến khi đó, con người mới hiểu được giá trị của sự tĩnh tâm. Trong tương lai, các phương pháp thiền tập của người phương Đông sẽ phát triển rất mạnh ở phương Tây, vì nó đáp ứng được nhu cầu khẩn thiết của thời đại đó".*

Theo các hiền triết trên Tuyết Sơn, lúc khởi sự thực hành thiền định, người tập phải ý thức thật rõ về mục đích của nó. Việc thực tập này rất nguy hại nếu mục đích của nó liên quan đến tư lợi của người thực hành như việc ao ước, mong cầu một điều gì hay đến một cảnh giới kỳ lạ nào đó. Đây là một cạm bẫy nguy hiểm vì nó làm gia tăng Bản ngã riêng rẽ và đáp lại lòng hiếu kỳ của người thực tập khiến họ lầm tưởng rằng họ đã phát triển quyền năng hay trở thành một "đấng" nào đó. Nếu mục đích của người tập là để trở thành một cái gì, sở hữu một điều gì, phát triển một quyền năng thần thông nào thì họ đã đi xa hẳn mục đích của Thiền mà đi lạc vào ma đạo và việc này sẽ dẫn dắt người tập vào một con đường hết sức nguy hiểm. Tu tập các phương pháp như thế chỉ làm tăng cường lòng kiêu căng tự phụ, cho rằng mình quan trọng hơn người hay phát triển dục vọng và Bản ngã.

Như tôi đã trình bày ở trên, danh từ "Thiền" là trạng thái an tĩnh sáng suốt, vượt ra khỏi sự chi phối của Bản ngã để cho Chân ngã bên trong tự biểu hiện chứ không phải phát triển Bản ngã để đạt một cái gì hay đến nơi chốn nào. Đó chỉ là những phương pháp cầu thần thông của ma đạo, trá hình dưới danh từ "Thiền" mà thôi. Phương pháp này sẽ tạo những ảo giác kỳ lạ, những cảnh giới mê hoặc đưa người tập vào trạng thái xuất thần, không tự chủ rồi bị lợi dụng bởi các động lực ma quái bất hảo. Gần đây tôi thấy một số sách dạy về "Thiền" đã khuyên người tập phải hướng đôi mắt lên cao và giữ nó bất động trong trạng thái đó. Phương pháp này làm cho thị giác trong khối óc bị tê liệt khiến cho người tập như bị thôi miên và đi đến trạng thái xuất thần. Một đôi khi người tập được dạy rằng phải quên mình để tiếp nhận ảnh hưởng của một "đấng" nào đó hay tập trung tư tưởng để khai mở bí huyệt nào đó trong mình. Các lối thực tập hàm thụ qua sách vở này rất nguy hiểm và cần phải tránh, vì nó chuẩn bị cho người tập trở nên thụ động để tiếp nhận các ảnh hưởng bất hảo của cõi âm. Hiền triết

Kuthumi cảnh cáo: *"Đức tính cần thiết của người đi trên đường đạo là lòng khiêm tốn, quên mình, dẹp bỏ Bản ngã để cho Chân ngã biểu lộ. Thiếu ý thức về đức tính này, người ta sẽ vô tình để cho Bản ngã phát triển, đi ngược luật thiên nhiên, rơi vào cạm bẫy nguy hiểm của các thầy phù thủy, các kẻ luyện tà thuật, các pháp sư có khuynh hướng lợi kỷ hại nhân".*

Mục đích của sự tham thiền là để cho phần tâm thức cao đẹp sẵn có biểu lộ một cách tự nhiên hay mở cái cửa nhà tù đang giam hãm tâm thức mình để nó nhận thức chân lý chứ không phải là một phương pháp tập trung tư tưởng để sở hữu một quyền năng nào hay đạt được điều gì như nhiều người lầm tưởng. Con người chỉ có thể hòa hợp tâm hồn mình với ảnh hưởng thiêng liêng khi tâm hồn của họ hoàn toàn an tĩnh, không vọng động, mong cầu ước muốn một điều gì. Sự an tĩnh sẽ giúp họ biết rõ về mình hầu tự trau dồi phẩm hạnh. Chỉ trong sự an tĩnh mà họ mới ý thức được các năng lực mầu nhiệm đang chuyển hóa trong họ vì khi tư tưởng lặng yên, không bị chi phối bởi ngoại cảnh, các khả năng tiềm ẩn bên trong mới phát sinh và nảy nở trọn vẹn. Con người có thể thoát ra khỏi các tiếng động ồn ào của dục vọng, ham muốn thì mới thưởng thức được các hòa âm cao thượng vẫn phát xuất từ cõi vô biên.

Trong con đường tâm linh, mục đích của người tu tập thiền định và một người chú tâm cầu nguyện không khác nhau nhưng phương pháp thì có khác. Người tu thiền cố gắng hòa hợp với ảnh hưởng thiêng liêng qua sự định trí, còn người cầu nguyện qua sự chân thành. Người cầu nguyện tin rằng có một quyền năng bên ngoài nhưng người tu thiền tin rằng quyền năng đó phát xuất từ bên trong. Thật ra bên trong hay bên ngoài, tự lực hay tha lực đều là những yếu tố cần thiết để giúp người tập phát triển khả năng quay về với quê hương tâm linh mà thôi. Đôi khi, trong giờ phút tham thiền hay cầu nguyện, con người kinh nghiệm được một sự bình an lạ lùng, một hứng khởi mà không ngòi bút nào có thể diễn tả. Đó chính là sự biểu hiện của Chân ngã, một kinh nghiệm rất dồi dào về tâm, rất phong phú về trí và có sức mạnh chuyển hóa rất mầu nhiệm. Bất cứ ai trải qua kinh nghiệm đó cũng đều ý thức rằng nó là một trong những điều cao quý nhất của đời sống. Nó chỉ đến khi sự suy luận ngưng lại, các xét đoán, các ký ức đều tan biến trong hư vô và chỉ có sự an tĩnh tuyệt vời thấm nhuần khắp tâm hồn. Đó chính là lúc bức màn chân lý được vén lên để con người ý thức rằng có một yếu tố tiềm ẩn bên trong tất cả. Mặc dù giây phút này có thể ngắn ngủi nhưng nó sẽ lưu dấu rất lâu trong tâm thức con người rằng chỉ có sự bình an mới là mục đích chân thật của cuộc sống.

Có người hỏi tôi tại sao Chân ngã lại ẩn giấu kín đáo và sự trở về với "con người thật" này lại khó khăn như vậy? Chân ngã không thể biểu hiện khi cái Bản ngã thấp hèn của con người vẫn còn, nó không thể biểu hiện xuyên qua các tư tưởng ích kỷ, tham lam, xấu xa được. Chỉ khi nào con người biết dẹp bỏ các chướng ngại này, họ mới trở về quê hương tinh thần được. Thật ra, Thượng Đế không bao giờ có ý trốn tránh các con của Ngài nhưng con người phải biết quay về với Ngài thì mới có thể đến với Ngài được. Khi con người còn mải miết chạy xa, đuổi theo các dục vọng thấp hèn, ngập sâu trong sự ích kỷ thì làm sao họ có thể đến với Ngài được! Sự thực thì mọi sinh vật đều phát xuất từ Ngài và Ngài không đến với con người mà có sẵn trong lòng mọi người, không bao giờ rời xa họ. Sự hiện diện của Ngài trong lòng mọi người không hề thay đổi nhưng chính con người đã đổi thay. Không ít người thiếu ý thức về sự hiện diện của Ngài mà còn phủ nhận Ngài để đi tìm kiếm một cái gì xa vời ở mãi tận đâu. Nếu biết lắng lòng nghe thì họ sẽ thấy lúc nào Ngài cũng thầm lặng kêu gọi: "Này các con, Ta ở đây!".

Nếu quan sát một cách khách quan hơn, người ta sẽ thấy tất cả vạn vật đều đang tìm kiếm Thượng Đế. Khắp mọi nơi, trong mọi chiều hướng, dưới các danh từ khác nhau, dù vô tình hay cố ý, tất cả đều đang tìm kiếm Ngài. Con người cũng đang tìm Ngài qua những phương thức có lúc thanh cao và có khi điên cuồng, sai lạc. Người ta thường gọi đó là sự tìm kiếm hạnh phúc nhưng vì chưa hiểu rõ bản chất của hạnh phúc nên họ đã gây nhiều lầm lạc đáng tiếc. Lịch sử loài người đã ghi nhận biết bao thảm kịch về sự nông nổi, ngông cuồng của con người trong sự tìm kiếm hạnh phúc này. Xưa kia, hiền triết Socrate đã khóc trước sự trụy lạc của dân chúng thành Athens cũng như Đức Jesus đã rơi lệ với thành Jerusalem. Nhân loại đã sống trong sự lầm lạc vô minh thay vì sống trong chân lý. Đáng lẽ làm điều phải thì họ lại làm điều quấy và kết quả là sự khổ đau không bao giờ chấm dứt. Khi con người cho rằng họ có thể tìm được hạnh phúc mà không biết gì về hậu quả việc làm của mình thì kết quả chỉ là những tranh giành, thù oán, giận hờn và đau khổ. Thảm kịch của kiếp người là mọi người đều muốn tìm kiếm hạnh phúc nhưng kết quả thu được chỉ là khổ đau. Tuy thế chẳng mấy ai biết rút tỉa kinh nghiệm để học hỏi thêm. Bản ngã của họ thúc giục "thua keo này ta bày keo khác" nên họ tiếp tục lao đầu vào các tìm kiếm vô vọng. Rất ít ai biết dừng lại, quay vào bên trong để khám phá rằng chỉ khi nào các dục vọng chấm dứt, các mong cầu, ao ước tan biến, các yếu tố lầm lạc của Bản ngã bị dẹp bỏ hoàn toàn thì hạnh phúc thật sự mới đến vì hạnh phúc chính là sự bình an, chính là sự trở về với Chân

ngã sẵn có bên trong chúng ta.

Muốn được như thế, bước đầu của sự quay vào bên trong là việc kiểm soát tư tưởng vì tâm hồn con người giống như một sinh vật cần có thức ăn để nuôi dưỡng và thức ăn này chính là tư tưởng. Nếu một người biết tập trung tư tưởng vào những điều cao thượng tốt lành thì tâm hồn người đó sẽ có những rung động thanh cao hướng thượng. Sự rung động này sẽ thu hút các tư tưởng cao thượng khác, đồng bản tính với nó và giúp họ có khuynh hướng quay về với điều thiện. Trái lại, một người không để ý đến việc kiểm soát tư tưởng; để những điều ích kỷ, tham lam, oán giận chi phối thì đầu óc của họ sẽ có những rung động xấu xa. Sự rung động này thu hút các tư tưởng ti tiện bên ngoài, đồng bản tính với nó và thúc đẩy họ làm những điều xấu.

Trong đời sống văn minh hiện nay, việc thụ hưởng các tiện nghi vật chất đã trở thành một nhu cầu kinh tế nên người ta sáng chế ra các phương pháp quảng cáo để khêu gợi dục vọng. Đây là những áp lực vật chất rất mạnh, có thể chi phối tư tưởng mọi người khiến họ mất tự chủ, do đó, người đi trên đường đạo cần phải kiểm soát tư tưởng để tránh xa các ảnh hưởng tham lam, ích kỷ này thì công phu tu tập mới có kết quả. Chỉ có sự loại bỏ các tư tưởng ích kỷ, các ao ước vật chất tầm thường để tâm hồn điềm đạm, tự chủ thì con người mới ý thức thế nào là đời sống tâm linh thực sự.

Khi nào con người thấy rằng mình là kẻ chỉ biết ban rải ra chứ không hề thu nhận vào thì họ đã đến thềm đạo rồi. Họ sẽ tự hỏi: "Tôi phải làm gì để giúp người, giúp đời?". Trong đời sống hàng ngày, phần lớn mọi người đều có thói quen là chỉ để ý đến những việc to tát, quan trọng chứ không mấy ai chú ý đến những việc nhỏ mọn, tầm thường. Họ không nghĩ rằng những việc dường như nhỏ nhặt đó lại đem lại những kết quả to lớn bất ngờ. Nếu một hạt giống bé nhỏ có thể trở thành một cây cổ thụ to lớn thì không một hành động nào, dù vô tình hay hữu tình, lại không tạo ảnh hưởng đến những người xung quanh. Con người càng thiên về đời sống tâm linh bao nhiêu thì công việc hàng ngày của họ lại càng thấm nhuần năng lực tâm linh bấy nhiêu. Ngay cả những việc nhỏ nhất cũng sẽ có ý nghĩa vì chúng chỉ là sự biểu lộ bên ngoài của một tâm hồn phong phú, dồi dào bên trong. Cũng như trong các cuộc hòa tấu, mọi âm thanh dù nhỏ bé đến đâu cũng đều cần thiết để phô diễn bản nhạc trong sự đẹp đẽ và huy hoàng nhất của nó.

CHƯƠNG 9

Khi tôi từ Tuyết Sơn trở về châu Âu (1916) thì tình hình thế giới đang có những biến chuyển rất lớn. Phong trào vô thần đã lan tràn khắp nơi và nhiều người vội vã kết luận rằng hiện nay tôn giáo đã lỗi thời, không thể áp dụng vào hoàn cảnh xã hội được nữa vì nó không thay đổi được gì. Tôi không bi quan như thế mà quả quyết rằng đã có những thay đổi lớn lao xảy ra trái ngược với những biến chuyển thời cuộc hiện nay. Người ta có thể thấy khắp nơi, khắp chỗ và trên mọi lĩnh vực, đều đã có những thay đổi tận gốc rễ để chuẩn bị cho một vận hội mới. Không một nơi nào trên thế giới mà lưỡi cày của Thượng Đế chẳng đào xới để gieo rắc những hạt giống tốt lành cho kỷ nguyên sắp đến (Chu kỳ Bảo Bình). Hiển nhiên, sự đào xới này đã làm đảo lộn hầu hết quan niệm sẵn có khiến cho nhiều người hoảng hốt và mất lòng tin. Sở dĩ họ bi quan như thế là vì họ chỉ muốn sự thay đổi xảy ra theo quan niệm của họ mà thôi và khi điều này không xảy ra, họ đâm ra thất vọng.

Ngày nay, đa số mọi người chưa biết rõ về các định luật vũ trụ đang điều hành tất cả. Được giáo dục bởi nền khoa học, con người chỉ biết tin tưởng vào các giác quan của thể xác và các lý luận thuộc phạm trù trí thức nên không chấp nhận rằng có một mãnh lực thiêng liêng tiềm ẩn trong mọi vật đang điều khiển tất cả. Sự thiếu đức tin này là căn bản của những lầm lạc đã dẫn dắt con người vào vòng đau khổ. Chính nó đã khuyến khích sự ngông cuồng và kiêu hãnh của trí thức, đề cao sự quan trọng của Bản ngã. Bản ngã luôn luôn lầm lạc vì nó xây dựng trên lòng ích kỷ, trên sự ngụy tạo, không thật, không có giá trị lâu dài. Khi mất niềm tin, con người trở nên bơ vơ và trong sự phiêu bạt này, họ không còn gì để bám víu ngoại trừ những giá trị vật chất như tiền tài, địa vị, danh vọng hay quyền lực. Những thứ này làm nảy sinh lòng ích kỷ, khuyến khích sự chia rẽ và gây đau khổ cho con người. Khi có niềm tin, sức mạnh của Chân ngã được thúc động, nó sẽ hướng dẫn con người hành động một cách tích cực và sáng tạo.

Con người sẽ nhận thấy rõ những gì họ có thể làm cũng như ý nghĩa của các hành động đó và từ đấy sẽ hiểu được vị trí của họ trên đường tiến hóa của nhân loại.

Hiền triết Kuthumi cho biết: *"Trong các giai đoạn tiến hóa, nhân loại là mức tiến hóa khó khăn nhất. Con người không phải là một con thú nhưng cũng chưa phải là một vị thánh. Họ đang ở giữa những áp lực của vật chất và sự kêu gọi của tinh thần. Tuy ý thức được phần tâm linh cao cả đang kêu gọi họ tiến bước nhưng họ vẫn còn quyến luyến cái khả năng vật chất mà họ đã sở hữu".* Vì còn phân vân chưa biết tiến hay lùi, nghiêng về vật chất hay hướng về tinh thần nên xã hội loài người cũng phản ảnh tâm trạng hoang mang này và đó chính là thảm kịch của nhân loại hiện nay. Vì thiếu niềm tin mà đời sống diễn ra như một dòng nước chảy xiết và con người vì mất định hướng nên không biết phải bơi theo dòng hay ngược dòng! Vì để cho dòng đời mặc tình lôi cuốn nên họ đã trở thành nạn nhân của những thay đổi và xáo trộn hiện nay.

Từ ngàn xưa, thiên nhiên là ông thầy đã dạy cho loài người về giới hạn vật chất cũng như các định luật vũ trụ. Hiện nay khoa học lại có khuynh hướng chống lại thiên nhiên và khắc phục các sức mạnh này để đem lại tiện nghi cho con người. Họ phá rừng, xẻ núi, tàn sát mọi sinh vật không gớm tay dưới danh nghĩa nghiên cứu khoa học nhưng ít ai đặt câu hỏi rằng khoa học đã giúp ích gì cho con người ngoài những hứa hẹn hão huyền? Nguyên nhân chính của các thảm họa đang xảy ra trên thế giới hiện nay bắt nguồn từ sự thiếu hiểu biết về các định luật thiên nhiên và nó sẽ còn gây nhiều hậu quả khốc hại hơn nữa nếu con người chưa học bài học mà họ cần phải học. Thế giới ngày nay sẽ khác hẳn nếu con người biết sống hòa hợp với thiên nhiên và tuân theo các định luật của vũ trụ. Cái lý trí mà con người sở hữu như một đặc ân, không thể được sử dụng như vũ khí để chống lại thiên nhiên hay đi ngược lại các định luật vũ trụ, mà chỉ để giúp họ hiểu biết rõ thêm về các định luật này.

Hầu như mọi biến cố xảy ra trên trái đất này đều bắt nguồn từ con người và thái độ kiêu căng của họ. Đời sống càng ngày càng hình thành một mâu thuẫn lớn mà ít ai để ý đến: Con người càng chinh phục thiên nhiên qua những phát minh khoa học thì đời sống của họ càng trở nên khó khăn hơn trước. Đời sống càng trở nên tiện nghi bao nhiêu thì lại nảy sinh ra lắm phiền toái, khó chịu bấy nhiêu. Kiến thức con người càng phát triển rộng rãi bao nhiêu thì tâm hồn của họ lại trở nên chật hẹp bấy nhiêu. Nhà cửa con người được xây cất to lớn hơn xưa nhưng gia đình của họ lại bé nhỏ đi thấy rõ. Chưa lúc nào nền giáo dục lại đào tạo nhiều nhà khoa học

thông thái, học rộng tài cao như lúc này nhưng phần lớn con người lại tỏ ra thiếu giáo dục, thiếu tình thương, thiếu lễ phép hơn trước. Các phương tiện truyền thông phát triển nhiều, sự cảm thông giữa con người lại thu hẹp đi, chỉ còn vài câu khách sáo trên đầu môi chót lưỡi. Khoa học kỹ thuật lan rộng khắp hoàn cầu nhưng nhân tâm con người lại rút vào trong những ích kỷ cá nhân. Liệu giá trị của con người có tương xứng với những thành quả mà họ đạt được trong phạm vi khoa học kỹ thuật này không? Nếu khoa học được đặt ra để phục vụ con người thì kết quả của nó phải khác hẳn chứ! Tại sao với những phát minh kỳ diệu hiện nay mà con người không trở nên thuận hòa hơn xưa? Tại sao càng tiến bộ con người lại đối xử với nhau tàn bạo hơn xưa?

Phải chăng chỉ vì con người đã quên mất cái nguồn gốc cao quý sẵn có nơi mình mà cứ tìm kiếm những giá trị viển vông bên ngoài? Thay vì phát triển Chân ngã bất diệt sẵn có bên trong thì họ lại để cho cái Bản ngã giả tạo chi phối. Ngày nào loài người còn tìm kiếm những giá trị bên ngoài thì ngày đó họ không đạt được chân hạnh phúc. Ngày nào họ chưa biết quay về với trung tâm tinh thần thì công việc của họ chưa thể hoàn thiện được. Con người không thể hiểu được ý nghĩa chân thật của sự sống khi đời sống của họ chỉ được đo lường bằng những giá trị vật chất như tiền tài, địa vị, danh vọng. Họ chỉ có thể hiểu được ý nghĩa của đời sống khi ý thức được phần tử bất diệt bên trong và biết rằng kiếp người chỉ là một giai đoạn chuyển tiếp trong chu trình tiến hóa của nhân loại. Khi thấu hiểu được điều này, con người sẽ có một quan niệm khác hẳn và tất cả mọi giá trị từ trước đến nay sẽ thay đổi. Từ đó đời sống sẽ xảy ra một cách thoải mái chứ không còn là một cái gì mà người ta phải tranh giành, cướp đoạt nữa.

Thi sĩ Paul Valery có câu thơ rất hay: "Ta phải như con chim biết rõ mình bay đến đâu chứ không phải một cái lông bị gió cuốn đi mãi". Đúng như thế, loài chim biết sống một cách ý thức nên biết rõ mục đích của nó phải đi về đâu, còn chiếc lông chỉ là vật vô thức nên bị gió cuốn đi nay đây mai đó. Con người có trí thông minh phải biết quay về với cái bản tính vốn thực có nơi mình để sống thuận theo luật vũ trụ chứ không thể sống một cách vô ý thức, vật vờ trôi nổi mãi được. Khi con người biết dẹp bỏ Bản ngã thấp hèn để sống với Chân ngã thiêng liêng, nơi mà sự khác biệt và chia rẽ không còn nữa, họ sẽ ý thức được rằng tất cả chỉ là một và đời sống chính là một biển tình thương rộng lớn. Trong tương lai, căn bản của thế giới sẽ là tình huynh đệ đại đồng vì tất cả chúng ta đều phát xuất từ một nguồn gốc chung và chỉ có thế, sự thông cảm thực sự giữa con người mới nảy sinh, không còn chống đối hay mâu thuẫn nữa.

Con người không bao giờ hiểu được ý nghĩa của đời sống nếu họ không ý thức rằng mọi sự, mọi việc, dù nhỏ nhặt đến đâu, cũng đều có ý nghĩa đặc biệt. Dù việc đó dường như phi lý cũng là bài học dạy cho con người về những định luật bất biến của vũ trụ. Đời sống là một sự thay đổi không ngừng vì nếu không thay đổi nó sẽ mất ý nghĩa. Sự thay đổi của xã hội là do sự đổi thay của những cá nhân sống trong đó, do đó, mọi hành động, cử chỉ và lời nói của chúng ta đều ít nhiều ảnh hưởng đến xã hội mà chúng ta đang sống. Đa số mọi người thường quan niệm rằng tư tưởng hay tình cảm của họ không quan trọng bao nhiêu so với xã hội nhưng thật ra mọi hành động, dù bé nhỏ, vẫn có thể thay đổi tất cả. Trong đời sống hàng ngày, mọi người đều ít nhiều ảnh hưởng lẫn nhau mà ít ai chú ý đến. Không ai biết hành động của mình sẽ đem lại kết quả như thế nào nhưng nếu một hạt giống bé nhỏ có thể trở thành một cây cổ thụ to lớn thì cảm xúc và hành động hàng ngày của chúng ta sẽ ảnh hưởng rất lớn đến những người xung quanh. Không phải ai cũng cần có những quan niệm cao siêu, những tư tưởng vĩ đại hay phải ở một địa vị to tát nào đó mới có thể ảnh hưởng đến người khác, mà trái lại, một hành động nhỏ bé, khiêm tốn lại thường ảnh hưởng đến người khác nhiều hơn. Một hiền triết trên Tuyết Sơn đã nói: "Tìm hiểu những vật nằm ngay trước cửa hang là cách luyện tập hay nhất để hiểu những việc xa vời hơn. Trước khi có thể hiểu người khác, hãy tự biết chính mình; trước khi tìm hiểu về những định luật vũ trụ, hãy tìm hiểu những định luật chi phối con người".

Ý nghĩa chân thật nhất của đời sống là làm sao để cái Chân ngã hay cái điểm linh quang tiềm ẩn trong ta được biểu hiện mỗi ngày một rõ hơn. Có như thế con người mới có thể bình thản tiến bước giữa những xáo trộn đầy náo động của cuộc sống hàng ngày mà không bị ảnh hưởng. Khi đã có nội tâm vững mạnh thì đời sống không còn như chiếc lá bị lôi cuốn bởi những trận cuồng phong nữa, mà là một cái cây đã mọc rễ sâu trong lòng đất, có thể chịu đựng được sự thử thách của giông bão.

Hiền triết Kuthumi cho biết: "*Thượng Đế không gặp con người ở một nơi chốn xa xôi nào mà giao tiếp với con người ngay trên quả đất này. Ngài nói chuyện với chúng ta qua những sự việc và những người mà Ngài gửi đến với chúng ta trong đời sống hiện nay*". Nếu chúng ta đồng ý như thế thì đời sống không thể là những gì vô nghĩa mà phải là một trải nghiệm thích thú với những sự kiện lạ lùng. Đời sống phải là một khu vườn đầy hoa thơm cỏ lạ đang chờ đợi chúng ta khám phá. Nếu chúng ta nhận định rằng mọi sự đều được Thượng Đế đem lại, những người chúng ta gặp đều do Thượng Đế giới thiệu đến, thì đời sống hẳn phải có một ý nghĩa rõ

rệt là để học hỏi và có thái độ đúng đắn trước kinh nghiệm đó. Nếu ý nghĩa của đời sống là thu tập hiểu biết qua các kinh nghiệm học hỏi - kinh nghiệm đi trước và học hỏi đến sau - thì người ta không thể đọc sách mà tự hào đã có kinh nghiệm vì sách vở chỉ ghi lại kinh nghiệm của người khác, do đó, người ta cần phải sống để tích lũy kinh nghiệm. Kinh nghiệm cá nhân là vật sở hữu không thể mất được và nó sẽ tiếp tục trở thành hành trang theo ta qua vô số kiếp luân hồi, trên hành trình tiến hóa.

Sự hiểu biết về luật Luân hồi sẽ giúp nhân loại ý thức rằng đời sống vẫn tiếp diễn sau cái mà con người gọi là sự chết. Con người không bao giờ có thể hiểu được ý nghĩa của đời sống nếu họ quan niệm rằng chỉ có một kiếp sống duy nhất kéo dài vài chục năm, khởi đầu bằng sự ra đời và chấm dứt bằng cái chết. Một đời sống ngắn ngủi như thế không có ý nghĩa gì hết. Thượng Đế không tạo lập vũ trụ và sáng tạo đời sống một cách vô nghĩa như vậy. Nếu biết rằng kiếp sống chỉ là một phần nhỏ của một sự sống kéo dài vô tận trên chu trình tiến hóa thì con người mới có thể giải thích được nhiều việc và từ đó đời sống sẽ trở nên có ý nghĩa hơn. Đời sống không phải là sự tự hào, niềm hãnh diện rằng con người đã làm được điều này điều nọ. Đời sống không phải là sự hủy hoại hay chế ngự các năng lực trong thiên nhiên. Đời sống cũng không phải là việc đưa ra các lý thuyết khoa học cao siêu. Đời sống chính là sự biết rõ mình, biết rõ nguồn gốc cao cả của con người, biết tôn trọng thiên nhiên và sống thuận theo các định luật vũ trụ.

Ngày nay danh từ "Philosopher" hay "Triết gia" thường được hiểu theo một ý nghĩa hạn hẹp là người cổ xướng cho một lý thuyết nào hay đọc những sách vở liên hệ. Danh từ "philosophy" theo nguyên nghĩa Hy Lạp là "sự yêu mến minh triết" vì minh triết là biểu tượng của chân lý. Do đó, triết gia là người yêu mến minh triết hay sự thật. Thật là một chân trời khác biệt khi danh từ "Minh triết" được thay đổi bằng danh từ "lý thuyết" vì "Minh triết" là phần tinh hoa hay biểu tượng của chân lý, trong khi "lý thuyết" chỉ là sự lý luận của chuyện người về một quan niệm nào đó. Minh triết đã có từ ngàn xưa và được truyền bá đến chúng ta qua các sách vở hay quan niệm của các triết gia thời cổ. Vào lúc đó, một số người quây quần quanh một triết gia để học hỏi với vị này về Minh triết. Triết gia là những người không những tự biết mình mà còn sở hữu một kiến thức rất uyên bác về sự biểu hiện của các chân lý trong vũ trụ (Minh triết). Hầu hết các triết gia đều cố gắng sống thuận theo chân lý vì họ hiểu rằng đó là những điều có giá trị vĩnh cửu, không thay đổi theo không gian hay thời gian. Minh triết có thể phát xuất hay ẩn tàng tùy theo các thời đại nhưng nó không bao giờ thay đổi, có thay đổi chăng chỉ là hình thức trình

bày nó của các triết gia mà thôi.

Ví dụ, một triết gia theo dõi các biến chuyển trong thiên nhiên và diễn giải nó theo quan niệm riêng mình. Tùy sự hiểu biết và trí thông minh của ông mà sự diễn giải này có thể sai hay đúng với sự thật. Tuy nhiên, hầu hết các triết gia thời cổ đều dành rất nhiều thời giờ để quán xét nội tâm, biết mình trước khi biết đến sự vật xung quanh nên sự diễn giải của họ đều ít nhiều phản ảnh nền Minh triết thực sự. Theo thời gian, truyền thống này dần dần thoái hóa vì con người không muốn quan sát nội tâm để tìm hiểu chính mình nữa mà thích phóng tầm mắt ra bên ngoài, giải thích sự kiện theo lý luận của trí thức nên sự cảm thông giữa con người và môi trường xung quanh càng ngày càng trở nên cách biệt. Thiên nhiên không còn là một ông thầy khôn ngoan dạy dỗ nhân loại nữa mà trở thành một đối tượng để cho con người chinh phục. Các định luật vũ trụ không còn là những chân lý để sống theo mà trở thành những lý thuyết để mang ra bàn cãi, thảo luận. Thay vì nghiên cứu chân lý và giảng giải nó qua khoa Minh triết, con người chỉ biết thu góp những kiến thức rời rạc, những lý luận cạn hẹp của trí thức và đưa ra những lý thuyết viển vông. Vì nền giáo dục đã trở nên bất toàn, vì căn bản kiến thức được xây dựng trên những lý thuyết hẹp hòi mà con người càng ngày càng trở nên hoang mang, sợ hãi và hậu quả đưa đến tình trạng mất niềm tin, tham lam, ích kỷ và chia rẽ ngày nay.

Vào đầu thế kỷ XVIII, con người đã xác nhận trong bản Tuyên ngôn Nhân quyền và Dân quyền rằng hạnh phúc là một mục đích căn bản và sự tìm kiếm hạnh phúc là một quyền của con người. Tuy nhiên phần lớn con người đã đồng hóa hạnh phúc với những khoái lạc riêng, đưa đến sự cổ xúy cho chủ nghĩa cá nhân. Chủ nghĩa này đề cao sự ích kỷ, tham lam, phân biệt và hậu quả của nó là nạn kỳ thị chủng tộc, xung đột tôn giáo, tranh chấp màu da, chiến tranh giữa các quốc gia, nạn nghèo đói, bóc lột, chia rẽ, bạo động. Nếu mục đích của cuộc đời là sự tìm kiếm hạnh phúc thì hạnh phúc đó phải đem lại niềm vui cho tất cả chứ không thể riêng cho một thiểu số người có quyền lực. Nếu con người có quyền tìm kiếm hạnh phúc thì hạnh phúc đó phải là cái gì mà ai cũng có thể tìm được và có tính cách vĩnh cửu chứ không thể là một giấc mơ, một ảo ảnh. Do đó, hạnh phúc chân thật không thể phát sinh từ một chế độ chính trị, xã hội hay phản ứng con người trước hiện tượng bên ngoài được. Tất cả các hình thức này chỉ có tính cách tạm bợ, chỉ là những lớp sơn phết, tạm thời và ngắn ngủi.

Các hiền triết trên Tuyết Sơn cho biết: Con người vốn phát xuất từ

thực thể cao quý, đại đồng (Universal) thì hạnh phúc thực sự chỉ đến khi con người trở về hòa hợp với thực thể đó - nghĩa là rung động cùng với sự rung động của chính thực thể hay của Đấng Sáng Tạo đang hiện diện khắp nơi. Mọi sự tìm kiếm những gì bên ngoài chỉ là ảo ảnh vì hạnh phúc thật sự không nằm ở ngoại cảnh. Chỉ có sự trở về mới là hạnh phúc duy nhất, tốt đẹp nhất và chân thật nhất vì niềm hạnh phúc này lúc nào cũng có sẵn, lúc nào cũng tràn đầy, lúc nào cũng thiêng liêng và bất diệt. Chỉ khi nào hạnh phúc được quan niệm một cách rõ rệt như thế thì sự tìm kiếm hạnh phúc mới có thể thực hiện được. Nếu mục đích của kiếp người là sự tìm kiếm hạnh phúc, con người phải biết thay đổi sự suy nghĩ, hành động để sống thuận theo các định luật thiên nhiên, vì luật thiên nhiên là những quy luật không bao giờ thay đổi của Đấng Sáng Tạo để điều hành tất cả mọi vật theo một trật tự chung. Con người phải biết làm chủ dục vọng, tình cảm và ham muốn riêng tư để hướng tâm hồn lên những tình cảm cao thượng, những lý tưởng đẹp đẽ và hòa hợp tâm hồn với sự rung động của vạn vật. Thiên nhiên không thể là một đối tượng để chinh phục mà là một cái gì gần gũi, mật thiết với con người.

Mặc dù khoa học đã có những lý thuyết để giải thích nguyên nhân của thiên tai như động đất, núi lửa phun nhưng theo sự học hỏi của tôi, trái đất hoàn toàn rung động theo những tình cảm xáo trộn trong lòng người vì ngoại cảnh với nội tâm vốn liên lạc rất mật thiết. Khi nội tâm con người chuyển động thì ngoại cảnh cũng chuyển động theo. Khi nhân loại đối xử với nhau như thù nghịch thì những cuồng phong, bão tố sẽ xảy đến. Khi các quốc gia gây chiến thì những trận động đất, bão xảy ra trong tâm hồn con người mà thôi. Nói một cách khác, muốn thay đổi ngoại cảnh, con người phải biết thay đổi nội tâm. Khi lòng người đã an tĩnh, sự xáo trộn bên ngoài sẽ không thể xảy ra. Khi nhân loại biết sống thuận theo các định luật thiên nhiên, các thiên tai động đất sẽ chấm dứt, vì hầu hết các thảm họa của nhân loại ngày nay chỉ là hậu quả của sự phá hoại môi sinh, sự thiếu hiểu biết và ngông cuồng của ngành khoa học muốn chinh phục tất cả. Khi con người biết sống trong tinh thần hòa hợp, cảm thông và yêu thương, những động năng này sẽ chuyển hóa và thay đổi tất cả. Tôi tin rằng khi thực sự hiểu biết và ý thức rõ rệt những định luật cao cả của vũ trụ thì con người sẽ trở thành một trung tâm bình an, hòa hợp để ảnh hưởng của thương yêu tràn lan khắp nơi và đem lại hạnh phúc vì tất cả.

Trước tình trạng xáo trộn hiện nay, tôi tin rằng thời gian sắp đến sẽ là một giai đoạn thử thách với những thay đổi lớn lao hơn bao giờ hết. Không như các thế kỷ trước đó, khả năng trí tuệ của con

người đã phát triển cùng cực. Không một thời đại nào mà có nhiều lý thuyết xung đột mãnh liệt như lúc này nhưng cũng không lúc nào mà con người được học hỏi về các định luật thiên nhiên rõ ràng như hiện nay. Dù lạc quan hay bi quan, người ta sẽ thấy rằng cái trật tự cũ phải tan rã để một trật tự mới được thành lập. Mọi sự, mọi vật đều có một vị trí nào đó trong cơ tiến hóa thiêng liêng và các biến cố sắp xảy ra đều có một mục đích nhất định để giúp con người học hỏi về tác động của luật Tiến hóa phổ quát và luật Nhân quả vĩnh cửu.

Theo các hiền triết trên Tuyết Sơn, chu kỳ Song ngư đang đi đến hồi kết thúc, vì thế các căn bản giá trị của chu kỳ này cũng như các thể chế xã hội xây dựng trên các căn bản đó cũng đang tan rã. Tất cả mọi công trình của loài người xây dựng từ hàng ngàn năm nay đều được xét soi và thẩm định. Nhưng chính sự xáo trộn này lại giúp cho con người quan sát sự việc dưới một quan niệm mới, một nhân sinh quan mới về các định luật mầu nhiệm của vũ trụ. Trong quá khứ, bản chất của con người thay đổi rất chậm, nhưng bây giờ nó bị thúc đẩy để tiến hóa mau hơn cho phù hợp với đời sống hiện tại. Vì không ai ý thức được năng lực chuyển biến mãnh liệt này nên đời sống trở thành một áp lực ghê gớm. Không mấy ai còn thời giờ để suy nghiệm về ý nghĩa thực sự của đời sống nữa mà chỉ chạy theo sự đòi hỏi của xã hội. Tuy nhiên, nếu họ biết rằng mục đích của cuộc đời là kinh nghiệm, học hỏi để thay đổi thì họ sẽ hành động khác.

Trên chu trình tiến hóa, nếu con người biết giúp đỡ người khác cùng tiến về mục đích cao thượng như mình và biết hợp tác chặt chẽ với các quyền năng cao cả đang dìu dắt nhân loại thì thế giới sẽ khác hẳn. Nếu không có những người hy sinh, âm thầm giúp đỡ nhân loại này thì thế giới đã biến thành một địa ngục khổng lồ bởi sự tham lam, ích kỷ của con người. Nếu để ý quan sát, người ta sẽ thấy một khi áp lực tàn phá, hủy diệt phát triển tới một mức độ nào đó thì tự nhiên lại có những biến cố dường như vô tình hóa giải được nó khiến cho chúng tự hỏi phải chăng đã có những sự trợ giúp mầu nhiệm nào đó? Các đấng cao cả vẫn không ngừng ban rải các nguồn thần lực xuống thế gian để giúp đỡ nhân loại giảm bớt phần nào các ảnh hưởng xấu xa, ma quái đang đe dọa con người. Các ngài làm thế với mục đích muốn giúp cho sự học hỏi và tiến hóa của nhân loại. Có người hỏi tôi rằng nếu các đấng cao cả có quyền lực như thế thì tại sao các ngài không dẹp bỏ hoàn toàn các tư tưởng xấu xa để thế gian này được hưởng những ân phước tốt lành hơn? Hiển nhiên dù các ngài đã có trình độ tiến hóa cao hơn chúng ta nhưng các ngài biết rõ luật vũ trụ như Nhân quả, Luân hồi, Tiến hóa và không thể làm gì khác với các định luật

vũ trụ đó được. Các ngài chỉ có thể dạy dỗ, khuyến khích, làm nảy nở những tư tưởng thương yêu, tốt lành để giúp cho sự học hỏi của nhân loại mà thôi.

Để giảm bớt các động lực ma quái có tính cách hủy hoại hiện nay, các ngài đã phóng ra những luồng thần lực để tạo cảm hứng cho những người biết hướng thượng, những nghệ sĩ và nhà phát minh khoa học. Khi những người này bắt được nguồn cảm hứng đó thì họ có thể hoàn tất những công trình sáng tạo mỹ lệ, đẹp đẽ và thế gian sẽ được thừa hưởng công trình tốt đẹp của họ. Các ngài hướng dẫn những người có lý tưởng cao thượng, muốn phụng sự kẻ khác. Ngoài ra các ngài còn sử dụng những nghi lễ tôn giáo để làm phương tiện ban rải luồng thần lực cho thế gian và khích động sự phát triển tâm linh của nhân loại. Sự hoạt động của các ngài không hạn chế trong các tôn giáo mà còn giúp đỡ những người có lòng sùng tín, nâng tâm thức của họ lên mức độ cao hơn để họ kinh nghiệm được những sự tốt lành.

Trước sự khủng hoảng đang đe dọa thế giới ngày nay, con người chỉ có thể giúp đỡ nhân loại bằng cách tu sửa nội tâm mình, biến lòng tham thành tình thương rộng lớn, đổi cuộc sống tiện nghi vật chất thành đời sống an lạc, thanh bần. Con người không phải lăng xăng đi chỗ này, đến chỗ nọ mới hoạt động được mà giúp đời bằng sự trau dồi tư tưởng, phẩm hạnh của chính mình. Sự lầm lạc của nhiều người hoạt động tinh thần là quá chú ý đến việc giúp đỡ người khác mà quên giúp đỡ chính mình. Điều này thoạt nghe dường như mâu thuẫn nhưng sự thật là chỉ khi nào chúng ta có được sự bình thản nội tâm thì chúng ta mới có thể giúp người khác bằng sự an lạc, sáng suốt của chúng ta được. Nếu mọi người đều biết mình, biết sống trong sạch, thanh khiết, vị tha thì xã hội chắc chắn sẽ biến chuyển theo chiều hướng đó. Người phụng sự nhân loại phải là người phát triển tình thương thật sự, người đi tìm sự thật chứ không miệt mài với những ảo vọng trá hình dưới các danh nghĩa tốt đẹp. Thượng Đế không bao giờ đòi hỏi con người phải làm những việc phi thường mà chỉ mong các con của Ngài làm những việc bình thường như thương yêu nhau. Một việc làm âm thầm được làm với một tinh thần trong sạch có nhiều ý nghĩa hơn những việc rầm rộ, to tát để mọi người biết đến mình. Tóm lại, chỉ có sự thật là đáng kể, sự thật ở những việc chúng ta làm, sự thật ở tư tưởng chúng ta suy gẫm, sự thật sâu xa trong tâm hồn chúng ta mới là sự thật quan trọng nhất.

Theo tôi, nhân loại hiện nay đang cần những người giàu lòng bác ái hơn những kẻ thông minh xuất chúng. Mặc dù khoa học kỹ thuật đã tiến bộ vượt bậc nhưng hậu quả của xã hội văn minh kỹ

thuật này cũng vô cùng ghê gớm. Việc phát triển kỹ nghệ đã tạo ra những lý thuyết kinh tế vô nhân thúc đẩy con người bóc lột lẫn nhau, làm khổ cho nhau và đang khiến thế giới trở nên bất ổn. Ngày nào con người còn đề cao những giá trị bên ngoài, còn vinh danh những nhà khoa học chỉ biết phục vụ những lý thuyết phi nhân đó thì ngày đó con người còn phải học hỏi rất nhiều. Sự hiểu biết về kỹ thuật phải đi cùng với sự hiểu biết về con người, tất cả mọi lý thuyết được đặt ra để tạo lợi ích cho thiểu số đều là những lý thuyết cần loại bỏ. Hiện nay, nhân loại đang cần những người hiểu biết về các định luật vũ trụ, không phải một cách lý thuyết nhưng là sự hiểu biết thực sự để biết sống theo đó. Kiến thức này không phải là những lý thuyết được giảng dạy ở học đường, những kiến thức từ chương, sách vở mà là kiến thức xây dựng trên căn bản từ sự biết mình, sự đào sâu vào tâm thức chính mình và đó mới là sự hiểu biết đứng đắn nhất.

CHƯƠNG 10

Trong lịch sử nhân loại, hình như tình yêu thương chưa bao giờ đạt được tính cách rộng rãi, không phân biệt chủng tộc, giai cấp hay tôn giáo. Mặc dù các bậc giáo chủ đều khuyên dạy về tình yêu thương nhưng hầu hết các lời khuyên này chỉ được tín đồ tôn kính như một lý tưởng cao thượng thay vì quy tắc áp dụng trong đời sống hàng ngày. Không những thế, nó còn bị sửa đổi và thu hẹp lại trong giới hạn tôn giáo hay phe nhóm của mình mà thôi. Con người không thể tiến bộ được nếu họ chỉ yêu thương những ai cùng giai cấp, xứ sở hay lập trường tôn giáo với mình. Thứ tình cảm giới hạn và phân biệt này là nguyên nhân của mọi sự chia rẽ, tranh chấp hiện nay. Nếu con người không chịu thay đổi để phát triển một tình thương rộng lớn, có tính cách đại đồng thì họ sẽ còn phải học những bài học đau khổ không bút mực nào tả xiết.

Theo các hiền triết trên Tuyết Sơn, vũ trụ là công trình sáng tạo tuyệt hảo, một trật tự được quy định bởi những định luật hết sức công minh và cái động năng sinh hóa này chính là tình thương. Từ thuở ban sơ, trong hư vô vắng lặng, Thượng Đế đã sáng tạo ra vũ trụ và đây chính là tình thương nguyên thủy, nguồn gốc của mọi sự thương yêu. Thay vì an nghỉ, Ngài đã sáng lập vũ trụ, ban rải sự sống và nuôi dưỡng muôn loài. Sau đó cũng vì lòng thương yêu này mà Ngài lại tự hạn chế trong các sắc tướng để chịu sự bất toàn, ô nhục của nó. Từ đám rong rêu bẩn thỉu, từ những thân cây khô héo, từ hạt bụi bé nhỏ, Ngài đều có mặt. Như mẹ hiền chăm sóc con thơ từng giây phút, Ngài đã chăm sóc muôn loài trong tình thương yêu vô bờ bến này vì nếu Ngài ngưng lại thì tất cả mọi vật đều tan rã. Tóm lại, vũ trụ được thành lập do tình thương, tồn tại trong tình thương và sau đó tiến hóa qua tình thương yêu cao cả này.

Vì vũ trụ được thành lập bằng tình yêu thương nên thương yêu chính là động năng cao cả nhất điều hành mọi vật. Con người cần hiểu rằng một sắc tướng có thương yêu và chịu hy sinh thì các sắc

tướng khác mới phát sinh được. Trong tiến trình sinh hóa, loài Kim thạch tiến hóa thành loài Thảo mộc vì các phần tử Kim thạch có tan rã thì mới biến thành đất để nuôi Thảo mộc và thúc đẩy chúng phát sinh. Nói một cách khác, vì tình yêu thương mà Kim thạch hy sinh để Thảo mộc sinh sôi nảy nở. Cũng như thế, vì tình yêu thương mà loài Thảo mộc trở thành thực phẩm nuôi dưỡng loài Cầm thú khiến cho chúng phát triển vì sắc tướng này có hy sinh thì các sắc tướng khác mới nảy sinh được. Sự tiến hóa từ loài Kim thạch qua loài Thảo mộc và Thảo mộc qua Cầm thú được thúc đẩy bởi những mãnh lực tự nhiên của tình thương nhưng nó chưa có tính cách tự nguyện vì Kim thạch và Thảo mộc là loài vô tình, sự phát triển của chúng chỉ giới hạn trong các yếu tố vật chất chứ chưa phát triển yếu tố thuộc về cảm xúc. Bước vào giai đoạn Cầm thú hay loài hữu tình thì các thể tình cảm đã phát triển nên bắt đầu có sự phân biệt. Trong bản năng loài thú đã có mầm mống ích kỷ, tham lam và vì thế đã có sự sợ hãi nhưng vì trí khôn chưa phát triển mấy nên loài Cầm thú vẫn còn chịu ảnh hưởng bản năng nhiều hơn. Khi từ kiếp thú chuyển qua kiếp người, các thể thuộc về lý trí bắt đầu khai mở nên con người có thể quyết định số phận của mình trong khi các loài Kim thạch, Thảo mộc, Cầm thú hoàn toàn chịu sự chi phối của những động lực dìu dắt trong thiên nhiên. Sự tiến hóa của loài người bắt đầu bằng sự hoàn hảo của các thể thuộc về tình cảm (xác thân) rồi chuyển qua việc phát triển các thể thuộc về lý trí (tinh thần). Lúc đầu các thể của lý trí chỉ khai mở một cách giới hạn hay Hạ trí (lý trí). Nhưng về sau, nhờ tiến hóa mà con người sẽ phổ triển hoàn toàn để chuyển tâm thức thành Thượng trí (trí tuệ). Vì có sự hiểu biết nên sự tiến bộ của loài người được xây dựng trên việc học hỏi về các định luật vũ trụ. Trong lúc vừa chuyển kiếp thành người, bản năng loài thú còn mạnh nên con người đã hành động theo sự chi phối của bản năng, chú trọng nhiều về các đòi hỏi của xác thân nên họ phải học hỏi qua đau khổ, để cho lòng tham ảnh hưởng, để cho Bản ngã biểu hiện và học hỏi về hậu quả của những hành động này. Cuộc đời là một trường học vĩ đại mà con người sẽ phải học hỏi qua yếu tố đau khổ. Nhờ đó mà họ suy gẫm và biết được nguyên lý của luật Nhân quả như làm ác sẽ gặp ác, ở hiền sẽ gặp lành. Qua những bài học kéo dài trong nhiều kiếp sống luân hồi mà con người rút kinh nghiệm và biết thay đổi tâm tính. Họ bắt đầu phát triển các khả năng về lý trí (Hạ trí) để kiểm soát các bản năng thấp hèn; nhưng đặc tính của Hạ trí là suy luận, phân tích nên con người sẽ còn mắc vào một trở ngại khác mà họ cần phải học, đó là sự phân biệt, chia rẽ.

Khởi đầu của sự chia rẽ là tinh thần bộ lạc, bè phái rồi chuyển

thành quốc gia, chủng tộc và sau cùng là quan niệm, lập trường hay tôn giáo. Vì có sự phân biệt nên người bộ lạc nào chỉ biết bảo vệ quyền lợi của bộ lạc đó, người thuộc chủng tộc nào chỉ biết đến chủng tộc đó đưa đến hậu quả là tranh giành, bạo động và chiến tranh. Lúc đầu là cuộc chiến giữa các bộ lạc, sau tiến đến chiến tranh giữa các quốc gia, tranh chấp giữa các chủng tộc và sau cùng sẽ là cuộc chiến về tôn giáo hay ý thức hệ. Chiến tranh và các tranh chấp ý thức sẽ dạy cho con người bài học về sự chia rẽ vì chỉ trong kinh nghiệm đau khổ này mà họ bắt đầu chuyển tâm thức để phát triển về trí tuệ (Thượng trí) thay vì lý trí (Hạ trí).

Lý trí là sự suy luận đưa đến sự phân biệt trong khi trí tuệ có tính cách tổng quan, quan sát mọi việc một cách rộng rãi sáng suốt và không phân biệt. Hiện nay nhân loại đang ở giai đoạn phát triển về lý trí nên các phát minh khoa học, các lý thuyết thuộc về luận lý (logic) rất thịnh hành nhưng hậu quả của nó là sự phân biệt, chia rẽ mỗi ngày một trầm trọng khiến trên thế giới xảy ra những biến động, loạn lạc, chiến tranh nhằm giúp con người học về hậu quả của sự chia rẽ bắt nguồn từ cái lý trí cạn hẹp này và để gieo trồng những hạt giống của tình thương và trí tuệ. Động năng chuyển hóa cao cả nhất từ lý trí cạn hẹp sang trí tuệ rộng rãi chính là sự phát triển về tình thương rộng lớn, không phân biệt. Điều con người cần phải học trong giai đoạn tiến hóa hiện nay là sự phát triển tình thương yêu rộng lớn này vì vũ trụ là do tình thương tạo thành và chỉ có thể tồn tại trong tình thương. Các hiền triết trên Tuyết Sơn đã nhấn mạnh rằng: *"Thiên cơ chỉ có thể chuyển động qua tình yêu thương và nếu không có tình yêu thương, tất cả sẽ hủy hoại và tan rã".*

Nếu quan sát, chúng ta sẽ thấy một người ích kỷ chỉ tiêu pha phung phí thì không thể giàu được. Một gia đình chỉ lo hưởng thụ và ngụp lặn trong các thú vui dục vọng thì sẽ suy vong. Một xã hội mà dân chúng chỉ lo vơ vét, cưỡng đoạt lẫn nhau; làm quan thì ăn hối lộ, làm chủ thì bóc lộc nhân công, buôn bán thì đầu cơ tích trữ, kẻ giàu sống xa hoa, người nghèo sống gian xảo... thì chắc chắn xã hội đó phải suy tàn mau chóng. Sự phát triển của một quốc gia là do sự kết tinh của các năng lực về tình thương trong đó. Khi người trên biết hy sinh quyền lợi riêng của mình để lo cho người dưới; khi mọi người biết đối xử với nhau trong tinh thần tương thân tương ái; khi luật pháp xây dựng trên tình thương thay vì sự trừng phạt; khi tình yêu thương là yếu tố chính điều hành xã hội thì chắc chắn quốc gia đó sẽ phát triển huy hoàng mãi mãi. Xã hội là một con thuyền, chỉ tiến khi mỗi mái chèo là một hành động hy sinh cho việc chung. Sự biết quên mình để lo cho người là một đức hạnh cao quý và là động năng chính trong mọi hành động vì nó

chính là căn bản của một tình thương yêu vô bờ bến và không phân biệt.

Tùy theo sự hiểu biết mà con người có thể quyết định đời sống của mình: sống để thỏa mãn các đòi hỏi của vật chất hay sống theo niềm phúc lạc của tinh thần. Nếu chỉ biết sống theo nhu cầu vật chất thì khi thân xác hao mòn, già nua, bệnh hoạn, không thể đáp ứng với đòi hỏi vật chất nữa thì con người sẽ đâm ra lo lắng, sợ hãi, đau khổ. Ngày nay con người hầu như đều sống trong sự lo âu, sợ hãi, bất an và đau khổ chỉ vì ít người biết đến niềm phúc lạc của tinh thần. Nếu biết sống theo tiếng gọi của tinh thần, họ sẽ hiểu rằng con người thật của ta vốn trường tồn bất diệt, mất thể xác ta sẽ được một thể xác khác thì làm gì còn lo lắng, sợ hãi nữa. Sắc tướng này có mất đi thì một sắc tướng khác mới nảy sinh và chỉ như thế tinh thần mới tiến hóa được.

Vì không hiểu biết các định luật cao cả của vũ trụ mà con người trở nên ích kỷ, chỉ biết lo cho mình hoặc gia đình mình. Lo đủ ăn, đủ mặc, được yên ổn vẫn chưa đủ vì khi đã có những thứ đó, con người lại muốn ăn ngon hơn, mặc đẹp hơn, có nhà cửa tiện nghi hơn. Cứ như thế, họ để mặc cho các nhu cầu vật chất đòi hỏi và lòng tham tiếp tục gia tăng, có cái này lại muốn có thêm cái khác để hưởng thụ. Chính vì thế, cuộc đời có lắm đổi thay bất thường. Hôm trước đang nhà cao cửa rộng, hôm sau bỗng hóa thành kẻ không nhà. Hôm trước đang tiền rừng bạc biển, hôm sau bỗng hóa ra tay trắng. Hôm trước đang mạnh khỏe, yêu đời mà chỉ sau một cơn bệnh nặng bỗng trở thành kẻ tật nguyền, tàn phế. Vì chẳng ai có thể giữ mãi được điều mình sở hữu nên sự sợ hãi đã trở thành mối đe dọa khủng khiếp cho tất cả mọi người. Trong sự lo lắng này, người ta bắt đầu suy nghĩ về ý nghĩa của cuộc đời cũng như sự vô thường của kiếp nhân sinh.

Khi con người ý thức rằng đời sống không có ý nghĩa gì nếu chỉ lo hưởng thụ và thỏa mãn các nhu cầu vật chất thì họ sẽ thay đổi và đi tìm một mục đích cao đẹp hơn. Hầu hết các thánh nhân, hiền giả đều đã trải qua những giai đoạn này, nghĩa là đắm mình trong dục lạc, theo đuổi các ham muốn vật chất. Qua các bài học khổ đau, họ biết rằng không thể thỏa mãn và chạy theo các ham muốn này mãi nên họ đã chuyển hướng đi tìm các thú vui cao thượng khác. Sự thay đổi từ ích kỷ thành vị tha, từ vật chất qua tinh thần chính là bước đầu của sự tiến hóa. Sự thay đổi từ việc chăm lo thể xác hữu hình đến việc rèn luyện phần tinh thần vô hình, bất diệt chính là bước đầu trong chuyến đi kỳ diệu để trở về với con người thật của mình (Chân ngã) và để sống đúng với ý nghĩa của sự sống là học hỏi và yêu thương.

Trong giai đoạn đầu, khi lý trí còn mạnh, con người thường giới hạn tình yêu thương của họ cho những người thân nên tình yêu thương này chưa hoàn toàn vì nó ám chỉ một điều kiện. Ta yêu thương vì muốn được thương yêu lại; ta giúp người vì muốn người sẽ giúp lại ta, nếu không bằng của cải vật chất thì ít ra cũng bằng lòng biết ơn. Do đó đây chỉ là những điều kiện và nếu phân tích kỹ, nó vẫn là lòng ích kỷ chứ không phải là tình thương yêu chân thật. Khi còn ích kỷ là còn đau khổ, do đó những người này chưa thể nếm mùi vị của hạnh phúc cao thượng được. Một người hy sinh để lo cho vợ con được sang giàu nhưng biết đâu sự giàu sang này làm những người mà họ yêu thương nhất trở nên hư hỏng? Nếu người vợ phản bội người chồng thì liệu người chồng còn yêu thương người vợ nữa không? Nếu người thọ ơn tỏ ra vô ơn bạc nghĩa thì người trao ơn sẽ cư xử thế nào? Bất cứ hành động nào còn hàm ý một điều kiện thì nó chưa phải hành động thương yêu mà chỉ là sự đổi chác, mua bán. Cái mà mọi người gọi là tình yêu thương chưa hẳn là tình yêu thương nếu nó còn mang lại khổ đau vì tình thương yêu thật sự không thể gây đau khổ được. Sự thất vọng là bài học dạy cho con người biết rằng khi còn ham muốn kết quả, ao ước điều kiện gì thì nó chưa phải là tình yêu thương. Người ta cần đổi thái độ từ sự phân biệt đến sự không phân biệt, từ việc mong cầu kết quả đến việc không mong cầu thì mới ý thức được sự mầu nhiệm của tình yêu thương chân thật.

Tình yêu thương chỉ có ý nghĩa cao quý khi nó được làm một cách vị tha, trong sạch, không mong cầu. Từ việc thương yêu giúp đỡ những người thân trong gia đình đến việc yêu thương tất cả mọi người trong xã hội sẽ giúp con người phát triển được một thứ tình thương rộng lớn, không phân biệt. Đây chính là mức tiến hóa để phân biệt giữa con người và các bậc hiền triết. Các hiền triết trên Tuyết Sơn cho biết: "*Thượng Đế không cần kết quả sự hoạt động của con người mà chỉ muốn năng lực yêu thương của Ngài được lan rộng khắp nơi. Chính cái tình yêu thương rộng lớn bao la này là động năng khiến vũ trụ chuyển động, điều khiển tất cả mọi loài, đã thúc đẩy mọi sự sinh hoạt qua các quy luật vũ trụ*".

Khi con người biết thương yêu chân thành, biết dẹp bỏ các mong cầu riêng để lo cho việc chung, họ đã tiến được một mức rất quan trọng. Luật Nhân quả đã định khi còn ham muốn là còn trói buộc; sự thèm khát có nhà cao cửa rộng, vợ đẹp con khôn, có địa vị, danh giá... là những động năng lôi cuốn, thu hút con người gây ra nghiệp và nghiệp chính là động lực dẫn dắt con người trôi nổi trong luân hồi. Bài học mà con người cần học là sự cởi bỏ lòng ham muốn vì biết rằng nếu có sẽ mất, nếu thỏa mãn điều này sẽ thèm muốn điều khác và còn ham muốn là còn đau khổ. Khi biết

dứt bỏ sự ham muốn, khi dẹp bỏ tất cả mong cầu thì họ sẽ bước chân vào con đường giải thoát.

Sự thương yêu chân thành, không phân biệt sẽ giúp con người ý niệm về sự sống duy nhất vì vạn vật bên ngoài tuy có thiên hình vạn trạng nhưng bên trong chỉ có một sự sống duy nhất, phát sinh từ một cội nguồn là Thượng Đế. Khi ý thức điều này, họ sẽ hiểu được mục đích của đời sống là sự hợp nhất và chỉ trong sự hợp nhất này họ mới kinh nghiệm được tất cả những vinh quang, đẹp đẽ của Đấng Sáng Tạo. Khi đã kinh nghiệm được điều ấy rồi, mọi quan niệm của con người về cuộc đời sẽ hoàn toàn đổi thay, vì không một cái đẹp gì ở thế gian này có thể sánh với sự mỹ lệ, tuyệt hảo của sự hợp nhất với Thượng Đế.

Sự yêu thương sẽ giúp tâm thức con người hướng lên cao, vượt lên khỏi khía cạnh nhỏ nhen của đời sống hàng ngày, để phát triển tình yêu thương rộng lớn, bao la, không phân biệt. Từ đó, con người sẽ sống với một tâm thức mới, một thứ tâm thức siêu đẳng mà Phật giáo gọi là tâm thức Bồ Đề. Khi Bồ Đề tâm phát triển, con người sẽ hiểu rõ về sự đồng nhất của vạn vật và ý thức sự sống duy nhất, tiềm ẩn trong tất cả. Tuy thân sống ở cõi trần, nhưng tâm của họ đã sống ở cõi trời và từ đó họ trở thành một con người khác hẳn, một công cụ để vận chuyển những luồng thần lực cao cả, những tình yêu thương của cõi trên xuống cõi trần. Từ đó, đời sống đối với họ là một niềm phúc lạc vô biên, một thứ hạnh phúc vĩnh cửu và họ bước vào con đường tiến hóa của các bậc hiền triết, thánh nhân.

Vì ban rải tình yêu thương là đức hạnh vô cùng cao quý nên mọi tôn giáo lớn trên thế giới đều nói rất rõ về hạnh này: Trong phép tu Lục Độ của Phật giáo thì hạnh Bố Thí đứng đầu. Kinh Veda của Ấn giáo cũng ghi nhận: *"Hãy ban rải và cho ra tất cả, vì các con chỉ hy sinh phần vật chất vô thường mà được hưởng cả một kho tàng vô giá".* Lão Tử trong Đạo Đức Kinh cũng khuyên: "Bậc thánh nhân không tích trữ, vì lo cho người mà mình giàu, trời đất sở dĩ được trường cửu vì không sống cho mình". Đấng Cứu Thế cũng dạy: "Hãy cho tất cả để được tất cả", vì ban rải tình yêu thương chính là mục đích của sự sống.

Nếu xem lại các bài học lịch sử, con người sẽ thấy rõ tình yêu thương là nền tảng của mọi nền văn minh huy hoàng nhất và khi con người không biết yêu thương thì những nền văn minh này đều suy vong, tàn lụi. Các tôn giáo cũng thế. Vào buổi sơ khai, các tôn giáo đều thấm nhuần tình yêu thương rộng lớn nhưng chỉ ít lâu sau, vì sự thiếu hiểu biết của con người mà tình yêu thương

này đã phai nhạt và giới hạn trong hàng ngũ những người cùng tôn giáo. Kinh Veda của Ấn giáo đã đề cập đến những thời đại vàng son khi các quốc gia được cai trị bởi những vị minh quân, lo cho dân nhiều hơn lo cho bản thân mình, khi các thi sĩ được tự do đi từ nước này qua nước khác để làm thơ ca tụng tình người. Lịch sử Trung Hoa đề cập đến thời đại Nghiêu, Thuấn thái bình thịnh trị, khi nhà không cần đóng cửa, của rơi không ai thèm nhặt. Thời Đức Phật còn tại thế, các môn đồ của Ngài đã quây quần trợ giúp nhau trên đường tu tập. Lúc sơ khởi, các tín đồ Thiên Chúa giáo đều xem tài sản như của chung và phân chia tùy nhu cầu mỗi người. Khi người ta đến với tôn giáo bằng sự thành kính biết thực hành lời dạy của các giáo chủ một cách nghiêm cẩn thì tôn giáo chính là hiện thân của chân lý và tình yêu thương. Tuy nhiên, vì thiếu hiểu biết, vì sự phân biệt mà con người đã làm lu mờ các hứng khởi đầu tiên, làm hoen ố các giáo lý cao đẹp nên theo thời gian, đa số tôn giáo chỉ còn hình thức bề ngoài chứ không hoàn tất được mục đích cao cả lúc ban đầu. Thế nhưng, tinh hoa tôn giáo không hề mất đi, nó chỉ tiềm ẩn trong lòng mọi người để chờ cơ hội khôi phục. Sự văn minh xây dựng trên căn bản tình yêu thương cũng thế, nó vẫn nằm trong giấc mơ của những người hướng thượng để chờ đợi một thời điểm tốt đẹp nào đó.

Nhiều người không tin một nền văn minh xây dựng trên căn bản của tình yêu thương lại có thể thực hiện được. Thậm chí, có người còn cho rằng đó chỉ là ảo vọng của những kẻ mơ mộng, thiếu thực tế mà thôi. Vốn dĩ trong thời đại mà sự tranh đấu để sống còn là nguyên lý sống, khi giá trị vật chất được đề cao, khi việc chiếm đoạt vơ vét tài sản là mục đích chung, khi căm thù bạo động là chuyện bình thường thì người ta có thể nghĩ như thế. Tuy nhiên, sự tiến hóa của vũ trụ vẫn tiếp tục vì con người sẽ phải học những gì mà họ cần phải học.

Chương "Ngày Phán Xét Cuối Cùng" trong Kinh Thánh đã ghi nhận như sau: "Ngày đó Đấng Cứu Thế cùng chư thánh sẽ giáng lâm. Trước mặt Ngài, nhân dân các nước đều tề tựu đông đủ và công việc của Ngài là phán xét kẻ hiền, người dữ. Kẻ hiền sẽ đứng bên tay phải của Ngài và kẻ dữ đứng bên phía tay trái. Với kẻ hiền lương, Ngài nói: *'Này các con, cha của ta ở trên trời rất yêu thương các con nên đã dành riêng một nơi chốn tốt đẹp cho các con. Vậy các con hãy đến ở nơi chốn tốt đẹp an lành đó. Tại sao các con được diễm phúc ấy? Là vì khi ta đói, các con cho ta ăn; khi ta khát, các con cho ta uống; khi ta lỡ đường, các con đón tiếp ta; khi ta rách rưới, các con cho ta áo quần; khi ta bệnh hoạn, các con cho ta thuốc men; khi ta tù đày, các con thăm nuôi ta'.* Những người này vô cùng ngạc nhiên, bèn hỏi: *'Lạy Chúa, chúng con có thấy Ngài đói khát lúc nào và có cho*

Ngài ăn uống bao giờ! Chúng con đâu thấy Ngài lỡ đường và tiếp đón Ngài bao giờ! Chúng con đâu thấy Ngài rách rưới, bệnh hoạn và cho Ngài quần áo, thuốc men bao giờ! Chúng con đâu thấy Ngài bị tù đày và đi thăm nuôi bao giờ!'. Đấng Cứu Thế mỉm cười nói: *'Này các con, mỗi khi các con giúp đỡ một người hèn mọn, khốn cùng, một kẻ nghèo đói, rách rưới hay một kẻ tù đày nào, chính là các con đã giúp đỡ ta đó'. Nói xong Ngài quay qua với những kẻ hung ác bên trái và bảo: 'Này những kẻ xấu xa kia, các ngươi hãy đến sống ở những nơi mà lửa cháy không bao giờ tắt, các nơi chốn hôi hám, xấu xa của loài yêu ma, quỷ quái. Tại sao như vậy? Là vì khi ta đói, các ngươi không cho ta ăn; khi ta khát, các ngươi không cho ta uống; khi ta lỡ đường, các ngươi xua đuổi; khi ta rách rưới, các ngươi không giúp áo quần; khi ta bệnh hoạn, các ngươi không cho thuốc men; khi ta tù đày, các ngươi chẳng thăm nuôi'.* Những người này sợ hãi kêu lên: *'Lạy Chúa, chúng con có thấy Chúa rách rưới, đói khát, lỡ đường, bệnh hoạn, tù đày hồi nào đâu và có khi nào từ chối không giúp đỡ Ngài bao giờ?'. Đấng Cứu Thế đáp: 'Thật ra mỗi khi các ngươi từ chối không giúp đỡ một người hèn mọn, đói khát, rách rưới, lỡ bước hay bị tù đày nào; ấy là các ngươi đã từ chối chính ta đó'."*

Thế là sau Ngày Phán Xét, người hiền sẽ được hưởng những điều tốt lành, được sống ở những nơi chốn đẹp đẽ, sung sướng, được sinh vào những nơi xây dựng trên căn bản của tình thương. Kẻ ác sẽ phải chịu những điều đau khổ, phải sống tại những nơi xấu xa, hôn ám, sinh vào những nơi mà thù hận và bạo động là lẽ thường của cuộc sống.

Có người hỏi tôi: "Khi nào sẽ đến Ngày Phán Xét?". Hiển nhiên, không ai có thể biết được nhưng theo Phúc Âm khi gần đến ngày đó, sẽ có những điềm bất thường xảy ra để cảnh cáo nhân loại như các thiên tai, bão tố, lụt lội, cháy rừng mỗi ngày một ghê gớm; có những bệnh tật khủng khiếp lan tràn, hết bệnh này đến bệnh khác, liên miên bất tuyệt; có những trận chiến tranh, giặc giã nổi lên khắp nơi cho đến khi "mặt trời sẽ mờ, mặt trăng sẽ tối, các vì sao sẽ rơi xuống làm rung động cả cõi trời hùng vĩ".

Phật giáo cũng đề cập đến giai đoạn cuối của thời Mạt Pháp, khi con người mất hết tính thiện, bị tiêm nhiễm các thói hư tật xấu, không còn biết phân biệt phải trái, mà chỉ biết sống theo bản năng, dục vọng. Đến khi đó, Đức Di Lặc sẽ giáng trần, mở pháp hội để hóa độ chúng sinh. Cũng như trong quá khứ, Đức Phật Nhiên Đăng đã lập Liên Trì Hội, hay hơn hai ngàn năm trăm năm trước, Đức Phật Thích Ca đã lập Linh Sơn Hội để giáo hóa chúng sinh thì trong tương lai, Đức Di Lặc cũng sẽ lập Long Hoa Hội vì Ngài sẽ đắc quả vị Phật dưới cội cây Long Hoa. Trong pháp hội này, Ngài

sẽ hóa độ rất nhiều chúng sinh để đưa về cõi nước của Ngài. Hiển nhiên những người được Phật Di Lặc hóa độ là những người hiền lương, đã trồng nhiều duyên lành trong quá khứ, đã biết ăn năn, sám hối, tu sửa thân tâm thì mới được hưởng diễm phúc đó. Theo Kinh Di Lặc, cõi nước của Ngài rất trang nghiêm, đẹp đẽ; đâu đâu cũng có ao báu nước trong, hoa thơm cỏ lạ. Mặt đất bằng phẳng êm mượt như nhung. Dân xứ này tướng mạo trang nghiêm, đoan chính, không hề gặp cảnh khổ não, bệnh tật. Họ sống trong những ngôi nhà làm bằng bảy thứ ngọc báu, ăn toàn những thức ăn mỹ vị tinh khiết. Được sống trong cảnh đó nhưng họ vẫn không quên tu sửa thân tâm, mở rộng lòng thương đến khắp mọi loài chúng sinh, trồng nhiều nhân lành nên sống lâu muôn tuổi. Hiển nhiên, đây là một thế giới văn minh cực độ, tiến hóa về cả hai mặt vật chất lẫn tinh thần vì được sống sung túc như thế mà họ vẫn lo tu tâm sửa tính.

Khi sống trên Tuyết Sơn, tôi đã mang đề tài *"Ngày Phán Xét" ra hỏi và được các hiền triết giải thích như sau: "Đời sống là một sự tiến hóa không ngừng, từ chỗ xấu đến chỗ tốt, từ chỗ dữ đến chỗ lành, từ chỗ thấp đến chỗ cao. Cuộc đời chỉ là một giai đoạn rất nhỏ trong chu kỳ tiến hóa không ngừng từ loài Kim thạch, Thảo mộc, Cầm thú, từ Cầm thú đến nhân loại, và từ nhân loại bước vào trình độ siêu nhân loại của các bậc tiên thánh. Ngày Phán Xét hay Hội Long Hoa có thể tạm coi là những giai đoạn tuyển lựa quan trọng trên đường tiến hóa. Cũng như học sinh phải vượt qua kỳ thi từ Tiểu học, qua Trung học rồi vào Đại học, con đường tiến hóa của nhân loại cũng có những kỳ tuyển lựa tương tự để loại đi những thành phần tiến hóa thấp kém, không theo kịp đà tiến hóa chung của nhân loại".*

Mỗi khi nhân loại tiến đến một mức độ nào đó, sẽ cần phải có sự phân biệt giữa người đã đi xa và kẻ vẫn dừng chân một chỗ. Hiển nhiên những người đã hiểu biết về định luật vũ trụ và sống theo chân lý sẽ được thu xếp để bước vào con đường tiến hóa của các vị tiên thánh. Tại đây họ sẽ tiếp tục kinh nghiệm và học hỏi để tiến lên những mức độ cao cả hơn nữa. Tuy nhiên, trong hàng ngũ nhân loại vẫn có những người thiếu hiểu biết, không bắt kịp đà tiến hóa chung dù trải qua nhiều kiếp sống nên họ cần được đến những cảnh giới của những chúng sinh có trình độ tiến hóa thấp kém hơn để học hỏi thêm. Do đó, mới có những sự lựa chọn qua những biến chuyển của từng chu kỳ và những người bỏ lỡ cơ hội phải đọa lạc muôn ngàn kiếp sống ở những nơi chốn thấp kém này. Họ sẽ phải sống với những chủng loại vừa thoát kiếp thú thành người, những kẻ hung ác, đầy thú tính, tham lam, bạo động và thù hận. Chỉ trong môi trường đau khổ này mà họ học những điều cần thiết để hiểu về các chân lý vũ trụ, những điều mà tất cả

đã không chịu học. Thiên nhiên thường sa thải những phần tử thấp kém này qua những tai trời, ách nước như thiên tai, động đất, bão lụt, núi lửa phun; hoặc qua các cuộc chiến tranh thảm khốc, các bệnh tật tai ương lan tràn khắp nơi.

Con người đã học được gì qua những biến cố khốc liệt như chiến tranh? Đã mấy ai biết coi thảm họa này là bài học mà họ cần phải học? Đã mấy ai biết lấy sự đau khổ làm bài học để tu sửa thân tâm? Đã mấy ai thấy rõ hậu quả của những lý thuyết phi nhân như chủ nghĩa vô thần hay luật của kẻ mạnh đã đưa nhân loại đến tình trạng gì? Có bao giờ con người tự hỏi tại sao có những người được sinh trưởng vào những nơi tốt đẹp, những xã hội thái bình, những quốc gia tiến bộ, trong khi có kẻ lại sinh vào những quốc gia suy kém, đầy chiến tranh, thù hận, bạo động hay những nơi mà nạn đói và bệnh tật lan tràn? Tại sao có những quốc gia đang hưng vượng mà chỉ sau một vài thiên tai đã trở nên sa sút, đói kém? Tại sao một xã hội đang thịnh vượng lại nảy sinh kẻ độc tài nắm quyền, gây chiến tranh, đưa đến tình trạng suy kiệt, đói khổ? Con người đã thấy gì và học được gì qua những biến cố đó? Hiện nay, đa số mọi người vẫn dửng dưng vì các sự kiện trên chưa trực tiếp ảnh hưởng đến họ. Ngày nay con người quá bận rộn vì sinh kế nên không mấy ai còn nhạy cảm trước sự đau khổ của kẻ khác. Đời sống văn minh vật chất đã làm thui chột các mầm mống thương yêu sẵn có trong nội tâm con người. Hầu hết đã quên rằng họ đều là thành phần của gia đình nhân loại với những liên hệ vô cùng mật thiết.

Thật ra không một biến cố nào, xảy ra ở đâu mà không ít nhiều ảnh hưởng đến đời sống nhân loại, vấn đề quan trọng là con người đã học hỏi hay rút tỉa được gì qua các biến cố đó. Vì đa số có thái độ dửng dưng không quan tâm nên khi trở thành nạn nhân, họ chỉ biết oán trời trách đất, đổ lỗi cho hoàn cảnh chứ không mấy ai biết coi đó là bài học mà họ cần phải học. Đời sống là một trường học mà trong đó con người phải học về các định luật vũ trụ để tu tâm sửa tính, để thay đổi, để tiến hóa, để trở nên hoàn hảo hơn. Chân lý là các định luật bất di bất dịch của vũ trụ với những quy tắc mà con người cần hiểu biết và sống theo đó. Đây không phải là một điều mới lạ vì mọi tôn giáo lớn đều đề cập đến. Hầu hết con người chỉ coi tôn giáo như một hình thức cao đẹp để tôn thờ chứ không mấy ai biết áp dụng những quy tắc đó vào cuộc sống hàng ngày. Có lẽ vì thế mà trải qua hàng ngàn năm, con người vẫn không thay đổi bao nhiêu. Đa số vẫn chịu đựng những đau khổ do chính con người tạo ra và chấp nhận nó như một việc hiển nhiên. Không mấy ai biết rằng nhân loại có thể thay đổi hoàn toàn nếu biết chuyển hóa tâm thức để sống theo các định luật vũ trụ. Khi

trình độ tiến hóa của nhân loại đạt đến một mức nào đó thì sẽ có những cuộc đào thải lớn lao, vượt ngoài sự tưởng tượng của con người. Đây là một sự tuyển lựa gắt gao đã từng xảy ra nhiều lần trong quá khứ. Từ xưa đã có những nền văn minh lớn mà ngày nay chẳng mấy ai biết đến như trường hợp của Lemuria hay Atlantis với hàng triệu người bị nạn hồng thủy nhận chìm. Trong tương lai cũng sẽ có các biến cố tương tự như thế để lựa chọn ra những linh hồn đã tiến hóa và những linh hồn chưa tiến bộ được bao nhiêu. Nếu lịch sử chỉ là sự tái diễn của quá khứ thì trong tương lai sẽ có những biến cố, thiên tai rất lớn khiến cho một số lục địa sẽ bị tiêu diệt nhưng những phần khác sẽ được an lành và thế giới sau đó sẽ thay đổi hoàn toàn. Cũng như học sinh Trung học bước vào Đại học và thấy môi trường nơi đây khác xa bậc Trung học thì thế giới trong tương lai đó sẽ khác hẳn thế giới ngày nay. Tôi muốn nhấn mạnh rằng các biến cố tương lai chỉ là một cuộc tuyển lựa cần thiết để thúc đẩy sự tiến hóa của nhân loại chứ không có tính cách trừng phạt cá nhân. Những kẻ kém tiến hóa sẽ bị gạn lọc để đầu thai vào những cảnh giới có mức độ tiến hóa thấp hơn để học hỏi. Trong khi những người tiến hóa cao sẽ được lựa chọn để sống trong cảnh giới có trình độ tiến hóa thích hợp với họ hơn. Nếu biết thế, con người cần tu tâm sửa tính để tránh khỏi bị đào thải vào Ngày Phán Xét Cuối Cùng.

Hơn lúc nào hết, con người cần học hỏi về các quy luật của vũ trụ, để mở mang trí tuệ, trau dồi đức hạnh và đặc biệt là để dẹp bỏ lòng ích kỷ, chia rẽ, phân biệt và phát triển tình thương rộng lớn, bao la vì chỉ có tình thương mới là giải pháp duy nhất cho tình trạng xáo trộn, bạo động, đầy hận thù đang xảy ra hiện nay.

CHƯƠNG 11

Ngày nay khoa học đã chiếm một vị trí hết sức quan trọng, chi phối mọi sinh hoạt trong xã hội. Các khoa học gia được coi như những người có thẩm quyền chứng minh và giải thích mọi sự. Mỗi khi họ khám phá được điều gì thì dư luận cho rằng đó là một sự mới lạ chưa từng có. Thật ra trong vũ trụ chẳng có điều gì là chưa từng xảy ra hay quá mới lạ. Mỗi khám phá hay phát minh chỉ là sự giải thích các hiện tượng sẵn có trong thiên nhiên bằng một lý luận thích hợp với trình độ hiểu biết của con người lúc đó mà thôi.

Nhiều người không đồng ý với lập luận trên, vì cho rằng nó làm giảm giá trị hay coi thường các kiến thức khoa học. Tuy nhiên, nếu chịu khó đọc lại các tài liệu lịch sử, người ta sẽ thấy kho tàng kiến thức của nhân loại, dù bao la đến đâu, cũng chỉ là những quan sát về sự biểu hiện các chân lý hằng có trong vũ trụ và nó thay đổi tùy theo sự hiểu biết của người đương thời. Do đó, con người không nên quá tự hào mà phải biết khiêm tốn hơn vì các khám phá chỉ thực sự có giá trị lâu dài nếu nó đem lại lợi ích chung cho nhân loại chứ không phải để phục vụ quyền lợi cho một thiểu số nào đó.

Trước công nguyên, người châu Âu tin rằng trái đất chỉ là một mặt phẳng rộng lớn cho đến khi các nhà khoa học xứ Hy Lạp chứng minh rằng trái đất là một khối tròn quay trên một quỹ đạo nhất định thì người châu Âu đã cho rằng đó là một khám phá vĩ đại chưa từng có. Thật ra trước đó người Ai Cập, Ba Tư, Trung Hoa, Ấn Độ đã biết rất rõ trái đất hình tròn và xoay quanh mặt trời. Không những thế, họ đã phát minh ra những niên lịch rất chính xác dựa trên sự tương quan giữa quỹ đạo trái đất và các hành tinh liên hệ để tiên đoán thời tiết, gieo giống, canh tác mùa màng. Trong khi đó, dựa vào tài liệu của người Hy Lạp, các nhà lãnh đạo có thẩm quyền tại châu Âu lại kết luận rằng trái đất là trung tâm của vũ trụ và tất cả mọi hành tinh đều quay quanh trái đất. Quan

niệm này được coi như một định luật bất biến trong suốt mấy chục thế kỷ, những người không đồng ý đều bị ghép tội phản nghịch và bị thiêu sống. Do đó, khi các nhà phát minh châu Âu phát minh ra kính viễn vọng và biết rằng trái đất chỉ là một hành tinh quay xung quanh mặt trời thì họ sợ hãi không dám công bố vì sợ bị tội.

Nhà chiêm tinh lừng danh Copernicus phải chờ đến lúc nằm trên giường bệnh, hấp hối sắp chết, mới dám công bố rằng mặt trời là trung tâm của vũ trụ và trái đất chỉ là một hành tinh nhỏ quay quanh mặt trời. Điều này đã gây nên sự phản kháng mãnh liệt và ông lập tức bị nhà cầm quyền lên án là phản nghịch (dù ông đã chết) và cho thiêu hủy các công trình nghiên cứu khoa học của ông. Năm 1616, nhà khoa học Galileo đã chứng minh lý thuyết của Copernicus bằng những lý luận khoa học rất xác đáng và đưa ra một số định luật về thiên văn mà ông tin sẽ được mọi người chấp nhận. Ông đã lầm rất lớn. Khi tài liệu khoa học này vừa được công bố, ông đã bị chính quyền bắt giam và kết án "phản giáo, nhiễu hoặc nhân tâm". Tuy không bị thiêu sống, ông bị tòa án bắt phải rút lại lời tuyên bố trên và bị giam lỏng trong phòng thí nghiệm cho đến chết. May thay, tài liệu nghiên cứu của ông được các học trò lén lút truyền bá và mở đầu cho phong trào nghiên cứu khoa học tại châu Âu. Phải chờ nhiều năm sau, khi dư luận quần chúng đã lắng dịu và lý luận xác đáng của khoa học được kiểm chứng thì giới lãnh đạo có thẩm quyền mới công nhận điều trên. (Tuy nhiên họ không rút lại bản án kết tội Galileo). Chỉ khi đó các khoa học gia mới vội vã tuyên bố rằng khám phá của Galileo là một phát minh vĩ đại chưa từng có. Cùng một kiến thức về vũ trụ mà người châu Á khiêm tốn áp dụng để cải thiện đời sống con người qua các niên lịch, tài liệu để tiên đoán thời tiết trong khi người châu Âu chỉ lo tranh luận ồn ào để xác định vai trò lãnh đạo của các giới chức có thẩm quyền khi đó.

Cũng như thế, khi kỹ thuật tiến bộ hơn, các nhà khoa học lại khám phá rằng mặt trời cũng không phải là trung tâm vũ trụ mà chỉ là trung tâm của một hệ thống gọi là Thái Dương Hệ. Việc này cũng tạo những cuộc tranh luận hết sức sôi nổi giữa các phe nhóm khoa học gia trước khi được mọi người công nhận. Ít lâu sau, người ta lại khám phá rằng Thái Dương Hệ của chúng ta cũng không phải duy nhất mà trong vũ trụ còn rất nhiều thái dương hệ khác tương tự, tất cả đều nằm trong một hệ thống vĩ đại gọi là dải Ngân Hà (Galaxy). Vào đầu thế kỷ XX, các nhà khoa học lại chứng minh rằng dải Ngân Hà cũng chỉ là một phần nhỏ của một khối Tinh Vân (Nebula) xoay vần trong vũ trụ. Rồi với các hệ thống phi thuyền, vệ tinh tối tân nhất ngày nay, người ta lại thấy rằng Tinh

Vân cũng chỉ là một hệ thống nằm trong vũ trụ bao la, trong đó còn có biết bao khối tinh vân khác mà người ta chưa thể hiểu rõ. Tóm lại, tùy theo sự phát triển của khoa học mà quan niệm về vũ trụ của con người cũng thay đổi theo nhưng phải chăng các phát minh này là những khám phá mới lạ, chưa từng có?

Vào đầu thế kỷ XX, các nhà khảo cổ đã tìm thấy trên vách đá những kim tự tháp ở Nam Mỹ có khắc ghi những đồ hình ghi nhận sự vận chuyển của các bầu tinh tú cách xa trái đất cả hàng ngàn năm ánh sáng. Không những đồ hình này ghi nhận vị trí các hành tinh một cách cụ thể mà nó còn đưa ra những khoảng cách chính xác hơn cả những dụng cụ mới nhất của khoa học ngày nay. Điều này đã làm rối trí những nhà khoa học thông thái nhất. Làm sao những dân tộc bán khai, ăn lông ở lỗ, sử dụng những dụng cụ bằng đá thô sơ, lại có thể biết rõ sự vận hành của các bầu tinh tú cách xa trái đất như thế được? Làm sao người xưa lại biết tường tận về vũ trụ hơn người ngày nay? Tôi không ngạc nhiên khi thấy một số các nhà khoa học phủ nhận việc này và coi đó chỉ là sự trùng hợp ngẫu nhiên. Thái độ thiển cận của họ có khác gì thái độ kiêu căng của giới chức có thẩm quyền thời Trung cổ? Họ lý luận rằng nếu không thể giải thích được thì phủ nhận là tốt nhất vì không một quốc gia văn minh tiến bộ nào có thể chấp nhận việc những dân tộc còn dã man lại biết nhiều hơn họ được!

Sở dĩ họ có thái độ hẹp hòi đó là vì họ không biết gì về sự tiến hóa của nhân loại trên mặt địa cầu. Như đã trình bày, mọi hiện tượng xảy ra trong vũ trụ đều tuân theo các định luật bất di bất dịch, nhưng sự hiểu biết của con người thì thay đổi tùy theo sự phát triển về kiến thức của họ khi đó. Kiến thức được xây dựng qua sự hiểu biết dựa trên các giác quan (senses) và tùy mức tiến hóa mà con người phát triển các giác quan khác nhau. Hiện nay, loài người phát triển được năm giác quan chính là Thị giác, Thính giác, Khứu giác, Vị giác và Xúc giác, nhưng trong thân thể con người vẫn còn một số giác quan tiềm ẩn, chưa phát triển và một số giác quan khác đã thoái hóa vì không còn cần thiết nữa.

Nếu đi ngược thời gian về những thời đại xa xưa, về những nền văn minh rất cổ khác hẳn ngày nay, chúng ta sẽ thấy con người khi đó không sử dụng các giác quan như người ngày nay. Họ không áp dụng những công thức khoa học hay quan sát tinh tú bằng dụng cụ như kính viễn vọng mà xây dựng kiến thức của họ dựa trên những giác quan khác, thích hợp với trình độ tiến hóa của họ khi đó.

Theo lý thuyết của Charles Darwin, loài người xuất phát từ các

sinh vật hạ đẳng, sau chuyển thành loài khỉ rồi tiến hóa thành loài người. Lúc đầu, con người sống dã man như loài thú (người tiền sử) nhưng về sau nhờ trí thông minh, biết sử dụng lửa và các dụng cụ thô sơ, họ thay đổi và tiến hóa thành loài người ngày nay. Theo thuyết này, tiến hóa là một sự thay đổi đều đặn, liên tục, không gián đoạn, từ thấp lên cao, từ dã man đến văn minh theo đường thẳng (linear) theo hình học mặt phẳng. Tuy nhiên, theo các hiền triết sống trên núi Tuyết thì sự tiến hóa của nhân loại không giản dị như thế mà tuân theo định luật Chu kỳ (Thành, Trụ, Hoại, Diệt) nghĩa là sinh ra, phát triển, suy tàn và tiêu vong; do đó trên mặt địa cầu đã có nhiều giống người khác nhau, tuần tự xuất hiện theo từng chu kỳ, có lúc lên cao, có khi xuống thấp và tiêu vong theo hình trôn ốc (spiral) với các chu kỳ thịnh suy theo hình tròn nhưng có thêm chiều đo thứ ba hướng lên trên, theo hình học không gian ba chiều khác hẳn với quan niệm hai chiều đơn thuần của Charles Darwin.

Các hiền triết trên Tuyết Sơn cho biết nhân loại đã có mặt từ khi trái đất được thành lập, nghĩa là hàng triệu năm trước nhưng lúc đó họ không mang thân xác như con người ngày nay. Vào lúc thành lập, trái đất là một khối lửa nóng bỏng và con người đầu tiên khi đó chỉ là những hình hài mong manh, có thể bay lơ lửng trong không gian, chứ chưa có một thể xác vật chất cụ thể. Vì thể xác mong manh như sương khói này, các yếu tố vật chất còn rất thô sơ nên họ chưa phát triển về các giác quan như người ngày nay mà chỉ mới phát triển về thính giác, có thể nghe được các âm thanh. Vì thân thể được cấu tạo bằng chất hơi nên họ không sợ lửa hay sức nóng mà có thể lướt đi trong biển lửa, hấp thụ các chất khí để nuôi thân và sinh sản bằng sự trực phân (thân thể tự động tách ra làm hai).

Trải qua hàng triệu năm, khối lửa nguội dần, biến thành quả đất. Sự thay đổi của quả đất từ khối lửa nóng bỏng chuyển thành một khối rắn chắc với những đại dương và lục địa là một tiến trình sinh hóa hết sức đặc biệt. Các lục địa khi đó có hình thái khác xa ngày nay và các sinh vật sống trên đó cũng có những hình thể đặc biệt thích hợp với trào lưu tiến hóa lúc đó. Các sinh vật trong chu kỳ này bắt đầu mang một thể xác vật chất khá rõ ràng hơn, có loài sống dưới nước, có loài sống trên cạn và có loài bay trong không gian. Khi đó giống người thứ nhất đã hoàn tất cuộc tiến hóa trải qua chu kỳ Thành, Trụ, Hoại, Diệt nên hoàn toàn biến mất (Diệt) vì không thích hợp với hoàn cảnh khi đó nữa mà chuyển thành giống người thứ hai. Giống người này có một thể xác vật chất khá rõ dù chưa hoàn toàn. Thân thể của họ là một khối thịt với các giác quan thô thiển. Ngoài thính giác, họ phát triển thêm về xúc

giác và khứu giác nên đã ý thức được phần nào về môi trường xung quanh. Họ sinh sống bằng cách hấp thụ các chất dinh dưỡng từ môi trường xung quanh, nhưng một số khác lại ăn thịt đồng loại, bám chặt vào thân thể họ rồi hút máu như loài đỉa ngày nay. Mặc dù họ vẫn còn sinh sản theo lối trực phân nhưng mầm mống phân chia giống đực và giống cái đã bắt đầu.

Trải qua nhiều triệu năm, vị trí các lục địa trên trái đất lại thay đổi qua các trận địa chấn và loài người sống trên đó cũng tiến hóa hơn xưa. Giống người thứ hai cũng hoàn tất chu kỳ tiến hóa và bước vào giai đoạn diệt vong để chuyển đổi thành giống người thứ ba. Đây là giống người có thể xác vật chất rất rõ rệt, hình thù to lớn, thô kệch, một thứ người khổng lồ so với loài người ngày nay. Đó là giống người Một Mắt (Cyclops) mà một vài truyền thuyết cổ xưa đã đề cập đến. Ngoài xúc giác, thính giác và khứu giác, họ bắt đầu phát triển về thị giác và vị giác. Trên đầu họ nổi lên một hạch lớn, giống như một con mắt, có thể ghi nhận ngoại cảnh một cách lờ mờ như sáng và tối chứ chưa ghi rõ được các hình ảnh hay màu sắc. Giác quan đặc biệt này còn giúp họ cảm nhận được các rung động của các cõi giới khác nên họ sở hữu những khả năng đặc biệt, có thể làm được nhiều việc mà ngày nay người ta cho là phép lạ. Vì thể xác vật chất đã phát triển đầy đủ nên giống người thứ ba này có khuynh hướng hoàn toàn thiên về vật chất, dục vọng và thường tìm khoái cảm qua nhu cầu ăn uống, kể cả việc ăn thịt lẫn nhau. Vào lúc đó, trên mặt địa cầu có sáu lục địa to nhỏ không đều. Lục địa thứ nhất gọi là "Mu" hay "Lemuria" (bao gồm châu Á và châu Úc) nên giống người thứ ba được gọi là người Lemurian.

Sự tiến hóa của giống người Lemurian rất đặc biệt. Thể xác họ đã phân chia thành hai phái nam nữ nên họ có thể giao hợp mặc dù họ đẻ trứng chứ chưa sinh con. Tuy các giác quan chính đã phát triển nhưng trí óc của họ vẫn còn rất thô sơ, nên họ sống bằng bản năng chứ chưa phát triển được trí thông minh. Nhờ giác quan đặc biệt như con mắt trên trán, họ có thể sai khiến được vài loại cầm thú, di chuyển được các đồ vật trong thiên nhiên bằng tư tưởng thay vì chân tay. Người Lemurian ăn thịt sống, kể cả thịt đồng loại, nhưng đây là điều tự nhiên vì trình độ tiến hóa của họ chưa phát triển về tình cảm nên họ không biết gì về tình thương. Nền văn minh Lemurian chú trọng nhiều đến kiến trúc và những gì có tính vật chất. Họ xây nhà cửa bằng đá. Nhờ giác quan đặc biệt, họ có thể di chuyển được những tảng đá khổng lồ mà hiện nay với máy móc tối tân nhất, người ta vẫn chưa làm nổi. Vì sống hoàn toàn bằng bản năng nên người Lemurian rất tham lam, ganh ghét và ích kỷ. Lúc đầu, họ sống riêng lẻ nhưng về sau tập họp thành phe nhóm và luôn luôn tranh chấp lẫn nhau để giành quyền lợi.

Một trong những dấu tích còn lại của người Lemurian là các pho tượng khổng lồ trên đảo Eastern tại Thái Bình Dương.

Thời đại của người Lemurian kéo dài cả trăm ngàn năm, từ khi họ sống trong các hang đá đến khi xây cất được nhà cửa, đường sá riêng. Ngoài việc di chuyển các tảng đá khổng lồ, họ còn sử dụng được các sức mạnh thiên nhiên như gây ra các trận mưa to gió lớn, làm thời tiết biến chuyển nhưng về sau họ lạm dụng quyền năng này vào những cuộc tranh chấp và đi ngược luật thiên nhiên. Vào cuối chu kỳ này, có những thiên tai ghê gớm xảy ra, các núi lửa đua nhau phun trào, gây ra những trận động đất kinh khủng, khiến lục địa Mu bị tan vỡ. Một phần chìm xuống biển, phần khác tan rã thành các đảo nhỏ rải rác trên Thái Bình Dương ngày nay. Một phần bị sức đẩy dội ngược lên, va chạm mãnh liệt vào các lục địa khác, tạo ra dãy Hy Mã Lạp Sơn. Vùng bờ biển của lục địa Lemuria biến thành núi, vùng rừng rậm hoang vu biến thành sa mạc Gobi và phần khác tách rời ra, bị đẩy trôi xuống phía nam, trở thành châu Úc ngày nay.

Sau giống người Lemurian là sự phát triển của giống người thứ tư tại lục địa Atlantis. Hình hài của giống người Atlantis phản ảnh sự thay đổi từ to lớn, thô kệch thành nhỏ bé, linh hoạt và có hình dáng gần giống nhân loại ngày nay. Thay vì có một mắt nổi lên giữa trán như người Lemurian, người Atlantis có hai mắt và phát triển thị giác một cách hoàn hảo nên có thể phân biệt hình ảnh, màu sắc rõ ràng. (Giác quan trên trán của giống người Lemurian không cần thiết nữa, thụt vào trong đầu và trở thành tuyến Tùng Quả (Pineal gland). Ngoài năm giác quan chính đã phát triển, người Atlantis vẫn còn sử dụng được giác quan trên trán này nên họ có thể làm được nhiều việc mà ngày nay nhiều người cho là phi thường. Khi trước người Lemurian đã sử dụng nó để xây cất, kiến trúc nhà cửa một cách giản dị theo bản năng sinh tồn nhưng người Atlantis, nhờ bắt đầu phát triển về bộ óc hay trí thông minh, đã áp dụng khả năng này vào những kiến trúc tinh vi hơn để xây cất Kim Tự Tháp. Họ có thể xếp những tảng đá khổng lồ, chồng chất lên nhau chứ không sử dụng đòn bẩy, dây kéo như các nhà khoa học ngày nay suy đoán. Nên nhớ đây chỉ là khả năng tự nhiên của giác quan đặc biệt này chứ không phải là khả năng thần thông.

Thể xác của người Atlantis phân biệt nam nữ. Họ giao hợp và sinh đẻ qua bào thai như người ngày nay và việc chuyển đổi từ Noãn sinh (đẻ trứng) qua Thai sinh (bào thai) là một thay đổi rất lớn vì nhờ nó mà giống người này bắt đầu phát triển khả năng về tình cảm. Vì người này phải lo cưu mang, nuôi nấng con cái nên khả

năng tình cảm của họ phát triển rất mạnh mặc dù các tính xấu như tham lam, ích kỷ, ghen ghét vẫn còn chi phối mạnh mẽ. Vì tình cảm đã phát triển, người Atlantis lập gia đình, thành lập gia tộc và đặt căn bản cho một tổ chức xã hội phức tạp và tiến bộ hơn giống người Lemurian trước đó. Tuy nhiên, vì các thú tính như ích kỷ, tham lam vẫn còn nhiều nên về sau người Atlantis lại lập phe nhóm và tạo ra các cuộc chiến tranh liên tục, kéo dài rất lâu. Hậu quả của các cuộc chiến tranh là sự phân chia thành các giai cấp trong xã hội, từ giới giáo sĩ, vua chúa lãnh đạo đến lớp thứ dân và nô lệ. Vào cuối chu kỳ này, Atlantis được chia ra thành nhiều quốc gia như Rmoahal, Tlavatli, Tolteke, v.v... Mỗi nước có một vị vua cai trị và họ thường gây chiến lẫn nhau với những trận chiến kéo dài rất lâu.

Nền văn minh Atlantis đặt căn bản trên những kiến thức đặc biệt về thiên nhiên dựa trên các giác quan khác với giác quan của con người ngày nay nên rất khó diễn tả. Họ có thể sử dụng các khả năng trong thiên nhiên để biến đổi tính chất của kim loại (phái luyện kim) chứ không đào mỏ, khai thác quý kim như hiện tại. Họ sử dụng màu sắc, âm thanh, ánh sáng để giúp cho cây cối, con vật mau lớn hoặc để chữa bệnh. Lúc đầu, người Atlantis có một tôn giáo chung nhưng về sau tôn giáo này phân chia ra thành nhiều phái khác nhau, có phái thờ mặt trời, phái khác thờ mặt trăng hoặc các bầu tinh tú khác nhau...

Chu kỳ tiến hóa của người Atlantis cũng kéo dài hàng trăm ngàn năm qua bốn thời kỳ Thành, Trụ, Hoại, Diệt nhưng đến lúc cuối nó suy tàn rất nhanh. Vì người Atlantis rất tham lam, hung ác và ích kỷ, nên họ gây ra những trận chiến tranh kéo dài rất lâu, tưởng chừng không bao giờ chấm dứt khiến nhiều thế hệ chỉ biết sống trong hoàn cảnh thù hận, bạo lực, nên thay vì tiến hóa họ lại thoái hóa, đi ngược với trào lưu thiên nhiên. Vì sở hữu những giác quan có thể điều khiển các sức mạnh trong thiên nhiên nên một số người đã chuyên tâm khai thác khả năng này vào những việc lợi kỷ hại nhân. Vào cuối chu kỳ, giới giáo sĩ Atlantis đã sở hữu những quyền năng ghê gớm có thể tạo những mãnh lực lớn lao như dời núi, lấp sông để đàn áp những nhóm khác không cùng quan điểm tôn giáo với họ. Họ có thể biến con người, phần lớn là tù binh chiến tranh, thành súc vật hay các sinh vật nửa người nửa thú để sai khiến. Việc sử dụng tà thuật trở thành vũ khí chính yếu đi ngược trào lưu tiến hóa khiến nền văn minh Atlantis đi vào con đường suy tàn. Lúc đó, trong xã hội Atlantis vẫn còn một thiểu số chủ trương phát triển tình thương và không đồng ý với nhóm người hung ác lạm dụng quyền lực thiên nhiên kia. Sự bất đồng ý kiến này đã tạo ra những tranh chấp rất lớn, kéo dài rất lâu khiến

một số đông bị ngược đãi hoặc bị giết. Sau cùng, vì biết không thể thay đổi xã hội, một nhóm người đã rời bỏ lục địa này để định cư tại những lục địa hẻo lánh khác và nhờ thế thoát được nạn hồng thủy khi châu Atlantis chìm xuống biển.

Những người này đã định cư tại Ai Cập và Nam Mỹ, để lại di tích của nền văn minh này qua những Kim Tự Tháp, các đồ hình vũ trụ và công thức khoa học mà ngày nay các khoa học gia thông thái nhất vẫn chưa thể giải thích. Đa số mọi người ngày nay biết đến Atlantis qua sách vở của triết gia Hy Lạp Plato. Triết gia Plato* viết rằng ông đã thụ giáo với một người Ai Cập bị đày biệt xứ và được ông này kể rõ về lịch sử Atlantis. Theo Plato, từ ngàn xưa, người Ai Cập đã biết rõ về sự tiến hóa của nhân loại qua các giống dân cũng như các kiến thức đặc biệt của những dân tộc đó. Họ gìn giữ cẩn thận những kiến thức này trong các đền thờ và chỉ truyền bá giới hạn cho một số giáo sĩ được tuyển chọn cẩn thận. Nhờ những bài học lịch sử này, họ biết rằng kiến thức là một con dao hai lưỡi, có thể áp dụng để đem lại hạnh phúc hay sự hủy hoại của nhân loại. Trong thời gian đầu, nền văn minh Ai Cập phát triển rất cao nhưng về sau các giáo sĩ xứ này lại để cho các tính xấu như tham lam, ích kỷ chi phối và họ lại giẫm vào vết xe cũ của người Atlantis là sử dụng tà thuật để củng cố quyền lực. Sự bành trướng ảnh hưởng của giới giáo sĩ khiến cho các vua Pharaoh lo ngại và họ đã thẳng tay đàn áp những người này bằng bạo lực rồi cho thiêu hủy các đền thờ, tài liệu cổ nên về sau con cháu người Ai Cập không còn biết cách xây các Kim Tự Tháp nữa.

(*) *Plato (khoảng 427 - 347 TCN) là một triết gia Hy Lạp cổ đại, học trò của Socrates.*

Ngày nay nhiều người không tin truyền thuyết về đại lục Atlantis cũng như việc người Atlantis đã định cư tại Ai Cập và Nam Mỹ và cho rằng đó chỉ là sự tưởng tượng của những dân tộc dã man. Tuy nhiên, có rất nhiều dữ kiện cụ thể mà người ta không thể bỏ qua được. Chúng ta hãy tự hỏi tại sao hai nền văn minh ở cách xa cả một đại dương lại có nhiều nét tương đồng như vậy? Tại sao từ mấy ngàn năm trước cả hai nền văn minh này cùng xây cất những Kim Tự Tháp hùng vĩ tương tự như nhau? Tại sao họ lại khắc cách niên lịch thiên văn ghi nhận sự vận hành của các bầu tinh tú cách xa trái đất hàng ngàn năm ánh sáng? Nếu người xưa không thể văn minh bằng người ngày nay thì tại sao họ lại xây cất được những kiến trúc mà ngày nay, với các dụng cụ tối tân nhất, người ta vẫn không thể làm nổi? Nếu Atlantis chỉ là một huyền thoại thì tại sao hàng ngàn năm trước, người Ai Cập và người Nam Mỹ lại có những tài liệu y học ghi nhận hơn tám ngàn vị thuốc, tính chất

các loại dược thảo và phương cách bào chế giống nhau?.**

(**) Ngày nay khoa học đề cao ra sự phát minh ra thần dược Aspirin vào năm 1897, có thể chữa được rất nhiều chứng bệnh. Nhà khoa học Felix Hoffmann, người sáng chế ra Aspirin, viết rằng ông thường bị chứng nhức đầu kinh niên, một hôm được người bạn cho mượn tập tài liệu y học Ai Cập [Ebers Papyrus] ghi rõ việc chữa bệnh này bằng vỏ cây Willow tán nhỏ nên ông đã theo đó để chữa bệnh cho mình. Khi khỏi bệnh, ông đã phân tích và tìm ra chất Salicyclic Acid [Aspirin]. Năm 1982, nhà khoa học John R. Vane đọc tài liệu khảo cổ khắc trên Kim Tự Tháp Nam Mỹ [South America Stone tablet) ghi nhận lấy vỏ cây dâu [Willow] trộn với một loại cỏ khác để ngăn ngừa bệnh đau tim đã tìm ra chất Acetysalicyclic Acid [Aspirin] và được trao giải Nobel về Y học. So sánh và đối chiếu hai tài liệu trên, người ta thấy nó ghi nhận hơn 1000 vị thuốc và cách bào chế giống y hệt nhau. Làm sao hơn tám ngàn năm trước, hai nền văn minh nằm ở vị trí địa dư cách xa một đại dương lại có tài liệu y học tương tự như thế? Cho đến nay, hơn 877 vị thuốc chữa bệnh hiện tại đều xuất xứ từ tài liệu Y học Ai Cập Ebers Papyrus và thạch bản South American Stone Tablet này.

Cũng như thế, hai bộ sách tôn giáo Tử Thư Ai Cập (Book of the Death) và Tử Thư Nam Mỹ (Popol Vuh) đều đề cập đến sự hiện diện của một đấng Thượng Đế tối cao, ban rải ánh sáng cho muôn loài tượng trưng qua hình ảnh của mặt trời. Cuốn Tử Thư Ai Cập đã ghi: "*Thánh sư Thoth dạy rằng ánh sáng ấy rất thiêng liêng và ẩn tàng trong muôn loài vạn vật. Nó là sự sống nằm sâu tận đáy lòng con người. Muốn thấy nó thì con người phải quay vào bên trong, nhìn vào tâm hồn của mình, vì nơi đây cách ánh sáng vốn không xa. Tất cả mọi nghi lễ đều phải hướng về ánh sáng đó, bởi thế nghi lễ không thể bãi bỏ. Chỉ khi nào con người đã hiểu biết hoàn toàn về ánh sáng đó rồi thì nghi lễ mới không còn cần thiết nữa. Lúc đó, con người sẽ đến bên cạnh thần Osiris và thần Amon Ra (Ánh Sáng) để hợp nhất với ánh sáng đó và đây chính là chân lý hằng có muôn đời".* Trong tôn giáo Ai Cập, nghi lễ dành cho các vị vua Pharaoh thường bắt đầu bằng câu: "Các con hãy tìm ra ánh sáng và chỉ khi nào các con thấy rõ ánh sáng ở trong lòng tất cả mọi người, thì khi đó sự cai trị của các con mới thực sự tốt đẹp được". Và kết thúc bằng câu: "Các con hãy theo ánh sáng". Tuy nhiên về sau câu này đã được các giáo sĩ sửa đổi thành "Các con hãy theo Pharaoh" và đưa Pharaoh lên địa vị "thần linh". Từ khi con người phủ nhận tính chất của ánh sáng mà tự phong cho mình lên địa vị thần linh để được đề cao khắp nơi thì nền văn minh Ai Cập cũng bắt đầu suy thoái. Các vua chúa xứ này đua nhau gây chiến tranh, nhân tính con người càng ngày càng suy kiệt, họ ỷ vào sức mạnh quân sự để xâm lăng những

nước xung quanh, tạo ra chế độ nô lệ để sai khiến và sau cùng chính họ bị các nước lân cận xâm chiếm và đô hộ.

Cuốn Tử Thư Nam Mỹ ghi chép: *"Thượng Đế (Logos) vốn không có hình tướng vì Ngài hiện diện trong mọi vật chất. Thần Mặt Trời (Sun God) là biểu tượng thích ứng của Ngài vì mặt trời tượng trưng cho thân thể Ngài. Từ mặt trời, Ngài phóng ánh sáng đi khắp nơi và tạo lập muôn loài, đó chính là sự giáng sinh của Ngài đến tất cả, Ngài hiện diện trong tất cả. Muốn biết Thượng Đế, hãy quan sát hành trình của mặt trời trong thiên nhiên qua thời tiết bốn mùa thì sẽ hiểu được luật trời, và sống theo luật trời là sống với Thượng Đế".* Các vua chúa xứ Nam Mỹ đều xưng là "Con của Mặt Trời" và đội chiếc nón có hình mặt trời nhưng theo quan niệm này, biểu tượng mặt trời không hề có tính cách cá nhân mà chỉ là một chức vụ thiêng liêng.

Theo các hiền triết trên Tuyết Sơn, người Lemurian thuộc về chu kỳ tiến hóa thứ ba chú trọng đến sự phát triển của thể xác vật chất nhưng chưa phát triển về tình cảm. Người Atlantis thuộc chu kỳ tiến hóa thứ tư chú trọng đến sự phát triển về tình cảm nhưng chưa phát triển về lý trí. Ngày nay nhân loại thuộc chu kỳ tiến hóa thứ năm, chú trọng đến việc phát triển lý trí nhưng chưa phát triển về trí tuệ. Do đó, trình độ tiến hóa của nhân loại trong tương lai sẽ chú trọng đến sự phát triển về trí tuệ và đây chính là điều quan trọng để chúng ta biết mình sẽ đi về đâu. Người Atlantis phát triển về tình cảm nhưng vì thiếu lý trí nên tình cảm đó chỉ có tính cách ích kỷ, tham lam, tàn bạo. Con người ngày nay phát triển về lý trí, có thể phân biệt với lý luận hùng hồn, nhưng vì chưa kiểm soát được lòng tham lam, ích kỷ này nên các lý luận đều có tính cách phân biệt, chia rẽ. Vì thế, tình cảm của đa số thường giới hạn trong phạm vi gia đình, phe nhóm, chủng tộc hay quốc gia chứ chưa phải một tình thương rộng lớn có tính cách không phân biệt hay tình huynh đệ đại đồng. Thật ra, những điều này không có gì mới lạ vì nó đã được đề cập rất cụ thể trong các tôn giáo lớn. Căn bản của Phật giáo là việc phát triển Từ Bi và Trí Tuệ; Ấn giáo chú trọng đến việc thực hành Thương Yêu tất cả (Ahimsa); và toàn bộ lời giảng dạy của Đức Jesus có thể được thu gọn trong hai chữ Bác Ái, Yêu Thương.

Theo các hiền triết trên Tuyết Sơn, để giúp đỡ nhân loại, vào cuối thế kỷ này, có nhiều linh hồn cao cả sẽ đầu thai trở lại để hướng dẫn nhân loại phát triển tình thương. Hiền triết Kuthumi cho biết: *"Để giúp đỡ nhân loại tránh khỏi thảm trạng diệt vong, rất nhiều linh hồn cao cả đã tình nguyện trở lại vào thời buổi đen tối, xáo trộn sắp đến để gieo rắc tình yêu thương, ngõ hầu thức tỉnh nhân loại. Họ sẽ đầu thai vào những gia đình ở khắp nơi trên mặt trái đất*

chứ không phân biệt một nơi nào hay quốc gia nào. Vì là những linh hồn có trình độ tiến hóa cao thượng nên họ sẽ không chịu ăn thịt cá, chỉ ăn rau đậu, ngũ cốc. Nếu cha mẹ để ý, nhận biết như thế và giúp đỡ trẻ con phát triển tự nhiên, họ sẽ góp phần không nhỏ trong việc phụng sự thế gian. Ngoài ra, để cảnh tỉnh nhân loại về việc sát sinh, giết chóc này, thời gian sắp đến sẽ có những bệnh tật kỳ lạ, những chứng truyền nhiễm ghê gớm bắt nguồn từ sự giết chóc và ăn thịt súc vật gây ra. Các chứng bệnh này sẽ lan tràn và ảnh hưởng khắp nơi cho đến khi nào số người ăn thịt cá giảm hẳn đi thì bệnh này mới giảm bớt và sự thay đổi thực sự mới xảy ra được".

Hiền triết Kuthumi cho biết thêm: *"Trước khi một nền văn minh phù hợp với trình độ tiến hóa mới được thành lập thì hoàn cảnh xã hội hiện tại sẽ phải phát triển đến cực điểm. Tất cả những điều hay cũng như dở, tốt cũng như xấu đều phải phát triển mạnh mẽ vì trước khi sự suy tàn xảy ra, nó phải lên đến tột đỉnh đã. Nền văn minh vật chất có tiến bộ cực thịnh và mang lại cho con người nhiều khổ đau thì khi đó họ mới biết quay về với phần tinh thần. Trong tương lai sẽ có những biến cố lớn lao xảy ra, mỗi ngày một mãnh liệt hơn trước và nó sẽ làm đảo lộn tất cả các quan niệm sẵn có trước khi một trật tự mới được thành lập. Con người trong tương lai sẽ phát triển về trí tuệ thay vì lý trí như hiện nay. Chỗ nào có sự suy luận, nơi đó có sự chia rẽ; và chỗ nào có trí tuệ, nơi đó có sự hợp nhất. Con người trong tương lai sẽ không chú trọng nhiều đến những sự kiện vật chất mà dành thời giờ cho việc phát triển tâm linh. Các sự kiện mà ngày nay người ta chưa tin tưởng như đời sống bên kia cửa tử, các cõi giới trong hư không, sẽ là những sự kiện bình thường mà ai cũng biết. Xã hội trong tương lai sẽ là một nền văn minh mà trong đó việc dinh dưỡng được phổ biến rộng rãi vì mọi người đều ăn chay trường, không còn có sự giết hại thú vật nữa. Nhờ thế, con người trong tương lai rất ít bệnh tật. Khi thể xác không còn hữu dụng nữa, họ quyết định rời bỏ thân xác chứ không chết một cách bất ngờ như người ngày nay. Nhờ những liên hệ từ trước mà họ sẽ liên lạc với những người thân, tìm một gia đình nào đó để đầu thai vào. Sau khi được sự ưng thuận, họ nằm yên, nhắm mắt lại và lìa bỏ xác thân một cách êm ái. Họ sẽ bước qua cõi giới bên kia cửa tử để ôn lại những điều cần phải học trước khi đầu thai vào nơi chốn mà họ lựa chọn. Đặc điểm của nhân loại trong tương lai là giàu lòng thiện cảm trước các hoạn nạn của người khác. Họ sẵn sàng giúp đỡ và hy sinh cho người khác một cách tự nhiên, không hề đắn đo suy tính lợi hại như người ngày nay. Vào khoảng sáu trăm năm nữa sẽ có nhiều thay đổi, khi đó tôn giáo và khoa học không còn là hai ngành đối chọi nhau nữa mà hợp nhất để cùng dẫn đến mục đích chung là phụng sự nhân loại".*

CHƯƠNG 12

Để thúc đẩy sự tiến hóa cho giai đoạn sắp đến, các đấng cao cả đã hoạt động không ngừng để giúp đỡ nhân loại bằng cách ban rải những luồng thần lực đặc biệt để tạo cảm hứng cho những người có tâm hồn hướng thượng. Khi đón nhận được luồng thần lực này, họ sẽ sáng tạo được những công trình khoa học, nghệ thuật đặc biệt để góp phần vào sự phát triển của nhân loại nói chung. Lịch sử đã ghi nhận công trình làm phong phú gia tài văn hóa của nhân loại bởi các triết gia, khoa học gia và nghệ sĩ bằng các tư tưởng thanh cao, các tác phẩm nghệ thuật làm đẹp cho đời sống con người. Bất cứ công trình nào đề cao sự học hỏi, hiểu biết các chân lý hằng có trong vũ trụ, đều là những công trình góp phần thúc đẩy sự tiến hóa của nhân loại và giá trị của nó sẽ tồn tại với thời gian.

Theo các hiền triết trên Tuyết Sơn, địa cầu được phân chia ra những vùng rộng lớn, mỗi vùng được giao phó cho một vị chân tiên (Asekha) trông nom. Các vị này có nhiệm vụ săn sóc và dìu dắt mọi sinh vật trong vùng. Những vùng này không phân chia theo địa dư, chính trị hay quốc gia mà phân phối theo sự tiến hóa của các sinh vật sống trong đó. Từ cõi giới cao cả, các vị này ban rải thần lực của mình, hoặc rút các thần lực vĩ đại trong thiên nhiên để phân phối cho các sinh vật trong vùng. Một người có đời sống lý tưởng, biết làm các việc có ích lợi chung thì vô tình đã góp phần vào công việc của các đấng chân tiên này và sẽ được các ngài hỗ trợ một cách kỳ diệu. Nếu để ý quan sát những người đang giúp đỡ nhân loại như một bác sĩ săn sóc bệnh nhân, người thiện nguyện làm việc thiện nguyện xã hội, người nghệ sĩ phục vụ nghệ thuật thì chúng ta sẽ thấy tất cả đều làm việc một cách hăng say, tận tâm, và vui sướng, không quản ngại cực nhọc, khó khăn. Tại sao họ có thể làm việc ngày đêm không mệt mỏi như thế? Ai đã ban cho họ nguồn cảm hứng và năng lực phi thường đó? Tại sao những người làm việc vì miếng cơm manh áo thường mệt mỏi, mất năng lực trong khi người làm việc phụng sự lại hăng say, có

nhiều năng lực như thế? Phải chăng họ đã nhận được các nguồn cảm hứng và thần lực hỗ trợ một cách tế nhị mà không hề hay biết?

Thật ra, sự sống bên trong của mọi cá nhân giống như một hạt giống đang chờ đợi cơ hội nảy mầm vì nguyên lý tiến hóa đã có sẵn trong đó rồi. Nếu một hạt giống nhờ nước làm nảy mầm và nhờ ánh sáng mặt trời làm phát triển thành một cái cây, thì trong mỗi cá nhân cũng có những mầm mống tốt đẹp đang chờ đợi một sự kêu gọi, giúp đỡ nào đó để phát triển. Một hành động thiện lành, dù nhỏ bé, cũng có thể là giọt nước làm nảy mầm một hạt giống; một lời nói chân thành có thể cảnh tỉnh những người xung quanh khiến họ biết quay về đường ngay nẻo chánh. Hiền triết Kuthumi cho biết: *"Khi một người biết hiến mình vào việc phụng sự, cho ích lợi chung của nhân loại thì họ không phải lo lắng bất cứ việc gì nữa. Khi đã góp phần vào việc phụng sự thiên cơ của các đấng cao cả thì các ngài sẽ lo liệu chu toàn cho họ".*

Vì thế giới tương lai sẽ khác hẳn thế giới ngày nay và nhân loại trong tương lai sẽ có trình độ hiểu biết khác xa với nhân loại ngày nay, nên từ lâu đã có những hoạt động âm thầm gieo rắc những mầm mống tư tưởng cao thượng để chuẩn bị và thúc đẩy sự tiến hóa của nhân loại. Song song với việc đó là những tác động hủy hoại làm thay đổi, đảo lộn mọi giá trị hiện hữu vì chỉ trong sự suy tàn, đau khổ mà người ta ý thức được những giá trị cao cả. Do đó, trước khi thời đại hoàng kim này xảy ra, nhân loại còn phải trải qua một thời kỳ hắc ám, suy đồi để phá tan những giá trị vật chất giả tạo trước khi một giá trị cao cả về tâm linh được đề xướng. Đây là lúc nhân loại sẽ ý thức rằng mọi đau khổ của thế gian hiện nay đều bắt nguồn từ lòng ích kỷ, tham lam do sự thiếu tình thương mà ra. Nếu mọi người đều biết thương yêu và đối xử với nhau như anh em, không phân biệt quốc gia, chủng tộc, tôn giáo thì tất cả mọi mâu thuẫn, tranh chấp sẽ tiêu tan và một thời đại huy hoàng sẽ đến với nhân loại. Do đó, những người hiểu biết cần nỗ lực tu sửa tâm tính để chuẩn bị cho giai đoạn sắp đến. Nhiều người cho rằng việc này đòi hỏi một trình độ hiểu biết cao siêu hay một kỷ luật sắt đá nào đó nhưng thật ra điều này không đúng vì chân lý không phải những điều vượt khỏi tầm hiểu biết của con người mà trái lại nó rất giản dị và có thể áp dụng cho tất cả mọi người. Sau đây là một vài quy tắc căn bản:

1/ Để chuẩn bị cho việc tu tâm sửa tính, con người cần phải có một kiến thức căn bản về các định luật vũ trụ như Luân hồi, Nhân quả, Tiến hóa... Các định luật này vẫn được trình bày dưới hình thức này hay hình thức khác qua các tôn giáo, hoặc tùy theo kinh

nghiệm học hỏi và hiểu biết cá nhân. Thí dụ, một người không tin Nhân quả nghĩ rằng họ có thể làm bất cứ điều gì họ muốn mà không bị trả giá gì thì chắc chắn sẽ gặp những hậu quả hết sức bất ngờ về việc làm của mình. Cũng như thế, một người sống tham lam, ích kỷ sẽ thấy rằng sự thỏa mãn nhu cầu vật chất không thể đem lại hạnh phúc thật sự, vì nó không bao giờ thỏa mãn được sự khát khao của phần tinh thần bên trong. Càng thỏa mãn vật chất, lòng tham lại giục họ phải tìm kiếm thêm, được cái này lại đòi cái khác và cứ thế cho đến khi chết. Lòng tham không ngừng ở đây mà tiếp tục chi phối và thúc đẩy họ lao đầu vào những tham vọng vật chất trong vô số kiếp sống luân hồi. Chỉ khi nào họ biết rằng các ao ước vật chất không bao giờ chấm dứt vì nó thật sự không phải là mục đích của cuộc đời mà chỉ có sự thỏa mãn nhu cầu tinh thần thì mới mang lại sự bình an thật sự. Đến khi đó họ mới ý thức rằng con người thật vốn thuộc về phần tâm linh chứ không phải vật chất.

Nếu vì lý do gì mà người ta vẫn chưa thể hiểu được các định luật vũ trụ nói trên một cách rõ ràng thì ít ra họ cũng nên tin rằng đây là những điều căn bản nên tuân giữ để có một đời sống bình an, thoải mái. Luật Tiến hóa định rằng con người chỉ có thể đạt đến sự toàn thiện bằng cách sống một cuộc đời tốt lành, tuân theo các định luật hằng có trong vũ trụ. Họ sẽ trải qua vô số kiếp sống để học hỏi các bài học cần thiết, để tiến bộ và phát triển cho đến khi đạt đến trình độ toàn thiện. Càng học hỏi, họ càng thấy rõ sự công bình của các định luật vũ trụ. Một khi biết tuân phục và sống theo những luật này thì họ sẽ tìm được mục đích cao cả thật sự của đời sống.

2/ Ngoài việc hiểu biết các định luật vũ trụ, con người cần biết hướng tư tưởng vào các điều cao thượng, tốt lành, không để tư tưởng tham lam, ích kỷ lôi cuốn. Trong đời sống xã hội hiện nay, hầu như ai cũng bị chi phối bởi nếp sinh hoạt đầy náo động nên việc giữ cho tâm hồn điềm đạm, không xáo trộn rất khó. Một trong những phương pháp tĩnh tâm là việc tu tập thiền định mà tôi đã đề cập ở phần trên nhưng không phải ai cũng có thể thực tập theo phương pháp này. Do đó, tôi thường khuyến khích một số người nên tập trung tư tưởng vào hình ảnh các đấng giáo chủ của họ như Đức Jesus hay Đức Phật, rồi tự hỏi: Tôi phải làm gì để sống một cuộc đời như các ngài? Tôi phải thay đổi thế nào để có thể biểu dương được sự tốt lành của các ngài cho người xung quanh? Những tư tưởng này sẽ giúp cho tâm hồn họ trú vào một mục đích rõ ràng, không để ý nghĩa xấu xa lôi cuốn. Một khi tư tưởng trong sạch, không có ác ý thì người ta sẽ không thể hành động khác được. Một tư tưởng trong sạch còn là việc chỉ nhìn thấy sự

thật mà thôi. Muốn thế, người ta cần gạt bỏ các dư luận, thành kiến để nhìn thẳng vào sự thật như nó là.

Đa số mọi người thường dễ dãi, không chú ý nên dễ bị các thành kiến lôi cuốn. Một khi họ nghĩ là người nào đó xấu thì tất cả hành động, lời nói của người đó đều xấu xa. Hiển nhiên con người vốn bất toàn, có cả tính tốt lẫn tính xấu, nhưng tại sao chúng ta chỉ để ý đến tính xấu của người đó mà quên rằng họ còn có những tính tốt nữa? Chúng ta chỉ nhìn thấy một khía cạnh nào đó rồi đi ngay đến kết luận, do đó tư tưởng của chúng ta không chân chính, không nhân từ và không đúng. Đức Jesus đã dạy: "Tất cả mọi người đều là con của Thượng Đế", nếu thực sự tin Ngài tại sao anh em cùng cha lại có thể oán ghét lẫn nhau? Giáo lý của Đức Jesus là những bài giảng về tình yêu thương tuyệt vời, nhưng tại sao những người muốn noi gương Ngài chẳng có được những tư tưởng yêu thương và bao dung như Ngài?

3/ Ngoài việc hướng tư tưởng lên những điều cao thượng, con người cần ý thức để làm chủ lời nói vì ngôn ngữ là phương tiện chính trong sự truyền thông giữa con người với nhau. Chỉ nên nói điều lành và đúng với sự thật chứ không nên nói điều xấu về người khác. Phần nhiều câu chuyện thuật lại về một người nào đó thường không đúng sự thật và nếu người ta tiếp tục lặp lại điều này, thì lời nói của người đó sẽ không đúng. Như thế là họ tự làm hại chính mình, vì đã tạo một nhân xấu và bất cứ nhân nào cũng mang lại hậu quả tương tự. Dù điều đó có thật chăng nữa, nhưng người lặp lại điều đó cũng vẫn sai, bởi vì họ không giúp ai khi lặp lại những điều quấy của người khác. Do đó, con người cần tập thói giữ im lặng, không đề cập gì đến những việc vô ích đó. Nhiều người quan niệm rằng người lịch sự phải biết ăn nói vì im lặng là quê mùa, là thiếu xã giao nên hễ gặp ai là họ nói huyên thuyên không dứt. Thật ra người lịch sự là người biết nghe chứ không phải người biết nói. Đức Jesus đã cảnh cáo: "Mỗi lời nói dư thừa, vô ích mà các con thốt ra thì các con sẽ phải trả lời vào Ngày Phán Xét Cuối Cùng". Nếu tin Ngài, tại sao chúng ta có thể tiếp tục ăn nói bừa bãi như thế được?

4/ Ngoài việc giữ gìn tư tưởng và lời nói cẩn thận, con người cần hành động một cách ngay thẳng, chân chính, và đúng với lương tâm. Cả ba điều: suy nghĩ, nói năng và hành động liên quan đến nhau rất chặt chẽ, vì nếu đã giữ cho tư tưởng trong sạch, lời nói ngay thẳng thì làm sao con người có thể làm những điều trái với lương tâm cho được? Trước khi hành động, con người cần phải cân nhắc xem việc làm đó có gây thiệt hại cho ai không. Trong xã hội vội vã ngày nay, nhiều người thường hành động bừa bãi,

không ý thức mà không biết rằng mọi hành động đều mang lại kết quả và một việc làm cẩu thả sẽ mang lại hậu quả không tốt cho mình và cho người khác. Không làm điều ác cũng chưa đủ, mà còn phải tích cực làm điều lành nữa. Đức Phật đã dạy: "Tránh làm điều ác, chỉ làm việc lành". Nếu đã tin Ngài, tại sao chúng ta có thể làm khác được?

Theo tôi, một hành động ngay thẳng là một hành động đúng đắn, không vụ lợi, không ích kỷ và như thế đã là hành động có tính cách phụng sự thế gian rồi. Nhiều người cho rằng phụng sự phải là những việc to tát, lớn lao chứ ít ai biết rằng suy nghĩ, nói năng và hành động đúng với sự thật chính là những viên đá lót đường để xây dựng một xã hội đầy thương yêu và tốt lành cho tương lai. Một số người khác cho rằng những điều tôi trình bày kể trên quá giản dị, tầm thường, không thể đổi thay gì được. Họ chủ trương muốn thay đổi phải có những công trình to tát, vĩ đại, cao siêu nhưng phải chăng nhân loại đã có quá nhiều công trình vĩ đại như thế rồi? Nếu quan sát, chúng ta sẽ thấy có khi những việc làm lớn lao lại là những việc làm đầy ích kỷ vì người chủ xướng thường ao ước sẽ đạt được một cái gì đó, nếu không phải là lợi thì cũng là danh. Phụng sự nhân loại không phải là những việc to tát, vĩ đại mà là những việc có tính cách không vụ lợi. Đừng nghĩ đến việc chúng ta thích làm hay muốn làm mà hãy nghĩ đến những việc chúng ta cần phải làm, dù việc đó nhỏ bé tầm thường đến đâu. Chúng ta cần biết rằng lời nói, tư tưởng và hành động của mỗi cá nhân đều ảnh hưởng ít nhiều đến những người khác. Hãy thử tưởng tượng một xã hội mà trong đó mọi người đều chỉ làm việc không toan tính vụ lợi, nói năng hòa nhã, lễ phép trong tinh thần tương thân tương ái thì xã hội đó sẽ tốt đẹp như thế nào?

Chúng ta cần biết rằng hành động không phải là một khả năng của con người nhưng là một quyền năng được Thượng Đế giao phó cho con người để họ sử dụng và họ phải chịu trách nhiệm về việc làm của mình. Quyền năng này là những lợi khí để con người chia sẻ, giúp đỡ lẫn nhau để xây dựng một thế giới mà trong đó tình thương là căn bản chính. Vũ trụ này được tạo dựng do tình thương và chỉ tồn tại trong tình thương mà thôi. Bất cứ một hành động nào cũng phải phản ảnh sự yêu thương này vì nếu sử dụng vào mục đích khác, nó là sự lạm dụng quyền năng và con người sẽ phải trả một giá rất đắt cho sự lầm lạc của mình.

5/ Ngoài việc tu tâm sửa tính, con người cần biết lựa chọn những nghề nghiệp chân chính, những phương tiện sinh nhai không làm tổn nhân hại vật, hay gây thiệt hại cho bất cứ sinh vật nào. Hiển nhiên, những nghề như mổ thịt, bán rượu không phải là những

nghề mang lại quả tốt, vì làm thương tổn đến đời sống các sinh vật khác. Nhiều người cho rằng họ phải làm việc để kiếm sống nhưng họ có quyền lựa chọn nghề nghiệp và những việc gây đau khổ cho sinh vật khác sẽ tạo hậu quả khổ đau cho chính họ.

Ngoài ra, dù làm những nghề nghiệp chân chính nhưng với tâm địa bất lương cũng trở thành bất chính vì những hậu quả của nó. Một giáo sư không tận tâm dạy dỗ mà chỉ lo quát mắng, đối xử bất công với học trò sẽ đào tạo những thế hệ học trò hung hăng, bạo động. Một y sĩ không tận tâm săn sóc bệnh nhân mà chỉ lo trục lợi sẽ gặt hái những hậu quả bất lợi về sau. Người bán hàng biết rõ phẩm chất món hàng hơn ai hết nhưng nếu hàng xấu mà nói là hàng tốt thì họ đã làm trái với lẽ phải rồi và việc buôn bán không còn là một nghề chân chính nữa mà trở thành một việc lừa bịp. Khi được người khác tin thì đó là một vinh dự mà mình phải đền đáp cho xứng đáng vì một người hiểu biết phải ý thức rằng nghề nghiệp không phải chỉ là việc làm để kiếm sống mà còn là một thiên chức, một bổn phận đối với xã hội.

6/ Ngoài việc tu tâm sửa tính và làm những nghề nghiệp chân chính, con người còn có bổn phận phải gìn giữ sức khỏe và năng lực nơi mình. Đa số con người được sinh ra với những năng lực thể chất cũng như tinh thần và họ cần biết tiết kiệm, không phung phí những năng lực này vì hành động là quyền năng và lạm dụng quyền năng sẽ đem lại hậu quả đáng tiếc.

Để sinh sống, con người phải ăn uống nhưng không nên lạm dụng để tránh mắc phải những căn bệnh mà nguyên nhân khởi sự từ việc ăn uống bừa bãi này. Ăn uống quá nhiều tức là lấy đi phần ăn của người khác. Trong thiên nhiên, mọi việc đều quân bình tuyệt đối, kể cả số lượng thực phẩm cần thiết để nuôi dưỡng tất cả mọi sinh vật. Sở dĩ có nạn đói kém là vì những quốc gia giàu mạnh đã tiêu thụ thực phẩm phung phí, bừa bãi tạo ra sự mất quân bình. Nếu quan sát, chúng ta sẽ thấy mỗi khi có nạn đói kém xảy ra thì tại các quốc gia khác, số người mắc bệnh do hậu quả của việc ăn uống bừa bãi cũng gia tăng rất nhiều. Trong các xã hội văn minh, nhiều người ăn uống cẩu thả và thiếu ý thức. Không những họ tiêu thụ rất nhiều mà còn luôn luôn đòi hỏi của ngon, vật lạ; do đó số người mắc các bệnh nan y cũng gia tăng trầm trọng. Người ta đổ lỗi cho vi trùng, cho vấn đề vệ sinh và môi sinh nhưng không ai chịu nhận trách nhiệm về nhu cầu bao tử của chính mình. Một người hiểu biết cần ý thức rõ về vấn đề dinh dưỡng này và hậu quả của nó. Không những để tránh bệnh tật mà còn để mở rộng lòng thương đến những người kém may mắn, không đủ ăn đủ mặc. Sự tiết kiệm thực phẩm, ăn uống vừa đủ là một kỷ luật giúp

con người bớt các ham muốn vật chất, bớt đi các tư tưởng tham lam, ích kỷ và giúp ích cho sức khỏe của chính họ.

7/ Sau hết, con người cần dành thời giờ để tự kiểm thảo và quán xét nội tâm. Chúng ta cần biết rõ ta là ai, có bổn phận gì, đóng vai trò gì trong hoàn cảnh hiện tại, và phải làm những gì để xứng đáng với địa vị một con người trong xã hội. Đời sống là một chuỗi kinh nghiệm, vui cũng như buồn, khổ cũng như sướng nhưng con người phải biết lựa lọc ra những điều để học hỏi, để suy gẫm, để rút tỉa kinh nghiệm. Phải biết sống làm sao cho thoải mái, hồn nhiên, biết tha thứ, xả bỏ những điều người khác làm phiền đến mình và ghi nhớ những điều tốt đẹp mà họ làm cho mình để cho tâm hồn tràn đầy lòng biết ơn. Sống trong xã hội là nặng nợ với nhân quần, chúng ta cần biết ơn tất cả mọi người. Từ miếng cơm, manh áo đến vô vàn các sản phẩm khác đều là sản phẩm của xã hội; và một khi trong lòng ta tràn đầy sự biết ơn này, chúng ta sẽ nhìn xã hội với một quan niệm khác hẳn.

Tóm lại, để được sống trong một thế giới tốt đẹp với trình độ tiến hóa cao cả của chu kỳ sắp đến, người ta cần tu sửa thân tâm ngay trong lúc này. Nếu tất cả mọi người cùng tu sửa và giúp đỡ nhau tiến bước thì đường đi đến thế giới tương lai đó sẽ là một lộ trình không xa.

PHẦN KẾT

Người xưa có câu *"Biển xanh bao nhiêu thành ruộng dâu"* để chỉ những đổi thay theo thời gian vì sự thay đổi là điều tất yếu trong lịch trình tiến hóa của nhân loại. Ngày nào châu Lemuria rộng lớn còn nằm vắt ngang trái đất dọc theo đường xích đạo mà nay đã tan rã thành vô số những đảo nhỏ trên Thái Bình Dương! Ngày nào đại lục Atlantis hùng vĩ với những kiến trúc xây theo hình kim tự tháp bằng vàng chói lọi mà nay đã chìm sâu trong lòng đại dương, không để lại dấu tích gì! Tất cả đều thay đổi, tất cả đều vô thường, tất cả đều tan rã theo thời gian, cát bụi sẽ trở về với cát bụi vì có thịnh ắt phải có suy, có thành ắt phải có hoại và đó chính là định luật vĩnh viễn, không thay đổi của vũ trụ. Tuy nhiên, luật vũ trụ cũng định rằng có hủy hoại thì mới có phát sinh, có diệt thì mới có thành do đó đã có những nền văn minh suy tàn rồi lại phát triển ở một thời điểm khác nhau theo sự biến thiên của luật Chu kỳ, mỗi chu kỳ là một sự thay đổi, tiến hóa để đi đến chỗ toàn vẹn và hợp nhất. Châu Lemuria có tan vỡ thì mới có châu Á và châu Úc; nền văn minh Atlantis có suy tàn thì mới nảy sinh nền văn minh Ai Cập và Nam Mỹ.

Ngày nay con người văn minh thường tự hào có thể chế ngự được thiên nhiên và kiểm soát mọi thứ; nhưng đó chỉ là một ảo vọng ngông cuồng của những người chưa hiểu biết mà thôi. Nếu họ hiểu rằng con người chỉ là những sinh vật bé nhỏ sống bám vào những giải đáp mong manh trên mặt địa cầu và chỉ một thay đổi về địa chấn là tất cả đều biến chuyển. Luật Chu kỳ cho thấy các giống dân và những nền văn minh cổ đã phát triển và suy tàn theo biến chuyển về địa chấn thì chắc chắn trong tương lai điều này sẽ xảy ra chứ không thể khác được. Hiện nay, con người văn minh đang phá hoại trái đất, hủy diệt môi sinh, tiêu diệt các sinh vật khác một cách thản nhiên không thương tiếc mà không ý thức rằng họ đang thúc đẩy những đổi thay địa chấn để nó xảy ra nhanh hơn bao giờ hết.

Có người đã hỏi phải chăng tôi muốn trình bày một lý thuyết mới hay một hình thức tin tưởng mới khi viết cuốn sách này. Tôi xin khẳng định rằng tất cả những điều mà tôi đã trình bày hoàn toàn không có gì mới lạ, mà trái lại, nó xưa như trái đất. Tất cả những điều này đã được giảng dạy trong những đạo viện thời cổ ở Trung Hoa, Ba Tư, Tây Tạng, Ai Cập, Hy Lạp cho những người đã được tuyển chọn cẩn thận. Người ta có thể tìm thấy những quy tắc này trong kinh điển các tôn giáo lớn nếu họ chịu khó quay về, tìm đọc để hiểu biết và thực hành những lời giảng dạy cao cả của các đấng giáo chủ sáng lập. Tôi không có ý đưa ra một điều gì mới lạ mà chỉ trình bày những luật vũ trụ căn bản như Luân hồi, Nhân quả và Tiến hóa, những điều đã được truyền dạy từ hàng ngàn năm nay rồi. Nhiều người có lẽ vì hiếu kỳ và tò mò chỉ muốn biết về những điều huyền bí, kỳ lạ chứ không muốn nghe những điều gì bình thường, giản dị nhưng luật vũ trụ đâu phải những từ chương để phê bình hay bàn luận. Thượng Đế không sáng tạo vũ trụ để mua vui hay giải trí. Ngài không đặt ra các định luật để con người nghiên cứu mà để các con của Ngài sống theo đó mà biết tìm đường trở về hợp nhất với Ngài.

Nhân loại hiện nay đang tiến bộ hay tha hóa? Có người cho rằng con người đã tiến rất xa qua những phát minh, khám phá và tiện nghi vật chất nhưng cũng có người cho rằng con người đã thoái hóa rất nhiều vì đời sống ngày nay không còn thoải mái êm đềm như trước. Hiển nhiên, nếu dựa trên tiêu chuẩn khoa học thì con người đã tiến rất nhiều so với mấy trăm năm trước nhưng khoa học có phải là giải pháp cho đời sống con người không? Khoa học có thực sự mang lại hạnh phúc cho con người hay không? Tại sao xã hội càng văn minh, con người lại càng đau khổ; quốc gia càng tiến bộ, con người càng cảm thấy bất mãn, khó chịu? Vì quá tin tưởng vào những hào nhoáng của khoa học mà con người đã quên rằng khoa học chưa hề giải quyết được những mong muốn căn bản của con người. Trong những thế kỷ qua, đã có rất nhiều lý thuyết khoa học được đề xướng, thay thế những lý thuyết cũ đã lỗi thời. Trong tương lai, những lý thuyết khoa học ngày nay chắc chắn sẽ thay đổi và những gì xây dựng trên nền tảng cũ sẽ bị đào thải. Cứ thế, con người tiếp tục chạy theo hết lý thuyết này đến lý thuyết khác và đời sống bị biến thành một phòng thí nghiệm với những cuộc thí nghiệm không bao giờ chấm dứt. Phải chăng những lý thuyết khoa học phát xuất từ những đầu óc đầy lý luận chỉ là những lớp sơn phết bên ngoài để che đậy cho sự hư hỏng đã rỉ sét từ bên trong? Người ta đã làm những cuộc thí nghiệm bằng cách thay đổi chính thể, luật pháp, kinh tế, xã hội cũng như tôn giáo nhưng sự đổi thay này đã mang lại những gì ngoài các cảm

giác hoang mang, sợ hãi, bất an, thù hận, bạo động và chia rẽ? Phải chăng sự đổi thay thật sự chưa xảy ra vì con người chưa biết đi tìm đúng chỗ mà vẫn lao đầu vào những phiêu lưu, mạo hiểm của các lý luận khoa học đầy sôi nổi?

Để giải quyết vấn đề hiện tại của nhân loại, con người cần phải biết quay về, giở lại những trang sách cũ, để ôn lại những lời dạy bảo của các đấng Giáo chủ và hiểu rõ những lời dạy của các Ngài về các định luật của vũ trụ. Chỉ khi nào con người hiểu rõ được sự liên quan giữa con người với nhau, giữa con người với Thượng Đế, biết rõ các cõi giới trong thiên nhiên, về đời sống sau khi chết thì họ sẽ ý thức rằng con người thật sự chính là phần tâm linh luôn luôn sáng ngời, là điểm linh quang của Thượng Đế, là một sự sống bất diệt chứ không phải cái thể xác hữu hình nay còn mai mất này. Chỉ khi nào con người hiểu biết rõ về sự tạo lập vũ trụ, về các định luật vũ trụ như luật Chu kỳ, Tiến hóa, Luân hồi, Nhân Quả và biết theo đó để tu sửa, để thay đổi sống thuận theo cơ tiến hóa thiêng liêng thì họ sẽ hiểu được mục đích và ý nghĩa của cuộc sống.

Tương lai của nhân loại sẽ hoàn toàn tùy thuộc vào mức độ hy sinh, thành tâm, nhất là kiến thức và minh triết mà mỗi người kinh nghiệm được vì sự trưởng thành về tâm linh con người sẽ xảy ra một cách tự nhiên cùng với sự hiểu biết để biến thế giới đầy tranh chấp, hận thù này thành một thế giới tràn đầy tình thương. Vũ trụ này được lập ra bởi tình yêu thương, do yêu tình thương và chỉ tồn tại trong tình yêu thương chân thành mà thôi.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. The masters and the path

2. The science of the sacraments

3. Inner life

4. The astral plane

5. The chakras

6. The hidden side of things

7. Dream: what they do

8. Life after death

9. Man: visible and invisible

10. Beginning of the sixth root race

11. Reincarnation

12. Thought forms

13. Man: whence, how and whither